

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

KINH

ĐẠI PHẬT ĐẢNH
NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHÚNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH

首楞嚴經

THỦ LĂNG NGHIÊM
ŚŪRAMGAMA-SŪTRA
(VI)

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

KHAI KINH KỆ

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇。
我今見聞得受持
願解如來真實義。

*Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.*



*Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe được chuyên trì tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.*

TÁM QUY LUẬT CỦA VIÊN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN



- ❁ Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
- ❁ Dịch giả phải tu thân dưỡng tánh, dứt bỏ thói cao ngạo.
- ❁ Dịch giả phải tự chế, không được tự khen ngợi mình mà chê bai kẻ khác.
- ❁ Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.
- ❁ Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
- ❁ Dịch giả phải dùng trạch pháp nhãn để phán xét đâu là chân lý.
- ❁ Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao tăng, Đại đức mười phương chứng minh cho bản dịch.
- ❁ Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phần phiên dịch của mình được chứng minh là đúng.

PHẦN CHÍNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI

NHĨ CĂN
Quán Thế Âm Bồ-tát

Kinh văn:

爾時觀世音菩薩即從座起，頂禮佛足
而白佛言。

*Nhĩ thời Quán Thế Âm Bồ-tát tức từng toà khởi,
đảnh lễ Phật tức nhi bạch Phật ngôn:*

Việt dịch:

**Lúc bảy giờ Bồ-tát Quán Thế Âm liền từ chỗ
ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát dưới chân Đức Phật, rồi
bạch Phật rằng:**

Giảng giải:

Phần trước, Bồ-tát Đại Thế Chí đã trình bày cách thức tu tập pháp môn niệm Phật. Đó là phương pháp rất thích hợp cho mọi người trong thời đại ngày nay. Phương pháp ấy rất có hiệu quả. Sao vậy? Trong kinh dạy chúng ta rằng vào thời mạt pháp, trong một triệu người tu tập, thậm chí chưa có được một người ngộ đạo. Nhiều người tu tập nhưng ít có người được chứng ngộ. Thế thì chúng ta phải làm sao? Đừng bận tâm. Kinh có dạy rằng, “*Chỉ nhờ vào pháp môn niệm Phật, mà mọi chúng sinh đều được độ thoát.*” Phương pháp niệm Phật rất dễ thực hành. Bằng cách thực hành niệm Phật, chúng

ta sẽ được thoát khỏi ba cõi theo chiều ngang, và đời nghiệp vãng sanh.¹

Thế nào là nghĩa thoát khỏi ba cõi theo chiều ngang? Cũng giống như loài côn trùng sống trong ống tre, nếu nó đục xuyên theo chiều dọc thân tre, nó phải đi qua các lóng mắt, phải mất thời gian rất lâu. Thay vì vậy, nếu loại côn trùng ấy biết cách gặm một lỗ ở bên thân tre, thì nó sẽ ra khỏi được ống tre một cách rất dễ dàng. Người niệm Phật cũng giống như loài côn trùng thoát ra khỏi ống từ bên thân cây tre; họ thoát ra khỏi ba cõi theo chiều ngang—đúng với tầm mức của họ. “Đời nghiệp vãng sanh,” nghiệp mà mọi người đang mang là nghiệp của đời trước, không phải của đời này—đó là nghiệp đã tạo, không phải là nghiệp mới. Điều này có nghĩa là trước khi quý vị biết được phương pháp niệm Phật, quý vị đã tạo ra các nghiệp chướng. Quý vị có thể mang các nghiệp ấy theo khi mình vãng sanh sang cõi Tịnh độ. Nhưng quý vị không được tiếp tục tạo nghiệp ác một khi quý vị đã biết niệm Phật, vì quý vị không thể mang nghiệp ác ấy theo được. Một khi quý vị đã biết niệm Phật, thì quý vị nên thay đổi cách sống. Đừng cố tạo nên các nghiệp xấu. Nếu làm như vậy, quý vị sẽ chất chồng ác nghiệp, gia trọng thêm chướng ngại. Đó gọi là “biết rõ mà cố phạm—*minh tri cố phạm*,” trong trường hợp đó, nghiệp chướng tăng gấp ba. Quý vị có thể mang nghiệp cũ để vãng sanh, nhưng nay quý vị đã hiểu được

¹ E: *horizontally*. Hán: Hoàn xuất tam giới, đời nghiệp vãng sanh.

Phật pháp, quý vị không thể nói rằng, “Ồ! Mình có thể niệm Phật, mặt kia mình có thể tạo nghiệp ác, vì trong tương lai mình có thể mang nghiệp đã tạo sang cõi Cực lạc với mình.”

Thật là sai lầm! Không những quý vị không thể nào mang nghiệp của mình đi, mà còn không thể nào vãng sanh về đó, vì quý vị sẽ bị chướng ngại bởi nghiệp của mình. Chúng ta là những người đã tin vào Đức Phật, phải nên thận trọng, đừng tạo thêm nghiệp chướng một khi chúng ta đã biết niệm Phật. Chương *Đại Thế Chí niệm Phật viên thông* này vô cùng quan trọng. Mọi người nên biết phương pháp niệm Phật chủ yếu là gì.

Tại sao chúng ta phải nên niệm Phật? Vì chúng ta có nhân duyên rất lớn với Đức Phật A-di-đà.

Đức Phật A-di-đà đã thành Phật cách đây 10 kiếp. Trước đó, ngài có pháp danh là Pháp Tạng tỷ-khưu. Lúc ấy, ngài phát 48 lời nguyện. Trong lời nguyện thứ 13 và 14, ngài phát nguyện: “*Nếu có chúng sinh nào trong khắp mười phương niệm danh hiệu của tôi mà không thành Phật, tôi nguyện sẽ không thành chánh giác.*” Nói cách khác, nếu có chúng sinh nào niệm danh hiệu ngài mà không được thành Phật, thì ngài nguyện sẽ không thành Phật. Và do nguyện lực của Đức Phật A-di-đà, mọi người ai niệm danh hiệu của ngài thì đều được vãng sanh vào thế giới Cực lạc.

Pháp môn Tịnh độ là một trong năm tông phái của đạo Phật Trung Hoa.

1. Thiền tông (dhyāna).
2. Giáo tông.
3. Luật tông.
4. Mật tông.
5. Tịnh độ tông.

Tịnh độ tông sẽ là tông phái còn tồn tại sau cùng. Trong thế giới này, vào thời mạt pháp, Kinh Thủ-lăng-nghiêm sẽ bị biến mất trước tiên. Sau đó, các kinh khác cũng sẽ lần lượt bị biến mất, chỉ có kinh A-di-đà còn lại. Khi Kinh A-di-đà còn lưu lại trên thế gian, kinh sẽ độ thoát cho rất nhiều người. Sau hơn 1000 năm nữa, Kinh A-di-đà cũng bị biến mất hẳn.

“Thời mạt pháp” đơn giản có nghĩa là chánh pháp hoàn toàn biến mất hẳn. Một khi Kinh A-di-đà đã biến mất, chỉ còn lưu lại câu “*Nam-mô A-di-đà Phật.*” Câu nói phi thường này cũng sẽ độ thoát cho rất nhiều người; thế nhưng, sau 1000 năm nữa, nó cũng sẽ biến mất. Những gì còn lại chỉ là danh hiệu “*A-di-đà Phật,*” danh hiệu này cũng sẽ tồn tại trên thế gian một trăm năm nữa rồi cũng biến mất. Đến lúc đó, sẽ không còn Phật pháp lưu hành trên thế gian nữa. Trong khi chúng ta vẫn còn ở trước thời mạt pháp, chúng ta nên tu tập và giữ gìn những sự việc ở trong thời Chánh pháp. Đó gọi là “*Thỉnh Phật chuyển pháp luân.*”¹ Trong thời mạt pháp, chúng ta không nên sợ một khó khăn gian khổ nào. Tôi

¹ Trong Phổ Hiền hạnh nguyện. *Thất giả thỉnh chuyển pháp luân.*

không ngại khó khăn khi giảng pháp cho quý vị, và quý vị không nên sợ cực khổ khi đến nghe kinh. Hãy phấn chấn tinh thần lên! Đừng nói rằng mình mệt và phải đi nghỉ. Hãy quên chính mình vì đạo pháp. Hãy suy gẫm xem Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã sống trong núi Tuyết suốt sáu năm để tìm đạo như thế nào. Chúng ta không vào trong núi sống sáu năm, nhưng việc nhỏ nhất chúng ta có thể làm là tìm hiểu về đạo Phật. Hãy xem Phật pháp như là lương thực mà quý vị cần có để ăn vậy. “Nếu ta không đi nghe giảng kinh, cũng giống như vài ngày tới mình không có gì để ăn vậy.” Quý vị nên có suy nghĩ như vậy. “Ta phải đi nghe pháp. Ta chắc chắn phải tìm cách để hiểu đạo một cách chân xác.” Quý vị đi đâu để có được sự hiểu biết chân chính về Phật pháp? Quý vị phải thường nghe giảng kinh. Không nghe giảng kinh, quý vị không thể nào khai mở trí huệ. Đây là điều đặc biệt đúng đối với *Kinh Thủ-lăng-nghiêm*, vì đây chính là kinh khai mở trí huệ cho chúng sinh. Hãy lấy ví dụ như chương nói về pháp tu viên thông này do hai mươi lăm bậc thánh giảng giải. Có vị đã thành tựu đạo nghiệp của mình bằng pháp Hóa quang tam-muội. Có vị đạt được viên thông nhờ vào Phong đại, có vị nhờ vào Không đại. Có vị tu tập từ nhãn căn của họ và được thành tựu, và có vị tu tập từ nhĩ căn. Mỗi thứ trong sáu căn đều được các vị này hoặc vị khác dùng để tu tập. Mỗi phạm trú trong 18 giới đều được mỗi vị thể nhập và tu chứng. Nghe những đạo lý này, quý vị nên áp dụng vào cho chính mình.

Quý vị sẽ hỏi, “Con nên tu tập theo căn nào?” Đừng

nôn nóng. Chính nhĩ căn mà Bồ-tát Quán Thế Âm đã dùng để tu tập là tốt nhất đối với quý vị. Bồ-tát Quán Thế Âm đã thành tựu viên mãn công phu tu tập từ nhĩ căn, và ngài A-nan sẽ theo Bồ-tát Quán Thế Âm để tu tập pháp môn này. Chư Phật và Bồ-tát trong đời trước đã truyền lại cho chúng ta một pháp môn vi diệu, chúng ta nên theo pháp tu từ nhĩ căn để đạt được viên thông. Đây là phương pháp dễ nhất.

Lúc bảy giờ Bồ-tát Quán Thế Âm liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát dưới chân Đức Phật, rồi bạch Phật rằng:

“Quán” có nghĩa là tư duy, quán chiếu.

Dùng năng lực trí huệ quán sát, hành giả quán chiếu thế giới khách quan.

Với năng lực trí huệ, hành giả quán sát cảnh giới đang được quán chiếu. Năng lực quán chiếu của trí huệ vốn có sẵn trong tự tánh của Bồ-tát Quán Thế Âm. Thế giới khách quan được quán sát đó là những âm thanh phát ra từ mọi chúng sinh. Quý vị nên quán sát tiếng kêu của khổ đau, tiếng reo của hạnh phúc, âm thanh của điều chẳng khổ chẳng vui, âm thanh của cái thiện, âm thanh của cái ác, âm thanh của chân thực, âm thanh của hư vọng—nên quán chiếu tất cả mọi thứ âm thanh.

“Thế” là thế gian, trong ý nghĩa về thời gian—quá khứ, hiện tại, tương lai. Quán chiếu nhân và quả trong quá khứ của chúng sinh. Quán chiếu nghiệp mà chúng sinh đang tạo bây giờ. Quán chiếu quả báo mà chúng

sinh sẽ chịu trong tương lai. “Tại sao người kia phải khổ đau nhiều vậy?” Quý vị suy gẫm, và rồi nhận ra rằng: “Ồ! Trong đời trước, anh ta không hiếu thảo với cha mẹ và nói chung là không tốt với mọi người. Đó là lý do tại sao đời này quả báo của anh ta là đau khổ.”

Âm: Quán sát mọi âm thanh.

“Bồ-tát” có nghĩa là “người giác ngộ cho mọi chúng sinh—*giác hữu tình*.” Còn có nghĩa là “chúng sinh có đạo tâm rộng lớn—*chúng sinh đại đạo tâm*.” Bồ-tát còn được gọi là ‘chúng sinh đã giác ngộ—*hữu tình giác*’, đó là chỉ cho *tự giác*. Khi chúng ta nói rằng Bồ-tát là “người giác ngộ cho mọi chúng sinh—*giác hữu tình*,” là chỉ cho *giác tha*. Gộp hai nghĩa này lại, Bồ-tát là chúng sinh đã giác ngộ và muốn giúp cho mọi chúng sinh đều được giác ngộ.

Những việc Bồ-tát làm là tự giác ngộ cho mình và giác ngộ cho người khác, làm lợi lạc cho chính mình và lợi lạc cho người khác.

Quý vị là những người đang tu học Phật pháp, phải nên nhớ kỹ ý nghĩa về Bồ-tát. Đừng để như trường hợp có người chủ trì một hội nghị về “Tăng-già Hoà hợp,” nhưng khi có người hỏi “Tăng-già” là gì thì chỉ biết im lặng. Thật là không thể tưởng tượng được!

Kinh văn:

世尊，憶念我昔無數恒河沙劫。於時有佛出現於世，名觀世音。我於彼佛發菩提心。彼佛教我從聞思修入三摩地。

Thế tôn, ức niệm ngã tích vô số hằng hà sa kiếp. U thời hữu Phật xuất hiện ư thế, danh Quán Thế Âm. Ngã ư bi Phật phát bồ-đề tâm. Bi Phật giáo ngã tòng văn tu tu nhập tam-ma-địa.

Việt dịch:

Bạch Đức Thế tôn, con nhớ vào hằng hà kiếp từ thời quá khứ, lúc ấy có Đức Phật xuất hiện trên đời, danh hiệu là Quán Thế Âm. Con phát tâm bồ-đề từ Đức Phật đó. Ngài dạy con từ nghe, quán chiếu, tu tập mà thể nhập chánh định.

Giải thích:

Bồ-tát Quán Thế Âm bạch cùng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni rằng: Bạch Đức Thế tôn, con nhớ vào hằng hà kiếp từ thời quá khứ, lùi lại một khoảng thời gian rất dài—rất nhiều kiếp không thể tính đếm được như số cát trong sông Hằng, lúc ấy có Đức Phật xuất hiện trên đời, danh hiệu là Quán Thế Âm. Đây là Quán Thế Âm của thời quá khứ. Đó là Quán Thế Âm Như Lai, cũng đã tu tập viên thông nhờ vào nhĩ căn. Con phát tâm bồ-đề từ Đức Phật đó. Con phát tâm tu tập chứng đạo giải thoát. Ngài dạy con từ nghe, quán chiếu, tu tập mà thể nhập chánh định. Đức Phật Quán Thế Âm thời quá khứ dạy Bồ-tát Quán Thế Âm tiến trình văn tu tu. Đó là từ văn huệ, tư huệ và tu huệ mà thể nhập chánh định. “Tu” ở đây không có nghĩa là dùng sự suy nghĩ của thức thứ sáu. Đúng hơn, nó có nghĩa là dùng công phu toạ thiền mà tu tập.

Kinh văn:

初於聞中，入流亡所。所入既寂，動靜二相，了然不生。如是漸增，聞所聞盡。盡聞不住，覺所覺空。空覺極圓，空所空滅。生滅既滅，寂滅現前。

Sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở. Sở nhập ký tịch, động tĩnh nhị tướng liễu nhiên bất sanh. Như thị tiệm tăng, văn sở văn tận. Tận văn bất trụ, giác sở giác không. Không giác cực viên, không sở không diệt. Sanh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền.

Việt dịch:

Ban đầu, con ở trong tánh nghe, vào được dòng viên thông thì không còn trạng thái sở văn nữa, tướng sở nhập cũng vắng lặng, hai trạng thái động tịnh rõ ràng chẳng còn sanh. Tình trạng như vậy tăng dần, các tướng năng văn, sở văn đều hết sạch. Cũng không dừng trụ trong chỗ hết sạch năng văn, sở văn, đạt đến năng giác sở giác đều vắng lặng. Không giác viên mãn tốt bậc, thì các tướng năng không và sở không đều tịch diệt. Sinh diệt đã diệt, thì bản tính tịch diệt hiện tiền.

Giảng giải:

Ban đầu, con ở trong tánh nghe, vào được dòng viên thông thì không còn trạng thái sở văn nữa.

Với văn huệ, hành giả nghe cái bên trong, chứ không nghe cái bên ngoài. Không theo thanh trần có nghĩa là không truy đuổi theo chúng. Trước đây, kinh

văn đã nói không đuổi theo sáu căn và không bị sai sử bởi chúng. Điều này được gọi là:

Phản văn văn tự tánh— Quay tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình.

Quay tánh nghe vào bên trong có nghĩa là không nghe âm thanh bên ngoài, mà thay vì vậy, quay trở lại, hướng vào bên trong, để nghe tự tánh của mình. Có nghĩa là,

Nhiếp vào trong thân tâm của mình.

‘*Văn trung*—trong tánh nghe.’ Nên đặc biệt chú ý hai chữ này, chẳng phải là trong nhục nhãn, chẳng phải là trong nhĩ thức, chẳng phải là trong ý thức..., mà chính là trong tánh nghe không sanh không diệt, cũng chính là tánh Như Lai tạng.

Hồi quang phản chiếu—Xoay ánh sáng trở lại và chiếu vào bên trong.

Có nghĩa là không tìm cầu bên ngoài.

Kinh văn đoạn này nói rằng Bồ-tát Quán Thế Âm “nhập vào dòng,” có nghĩa là ngài xoay tánh nghe vào bên trong để nghe tự tự tánh.

Nhập thánh nhân chi pháp tánh lưu—Nhập vào dòng pháp tánh của bậc thánh.

Ngài đã “*Nhập lưu vong sở*,” – có nghĩa là mọi bụi trần, sáu trần được nhận biết sáu căn—đều đã dứt sạch.

Có nghĩa là ngài đã thể nhập vào dòng chiếu diệu của tự tánh, không còn hướng ra bên ngoài để truy cầu, tâm đã sáng suốt thời thường an trú ở bên trong, nếu ở ngoài dòng là còn ràng buộc với duyên ngoại trần. Nếu

phan duyên với thanh trần bên ngoài, tức là dính mắc với luân hồi sinh tử. Khi quên hết các thanh trần từ bên ngoài, thì không còn tướng động, tức là đã mở ra được nút buộc thứ nhất của trần cảnh diêu động, nên gọi là “*Nhập lưu vong sở*.” *Vong* tức là giải thoát, *Sở* tức là thanh trần.

Tướng sở nhập cũng vắng lặng, hai trạng thái động tịnh rõ ràng chẳng còn sanh.

Cội nguồn của sáu căn và sáu trần cũng đều dừng bật. Điều này rất gay go. Ở đây Bồ-tát Quán Thế Âm đã nhập vào dòng tự tánh của ngài. Khi đạt đến cực điểm cảnh giới tịch lặng, thì tướng động và tĩnh cũng vắng bật. Do cảnh tịnh chính là khu vực của sắc ấm, nên không được trụ vào cảnh tịnh. Khi đến được hai cảnh động tĩnh đều chẳng sanh, thì mới đến được cái gọi là *sở nhập vắng lặng*. Lúc đó, tức là đã mở ra được nút buộc thứ hai của cái tịnh. Thanh trần hoàn toàn vắng bật, hai tướng động tĩnh rõ ràng chẳng còn sanh trở lại nữa. Tức là đã phá trừ được *sắc ấm*.

Tình trạng như vậy tăng dần, các tướng năng văn, sở văn đều hết sạch.

Các kết buộc do nơi các căn đã được mở, tiến tu dần dần, tăng cường thêm định lực, thế nên các căn *năng văn* tùy theo chỗ *sở văn* đều dứt sạch, cũng chẳng còn *năng thọ* và *sở thọ*. Tức là đã mở ra được nút buộc thứ ba của các căn, đồng thời cũng phá luôn được năm thức trước của *thọ ấm*.

Cũng không dừng trụ trong chỗ hết sạch năng văn sở văn, đạt đến năng giác sở giác đều vắng lặng.

Cái *năng* *văn* và *sở* *văn* đều đã tiêu sạch, còn lại tri giác, còn lại ngã tướng, cho nên cần phải tiếp tục tiến tu, cho đến chỗ ‘*ung vô sở trú nhi sinh kỳ tâm*,’¹ đạt đến chỗ biết mà chẳng biết, giác mà không giác, đến khi mà giác và sở giác đều không thì mới mở được gút thứ tư về cái biết. Đến lúc *năng* *giác* và *sở* *giác* đều không còn, mới gọi là hoàn toàn không chấp trước, tức là phá trừ được ý thức thứ sáu *tướng* *ám*.

Không giác viên mãn tột bậc, thì các tướng năng không và sở không đều tịch diệt.

Cái *năng* *giác* và *sở* *giác* đều đã không, cần phải tiến tu, tham cứu cái *không* ấy nương vào đâu mà có, đến chỗ tánh không của cái biết (*không* *giác*—emptiness of awareness) rốt ráo viên mãn thì *năng* *không* và *sở* *không* đều tiêu trừ sạch. Tâm có khả năng tạo tác bị tiêu trừ, và cảnh giới do tâm ấy làm cho trở thành không cũng tiêu trừ luôn, đến mức cũng chẳng còn cái *không*. Vì hễ còn cái *không*, thì mình vẫn còn chấp trước vào tánh *không*. Và bây giờ đối với Bồ-tát Quán Thế Âm, ngay cả tánh *không* cũng chẳng còn, tức là mở được gút thứ năm của không giác, lúc này đồng thời phá trừ luôn thức thứ bảy *hành* *ám*.

Sinh diệt đã diệt, thì bản tính tịch diệt hiện tiền.

Cái *năng* *không* và *sở* *không* đều tịch diệt, vẫn còn ý niệm ‘diệt,’ mà còn diệt tức còn sinh, nên cần phải tiến tu tiếp tục, cho đến khi tướng sinh và tướng diệt đều trừ

¹ Kinh Kim Cang.

sạch, mới có thể mở được nút thứ sáu về ý niệm ‘diệt.’ Đồng thời phá trừ luôn được thức thứ tám, a-lại-da thức của *thức ám*.

Hai chữ ‘sinh diệt,’ vốn là chỉ cho các nút buộc, do động hết thì sanh tịnh sanh, căn diệt thì giác sanh, giác diệt thì *không* sanh, *không* diệt thì diệt sanh, sáu nút buộc này chính là pháp sanh diệt. Tướng *diệt* rất khó mở, cần phải tiêu trừ toàn bộ tướng *diệt* thì mới có thể đạt đến chỗ không sanh không diệt, mới có thể chính mình thấy được bản lai diện mục. Nay sáu nút buộc đã được mở, ngũ âm đã được phá trừ hoàn toàn, vọng đã hết sạch rồi thì toàn chân hiển bày, tức là sinh diệt đã diệt rồi, thì tịch diệt hiện tiền, chúng đắc rốt ráo viên thông.

Kinh văn:

忽然超越世出世間，十方圓明，獲二殊勝。

Hốt nhiên siêu việt thế xuất thế gian, thập phương viên minh, hoạch nhị thù thắng.

Việt dịch:

Bỗng nhiên con vượt ra ngoài thế gian và xuất thế gian, khắp mười phương một thể sáng suốt viên mãn hiển bày, và con đạt được hai cảnh giới thù thắng.

Giảng giải:

Khi cảnh giới tịch diệt đã hiện tiền, **bỗng** nhiên con vượt ra ngoài thế gian và xuất thế gian. Điều này chỉ cho cõi giới của hữu tình và khí thế gian. **Khắp** mười phương một thể sáng suốt viên mãn hiển bày. Bỏ-

tát Quán Thế Âm thể nhập làm một với thể giới mười phương không ngăn ngại. **Và con đạt được hai cảnh giới thù thắng.**

Kinh văn:

一者上合十方諸佛本妙覺心。與佛如來同一慈力。

Nhất giả thượng hợp thập phương chư Phật bốn diệu giác tâm. Dĩ Phật Như Lai đồng nhất từ lực.

Việt dịch:

Một là, trên hợp với bốn diệu giác tâm của mười phương chư Phật. Con đạt được từ lực đồng như của chư Phật Như Lai.

Giải giải:

Tâm từ của Bồ-tát Quán Thế Âm hoàn toàn đồng như tâm từ của chư Phật.

Kinh văn:

二者下合十方一切六道眾生。與諸眾生同一悲仰

Nhị giả hạ hợp thập phương nhất thiết lục đạo chúng sanh. Dĩ chư chúng sanh đồng nhất bi ngưỡng.

Việt dịch:

Hai là, dưới hợp với tất cả chúng sinh trong lục đạo khắp mười phương. Cùng với chúng sinh đồng một bi ngưỡng.

Giảng giải:

Hai là, dưới hợp với tất cả chúng sinh trong lục đạo khắp mười phương.

Chúng sinh trong lục đạo khắp mười phương là gì? Hãy nhìn khía cạnh đơn giản là con người, mắt tai mũi lưỡi thân ý, là chúng sinh trong sáu đường. Chúng là sự luân hồi sinh tử trong sáu đường, như là sắc thanh hương vị xúc và pháp, đây cũng là sự luân hồi trong sáu đường. Đó là lục đạo của chúng sinh trong tự tánh của mình. Có sự liên hệ nhau giữa sáu đường bên trong và sáu đường bên ngoài. Sáu đường bên ngoài là cõi của chư thiên, a-tu-la, người, súc sanh, quỷ đói và địa ngục. Cõi giới a-tu-la bao gồm cả những chúng sinh nào thích đấu tranh. A-tu-la là những chúng sinh đem cái tính thích gây sự của mình tham gia một cách hữu ích trong quân đội và bảo vệ đất nước mình. A-tu-la là những người dùng cái tính thích gây sự theo chiều hướng xấu và dẫn đến những việc như trộm cướp và giết-tơ. A-tu-la có thể sống ở cõi trời, cõi người, trong loài súc sanh, hoặc là ma quỷ. Có khi a-tu-la gồm cả trong ba cõi thiện, đó là chư thiên, a-tu-la và cõi người. Có khi được xếp vào bốn ác đạo, đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và a-tu-la. Khi xếp a-tu-la vào cùng với cõi trời, người, a-tu-la, súc sanh, quỷ đói, và địa ngục—là xếp theo vòng luân hồi sinh tử trong lục đạo.

Cảnh giới chư Phật ở trên Bồ-tát Quán Thế Âm, nên Bồ-tát nói, “Con ở trên hợp với tâm từ của chư Phật.”

Chúng sinh trong lục đạo là ở cảnh giới thấp hơn Bồ-tát Quán Thế Âm, thế nên Bồ-tát nói, “Con ở dưới hợp với chúng sinh trong sáu đường.” “Chúng sinh” được định nghĩa là những loài sanh ra từ nhiều nhân duyên. Có nhiều yếu tố liên quan đến sự sinh ra của một chúng sinh. Bồ-tát nói tiếp: Con có **cùng với chúng sinh đồng một bi ngưỡng**. Các chúng sinh đều khát ngưỡng lòng thương xót của chư Phật và Bồ-tát.

Kinh văn:

世尊由我供養觀音如來。蒙彼如來授我如幻聞薰聞修金剛三昧。與佛如來同慈力故。令我身成三十二應入諸國土。

Thế tôn, do ngã cúng dường Quán Âm Như Lai. Mông bỉ Như Lai thọ ngã Như huyễn văn huân văn tu kim cang tam-muội. Dĩ Phật Như Lai đồng từ lực cố. Linh ngã thân thành tam thập nhị ứng, nhập chư quốc độ.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, do con cúng dường đức Quán Âm Như Lai, nên con được ngài truyền thọ *Như huyễn văn huân văn tu kim cang tam-muội*, được cùng chư Phật Như Lai có đồng một từ lực. Khiến cho thân con thành tựu ba mươi hai ứng thân, có thể đến đi khắp mọi quốc độ.

Giải thích:

Bạch Thế tôn, do con cúng dường đức Quán Âm Như Lai, nên con được ngài truyền thọ *Như huyễn*

văn huân văn tu Kim cang tam-muội. Nói như huyễn là vì tu mà không tu, không tu mà tu. Có nghĩa là hành giả luôn luôn biết được những gì đang xảy ra trong mọi thời và không bao giờ quên. Thế nhưng, dù không quên, nhưng hành giả cũng không thực sự nhớ chúng. Chẳng nhớ nghĩ về chúng, tuy nhiên, cũng không quên chúng.

Văn huân có nghĩa là hằng ngày, Bồ-tát thường tu tập pháp môn *Phản văn văn tự tánh* cho đến khi thấm nhuần công phu này. Đây là pháp Kim cang tam-muội. Khi hành giả phát huy định lực này, sẽ được thành tựu Kim cang tam-muội.

Nhờ con được cùng chư Phật Như Lai có đồng một từ lực. Khiến cho thân con thành tựu ba mươi hai ứng thân, có thể đến đi khắp mọi quốc độ. Con có được từ lực đồng như chư Phật, khiến cho con có được ba mươi hai ứng thân. Nên con có thể đi đến khắp mọi quốc độ để giáo hóa chúng sinh.

Kinh văn:

世尊若諸菩薩入三摩地。進修無漏勝解現圓。我現佛身而為說法令其解脫。

Thế tôn, nhược chư Bồ-tát nhập tam-ma-địa, tấn tu vô lậu, thắng giải hiện viên, ngã hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp, linh kỳ giải thoát.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, nếu có Bồ-tát nhập tam-ma-địa, tiến tu pháp vô lậu, đã được thắng giải và thể hiện viên

thông, con sẽ hiện thành thân Phật thuyết pháp cho các vị nghe, khiến cho các vị BỒ-tát ấy được giải thoát.

Giảng giải:

Bạch Thế tôn, nếu có BỒ-tát nhập tam-ma-địa, tiến tu pháp vô lậu, các ngài đã đạt được chánh định (samadhi) và nuôn tiếp tục công phu để đạt đến cảnh giới chân thực vô trụ xứ niết-bàn. Các ngài là những vị đã đạt được thắng giải và thể hiện viên thông. Trí huệ của các ngài rất vi diệu, và đã hiển bày được lục căn viên thông. Con sẽ hiện thành thân Phật thuyết pháp cho các vị nghe, khiến cho các vị BỒ-tát ấy được giải thoát. Khi con gặp những chúng sinh như vậy, con liền hiện thành thân Phật. Dù chính con chưa thành Phật, nhưng nhờ năng lực từ bi của con đồng như chư Phật. Do từ lực này mà con hiện được thân Phật và nói pháp cho hàng BỒ-tát để giúp cho họ đạt đến giải thoát.

Kinh văn:

若諸有學寂靜妙明勝妙現圓，我於彼前現獨覺身而為說法令其解脫。

Nhược chư hữu học tịch tĩnh diệu minh, thắng diệu hiện viên, ngã ư bỉ tiền, hiện Độc giác thân nhi vị thuyết pháp linh kỳ giải thoát.

Việt dịch:

Nếu có hàng hữu học tu pháp diệu minh vắng lặng, đã được thắng diệu viên mãn, con sẽ hiện ra trước các vị ấy thân Độc giác, thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được giải thoát.

Giảng giải:

Nếu có hàng hữu học tu pháp diệu minh vắng lặng. Hàng hữu học là chỉ cho những người chưa đạt quả vị thứ tư của A-la-hán. Là những vị **đã được thắng diệu viên mãn**, trí huệ họ rất thù thắng vi diệu và đã thể nhập được viên thông. “**Con sẽ hiện ra trước các vị ấy thân Độc giác, thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được giải thoát.** Đối với hàng chúng sinh này, con sẽ hiện ra bậc Độc giác,” có nghĩa là người thuộc hàng Nhị thừa đã chứng đạo khi Đức Phật chưa thị hiện trong đời. Họ tu tập pháp Mười hai nhân duyên và được giác ngộ.

Vào mùa Xuân họ quán sát hoa đào trắng nở,

Vào mùa Thu họ quán sát lá vàng rơi.

Họ ngộ ra nguyên lý vận hành tự nhiên của sinh và diệt trong vô số hiện tượng thế gian. Đó là cách mà các vị Độc giác đã giác ngộ. Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ xuất hiện như là một vị Độc giác để giảng pháp cho các vị ấy, giúp cho các vị ấy được giác ngộ.

Kinh văn:

若諸有學斷十二緣。緣斷勝性，勝妙現圓。我於彼前。現緣覺身。而為說法令其解脫。

Nhược chư hữu học đoạn thập nhị duyên. Duyên đoạn thắng tánh, thắng diệu hiện viên. Ngã ư bỉ tiền, hiện Duyên giác thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ giải thoát.

Việt dịch:

Nếu các hàng hữu học đoạn mười hai nhân duyên, do các duyên đã đoạn mà phát ra thắng tính, và thắng tánh đã viên mãn. Con hiện ra trước người đó thân Duyên giác, thuyết pháp cho họ nghe khiến cho họ được giải thoát.

Giảng giải:

Nếu các hàng hữu học đoạn mười hai nhân duyên, do các duyên đã đoạn mà phát ra thắng tính. Lần nữa, ‘hữu học’ là chỉ cho sơ quả A-la-hán.

Mười hai nhân duyên đã được giảng giải ở văn trước. Những điểm ấy rất quan trọng.

1. Vô minh duyên hành;
2. Hành duyên thức;
3. Thức duyên danh sắc;
4. Danh sắc duyên lục nhập;
5. Lục nhập duyên xúc;
6. Xúc duyên thọ;
7. Thọ duyên ái;
8. Ái duyên thủ;
9. Thủ duyên hữu;
10. Hữu duyên sinh;
11. Sinh duyên lão tử.

Đây là lưu chuyển môn, tức là chiều lưu chuyển.

Khi vô minh diệt, hành diệt;

Khi hành diệt, thức diệt;

Khi thức diệt, danh sắc diệt;

Khi đánh sắc diệt, lục nhập diệt;

Khi lục nhập diệt, xúc diệt;

Khi xúc diệt, thọ diệt;

Khi thọ diệt, ái diệt;

Khi ái diệt, thủ diệt;

Khi thủ diệt, hữu diệt;

Khi hữu diệt, sinh diệt;

Khi sinh diệt, lão tử diệt.

Đây là chiều hoàn diệt (hoàn diệt môn). Người tu đạo A-la-hán trở nên rất rõ ràng về vô minh và mối liên hệ dẫn đến sự sinh khởi. Từ sinh đến tử, chúng sinh được sanh ra rồi lại chết xoay vần nhau. Chúng ta chầm dứt vòng luân hồi sinh tử bằng cách trước hết dập tắt vô minh. Khi vô minh đã dứt sạch, các mối liên kết khác lần lượt tiêu tan. Khi họ đoạn trừ các duyên này, họ phát ra thắng tánh. “Họ trở thành những những người có **thắng tánh đã viên mãn. Con (Bồ-tát Quán Thế Âm) hiện ra trước người đó thân Duyên giác, thuyết pháp cho họ nghe khiến cho họ được giải thoát.**

Kinh văn:

若諸有學得四諦空。修道入滅勝性現圓。我於彼前現聲聞身。而為說法令其解脫。

Nhược chư hữu học đắc tứ đế không. Tu đạo nhập diệt thắng tánh hiện viên. Ngã ư bỉ tiền hiện Thanh văn thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ giải thoát.

Việt dịch:

Nếu có hàng hữu học đã đạt được tánh không của Tứ đế, tu Đạo đế, và thể nhập Diệt đế, thắng tính hiện bày viên mãn, con liền hiện ra thân Thanh văn trước người kia, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ được giải thoát.

Giảng giải:

Nếu có hàng hữu học đã đạt được tánh không của Tứ đế, tu Đạo đế, và thể nhập Diệt đế. Có thể đó là các hàng Thanh văn, A-la-hán, đã nhận ra được tánh không của Tứ diệu đế, đã tu tập Đạo đế và đã chứng được diệu lạc niết-bàn. Các ngài đã đạt được thắng tính hiện bày viên mãn, họ đã thể hiện được trạng thái viên thông. Con liền hiện ra thân Thanh văn trước người kia, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ được giải thoát.

Tại sao Bồ-tát lại hiện thân Thanh văn? Vì làm như vậy các ngài mới thành giống như họ, và rất dễ thông cảm. Bồ-tát trở thành một người bạn tốt và có nhiều niềm tin lẫn nhau được thiết lập. Nếu mình không quan hệ với mọi người, dù bất luận mình nói điều gì, họ cũng sẽ không tin. Bồ-tát như thể yêu thích họ để giáo hóa họ. Thanh văn chứng đạo là nhờ nghe lời giảng của chư Phật. Họ là những người thuộc hàng Nhị thừa.

Kinh văn:

若諸眾生。欲心明悟。不犯欲塵欲
身清淨。我於彼前現梵王身。而為說法
令其解脫。

Nhược chư chúng sanh, dục tâm minh ngộ, bất phạm dục trần, dục thân thanh tịnh. Ngã u bi tiền hiện Phạm vương thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ giải thoát.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh, muốn tâm được tỏ ngộ, không phạm vào cảnh ngũ dục lạc thế gian, và muốn thân được thanh tịnh. Con liền hiện ra trước người ấy thân Phạm vương, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được giải thoát.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh—những chúng sinh này không phải là Thanh văn, Duyên giác, chẳng phải là hàng Bồ-tát, họ là những chúng sinh phàm phu trong lục đạo. Họ là những chúng sinh mong **muốn tâm được tỏ ngộ**, họ muốn đạt được giác ngộ—hiểu biết chân thực. Họ là những người **không phạm vào cảnh dục lạc thế gian**. Họ tránh xa tham dục trong cõi thế gian phàm tình, vì họ **muốn thân được thanh tịnh. Con liền hiện ra trước người ấy thân Phạm vương, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được giải thoát.** Con sẽ hiện ra như vị Đại Phạm thiên vương và giảng pháp cho họ nghe khiến cho họ được giải thoát.

Kinh văn:

若諸眾生欲為天主統領諸天。我於彼前現帝釋身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh dục vi thiên chủ thống lĩnh chư thiên. Ngã ư bỉ tiên hiện Đế thích thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh muốn làm Thiên chủ, thống lĩnh các cõi trời, con liền hiện ra trước người này thân Đế thích, thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được thành tựu ước nguyện.

Giải thích:

Nếu có chúng sinh muốn làm Thiên chủ, là chỉ cho Chúa trời của đạo Cơ-đốc (Christian God). Họ muốn thống lĩnh các cõi trời. Họ muốn được cai trị các cõi trời. **Con liền hiện ra trước người này thân Đế thích (Śakra), thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được thành tựu ước nguyện.** Con liền hiện ra thân Đế-thích vì loại chúng sinh này. Đế-thích là vị Thiên chủ—Chúa trời.

Quý vị có biết rằng Đức Mẹ của Thiên chúa giáo chính là Bồ-tát Quán Thế Âm chăng? Người theo đạo Thiên chúa giáo tin vào Đức Mẹ, vì họ muốn được tái sinh ở trên cõi trời. Thế nên Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thành nữ thần để giáo hóa họ, khiến cho họ được sinh ở cõi trời. Dĩ nhiên, từ cõi Trời họ sẽ đọa lạc trở lại, nhưng dần dần họ sẽ lại tiến bộ. Tại sao Bồ-tát Quán Thế Âm thị hiện và thuyết pháp để giúp cho mọi người được sinh trên cõi trời? Mục đích tối hậu của ngài là khiến cho chúng sinh tin vào chư Phật. Nhưng vì lúc đó, ước

nguyện của họ là được sanh lên cõi trời, nên ngài dạy cho họ cách thức thế nào để được sanh ở trên trời. Khi họ từ cõi Trời đọa lạc trở lại lại, rốt cuộc họ sẽ tin vào chư Phật. Người phàm phu thấy rằng thời gian theo tiến trình này rất là dài lâu, nhưng thực ra trong Phật nhãn, đó chỉ là một khoảnh khắc, chỉ là chớp mắt.

Phương pháp này giống như cha mẹ muốn con mình thông thạo xuất sắc một nghề nhưng con mình lại không muốn học nghề đó. Cha mẹ phải chiều theo để cho con mình học ngành nào mà nó thích, nhưng sau vài cơ hội ban đầu thất bại, cuối cùng nó phải chuyển hướng, học ngành nghề mà cha mẹ đã đề nghị. Phương pháp Quán Thế Âm Bồ-tát giáo hóa chúng sinh là đáp ứng bất kỳ mọi ước nguyện của chúng sinh mong muốn. Nhưng mục đích tối hậu là ngài luôn luôn đưa chúng sinh đến chỗ thành tựu Phật quả.

Kinh văn:

若諸眾生欲身自在遊行十方。我於彼前現自在天身。而為說法令其成就

Nhược chư chúng sanh dục thân tự tại, du hành thập phương, ngã u bỉ tiền hiện Tự tại thiên thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, đi khắp mười phương, con hiện ra thân Tự tại thiên trước người đó, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được thành tựu ước nguyện.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, họ muốn được tự tại để đi đến bất kỳ nơi đâu mà mình muốn. Con hiện ra thân Tự tại thiên trước người đó, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được thành tựu ước nguyện. Chư thiên thuộc cõi trời Đại tự tại có thể đi đến bất cứ nơi đâu mà họ muốn

Kinh văn:

若諸眾生欲身自在飛行虛空。我於彼前現大自在天身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh dục thân tự tại phi hành hư không, ngã u bỉ tiền, hiện Đại Tự tại thiên thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, phi hành giữa hư không, con hiện ra trước người đó thân Đại tự tại thiên, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, phi hành giữa hư không. Họ muốn được tự tại, thân thể biến hóa như ý muốn. Họ muốn thân thể mình **phi hành giữa hư không.** Do họ có mong ước này, nên con sẽ tự nương vào từ lực của chư Phật để khiến cho họ hiện thân như ý muốn. Và con sẽ hiện ra trước họ thân của Đại Tự tại

thiên và giảng pháp cho họ nghe, khiến cho họ thành tựu ước nguyện. Đại Tự tại thiên rất là tự chủ và đầy phúc lạc. Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thân như vị này để giúp cho chúng sinh thành tựu ước nguyện của họ.

Kinh văn:

若諸眾生愛統鬼神救護國土。我於彼前現天大將軍身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh ái thống quỷ thần, cứu hộ quốc độ, ngã ư bỉ tiền hiện Thiên Đại tướng quân thân nhi vị thuyết pháp, linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh muốn thống lĩnh quỷ thần, cứu giúp đất nước, con sẽ hiện ra trước người đó thân Thiên Đại tướng quân, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh muốn thống lĩnh quỷ thần, cứu giúp đất nước. Có một số người thích thống lĩnh quỷ thần. Họ làm việc này với ý nghĩa tinh thần yêu nước để cứu hộ và bảo vệ tổ quốc. Con sẽ hiện ra trước người đó thân Thiên Đại tướng quân, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

Kinh văn:

若諸眾生愛統世界保護眾生。我於彼前現四天王身，而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh ái thống thế giới, bảo hộ chúng sanh, ngã ư bỉ tiền hiện Tứ thiên vương thân, nhi vị thuyết pháp, linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh thích thống lĩnh thế giới, bảo hộ chúng sinh, con sẽ hiện ra trước người đó thân Tứ thiên vương, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

Giải thích:

Nếu có chúng sinh thích thống lĩnh thế giới, bảo hộ chúng sinh. Họ muốn cai quản thế giới để bảo hộ chúng sinh trong thế giới ấy, **con sẽ hiện ra trước người đó thân Tứ thiên vương, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.** Tứ thiên vương¹ là:

1. Trì quốc thiên (s: Dhṛtarāṣṭra 持國天) giám sát châu Purvavideha ở phía Đông;
2. Quảng mục thiên (s: Virūpākṣa 廣目天) giám sát châu Aparagodaniya ở phía Tây ;
3. Tăng Trưởng thiên (s: Virūḍhaka 增長天) giám sát châu Jambudvīpa ở phương Nam.

¹ 四王天 Tứ vương thiên: Còn gọi Tứ đại vương chúng thiên, Tứ Thiên vương thiên 四天王天: Là tầng trời thứ nhất trong 6 tầng trời cõi Dục, chỗ ở của các vị Hộ thế Tứ vương thiên. Gồm:

1. Trì quốc thiên ở phía Đông;
2. Quảng mục thiên ở phía Tây;
3. Tăng Trưởng thiên ở phương Nam.
4. Đa văn thiên hoặc Ti-sa môn thiên vương ở phương Bắc.

4. Đa văn thiên hoặc Tì-sa môn thiên vương (s: Vaiśravaṇa 多聞天) giám sát châu Uttarakuru ở phương Bắc.

Đôi với những ai muốn thống trị thế giới và bảo hộ chúng sinh, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ ứng hiện thân của một trong Bốn vị Thiên vương này.

Kinh văn:

若諸眾生愛生天宮驅使鬼神。我於彼前現四天王國太子身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh ái sanh thiên cung, khu sử quý thân, ngã ư bỉ tiền hiện Tứ thiên vương quốc Thái tử thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Kinh văn:

Nếu có chúng sinh muốn sanh ở thiên cung, sai khiến quý thần, con sẽ hiện ra thân Thái tử con của Tứ thiên vương trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh muốn sanh ở thiên cung, ưa thích phước lạc ở cõi trời. Khi ở trong cõi trời, họ có thể sai khiến quý thần. Họ có thể ra lệnh quý thần làm một số việc cho họ. Họ hô triệu quý thần lại và giao việc cho chúng làm. Thực ra, khả năng ra lệnh cho quý thần rất là bình thường. Người ta thấy điều ấy lạ kỳ, nhưng thực

ra không phải như vậy. Đối với những ai muốn sai sử quý thân, con sẽ hiện ra thân *Thái tử con của Tứ thiên vương* trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn:

若諸眾生樂為人主。我於彼前現人王身，而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh nhạo vi nhơn chủ, ngã u bi tiền hiện Nhơn vương thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh thích làm vua cõi người, con sẽ hiện ra thân Quốc vương trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải thích:

Nếu có người thích thống lĩnh cõi nhân gian, con liền hiện ra trước người ấy thân của một vị Quốc vương để nói pháp cho họ nghe.

Kinh văn:

若諸眾生愛主族姓世間推讓。我於彼前現長者身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh ái chủ tộc tánh, thế gian suy nhượng, ngã u bi tiền hiện trưởng giả thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh muốn làm chủ một gia đình thế tộc, được người đời kính ngưỡng, con sẽ hiện ra thân Trưởng giả trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh muốn làm chủ một gia đình thế tộc, được người đời kính ngưỡng. Họ thích giàu sang và thông nhiếp một họ tộc lớn. Họ muốn được mọi người trong đời kính trọng. Con sẽ hiện ra thân Trưởng giả trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Con sẽ hiện ra thân một vị Trưởng giả giàu có trước vị ấy để nói pháp cho họ nghe.

Người phải có mười đức hạnh mới có được danh hiệu Trưởng giả. Đó là:

1. Tánh quý: Xuất thân từ gia đình đại quý tộc.
2. Vị cao: Ở trong cương vị trưởng quan.
3. Đại phú: Nhiều của cải, giàu có.
4. Oai mãnh: Uy nghiêm dũng mãnh.
5. Trí thâm: Trí huệ cao thâm.
6. Niên kỳ: Tuổi cao đức trọng.
7. Hạnh tịnh: Phẩm hạnh thanh cao, xứng đáng là bậc mô phạm.
8. Lễ bị: Đãi người tiếp vật, đều có lễ nghi.
9. Thượng tán: Trên được hàng quốc vương tán thán.
10. Hạ quy: Dưới được lòng dân quy hướng.

Kinh văn:

若諸眾生愛談名言清淨其¹居。我於彼前現居士身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh ái đàm danh ngôn, thanh tịnh kỳ cư. Ngã ư bỉ tiền hiện cư sĩ thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh thích đàm luận những lời hay, sống đời trong sạch, Con sẽ hiện ra thân Cư sĩ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải thích:

Nếu có chúng sinh thích đàm luận những lời hay. Có thể họ thích thi ca, hoặc thích những tác phẩm hay của các nhà văn nổi tiếng. Họ có thể đọc thuộc lòng nhiều thể loại này. Họ thích **sống đời trong sạch**. Nếu yêu cầu họ làm điều gì mà họ cho là không xứng với những việc ấy, họ sẽ không có việc gì để bận tâm vào đó. **Con sẽ hiện ra thân Cư sĩ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.** Con sẽ hiện ra thân Cư sĩ và nói pháp cho họ nghe.

Kinh văn:

若諸眾生愛治國土，剖斷邦邑。我於彼前現宰官身。而為說法令其成就。

¹ Bản Taishō chép 其; bản đời Tống Nguyên Minh chép 自。

Nhược chư chúng sanh ái trị quốc độ, phẫu đoán bang ấp. Ngã ư bỉ tiền hiện Tế quan thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh thích việc trị nước, chỉ huy đoán định các bang ấp, con sẽ hiện ra thân Tế quan trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh thích việc trị nước, chỉ huy đoán định các bang ấp. Họ chế định những vấn đề trọng đại trong nước. **Con sẽ hiện ra thân Tế quan trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.** Con sẽ hiện thân một vị Tế tướng hoặc quan Đại thần để nói pháp cho họ nghe.

Kinh văn:

若諸眾生愛諸數術攝衛自居。我於彼前現婆羅門身。而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sanh ái chư số thuật, nhiếp vệ tự cư, ngã ư bỉ tiền hiện Bà-la-môn thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh thích môn số thuật, tự mình nhiếp tâm giữ thân, con sẽ hiện ra thân Bà-la-môn trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải thích:

Nếu có chúng sinh thích môn số thuật. Thích nghiên cứu số thuật, tức là thiên văn địa lý, âm dương ngũ hành. *Thuật* tức là Y bốc tinh tướng, chú thủy thư phù để điều dưỡng thân tâm, bảo hộ sinh mạng. *Số* là chỉ cho việc dùng toán số để dự đoán trước. *Thuật* là chỉ cho những ma thuật và các kỹ xảo khác. Nó còn là các bùa chú của ngoại đạo. Chú Tiên Phạm thiên của ngoại đạo Ta-tì-la¹ mà mẹ của Ma-đăng-già sử dụng là một ví dụ của loại này. Những người này thích tự mình **niếp tâm giữ thân**. Họ hiểu được rằng nếu học được thần chú hoặc giáo pháp, thì thần chú và giáo pháp ấy có thể hộ trì được cho họ. **Con sẽ hiện ra thân Bà-la-môn trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.** Bà-la-môn là một tôn giáo ở Ấn Độ. Danh xưng đó có nghĩa là ‘có nguồn gốc từ sự thanh tịnh.’ và biểu trưng cho sự tu tập tịnh hạnh. Những người này có rất nhiều pháp thuật. Họ có thể tụng chú và có nhiều kỹ xảo ma thuật. Và vì vậy Bồ-tát Quán Thế Âm thường ứng hợp với mọi chúng sinh, ngài cũng hiện thân như một vị Bà-la-môn để nói pháp, thế nên những hạng người này có thể đạt được điều mình ước nguyện.

Kinh văn:

若有男子好學出家持諸戒律。我於

¹ Ta-tỳ-ca-la (*Kapila*) Tiên Phạm thiên. Kapila là loại ngoại đạo tóc vàng. (Kim đầu) Bà Ma-đăng-già học được tà chú này từ nhóm ngoại đạo tóc vàng.

彼前現比丘身。而為說法令其成就。

Nhược hữu nam tử hiếu học xuất gia, trì chư giới luật, ngã ư bỉ tiền hiện tử-khuru thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có người thiện nam muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật, con sẽ hiện ra thân tử-khuru trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải giảng:

Nếu có người thiện nam muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật. Những người này nghiên cứu kinh điển và quyết định muốn sống đời xuất gia. Họ ra khỏi nhà nào? Ra khỏi ba loại nhà:

1. Họ ra khỏi nhà thế tục.
2. Họ ra khỏi nhà phiền não.
3. Họ ra khỏi nhà tam giới.

Nhà thế tục là gia đình mình. Nhà phiền não là có nghĩa là ở trong vô minh. Chúng ta phải thoát ra khỏi nhà vô minh. Tam giới, còn gọi là Tam hữu, chỉ cho sự sống trong các cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Không phải đợi cho đến khi ra khỏi nhà Tam giới thì quý vị mới chứng được quý vị A-la-hán.

Khi những người này xuất gia, họ thọ trì giới luật. Giới luật rất là quan trọng. Người giữ giới thì không thể nói dối và nói cường điệu. Thấp nhất là giữ gìn năm giới, đó là không sát sanh, không trộm cắp, không tà

hạnh dâm dục, không nói dối, và không dùng rượu và ma túy. Giới luật ở đây, tất nhiên, không chỉ là giới thứ nhất. Những người này thọ trì năm giới, tám giới, 10 giới trọng và 48 giới khinh của hàng Bồ-tát, 250 giới của tỳ-khưu và 348 giới của tỳ-khưu ni. Họ giữ giới và không bao giờ huỷ phạm. **Con sẽ hiện ra thân tỳ-khưu trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.**

Tỳ-khưu có 3 nghĩa:

1. Khất sĩ;
2. Bồ ma;
3. Phá ác.

Hằng ngày, các tỳ-khưu mang bát đi khất thực. Họ không tự nấu thức ăn cho mình. Thế nên họ được gọi là *Khất sĩ*. Có ba đàn giới khi thọ nhận giới cụ túc. Khi dâng đàn thọ giới tỳ-khưu, vị Yết-ma (karmadana) sẽ hỏi:¹

“Thầy có phải là bậc Đại trọng phu không?”

Giới tử trả lời: “Thưa vâng, con là Đại trọng phu.”

Vị Yết-ma hỏi tiếp: “Thầy đã phát tâm bồ-đề chưa?”

Giới tử trả lời: “Thưa vâng, con đã phát tâm bồ-đề.”

Bồ ma: Khi một người đã được truyền tỳ giới tỳ-khưu, loài quý địa hành dạ-xoa truyền tin này cho quý không hành dạ-xoa, tin ấy truyền đến quý phi hành dạ-xoa, cho đến khi truyền đến thiên ma trên cõi trời Lục dục. Họ loan tin: “Có một người trên thế gian vừa xuất

¹ Già nạn. Thường là vị Giáo thọ trong Đại giới đàn đảm nhiệm việc này.

gia và trở thành tử-khuru.” Điều này làm cho Ma vương kinh sợ, nó nói rằng, “Quyển thuộc của ta sẽ mất đi một người và quyển thuộc của Phật tăng thêm một người.”

Phá ác: Vị tử-khuru phá trừ cái ác nào? Cái ác của phiền não. Không biết rõ tại sao con người mọi thời đều dấy khởi phiền não. Khi họ khởi phiền não, họ đánh mất mọi tài năng ngoại trừ khả năng chuyển sang xấu ác. Chẳng hạn, một người ăn trường trai có thể muốn bỏ cuộc, và đầu tiên là anh ta quyết định chấm dứt việc dùng thức ăn thanh tịnh. Anh ta quyết định: “Ta sẽ ăn thịt.” Khi phiền não đã sinh khởi, họ quên tất cả mọi điều ngoại trừ tìm cách làm thế nào để tạo ác nghiệp. Hoặc là, giả sử có người đã bỏ hút thuốc trong một thời gian dài. Khi anh ta bỏ cuộc, việc đầu tiên anh ta làm là vớ lấy điếu thuốc. Và chẳng bao lâu anh ta sẽ trở lại với *heroin*, thuốc phiện, và tất cả các thứ thuốc trong một hơi hít vào! Anh ta hút vào và thở phò ra như một cơn bão. Anh ta hít vô và thở ra rất nhanh như thể mình đã hóa thành vị tiên bất tử có thể thở ra mây và phun ra sương mù. Một người nghiện rượu thề rằng anh ta sẽ không bao giờ đụng đến một giọt. Nhưng khi anh ta nổi giận điều gì đó, anh ta đi mua một chai rồi uống để vơi đi nỗi sầu. Ai đoán được rằng càng uống, anh ta càng trở nên tuyệt vọng. Khi anh ta tỉnh dậy sau cuộc chè chén lu bù, mọi đốt xương trong thân anh ta mỗi nhừ. Thử hỏi mọi người đã từng uống rượu, họ sẽ trả lời rằng buổi sáng hôm

sau thì thật là kinh khủng. Nếu anh ta bị khánh kiệt lúc đó, thì anh ta chẳng làm được điều gì cả nhưng cố chịu đựng. Nhưng nếu còn lại chút ít tiền, tất nhiên là anh ta sẽ đi mua chai khác và bắt đầu uống lại. Anh ta chỉ biết làm một việc đó là say.

Nói chung, khi phiền não sinh khởi, quý vị sẽ làm những điều mà lúc bình thường mình không bao giờ làm. Thậm chí việc này xảy ra cả khi có người thề rằng mình không bao giờ giết người, nhưng khi phiền não nổi lên, anh ta hoàn toàn xem thường mọi thứ và quyết định giết mọi người trên đời này. Anh ta cầm dao và bắt đầu hành sự! Thế nên, phiền não là điều nên tránh. Đừng sinh khởi phiền não. Quý vị cần phải ra khỏi nhà phiền não. Chúng ta cũng muốn ra khỏi nhà Tam giới, và vì thế, xuất gia phải có đầy đủ ba nghĩa này.

Kinh văn:

若有女子好學出家持諸禁戒。我於
彼前現比丘尼身。而為說法令其成就。

Nhược hữu nữ tử hiếu học xuất gia trì chư cấm giới. ngã u bỉ tiền hiện tỷ-khuru-ni thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có người tín nữ muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật, con sẽ hiện ra thân tỷ-khuru-ni trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có người tín nữ muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật. Họ muốn tu học Phật pháp. Họ cũng muốn ra khỏi nhà thế tục, ra khỏi nhà phiền não, và ra khỏi nhà Tam giới. Người nữ phải thọ trì nhiều giới điều hơn nam. Họ phải giữ 348 giới. Người ta thường nói rằng phụ nữ có thân với năm thứ hữu lậu. Thế nên họ phải giữ nhiều giới hơn. Con sẽ hiện ra thân tử-khuru-ni trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn:

若有男子樂持五戒。我於彼前現優婆塞身。而為說法令其成就。若[1]復女子五戒自居。我於彼前現優婆夷身。而為說法令其成就。

Nhược hữu nam tử nhạo trì ngũ giới, ngã ư bỉ tiền hiện Ưu-bà-tắc thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu. Nhược phục nữ tử ngũ giới tự cư, ngã ư bỉ tiền hiện Ưu-bà-di thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có người thiện nam thích giữ ngũ giới, con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-tắc trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Nếu có người tín nữ thích giữ ngũ giới, con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-di trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có người thiện nam thích giữ ngũ giới—đó là không sát sanh, không trộm cướp, không tà hạnh dâm dục, không nói dối, không uống rượu—con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-tắc trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Con sẽ hiện thân Cư sĩ để nói pháp cho họ. Nếu có người tín nữ thích giữ ngũ giới—họ cũng muốn giữ những giới này—con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-di trước người kia. Con sẽ hiện thân nữ Cư sĩ và nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn:

若有女人內政立身以修家國。我於彼前現女主身。及國夫人命婦大家。而為說法令其成就。

Nhược hữu nữ nhơn nội chánh lập thân, dĩ tu gia quốc, ngã ư bi tiền hiện nữ chủ thân, cập quốc phu nhơn mạng phụ đại gia, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có phụ nữ lập thân trong việc nội chánh để điều hành gia đình hay quốc gia, con sẽ hiện ra thân nữ chủ hoặc thân quốc phu nhơn mạng phụ đại gia trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có phụ nữ lập thân trong việc nội chánh để

điều hành gia đình hay quốc gia. Có khi những người phụ nữ này lo việc nội trợ, có khi họ nắm quyền trong triều chính, điều hành việc quốc gia. **Con sẽ hiện ra thân nữ chủ hoặc thân quốc phu nhân mạng phụ đại gia trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.**

Có thể Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thân một phụ nữ điều hành việc quốc sự, hoặc như là phu nhân của một nhà cai trị. Có khi Bồ-tát thị hiện như một mệnh phụ có quyền lực hoặc người phụ nữ thanh nhã lịch thiệp trong xã hội. Trong các trường hợp này, Bồ-tát Quán Thế Âm đều đáp ứng cho các ước nguyện của họ.

Kinh văn:

若有眾生不壞男根。我於彼前現童男身。而為說法令其成就。

Nhược hữu chúng sanh bất hoại nam căn, ngã u bi tiền hiện đồng nam thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh, không hoại nam căn, con sẽ hiện ra thân đồng nam trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải giảng:

Nếu có chúng sinh, không hoại nam căn. Đối với những thanh niên chưa biết đến phụ nữ và vẫn còn trong trắng, con sẽ hiện ra thân đồng nam trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn:

若有處女愛樂處身不求侵暴。我於彼前現童女身。而為說法令其成就。

Nhược hữu nữ ái nhạo xử thân, bất cầu xâm bạo, ngã ư bỉ tiền hiện đồng nữ thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có người con gái, muốn làm trinh nữ, không thích kết hôn, con sẽ hiện ra thân đồng nữ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu

Giải thích:

Nếu có người con gái, có nghĩa là phụ nữ chưa bao giờ biết đến đàn ông và chưa kết hôn. **Muốn làm trinh nữ, không thích kết hôn.** Họ không muốn gần gũi đàn ông, kết hôn, hoặc trải qua kinh nghiệm bị chiếm đoạt. Con sẽ hiện ra thân đồng nữ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu

Kinh văn:

若有諸天樂出天倫。我現天身而為說法令其成就。

Nhược hữu chư thiên nhạo xuất thiên luân, ngã hiện thiên thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chư thiên muốn thoát khỏi loài trời, Con sẽ hiện ra thân chư thiên, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có chư thiên muốn thoát khỏi loài trời. Các vị tiên nam và tiên nữ này không muốn lưu lại trong cõi trời nữa, họ muốn thoát khỏi Tam giới. **Con sẽ hiện ra thân chư thiên, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.** Vì họ muốn siêu việt cõi trời, con liền hiện thân trước họ, dùng mọi phương tiện để giúp họ đạt được điều họ muốn.

Kinh văn:

若有諸龍樂出龍倫。我現龍身而為
說法令其成就。

Nhược hữu chư long nhạo xuất long luân, ngã hiện long thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có loài rồng muốn thoát khỏi thân rồng, Con sẽ hiện ra thân rồng, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có loài rồng muốn thoát khỏi thân rồng. Quan niệm chung của thời đại ngày nay là loài rồng không có thực. Một vài người công nhận huyền thoại về loài rồng thời xưa, rất to lớn và khủng khiếp. Không có cách nào để moi chắc thật về ý kiến đã nêu trước, nhưng loài rồng có thật. Thế nó ở đâu? Long cung ở dưới biển. “Chúng tôi đã dò thấu chiều sâu, tại sao chúng tôi chưa từng đi qua chỗ đó?” Quý vị sẽ hỏi. Nếu quý vị tìm ra được chỗ ở của chúng, thì chúng không còn là loài rồng

thật, vì rồng là loài linh vật. Nó có thần thông và có thể tự biến mình thành lớn hoặc nhỏ như ý muốn. Nó có thể tự biến thành lớn như hư không. Nó có thể rút lại nhỏ như vi trần nếu cần. Nó có thể bất ngờ tàng hình, rồi hiện hình lại ngay tức khắc. Năng lực thần thông cho chúng khả năng tự biến hóa với vô số cách thức. Tại sao chúng có năng lực như vậy mà lại thọ thân súc sanh? Vì trong những thân tu hành từ đời trước, chúng phát tâm tu tập Đại thừa, nhưng chúng không chịu giữ giới. Chúng thuộc dạng ‘*thừa cấp, giới hoãn.*’ Chúng rất hồ hững. Vì chúng rất nhiệt tâm với pháp tu Đại thừa—*thừa cấp*, nên chúng có được thần thông. Nhưng vì chúng không giữ giới, nên chúng bị đọa vào hàng súc sanh. Nếu loài rồng quyết định muốn thoát khỏi thân rồng, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ hiện thân rồng ra trước chúng và nói pháp cho chúng nghe, khiến cho chúng thành tựu được ước nguyện.

Kinh văn:

若有藥叉樂度本倫。我於彼前現藥
叉身。而為說法令其成就。

*Nhược hữu dược-xoa nhạo độ bản luân, ngã u bỉ
tiền hiện dược-xoa thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành
tựu.*

Việt dịch:

Nếu có loài dược-xoa muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân dược-xoa, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải giải:

Nếu có loài dược-xoa. Dược-xoa theo tiếng Sanskrit là *yakṣa*, Hán dịch là *tiệp tật*, có nghĩa là ‘nh nhanh chóng.’ Còn dịch là *dũng kiện*, có nghĩa là dũng cảm và mạnh mẽ. Dược-xoa là một loại quỷ thần. Có ba loại quỷ thần chính:

1. Địa hành quỷ;
2. Phi hành quỷ;
3. Không hành quỷ.

Trong chú Thủ-lăng-nghiêm có câu: *Dược-xoa yết ra ha*.¹ Trong bài chú, tên các vị vua của các loài quỷ đều được gọi lên. Mỗi vị quỷ vương thống lĩnh nhiều vị quỷ bậc thấp, và khi tên của vị vua được gọi lên, thì toàn thể các loài quỷ thần khác đều phải cung kính tuân theo mệnh lệnh của vua. Nếu loài **muôn thoát khỏi loài của mình**—họ không muốn làm quỷ thần nữa—**Con sẽ hiện ra trước họ thân dược-xoa, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.**

Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ hiện thân như một loài quỷ Dược-xoa để giúp họ thành tựu ước nguyện.

Kinh văn:

若乾闥婆樂脫其倫。我於彼前現乾闥婆身。而為說法令其成就。

¹ Đệ tam, Câu 195: 藥叉羯囉訶. Tiếng Phạn: *Yakṣa grāha*: Loài ác quỷ dạ-xoa.

Yakṣa: Quỷ dạ-xoa (dược-xoa); *Graha*: Quỷ mi.

Nhược càn-thát-bà nhạo thoát kỳ luân, ngã u bi tiên hiện càn-thát-bà thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có loài càn-thát-bà muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân càn-thát-bà, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải thích:

Nếu có loài càn-thát-bà. Càn-thát-bà theo tiếng Sanskrit là *gandharva*, Hán dịch là *hương âm*, vì việc ngửi mùi hương tạo nên thức của chúng. Chúng là các nhạc công của Ngọc Hoàng. Khi Ngọc Hoàng đốt hương trầm thuy lên, chúng nghe được mùi hương và liền bị thu hút đến. Chúng đến chơi nhạc làm vui cho Ngọc Hoàng. Loài càn-thát-bà này **muốn thoát khỏi loài của mình**, chúng không muốn làm thân càn-thát-bà nữa. **Con sẽ hiện ra trước họ thân càn-thát-bà, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.**

Kinh văn:

若阿修羅樂脫其倫。我於彼前現阿修羅身。而為說法令其成就。

Nhược a-tu-la nhạo thoát kỳ luân, ngã u bi tiên hiện a-tu-la thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có loài a-tu-la muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân a-tu-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có loài a-tu-la muốn thoát khỏi loài của mình. Họ muốn ra khỏi quyền thuộc của loài a-tu-la, Con sẽ hiện ra trước họ thân a-tu-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Phần này gồm các chúng sinh trong bát bộ quỷ thần, nhưng trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm lại không đề cập đến loài Ca-lâu-la.¹ Nhưng Phạm Phổ môn trong kinh Pháp Hoa, có đề cập đến việc Bồ-tát Quán Thế Âm cũng hiện thân thành Ca-lâu-la.

Ca-lâu-la là phiên âm từ tiếng Sanskrit, có nghĩa là Chim đại bàng cánh vàng-kim suy điều. Ca-lâu-la là một trong Bát bộ, và sự kiện kinh văn không đề cập loài này có lẽ là do lỗi bỏ sót khi sao chép kinh, hoặc có lẽ được hiểu bao hàm trong phạm trù chung là ‘chúng sinh’ như đã được nêu ở trên.

Ca-lâu-la chỉ ăn riêng loài rồng. Cánh của loài chim này rộng đến 330 đại do-tuần.² Một tiểu do-tuần bằng 40 lý của Trung Hoa (một lý tương đương 1/3 dặm Anh). Một trung do-tuần bằng 60 lý. Một đại do-tuần bằng 80 lý. Với một lần vỗ cánh của nó, chim đại bàng cánh vàng tát cạn hết nước biển. Sức mạnh của nó lớn như vậy. Khi nước biển đã cạn sạch, loài rồng lộ ra. Bằng cách này, loài Ca-lâu-la sắp bắt hết sạch toàn thể chúng tộc loài rồng. Thế nên loài rồng đến yết kiến Đức Phật để xin

¹ s: garuḍa,

² S: Yojana. Phiên âm: Du-thiện-na.

cứu giúp. “Loài Chim đại bàng cánh vàng (Ca-lâu-la) gần như làm cho quuyến thuộc loài rồng chúng con tuyệt chủng. Chúng con phải làm sao?” Chúng ngưỡng trông lòng từ bi của Đức Phật cứu giúp; chúng mong rằng Đức Phật sẽ ngăn cản loài Chim đại bàng cánh vàng ăn thịt loài rồng quuyến thuộc chúng. Đức Phật cho loài rồng một mảnh áo ca-sa của ngài để quấn trên sừng của chúng. Sau đó, loài Chim đại bàng cánh vàng không dám ăn thịt rồng. Không có gì để ăn, loài Chim đại bàng cánh vàng cũng đến kêu cứu Đức Phật cầu xin cứu giúp chúng. Đức Phật hỏi, “Chẳng có ai ăn thịt các ông, sao lại đến xin cứu giúp?”

Loài Chim đại bàng cánh vàng đáp: “Đúng là chẳng có điều gì đe dọa chúng con, nhưng chẳng có gì để ăn cả, chúng con sẽ chết vì đói. Ngài không cho chúng con được phép ăn thịt rồng nữa, chúng con sẽ chết mất.” Rồi chúng xin Đức Phật đem lòng từ bi nghĩ cách cứu giúp chúng.

“Các ông chẳng có gì để ăn, phải không? Được rồi, Như Lai sẽ giúp các ông. Về sau, mỗi khi Như Lai và các đệ tử tỷ-khưu thọ trai, sẽ cúng thức ăn cho các ông dùng. Ông không được ăn thịt loài rồng nữa.”

Đó là lí do tại sao, trong khi thọ trai vào buổi trưa, chư tăng thường đem một ít thực phẩm ra bên ngoài để cúng dường cho Chim đại bàng cánh vàng. Bản kinh này không đề cập đến Chim đại bàng cánh vàng, nhưng chúng ta nên biết rằng Bát bộ quý thần đều bao gồm trong các chúng sinh này.

Kinh văn:

若緊陀羅樂脫其倫。我於彼前現緊陀羅身。而為說法令其成就。

Nhược khấn-đà-la¹ nhạo thoát kỳ luân, ngã ư bi tiền hiện khấn-đà-la thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có loài khấn-đà-la muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân khấn-đà-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải:

Nếu có loài khấn-đà-la muốn thoát khỏi loài của mình,

Khấn-đà-la theo tiếng Sanskrit là *Kimnara*,² Hán dịch là Nghi thân. Chúng có tên như vậy là vì khi chúng hiện ra thân người, nhưng trên đầu chúng lại có một cái sừng. Chúng cũng là một loại nhạc thần khác thường tấu nhạc cho Ngọc Hoàng. Con sẽ hiện ra trước họ thân khấn-đà-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn:

若摩呼羅伽樂脫其倫。我於彼前現摩呼羅伽身。而為說法令其成就。

Nhược ma-hô-la-già nhạo thoát kỳ luân, ngã ư bi

¹ Bản VPTT chép Khấn-na-la 緊那羅.

² S: Kimnara; p: Kinnara; t: Miham-ci

tiên hiện ma-hô-la-già thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có loài ma-hô-la-già muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân ma-hô-la-già, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giải thích:

Nếu có loài ma-hô-la-già, Ma-hô-la-già theo tiếng Sanskrit là Mahoraga, Hán dịch là Đại mãng thần¹, còn gọi là Địa long. Loài rồng được đề cập ở trên là loài có thể đi lại trên không và được gọi là Thiên long. Loài mãng xà này, cũng gọi là rồng, mà bị hạn chế trên mặt đất. Nó không có năng lực thần thông. Ma-hô-la-già cũng là chúng sinh trong bát bộ quỷ thần. Nếu loài ma-hô-la-già muốn thoát khỏi loài của mình. Con sẽ hiện ra trước họ thân ma-hô-la-già, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn:

若諸眾生樂人修人。我現人身而為說法令其成就。

Nhược chư chúng sinh nhạo nhân tu nhân, ngã hiện nhân thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh thích được thân người, tu

¹ S: Mahoraga; t: Lto-hphyee chen-po; 大蟒神 Đại mãng thần.

để thành thân người, Con sẽ hiện ra thân người, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có chúng sinh thích được thân người, tu để thành thân người. Họ muốn đời này sang đời khác, luôn luôn được làm thân người. Thế nên Bồ-tát Quán Thế Âm nói, “Con sẽ hiện ra thân người, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.” Ngài sẽ nói pháp cho các chúng sinh này nghe để giúp cho họ được thành tựu ước nguyện.

Kinh văn:

若諸非人有形無形。有想無想樂度其倫。我於彼前皆現其身。而為說法令其成就。

Nhược chư phi nhân, hữu hình vô hình, hữu tưởng vô tưởng nhạo độ kỳ luân, ngã ư bỉ tiền giai hiện kỳ thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch:

Nếu có loài phi nhân, hoặc có hình, hoặc không có hình, hoặc có tướng, hoặc không có tướng, muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ với thân hình như họ, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng giải:

Nếu có loài phi nhân. Đây chỉ cho loài vật và các sinh vật khác với loài người, loài hoặc có hình, hoặc

không có hình, hoặc có tướng, hoặc không có tướng. Nếu những loài chúng sinh như thế này muốn **muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ với thân hình như họ, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.**

‘Có hình’ có nghĩa là có một hình tướng có thật, có thể thấy được.

‘Vô hình’ có nghĩa là không có hình tướng.

Có nhiều loài chúng sinh “hữu tướng.”

Chúng sinh “vô tướng” gồm có loài đất, đá, gỗ, sắt... Những chúng sinh ‘Vô hình’ vốn cũng là chúng sinh, nhưng họ đã bị phân tán thành không và rơi vào sự lãng quên. Trường hợp này thường là dạng thân trung âm và đến một thời điểm nào đó, chúng lại trải qua sự tái sinh và trở lại làm người.

Kinh văn:

是名妙淨三十二應，入國土身。皆以三昧聞薰聞修，無作妙力自在成就。

Thị danh diệu tịnh tam thập nhị ứng, nhập quốc độ thân. Giai dĩ tam muội văn huân văn tu vô tác diệu lực tự tại thành tựu.

Việt dịch:

Đây gọi là 32 ứng thân diệu tịnh, đều đi vào được các cõi nước và thành tựu một cách tự tại văn huân văn tu tam muội và vô tác diệu lực.

Giảng giải:

Đây gọi là 32 ứng thân diệu tịnh, đều đi vào được các cõi nước và thành tựu một cách tự tại văn huân văn tu tam-muội. Hành giả phát triển công phu phản văn văn tự tánh bằng sự tu tập hằng ngày, và áp dụng vô tác diệu lực “Vô tác” là chỉ cho đạo lý vi diệu của ‘vô vi’, với đạo lý này, chẳng cần phải đi qua khái niệm của suy lường và tiến trình tư duy để tìm ra ý tưởng, như mọi người ai cũng phải vận dụng khi muốn làm một điều gì đó. Các vị Bồ-tát không tưởng tượng hay suy lường các việc ấy. Trong định (tam-muội), các ngài có thể làm mọi việc. Trong văn huân văn tu tam-muội các ngài có thể đạt được vô tác diệu lực. Và bằng phương pháp này, các ngài thành tựu năng lực tự tại. Rất tự nhiên, mọi việc đều được ổn đáng.

Kinh văn:

世尊我復以此聞薰聞修金剛三昧無
作妙力，與諸十方三世六道，一切眾生同
悲仰故，令諸眾生於我身心，獲十四種無
畏功德。

*Thế tôn, ngã phục dĩ thử văn huân văn tu kim cang tam
muội vô tác diệu lực, dĩ chư thập phương tam thế lục đạo,
nhất thiết chúng sanh đồng bi ngưỡng cố, linh chư chúng
sanh ư ngã thân tâm, hoạch thập tứ chủng vô úy công đức.*

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, do con lại dùng vô tác diệu lực và văn huân văn tu kim cang tam muội ấy, và vì con có

cùng một lòng bi ngưỡng với tất cả chúng sinh trong lục đạo mười phương ba đời, nên khiến cho chúng sinh, ai đã thể nhập vào thân con, đều có được 14 công đức vô úy.

Giảng giải:

Bạch Thế tôn, do con lại dùng vô tác diệu lực và văn huân văn tu kim cang tam muội ấy, và vì con có cùng một lòng bi ngưỡng với tất cả chúng sinh trong lục đạo mười phương ba đời—có tâm bi ngưỡng trong Phật pháp đối với các loài chúng sinh trong lục đạo, chư thiên, loài người, a-tu-la, súc sanh, quỷ đói, và địa ngục.

Con đi vào khắp cả mười phương ba đời, —quá khứ, hiện tại, vị lai. Con tu tập văn huân văn tu kim cang tam muội, và con không cần phải suy lường tính toán về công việc rồi mới thực hiện.

Khiến cho chúng sinh, ai đã thể nhập vào thân con, đều có được 14 công đức vô úy. Con đã đạt được 14 công đức vô úy.

Kinh văn:

一者由我不自觀音，以觀觀者，令彼十方苦惱眾生。觀其音聲即得解脫。

Nhất giả do ngã bất tự quán âm, dĩ quán quán giả, linh bi thập phương khổ não chúng sanh, quán kỳ âm thanh tức đắc giải thoát.

Việt dịch:

Một là, do con không tự quán âm thanh, mà

quán cái tâm năng quán, nên khiến cho chúng sinh đang khổ não trong mười phương ba đời kia quán sát âm thanh, liền được giải thoát.

Giảng giải:

Đây là một trong 14 công đức vô úy. Một là, do con không tự quán âm thanh, mà quán cái tâm năng quán, nên khiến cho chúng sinh đang khổ não trong mười phương ba đời kia quán sát âm thanh, liền được giải thoát.

Chẳng phải ngài chỉ quán sát riêng âm thanh của chính mình, mà ngài quán âm thanh của các chúng sinh trong thế giới. “Vì công phu phản văn văn tự tánh của con đã thành tựu, nên con không cần phải quán sát tự thân. Mà con có thể quán sát mọi chúng sinh trong khắp thế giới và giúp cho những chúng sinh đang đau khổ được giải thoát khổ. Con lắng nghe những tiếng kêu khổ đau của họ, và con cứu giúp cho họ được giải thoát.”

Kinh văn:

二者知見旋復，令諸眾生設入大火火不能燒。

Nhị giả tri kiến triển phục, linh chư chúng sanh thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu.

Việt dịch:

Tri kiến đã xoay trở lại, khiến cho các chúng sinh dù vào đồng lửa, lửa vẫn không cháy.

Giảng giải:

Tri kiến đã xoay trở lại—có nghĩa là Bồ-tát Quán Thế Âm có công năng soi chiếu trở lại vào tự tâm—nên con có thể **khiến cho các chúng sinh dù vào đồng lửa, lửa vẫn không cháy**. Nếu có chúng sinh thường tu tập và trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, dù họ có đi vào lửa dữ, lửa vẫn không đốt cháy được họ.

Kinh văn:

三者觀聽旋復。令諸眾生大水所漂，
水不能溺。

Tam giả quán thính tuyên phục, linh chư chúng sanh đại thủy sở phiêu, thủy bất năng nịch.

Việt dịch:

Ba là, quán cái nghe đã quay trở lại, khiến cho các chúng sinh dù vào nước sâu, nước không nhận chìm.

Giải giảng:

Có người nghĩ rằng: “Ta sẽ thử xem Bồ-tát Quán Thế Âm thực sự có cảm ứng không. Ta sẽ ngồi trên một đồng củi và chân lửa xem thử nó có cháy không.”

Trong trường hợp ấy, quý vị sẽ bị cháy liền. “Thế tại sao trong kinh nói rằng *nếu* đi vào lửa dữ thì lửa không cháy?” Đó là do chữ *nếu*, có nghĩa là điều ấy chỉ xảy ra khi quý vị không có một tính toán nào cả.

Có người khác nói, “Bồ-tát Quán Thế Âm nói rằng nếu có người bị rơi vào nước sâu, họ sẽ không bị chìm, nên tôi sẽ nhảy xuống biển xem thử có bị chìm không.” Chắc chắn quý vị sẽ bị chìm. Chỉ khi nào quý vị bất ngờ

gặp phải cảnh khổ đau hoặc gian nguy thì Bồ-tát Quán Thế Âm mới cứu giúp quý vị. Nhưng nếu quý vị có dự tính thử thách ngài thì quý vị sẽ không có được sự đáp ứng, vì vốn quý vị không tin vào Bồ-tát Quán Thế Âm. Nếu quý vị thực sự tin, thì chẳng có lý do gì cần phải thử. Điều hay nhất là không nên thử thách ngài.

Kinh văn:

四者斷滅妄想，心無殺害。令諸眾生入諸鬼國鬼不能害。

Tứ giả đoạn diệt vọng tưởng, tâm vô sát hại, linh chư chúng sanh nhập chư quỷ quốc, quỷ bất năng hại.

Việt dịch:

Bốn là đã diệt hết vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến cho chúng sinh khi vào những nước quỷ, quỷ không hại được.

Giảng giải:

Nếu vọng tưởng đã được dứt sạch, và quý vị không còn một niệm tưởng sát hại nào nữa, và nếu quý vị niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì có thể khiến cho các chúng sinh khi đi vào nơi ở của quỷ La-sát mà không bị chúng sát hại.

Kinh văn:

五者薰聞成聞。六根銷復同於聲聽。能令眾生臨當被害刀段段壞。使其兵戈猶如割水，亦如吹光性無搖動。

Ngũ giả huân văn thành văn. Lục căn tiêu phục đồng ư thanh tịnh. Năng linh chúng sanh lâm đương bị hại đao đoạn đoạn hoại. Sử kỳ binh qua du như cát thủy, diệp như xuy quang tánh vô dao động.

Việt dịch:

Năm là huân tập và thành tựu được tánh nghe. Sáu căn đều tiêu giải, quay về bản tánh, đồng như tính nghe. Có thể khiến cho chúng sinh lúc sắp bị hại, đao gậy sẽ gãy từng đoạn, khiến cho binh khí chạm vào thân người như cắt vào nước, như thổi ánh sáng, bản tánh không hề lay động.

Giảng giải:

Năm là huân tập và thành tựu được tánh nghe. Sáu căn đều tiêu giải, quay về bản tánh, đồng như tính nghe—có nghĩa là, khi công phu tu tập phản văn văn tự tánh đã thành tựu, sáu căn sẽ được hỗ dụng. Thế nên, con có thể khiến cho **chúng sinh lúc sắp bị hại, đao gậy sẽ gãy từng đoạn**. Chẳng hạn, giả sử có người cầm dao dự tính cắt đầu ai đó. Ngay khi dao vừa chạm đầu, thì dao liền vỡ ra từng mảnh. Con có thể **khiến cho binh khí chạm vào thân người như cắt vào nước, như thổi ánh sáng, bản tánh không hề lay động**. Con có thể khiến cho binh khí bén nhọn khi sắp chặt vào vai người nào đó thì sẽ giống như cắt vào nước; có nghĩa là khi dao chém qua vai, nó cứ đi qua, không có vết thương nào lưu lại cả. Hoặc là, con có thể khiến cho dao cắt như là thổi vào ánh sáng, có nghĩa là chẳng hề hấn gì cả, vì bất luận

quý vị có thời vào ánh sáng đến đâu, thì ánh sáng vẫn không lay động.

Kinh văn:

六者聞薰精明明遍法界，則諸幽暗性不能全。能令眾生藥叉羅刹鳩槃荼鬼，及毘舍遮富單那等，雖近其傍目不能視。

Lục giả văn huân tinh minh minh biến pháp giới, tắc chư u ám tánh bất năng toàn. Năng linh chúng sanh dược-xoa, la-sát, cuu-bàn-trà quý, cập tỳ-xá-già, phú-đan-na đẳng, tuy cận kỳ bàng, mục bất năng thị.

Việt dịch:

Sáu là huân tập tính nghe sáng suốt thấy khắp pháp giới, thì các tính tối tăm không thể còn được. Khiến cho chúng sinh, tuy các loài dược-xoa, la-sát, cuu-bàn-trà quý, cập tỳ-xá-già, phú-đan-na...đến gần bên cạnh, mắt chúng vẫn không nhìn thấy được.

Giải thích:

Sáu là huân tập tính nghe sáng suốt—có nghĩa là khi công phu tu tập phần văn văn tự tánh đã thành tựu—thấy khắp pháp giới, thì các tính tối tăm không thể còn được. Khiến cho chúng sinh, tuy các loài dược-xoa, la-sát, cuu-bàn-trà quý, cập tỳ-xá-già, phú-đan-na... đến gần bên cạnh, mắt chúng vẫn không nhìn thấy được.

Dược-xoa là quý nam, la-sát là quý nữ. Cả hai loại quý đều rất ác độc. Thức ăn của chúng là thịt người. Chúng có những câu chú (mantra) đủ tạo ra năng lực

khử mùi thối nơi thầy chết để chúng có thể ăn thịt. Cừu-bàn-trà cũng là tên của một loại quỷ, chúng có hình dáng như một cái thùng tròn¹ và đem đến ác mộng cho loài người. Chẳng hạn, khi ngủ, họ thấy có điềm quái dị hiện ra, dù trong giấc mơ, tinh thần họ vẫn rất linh lợi, nhưng họ vẫn không cử động thân thể được. Họ trở nên bị tê liệt qua sự chế ngự của loài quỷ gây ác mộng này. Có khi, dương khí của người kia bị suy yếu và khí âm vượng, người kia có thể bị tê liệt trong một thời gian khá dài, và loài quỷ kia có thể làm cho người ấy thiệt mạng. Đây là loài quỷ có rất nhiều trên thế gian.

Tỳ-xá-già² là loài quỷ ăn tinh khí của người và cũng ăn tinh chất của ngũ cốc. Phú-đan-na.³ Chúng có thể khiến cho người bị bệnh và lên cơn sốt. Nếu quý vị tu tập công phu phản văn văn tự tánh, hoặc nếu quý vị niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì những loài quỷ này không thể thấy được quý vị, dù chúng có đến bên cạnh quý vị; do vì quý vị đã phát ra ánh sáng khiến chúng sợ hãi. Thực vậy, loài chim cú và loài dơi có thể thấy mọi lúc. Vì loài quỷ là thuộc âm, chúng không thể thấy được quý vị nếu quý vị phát ra ánh sáng dương. Chúng chỉ nhìn thấy quý vị khi quý vị phát ra khí âm.

¹ Hán dịch: Ủng hình.

² Tỳ-xá-già (piśāca): đạm tinh khí, loại quỷ thần này chỉ dùng tinh khí của người và các loại ngũ cốc.

³ Phú-đan-na (Putana): xú uế nga quỷ hay nhiệt bệnh quỷ, loài quỷ đói, thân thể hôi hám, thường gây bệnh tật cho người.

Kinh văn:

七者音性圓銷。觀聽返入離諸塵妄。能令眾生禁繫枷鎖所不能著。

Thất giả âm tánh viên tiêu, quán thính phản nhập, ly chư trần vọng. Năng linh chúng sanh cấm hệ枷鎖 sở bất năng trước.

Việt dịch:

Bảy là các âm thanh đều hoàn toàn tiêu mất, tính quán sát và tính nghe đều quay về tự tánh, liả hẳn các vọng trần. Có thể khiến cho các thứ cùm dây, gông xiềng không thể dính vào được.

Giảng giải:

Bảy là các âm thanh đều hoàn toàn tiêu mất, tính quán sát và tính nghe đều quay về tự tánh, liả hẳn các vọng trần. Chẳng còn âm thanh, thậm chí chẳng còn tính nghe khi hành giả đã xoay tính quán sát và tính nghe trở lại trong tự tánh. Hành giả bỏ lại đằng sau hết những vọng trần và vọng tưởng. Lúc đó, con **Có thể khiến cho các thứ cùm dây, gông xiềng không thể dính vào được.** Nếu quý vị niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, các thứ cùm khóa đều tự rời ra. Việc này xảy ra rất thường, một số người đã trải qua kinh nghiệm này. Đó không phải chỉ là cách nói, nếu có người chí thành niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm thì sẽ có được cảm ứng như thế này.

Có người bị phạm tội và bị giam trong tù. Anh ta cùng 7, 8 phạm nhân khác cùng niệm danh hiệu Bồ-tát

Quán Thế Âm. Làm sao mà họ biết làm điều này? Họ quen một vị tăng và cầu thỉnh vị Tăng cứu giúp cho họ thoát khỏi cảnh ngộ khốn cùng này. Vị tăng nói với họ rằng: “Nếu các ông muốn tôi cứu giúp, các ông phải một lòng trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm; quý vị sẽ được thoát khỏi tình thế gian nguy này.” Các người tù đều niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm trong ba ngày ba đêm, khóa cùm và xiềng xích đột nhiên được tháo ra và họ được tự do. Nhưng họ vẫn chưa đi, họ nghĩ rằng: “Việc mình thoát thân liệu có ý nghĩa gì khi nhiều người khác vẫn còn bị giam cầm ở đây?” Thế là họ bảo các người tù kia niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Sau hai ngày đồng niệm nữa, khóa trên gông xiềng các người tù kia cũng được tháo sạch. Họ đều được trở về nhà. Sau đó, họ đều một lòng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Họ niệm rất chí thành đến nỗi khiến cho dân trong làng đều phát tâm tu tập.

Kinh văn:

八者滅音圓聞，遍生慈力。能令眾生
經過嶮路，賊不能劫。

*Bát giá diệt âm viên văn, biến sanh từ lực, năng
linh chúng sanh kinh quá hiểm lộ, tặc bất năng kiếp.*

Việt dịch:

Tám là diệt đối tượng âm thanh, tánh nghe viên mãn, sanh từ lực cùng khắp, khiến chúng sanh đi qua đường hiểm mà giặc không thể cướp được.

Giảng giải:

Tám là diệt đối tượng âm thanh, tánh nghe viên mãn, sanh từ lực cùng khắp. Khi âm thanh đã vắng bật và tánh nghe đã viên thông, từ lực sinh khởi rộng khắp. Đó là âm thanh của thế gian phàm trần, và do phản văn vẫn tự tánh mà tánh nghe của mình được viên thông, có nghĩa là không dùng tâm ý thức để nhận ra cái nghe, mà ta vẫn nghe được mọi âm thanh.

Kinh văn:

九者薰聞離塵，色所不劫。能令一切多婬眾生遠離貪欲。

Cửu giả huân văn ly trần, sắc sở bất kiếp, năng linh nhất thiết đa dâm chúng sanh viễn ly tham dục.

Việt dịch:

Chín là do huân tập tánh nghe được thanh tịnh, lìa xa trần tướng, sắc, thanh... không lôi kéo được, khiến cho những chúng sanh đa dâm lìa xa tham dục.

Giảng giải:

Lực vô úy thứ chín là tách lìa khỏi tham dục. **Do huân tập tánh nghe được thanh tịnh, lìa xa trần tướng, sắc, thanh... không lôi kéo được.** Nếu có người hằng ngày công phu tu tập phản văn vẫn tự tánh đến lúc viên mãn, họ có thể lìa xa cảnh giới phàm trần. Đặc biệt, họ có thể lìa ra khỏi cảnh giới nhiễm ô của sắc trần.

Chúng ta không nên nghĩ rằng sắc đẹp là tuyệt vời khi dính líu đến nó. Nếu quý vị thích sắc đẹp, nó sẽ cướp

đoạt mọi của báu trong gia sản quý vị. Nó sẽ ngốn hết của báu cổ xưa quý giá và cướp đi hết. Đúng hơn, phải nên:

Nhãn kiến sắc trần nội vô hữu

Nhĩ văn thế sự tâm bất tri.

Mắt thấy sắc trần nhưng bên trong chẳng động lại gì cả.

Tai nghe thế sự nhưng tâm chẳng phân biệt.

Khi quý vị thấy sắc đẹp, tâm thái của quý vị nên như thể chẳng thấy điều gì cả. Nếu quý vị thấy sắc đẹp và tâm mình lay động, thì hãy tự hỏi rằng tại sao tâm mình không dao động trước khi mình thấy được nó. Đừng để cho sắc đẹp cướp đi của cải trong nhà của mình.

Bồ-tát Quán Thế Âm nói rằng: Con có thể khiến cho những chúng sanh đa dâm lìa xa tham dục.

Một đoạn trong Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn phẩm trong kinh Pháp Hoa có nói rằng: “*Nhược đa dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát, tiện đắc ly dục.*—Nếu có chúng sinh lòng nhiều dâm dục, thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, liền được lìa hẳn dâm dục.”

Đó cũng là nghĩa tiêu biểu của kinh văn. “Nhiều tham dục” đặc biệt chỉ cho tham muốn tình dục. Vấn đề lớn nhất trong đời sống con người, vấn đề hầu như nan giải, đó là tham muốn tình dục. Nhìn thông suốt được sự rắc rối của nam nữ và bỏ qua một bên được điều ấy thì đó là tự do chân thật. Nếu quý vị không thể nhìn thông suốt được điều ấy và bỏ qua một bên được điều ấy, thì quý vị

không thể nào có được tự do, và không thể nào trở nên giác ngộ. Nếu quý vị thực sự lão thật trong công phu, thì khi ăn cơm, quý vị không biết mình đang ăn, khi mặc không biết mình đang mặc áo. Nếu quý vị có thể quên việc đang ăn cơm và đang mặc áo, thì quý vị sẽ càng dễ từ bỏ mọi thứ bên ngoài. Nếu đàn ông có thể quên bạn gái của mình và phụ nữ có thể quên bạn trai của mình—nếu quý vị có thể đập tan từng mảnh cảnh giới này—thì công phu quý vị có chút thực chất. Quý vị dính mắc nhiều ít với anh chị em mình, với con trai con gái mình, và với toàn thể họ hàng bà con mình. Để học Phật pháp, quý vị phải phóng hạ mọi thứ. Đang lúc học Phật pháp, quý vị đừng nên để ý đến chuyện gì khác. Quý vị nên như người mới bắt đầu lại, hãy quên mọi chuyện trong quá khứ. Với cách đó, dòng nước Phật pháp mới có thể thấm nhuần tâm bồ-đề. Nếu quý vị không thể phóng hạ mọi thứ và không thể từ bỏ điều gì cả, thì dòng nước Phật pháp chẳng thể nào nuôi dưỡng tâm bồ-đề. Nếu quý vị có thể thường xuyên trì tụng danh hiệu và lễ kính Bồ-tát Quán Thế Âm, thì tâm dâm dục của quý vị sẽ tiêu mất.

Vấn đề quan trọng nhất trong tu tập là cắt đứt hẳn niệm tưởng dâm dục. Nếu quý vị không làm được điều này, thì không thể nào ra khỏi Tam giới. Quý vị không thể nào quyết định muốn trở nên giác ngộ và vẫn không thể lìa xa những kinh nghiệm của thế gian này. Nếu quý vị không thể nào tách rời những chuyện yêu đương trên trần gian, thì quý vị không thể nào thành Phật được. Quý vị không thể nào mong được cả hai. Không Tử cũng có nói:

Không thể cùng lúc có cả cá và tay gấu.¹

Dù người ta thích ăn cá và chân gấu, nhưng không thể nào ăn được cả hai thứ đó cùng một lúc. Cũng giống như vậy, quý vị không thể nào hưởng lạc thú trần gian và phước lạc xuất thế trong cùng một lúc. Quý vị muốn thành Phật, nhưng quý vị không thể nào lìa xa được ngũ dục thế gian là *tài, sắc, danh, thực, thùy*. Thì chẳng có cách nào thành tựu được.

Kinh văn:

十者純音無塵，根境圓融，無對所對，
能令一切忿恨眾生離諸嗔恚。

Thập giả thuần âm vô trần, căn cảnh viên dung, vô đối sở đối, năng linh nhất thiết phân hận chúng sanh ly chư sân khuê.

Việt dịch:

Mười là con chỉ lưu lại thuần một viên âm thanh tịnh, không còn đối tượng thanh trần, căn cảnh viên dung, không còn đối đãi năng sở, khiến cho chúng sanh xa lìa được tham sân si sân nhuê.

Giải thích:

Lục vô úy thứ Mười là con chỉ lưu lại thuần một viên âm thanh tịnh, không còn đối tượng thanh trần, căn cảnh viên dung.

Khi mình đã quay tánh nghe trở lại để nghe tự tánh

¹ Bi chương.

E: You can't have fish and bear-paws at the same time.

của mình, âm thanh trở nên thanh tịnh, đó chỉ có nghĩa là trong đó chẳng còn tiếng gì cả. Âm thanh lặng không và thanh trần vắng bật. Lúc đó chỉ còn sự dung thông của sáu căn và sáu trần. Trên thế gian này, bất luận mọi điều xấu ác nào, đều có thể trở nên tốt đẹp nếu quý vị biết cách xử sự với nó. Và mọi điều tốt đẹp đều có thể trở nên xấu ác nếu quý vị không biết cách xử sự với nó. Trước đây trong kinh văn chư Phật trong mười phương đã chỉ dạy cho A-nan rằng chính tên giặc sáu căn là nguyên nhân gây ra sai lầm, và cũng chính sáu căn là cái có thể khiến cho chúng ta thành tựu quả vị Phật. Chính là sáu căn chứ chẳng cái gì khác. Nếu quý vị biết vận dụng chúng, chúng sẽ giúp đỡ cho quý vị. Còn nếu không biết cách vận dụng chúng, thì chúng sẽ tàn phá đến mình. Cũng giống như tiền, khi mình có tiền, nếu biết rằng mình nên làm những việc công đức và làm những việc thiện để giúp ích cho mọi người, thì tiền ấy sẽ không bị phí phạm. Nhưng nếu quý vị dùng tiền để hút xác và cờ bạc và những việc không lành mạnh khác, là quý vị đã dùng tiền của mình để tạo nên nghiệp chướng. Đạo lý này cũng tương tự như sáu căn.

Khi âm thanh không còn và căn trần viên thông, tức **không còn đối đãi năng sở**. Là bất nhị (non-dual); thành nhất thể. Thế nên chẳng còn sáu căn hoặc sáu trần; và thế nên sáu căn chỉ là sáu căn và sáu trần chỉ là sáu trần. Chẳng còn sự xung đột giữa sáu căn và sáu trần khi hành giả đạt đến trạng thái này. Nên con có thể **khiến cho chúng sanh xa lìa được tham sân si nhuế**.

Con có thể khiến cho tánh nóng giận, tâm hung dữ, lòng căm hờn của chúng sinh tiêu mất. ‘Sân nhuế’ là chỉ cho tâm nóng giận và phiền não. Kinh Pháp Hoa nói: ‘Nếu có người nhiều tâm sân si, thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì có thể trừ diệt được tâm sân hận.’¹

Điểm cốt yếu ở đây là phải thường niệm. Không phải là ngày nay niệm rồi ngày mai quên; sáng niệm mà tối lại chẳng niệm; cũng chẳng phải tháng này niệm rồi tháng sau không. Quý vị phải niệm hằng ngày trong công phu của mình mới xứng đáng được gọi là thường niệm. ‘Cung kính’ không có nghĩa là quý vị niệm Phật nhưng chẳng tin vào Đức Phật. Quý vị chắt chứa nỗi hoài nghi: ‘Có thực như vậy không? Có sức mạnh như thế chẳng?’ Một khi quý vị đã bắt đầu đặt vấn đề, thì quý vị sẽ không thể nào thành tựu được. Thế nên với niềm tin và thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, quý vị sẽ không còn tâm sân hận nữa, và quý vị sẽ không còn tâm phiền não dữ dội nữa. Quý vị đã bỏ lại các thứ ấy lại phía sau rồi.

Kinh văn:

十一者，銷塵旋明法界身心。猶如瑠璃，朗徹無礙。能令一切昏鈍性障，諸阿顛迦永離癡暗。

¹ Phẩm Phổ môn.

Thập nhất giả, tiêu trần triền minh pháp giới thân tâm. Du như lưu ly, lắng triệt vô ngại. Năng linh nhất thiết hôn độn tánh chướng, chư a-điên-ca vĩnh ly si ám.

Việt dịch:

Mười một là, tiêu dung thanh trần đối tượng, con xoay cái nghe về tánh bản minh, thân tâm và pháp giới trong sáng như lưu ly, lắng trong, không ngăn ngại. Khiến cho những chúng sanh ngu ngốc mê tối xa lìa sự si mê tăm tối.

Giảng giải:

Lục vô úy thứ mười một là, tiêu dung thanh trần đối tượng, con xoay cái nghe về tánh bản minh. Khi cảnh giới sáu căn và sáu trần đã tiêu dung rồi, con phát ra ánh sáng. Thân tâm và pháp giới trong sáng như lưu ly. Thân tâm là pháp giới, pháp giới là thân tâm. Chúng trở thành một. Thân tâm trùm khắp pháp giới; đó chẳng phải là cảnh giới Phật hay sao? Đó cũng là cảnh giới của Bồ-tát Quán Thế Âm. Thân tâm trở nên như ngọc lưu ly, lắng trong, không ngăn ngại. Từ bên trong có thể nhìn xuyên suốt qua bên ngoài, từ bên ngoài có thể nhìn thấu suốt vào bên trong. Chẳng còn trong ngoài, nhỏ lớn. Giống như Thiền sư Đại Hưu¹ trong núi Ling Yen. Ngài xứng đáng mang tên như vậy. Sư làm cho mình một ngôi mộ bằng đá vừa đủ cho mình ngôi. Rồi sư làm một cánh cửa bằng đá bên ngoài, khắc trên đó cặp câu đối như sau:

¹ C: Da Xiu; e: great rest.

*Vô đại vô tiểu, vô nội ngoại
Tự tu tự liễu, tự an bài.*

Tạm dịch:

*Chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng trong ngoài
Tự tu, tự biết, tự an bài.*

Có nghĩa là, Sư tự mình tu tập, tự mình biết, và rồi tự an táng cho chính mình. Sau khi Sư khắc xong câu đối, Sư ngồi trong mộ, đóng cửa đá lại, và tịch diệt. Sư nhập niết-bàn. Đó là một chuyện không thể nghĩ bàn. Thế nên khi Sư đã viên tịch rồi, đó quả thực là một việc trọng đại. Năng lực tự tại giải thoát của Sư lớn lao vô cùng! Tôi được diện kiến Sư tại *Su Zhou* trên núi *Ling Yen*. Sư tự tu tập cho chính mình và cho mọi người khác. Sư không làm phiền một ai cả.

Thế nên con có thể **khiến cho những chúng sanh ngu ngốc mê tối—nhất-xiển-đề¹—xa lìa sự si mê tăm tối.**

Họ không có trí huệ và vì thế nên họ không thể nhìn thông suốt và hiểu biết rõ ràng điều gì cả. Giống như con dao đã cùn không thể cắt được vật gì cả. Họ nhầm lẫn đúng với sai và nhầm lẫn sai với đúng. Nhưng

¹ S: icchantika. Hán phiên âm Nhất-điên-ca 一顛迦, Nhất-xiển-đề 一闍提. Căn cứ Kinh Niết-bàn bản Bắc, quyển 26, quyển 32 có ghi: Nhất-xiển-đề, tức những người phé bỏ nhân quả, cho rằng nghiệp thiện ác đều không có quan hệ gì đến quả báo lành hay dữ. Chủ trương này là của nhóm Thuận thế ngoại đạo 順世外道. Có khi dùng lẫn lộn với chữ *Ātyantika* (Hán dịch: Tất cánh 畢竟), cũng phiên âm là Nhất-xiển-đề 一闍提, A-điên-đề-ca 阿顛底迦.

Bồ-tát Quán Thế Âm có thể khiến cho những người này xa lìa hẳn những chướng ngại đã vây phủ lấy họ.

Ātyantika là tiếng Sankrit, có nghĩa là ‘Cực ác.’ Nếu quý vị đề nghị những người này làm một việc gì tốt lành, họ sẽ không bao giờ làm. Thay vì cho ai một đồng tiền để làm việc tốt lành, họ giữ rịt đồng tiền trong tay khiến cho chất đồng phải tan chảy. Nếu quý vị bảo họ hãy giúp đỡ một người nào đó, phản ứng của họ là cho rằng điều ấy thật điên rồ. “Tiền của tôi là để cho tôi xài. Tại sao tôi phải cho người khác?” Tuy nhiên, Bồ-tát Quán Thế Âm có thể giúp cho những người này thoát khỏi sự mê muội, suy nghĩ tối tăm của họ. Những người không muốn giúp đỡ người khác là những kẻ không hề có chút ánh sáng trong tự tánh của mình, do vậy, đó là hạng người tối tăm ngu muội.

Đoạn văn trên đề cập đến tham và sân. Đoạn kinh này nói đến tâm si. Kinh Pháp Hoa nói rằng: Nếu có người nhiều tâm sân hận, thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì có thể trừ diệt được tâm si mê.’

Có một người rất giàu, rất ham tiền và không muốn chia xẻ cho ai cả. Ông ta có ba người con. Ông đặt tên cho người con trưởng là Vàng, người con thứ hai là Bạc. Người con thứ ba, ông sợ rằng nó sẽ đem tiền của mình làm việc thiện thay vì tích chứa, thế nên ông đặt cho con tên là Nghiệp chướng. Không ông sắp lâm chung, ông gọi người con trưởng lại và nói, “Ta sắp đi rồi. Con đi với ta chứ?”

Vàng nói, “Ông già dở hơi! Làm sao con lại chết với ba được? Bình thường cha thương con nhất. Sao đến lúc chết, cha lại muốn hại con?” Vàng không muốn đi với cha.

Ông nghĩ, “Thế thì ta sẽ bảo đưa con thứ.” Rồi ông gọi Bạc đến. “Anh con không muốn đi với cha. Con đi chứ? Con vốn rất là có hiếu.”

Đưa con thứ hai trả lời, “Nếu cha chết, thì cứ chết một mình. Dù con là con của cha, nhưng con không thể nào chết theo cha được. Cha thật là kỳ cục. Con còn quá trẻ.” Vàng không muốn chết theo cha, Bạc cũng vậy. Ông gọi người con thứ ba là Nghiệp chướng. “Ngày thường con rất ngỗ nghịch, thế nên cha không thương con lắm. Nhưng nay cha sắp chết, anh Vàng và Bạc của con không muốn theo cha. Con hãy suy nghĩ thật kỹ xem có thể theo cha không?” Nghiệp chướng đáp, “Con chẳng cần phải suy nghĩ gì. Dĩ nhiên là con sẽ đi. Nay cha xem Vàng và Bạc, là những người mà cha rất yêu quý mà họ lại không đáp ứng được yêu cầu của cha. Nhưng con, Nghiệp chướng, thì sẽ theo cha đến bất cứ nơi đâu. Khi sống con đồng hành với cha và đến khi chết con cũng sẽ theo cha. Cha hãy xem ai là người con có hiếu nhất?”

*Chẳng có thứ gì mang theo được
Chỉ có nghiệp chướng sẽ theo mình.*

Người cha già suy gẫm lại, thấy toàn bộ vàng và bạc mà ông đã tích lũy sẽ đem lại niềm vui cho hai đứa

con đầu và thứ, trong khi mình phải chết. Ông dâng tràn một niềm hối hận sâu xa. Ông suy nghĩ, “Ước gì mình xây cất một ngôi chùa hoặc một đạo tràng trong thời gian còn lại, Nhưng đã quá muộn. Nay ta sắp chết rồi.”

Đạo lý của câu chuyện này là, đừng như ông già kia. Nếu quý vị có phương tiện, hãy làm ngay những việc tốt lành.

Kinh văn:

十二者融形復聞，不動道場涉入世間，不壞世界能遍十方。供養微塵諸佛如來，各各佛邊為法王子。能令法界無子眾生。欲求男者，誕生福德智慧之男。

Thập nhị giả, dung hình phục văn, bất động đạo tràng thiệp nhập thế gian, bất hoại thế giới. Năng biến thập phương. Cúng dường vi trần chư Phật Như Lai, các các Phật biên vi pháp vương tử. Năng linh pháp giới vô tử chúng sanh. Dục cầu nam giả, đản sanh phước đức trí huệ chi nam.

Việt dịch:

Mười hai là viên dung các hiện tượng, con xoay tánh nghe trở về. Nơi đạo tràng bất động mà hòa vào thế gian nhưng không hủy hoại thế giới. Có thể cúng dường chư Phật Như Lai như số vi trần trong khắp mười phương, con ở bên mỗi Đức Phật làm Pháp vương tử. Khiến trong pháp giới những chúng sanh

không có con, cầu có con trai, sanh được con trai phước đức trí tuệ.

Giải thích:

Lực vô úy thứ mười hai là, viên dung các hiện tượng, con xoay tánh nghe trở về—khi thân đã chuyển hóa và trở về với tánh nghe—Nơi đạo tràng bất động mà hòa vào thế gian nhưng không hủy hoại thế giới.

‘Đạo tràng bất động’ có nghĩa là thường an trú trong Đạo tràng bản nguyên của mình. Chẳng hạn, Bồ-tát Quán Thế Âm hiện nay đang ở trong Phật giáo Giảng đường, nhưng dù ngài ở đây, ngài vẫn có thể du hành khắp cả thế giới. Không phải là ngài đi từ nơi đây, mà hóa thân của ngài hiện ra khắp chốn. Và thế giới vẫn không bị biến hoại. Với pháp thân, ngài Có thể cúng dường chư Phật Như Lai như số vi trần trong khắp mười phương. Ngài đi khắp mười phương để làm Phật sự. Con ở bên mỗi Đức Phật làm Pháp vương tử. Khiến trong pháp giới những chúng sanh không có con, cầu có con trai, sanh được con trai phước đức trí tuệ.

Kinh văn:

十三者六根圓通，明照無二含十方界。立大圓鏡空如來藏。承順十方微塵如來。祕密法門受領無失。能令法界無子眾生，欲求女者，誕生端正福德柔順，眾人愛敬有相之女。

Thập tam giả lục căn viên thông, minh chiếu vô nhị, hàm thập phương giới. Lập đại viên kính không Như Lai tạng. Thừa thuận thập phương vi trần Như Lai. Bí mật pháp môn thọ lĩnh vô thất. Năng linh pháp giới vô tử chúng sanh, dục cầu nữ giả, đản sanh đọa chánh phước đức nhu thuận, chúng nhân ái kính hữu tướng chi nữ.

Việt dịch:

Mười ba là, sáu căn của con được viên thông, cái được soi sáng là bất nhị, trùm khắp mười phương phương, thành đại viên kính không Như Lai tạng, con vắng lãnh những pháp môn bí mật của thập phương Như Lai như vi trần không hề thiếu sót, khiến cho trong pháp giới những chúng sanh không có con, cầu có con gái, sanh được con gái tướng tốt đọa chính, phước đức dồi dào, được nhiều người kính quý.

Giảng giải:

Lục vô úy thứ mười ba là, sáu căn của con được viên thông, soi sáng vô nhị,¹ trùm khắp mười phương, thành đại viên kính không Như Lai tạng.

Mắt tai mũi lưỡi thân ý đều không chướng ngại và viên thông lẫn nhau. Mọi thứ đều hợp thành một. Sáu căn hỗ dụng. Giống như tấm gương lớn hiển bày kho tàng không tịch của các đức Như Lai.

Con vắng lãnh những pháp môn bí mật của thập phương Như Lai như vi trần không hề thiếu sót.

¹ Soi sáng một cách không phân biệt, soi sáng bình đẳng.

kiến cho trong pháp giới những chúng sanh không có con, cầu có con gái, sanh được con gái tướng tốt đoan chính, phước đức dụn dằng, được nhiều người kính quý.

Nếu có người muốn sinh con gái, họ sẽ có được con gái đoan chính, dụn dằng. Mọi người khi gặp người con gái này đều liền quý mến và kính trọng. Đó sẽ là người con gái hiền thực và hoàn hảo.

Kinh văn:

十四者此三千大千世界百億日月。
現住世間諸法王子。有六十二恒河沙數
修法垂範。教化眾生隨順眾生。方便智
慧各各不同。

Thập tứ giả, thử tam thiên đại thiên thế giới bá ức nhật nguyệt. Hiện trụ thế gian chư pháp vương tử, hữu lục thập nhị hằng hà sa số, tu pháp tùy phạm, giáo hóa chúng sanh, tùy thuận chúng sanh. Phương tiện trí huệ các các bất đồng.

Việt dịch:

Mười bốn là, trong tam thiên đại thiên thế giới này, có trăm ức mặt trời, mặt trăng, các Pháp vương tử hiện ở trong thế gian đông như số cát 62 sông Hằng, đều tu Phật pháp, làm gương mẫu, giáo hóa chúng sanh, tùy thuận chúng sinh. Trí tuệ và phương tiện mỗi Ngài đều khác nhau.

Giảng giải:

Lực vô úy thứ mười bốn là, trong tam thiên đại thiên thể giới này, có trăm ức mặt trời, mặt trăng, các Pháp vương tử hiện ở trong thế gian đông như số cát 62 sông Hằng, các ngài hiện đang an trụ ngay trên thế gian này—đều tu Phật pháp, làm gương mẫu, giáo hóa chúng sanh, tùy thuận chúng sinh. Trí tuệ và phương tiện mỗi Ngài đều khác nhau. Các ngài dùng phương tiện thiện xảo và quyền trí khác nhau để giáo hóa mỗi loại chúng sinh khác nhau.

Kinh văn:

由我所得圓通本根發妙耳門。然後身心微妙含容遍周法界。能令眾生持我名號。與彼共持六十二恒河沙諸法王子。二人福德正等無異。

Do ngã sở đắc viên thông, bốn căn phát diệu nhĩ môn. Nhiên hậu thân tâm vi diệu hàm dung biến chu pháp giới. Năng linh chúng sanh trì ngã danh hiệu, dĩ bỉ cộng trì lực thập nhị hằng hà sa chư Pháp vương tử. Nhị nhơn phước đức chánh đẳng vô dị.

Việt dịch:

Do con được tính viên thông, phát ra diệu tính của nhĩ căn. Nên thân tâm vi diệu trùm khắp pháp giới. Khiến cho chúng sanh chấp trì danh hiệu của con, so với những người chấp trì danh hiệu Pháp

vương tử số lượng bằng 62 số cát sông Hằng nói trên, công đức bằng nhau không sai khác.

Giảng giải:

Do con được tính viên thông, phát ra diệu tính của nhĩ căn. Con, Bồ-tát Quán Thế Âm đã chứng được nhĩ căn viên thông, và có được những năng lực nhiệm mầu vi diệu từ nhĩ căn. **Nên thân tâm vi diệu trùm khắp pháp giới.** Trạng thái vi diệu này trùm khắp cả mười phương, suốt khắp cả pháp giới. Do vậy, **khiến cho chúng sanh chấp trì danh hiệu của con—những người trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát—so với những người chấp trì danh hiệu Pháp vương tử số lượng bằng 62 số cát sông Hằng nói trên, công đức bằng nhau không sai khác.** Người chỉ niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, và người kia niệm danh hiệu của các vị Bồ-tát nhiều như số cát trong 62 sông Hằng, quả báo công đức của mỗi người đều bằng nhau. Điều này chỉ cho thấy công đức to lớn của việc trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm như thế nào.

Kinh văn:

世尊我一號名與彼眾多名號無異，由我修習得真圓通。

Thế tôn, ngã nhất hiệu danh dĩ bỉ chúng đa danh hiệu vô dị, do ngã tu tập đắc chơn viên thông.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, một danh hiệu của con, cùng với

các danh hiệu kia đều không sai khác, là do con tu tập được tính viên thông chân thực.

Giảng giải:

Bạch Thế tôn, một danh hiệu của con, danh hiệu, Quán Thế Âm Bồ-tát, cùng với các danh hiệu kia đều không sai khác, có nghĩa là các vị Bồ-tát nhiều như số cát trong 62 sông Hằng. Điều nấy như thế nào? Làm sao mà công đức có thể của một danh hiệu lại sánh bằng nhiều danh hiệu như vậy? Đó là vì do con tu tập được tính viên thông chân thực.

Kinh văn:

是名十四施無畏力, 福備眾生.

Thị danh thập tứ thí vô úy lực, phước bị chúng sanh.

Việt dịch:

Đó gọi là Mười bốn lực vô úy, con đem điều phước đến đầy đủ khắp cho các chúng sinh.

Giảng giải:

Đó gọi là Mười bốn lực vô úy, con đem điều phước đến đầy đủ khắp cho các chúng sinh.

Con đến để giúp đỡ cho họ, bất kỳ lúc nào có người cầu cứu, con liền cứu giúp.

Kinh văn:

世尊我又獲是圓通修證無上道故, 又能善獲四不思議無作妙德。一者由我初獲妙妙聞心, 心精遺聞。見聞覺知不能

分隔，成一圓融清淨寶覺。故我能現眾多妙容。能說無邊祕密神呪。

Thế tôn, Ngã hựu hoạch thị viên thông tu chứng vô thượng đạo cố, hựu năng thiên hoạch tứ bất tư nghì vô tác diệu đức. Nhất giả do ngã sơ hoạch diệu diệu văn tâm, tâm tinh di văn. Kiến văn giác tri bất năng phân cách, thành nhất viên dung thanh tịnh bảo giác. Cố ngã năng hiện chúng đa diệu dụng. Năng thuyết vô biên bí mật thần chú.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn! Con lại được đạo tu chứng viên thông vô thượng đó, nên lại khéo được bốn đức vô tác nhiệm mầu không thể nghĩ bàn:

Một là, ban đầu con chứng được tánh nghe vi diệu, tâm tính không còn các tướng năng văn. Các việc thấy nghe hay biết không còn cách biệt, con thành tựu được bảo giác viên dung thanh tịnh. Nên con có thể hiện ra rất nhiều diệu dụng, nói được rất nhiều thần chú bí mật.

Giảng giải:

Bạch Thế tôn! Con lại được đạo tu chứng viên thông vô thượng đó, nên lại khéo được bốn đức vô tác nhiệm mầu không thể nghĩ bàn:

Bốn công đức không thể nghĩ bàn này là những gì?

Một là, ban đầu con chứng được tánh nghe vi diệu, tâm tính không còn các tướng năng văn.

Ban đầu, khi con chứng đắc được nhờ công phu

phản văn văn tự tánh—vi diệu trong vi diệu—tâm con trở nên tinh ròng và các tướng năng văn đều trở nên tiêu mất. Chân tâm hiển bày, và con đạt đến cảnh giới tinh anh vi diệu. Khi các tướng năng văn đã tiêu dung. **Các việc thấy nghe hay biết không còn cách biệt.** Các căn khác đều viên thông và không còn bị phân cách. **Con thành tựu được bảo giác viên dung thanh tịnh.** Điều này có nghĩa là ngài đã chứng được nhất thể, không còn có sự phân biệt giữa năng và sở.

Nên con có thể hiện ra rất nhiều diệu dụng, nói được rất nhiều thần chú bí mật.

Kinh văn:

其中或現一首三首。五首七首九首十一首。如是乃至一百八首。千首萬首八萬四千燼迦囉首。

Kỳ trung hoặc hiện nhất thủ tam thủ. Ngũ thủ thất thủ cửu thủ thập nhất thủ. Như thị nãi chí nhất bá bát thủ. Thiên thủ vạn thủ bát vạn tứ thiên thước-ca-la thủ.

Việt dịch:

Chẳng hạn, con có thể hiện ra từ 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu cho đến 84.000 đầu thước-ca-la.

Giảng giải:

Không những Bồ-tát Quán Thế Âm có ngàn tay ngàn mắt, mà ngài còn có vô số đầu—nhiều đến 84.000 đầu. Hình tướng của Bồ-tát Quán Thế Âm đều thể hiện ra đủ cả. Ngài nói, **Con có thể hiện ra từ 1 đầu, 3 đầu—**

Hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm có ba mặt –5 đầu –
 Hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm có năm mặt –7 đầu –
 – Hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm có bảy mặt – hoặc 9
**đầu, 11 đầu, 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu cho đến
 84.000 đầu *thuốc-ca-la***. *Thuốc-ca-la* (vajra) có nghĩa là
 mạnh và cứng chắc.

Kinh văn:

二臂四臂六臂八臂。十臂十二臂十
 四十六。十八二十至二十四。如是乃至
 一百八臂千臂萬臂。

*Nhị tý tứ tý lục tý bát tý. Thập tý thập nhị tý thập
 tứ thập lục. Thập bát nhị thập chí nhị thập tứ. Như thị
 nãi chí nhất bá bát tý thiên tý vạn tý. Bát vạn tứ thiên
 mẫu- đà-la tý.*

Việt dịch:

Con có thể hiện ra 2 tay, 4 tay, 6 tay, 12 tay, 14
 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay, 24 tay, 108 tay rồi 1.000 tay,
 10.000 tay cho đến 84.000 tay *mẫu-đà-la*.

Giải thích:

Bồ-tát Quán Thế Âm còn có thể hiện ra 2 tay, 4 tay,
 6 tay, 12 tay, 14 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay, 24 tay. Hoặc
 có thể hiện thành 108 tay rồi 1.000 tay, 10.000 tay cho
 đến 84.000 tay *mẫu-đà-la*. *Mẫu-đà-la* là tiếng Sanskrit, có
 nghĩa là thủ ấn.¹ Trong lòng mỗi bàn tay, có một cái ấn.

¹ S: Mūdra; 母陀羅.

Kinh văn:

二目三目四目九目。如是乃至一百八目千目萬目。八萬四千清淨寶目。或慈或威或定或慧。救護眾生得大自在。

Nhị mục tam mục tứ mục cứu mục. Như thị nãi chí nhất bát bát mục thiên mục vạn mục. Bát vạn tứ thiên thanh tịnh bảo mục. Hoặc từ hoặc oai hoặc định hoặc huệ. Cứu hộ chúng sanh đắc đại tự tại.

Việt dịch:

Hoặc có thể hiện ra 2 mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, 108 mắt, rồi 1.000 mắt, 10.000 mắt, cho đến 84.000 con mắt báu thanh tịnh. Hoặc khi thì (hiện thân) từ, khi thì uy, khi thì định, khi thì tuệ để cứu độ chúng sanh được hoàn toàn tự tại.

Giải thích:

Pháp thân của Bồ-tát Quán Thế Âm có thể thị hiện thành 2 mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, 108 mắt, rồi 1.000 mắt, 10.000 mắt, cho đến 84.000 con mắt báu thanh tịnh. Làm sao mà Bồ-tát Quán Thế Âm có thể hiện ra nhiều hóa thân như vậy? Vì trong nhân địa, ngài đã tu tập Đại bi thân chú và 42 Thủ nhãn ấn pháp, thế nên ở quả địa, khi công phu tu tập đã viên mãn, ngài có được vô số hóa thân.

Hoặc khi thì (hiện thân) từ, khi thì uy, khi thì định, khi thì tuệ để cứu độ chúng sanh được hoàn toàn tự tại.

Các con mắt của ngài có khi thể hiện tâm từ, hoặc có khi hiện ra vẻ uy nghi. Có khi mắt ngài biểu hiện ánh sáng của định lực hoặc trí huệ. Ngài biểu hiện những tướng này **để cứu độ chúng sanh được hoàn toàn tự tại.**

Kinh văn:

二者由我聞思脫出六塵。如聲度垣不能為礙。故我妙能現一一形。誦一一呪。其形其呪。能以無畏施諸眾生。是故十方微塵國土。皆名我為施無畏者。

Nhị giả do ngã văn tư thoát xuất lục trần. Như thanh độ viên bất năng vi ngại. Cố ngã diệu năng hiện nhất nhất hình, tụng nhất nhất chú. Kỳ hình kỳ chú năng dĩ vô úy thí chư chúng sanh. Thị cố thập phương vi trần quốc độ. Giai danh ngã vi thí vô úy giả.

Việt dịch:

Hai là do tánh nghe và suy nghĩ của con thoát ngoài sáu trần, như âm thanh xuyên qua vách tường, không bị ngăn ngại. Cho nên diệu dụng của con có thể hiện ra mỗi mỗi hình, tụng mỗi mỗi chú. Hình và chú đó đều có thể đem sức vô úy mà bố thí cho chúng sinh. Thế nên các cõi nước trong mười phương nhiều như vi trần đều gọi con là vị bố thí sự không sợ hãi.

Giải thích:

Diệu đức vô tác thứ hai là: Hai là do tánh nghe và suy nghĩ của con thoát ngoài sáu trần. Con tu tập văn huệ và tư huệ, vượt thoát ra khỏi sáu trần, sắc thanh

huong vị xúc pháp. Con không còn dính mắc với chúng nữa. Đó như âm thanh xuyên qua vách tường, không bị ngăn ngại. Cho nên diệu dụng của con có thể hiện ra mỗi mỗi hình, tụng mỗi mỗi chú.

Hình sắc mà con thị hiện và chú do con trì tụng đều có thể đem sức vô úy mà bố thí cho chúng sinh. Chúng đều có năng lực ban phát sự không sợ hãi. Thế nên các cõi nước trong mười phương nhiều như vi trần đều gọi con là vị bố thí sự không sợ hãi.

Kinh văn:

三者由我修習本妙圓通清淨本根，所遊世界，皆令眾生，捨身珍寶求我哀愍。

Tam giả do ngã tu tập bản diệu viên thông thanh tịnh bản căn, sở du thế giới, giai linh chúng sanh, xả thân trân bảo cầu ngã ai mẫn.

Việt dịch:

Ba là do con tu tập căn tính bản diệu viên thông thanh tịnh, nên đi qua thế giới nào, đều khiến cho chúng sinh xả thân, xả đồ trân bảo, cầu con thương xót.

Giảng giải:

Ba là do con tu tập căn tính bản diệu viên thông thanh tịnh. Ngài đang nói đến bản tính thanh tịnh của nhĩ căn—tánh nghe. Nên đi qua thế giới nào, đều khiến cho chúng sinh xả thân, xả đồ trân bảo, cầu con thương xót. Chúng sinh đều hy sinh thân mạng của họ và xả ly mọi tài sản quý báu của họ để cầu sự giúp đỡ của con.

Kinh văn:

四者我得佛心證於究竟。能以珍寶種種供養十方如來，徧及法界六道眾生。

Tứ giả ngã đắc Phật tâm, chứng ư cứu cánh. Năng dĩ trân bảo chủng chủng cúng十方如來,徧及法界六道眾生.

Việt dịch:

Thứ tư, do con chúng được tâm Phật, đạt đến chỗ rốt ráo, nên có thể đem các thứ trân báu cúng dường mười phương Như Lai, khắp đến chúng sinh trong sáu đường cả pháp giới.

Giải thích:

Diệu đức vô tác thứ tư là: **Do con chúng được tâm Phật, đạt đến chỗ rốt ráo.** Con chúng được chân tâm Như Lai tạng. ‘Rốt ráo’ có nghĩa là địa vị tột bậc của Phật quả. **Nên có thể đem các thứ trân báu cúng dường mười phương Như Lai, rộng đến chúng sinh trong sáu đường khắp pháp giới.** Bất kỳ các loài chúng sinh muốn điều gì, con đều đáp ứng cho họ được mãn nguyện.

Kinh văn:

求妻得妻求子得子。求三昧得三昧。求長壽得長壽。如是乃至求大涅槃得大涅槃。

Cầu thê đắc thê cầu tử đắc tử, cầu tam-muội đắc

tam-muội. Cầu trường thọ đắc trường thọ. Như thị nãi chí cầu đại niết-bàn đắc đại niết-bàn.

Việt dịch:

Ai cầu vợ thì được vợ, cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu sống lâu được sống lâu. Như thế cho đến cầu Đại niết-bàn liền được Đại niết-bàn.

Giảng giải:

Bất kỳ chúng sinh trong lục đạo mười phương ước nguyện điều gì cũng đều được ban phát. Bồ-tát Quán Thế Âm biết rằng ai cũng ước muốn có người vợ hiền thực. Nếu **ai cầu vợ thì được vợ**, nếu họ mong cầu có người vợ ngoan hiền, họ liền có được người vợ ngoan hiền. Đó là ước muốn cao nhất của mọi chúng sinh. Khi đã có vợ hiền rồi, thì họ lại ước muốn có con. Thế nên điều thứ hai là Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ làm là ban cho họ con cái. **Cầu con được con**, nếu họ mong được sinh con trai, liền được con trai; nếu họ mong được con gái, liền được con gái. Điều thứ ba, ngài nói: **Cầu tam-muội được tam-muội, cầu sống lâu được sống lâu**. Nếu có người đã có vợ, có con rồi mà cảm thấy rằng cuộc đời con người thật là vô nghĩa, thế nên phát tâm tu tập để thoát khỏi thế gian và mong được tam-muội, thì họ sẽ được tam-muội. Có người mong được sống lâu, thì họ sẽ được sống lâu. Họ muốn trở nên bất tử và không bao giờ chết, họ sẽ được như vậy. **Như thế cho đến cầu Đại niết-bàn liền được Đại niết-bàn**. Nếu có chúng sinh nào mong cầu thành Phật, thì họ có thể đạt được quả vị Phật.

Kinh văn:

佛問圓通，我從耳門圓照三昧，緣心自在。因入流相，得三摩提，成就菩提。斯為第一。

Phật vấn viên thông, ngã tòng nhĩ môn viên chiếu tam muội, duyên tâm tự tại. Nhân nhập lưu tướng, đắc tam-ma-đề, thành tựu bồ-đề. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi về viên thông, con do được viên chiếu tam-muội nơi nhĩ căn mà duyên tâm được tự tại. Nhân tướng nhập lưu mà được tam-ma-đề, thành tựu quả vị bồ-đề. Đó là thứ nhất.

Giải thích:

Đức Phật hỏi về viên thông. Đức Phật hỏi các đệ tử của ngài, ban đầu bằng phương tiện nào mà chúng được viên thông. **Con do được viên chiếu tam-muội nơi nhĩ căn.** Con tu tập nơi tánh nghe mà thành tựu định lực. **Mà duyên tâm được tự tại.** Nhân tướng nhập lưu mà được tam-ma-đề, thành tựu quả vị bồ-đề. **Đó là thứ nhất.** Tâm phan duyên của con không còn nữa, con được tự tại. Con đã xoay tánh nghe để nhận ra tự tánh, và thành tựu đạo vô thượng. Đây là phương pháp hay nhất.

Kinh văn:

世尊彼佛如來。歎我善得圓通法門。於大會中授記我為觀世音號。

Thế tôn bử Phật Như Lai tán ngã thiện đắc viên thông pháp môn. Ư đại hội trung thọ ký ngã vi Quán thế âm hiệu.

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, Đức Phật Như Lai đó, đã khen ngợi con khéo chứng được pháp môn viên thông. Trong đại chúng, ngài thọ ký cho con danh hiệu Quán Thế Âm.

Giảng giải:

Bạch Thế tôn, Đức Phật Như Lai đó, đã khen ngợi con khéo chứng được pháp môn viên thông. ‘Đức Phật Như Lai đó’ là chỉ cho Đức Cổ Phật Quán Thế Âm Như Lai. Ngài tán thán con đã chứng được viên thông một cách tự tại. **Nên trong đại chúng, ngài thọ ký cho con danh hiệu Quán Thế Âm.** Ngài gọi con là người “Quán sát âm thanh thế gian.” Cùng danh hiệu của chính ngài.

Kinh văn:

由我觀聽十方圓明，故觀音名遍十方界。

Do ngã quán thính thập phương viên minh, cố quán âm danh biến thập phương giới.

Việt dịch:

Do con thấy nghe thấu suốt mười phương, nên tên gọi Quán Thế Âm cùng khắp mười phương thế giới.

Giảng giải:

Do con thấy nghe thấu suốt mười phương—có nghĩa là, mọi nơi chốn trong suốt mười phương, tận cùng khắp các pháp giới, hợp lại cùng nhau, và con hoàn toàn rõ biết—do vậy, nên tên gọi Quán Thế Âm cùng khắp

mười phương thế giới. Trong mọi Phật độ suốt khắp mười phương, ai cũng biết đến danh hiệu Quán Thế Âm.

Kinh văn:

爾時世尊於師子座，從其五體同放寶光，遠灌十方微塵如來，及法王子諸菩薩頂。

Nhĩ thời Thế tôn ư sư tử toà, tòng kỳ ngũ thể đồng phóng bảo quang, viễn quán thập phương vi trần Như Lai, cập Pháp vương tử chư Bồ-tát đỉnh.

Việt dịch:

Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn nơi sư tử toà, từ năm vóc đều phóng hào quang báu, từ xa rót xuống đánh các Đức Như Lai nhiều như vi trần và trên đánh đầu các vị Bồ-tát Pháp vương tử.

Giải thích:

Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn nơi sư tử toà, từ năm vóc đều phóng hào quang báu. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang ngồi trên toà sư tử, phóng hào quang từ hai bàn tay, hai bàn chân và từ đỉnh đầu của ngài cùng một lúc. Từ xa rót xuống đánh các Đức Như Lai nhiều như vi trần và trên đánh đầu các vị Bồ-tát Pháp vương tử.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni xoa đánh các Đức Như Lai là biểu tượng cho giáo pháp của ngài là cao quý nhất, là *đánh*. Giáo pháp của chư Phật cũng như vậy. Các Đức Như Lai trong khắp mười phương cũng đều tuyên thuyết

giáo pháp cao quý này, như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang tuyên thuyết.

Giáo pháp của các Đức Như Lai đều tương đồng
Hỗ tương nhiếp nhập lẫn nhau.

Kinh văn:

彼諸如來亦於五體同放寶光。從微塵方來灌佛頂。并灌會中諸大菩薩及阿羅漢。

Bỉ chư Như Lai diệc ư ngũ thể đồng phóng bảo quang, tòng vi trần phương lai quán Phật đỉnh. Tinh quán hội trung chư đại Bồ-tát cập A-la-hán.

Việt dịch:

Các đức Như Lai kia, từ năm vóc cũng đều phóng hào quang báu, từ các thế giới nhiều như vi trần đến rót trên đỉnh Đức Phật và trên đỉnh các vị Bồ-tát và A-la-hán trong chúng hội.

Giảng giải:

Các đức Như Lai kia, nhiều như số vi trần trong khắp mười phương, từ năm vóc cũng đều phóng hào quang báu, từ các thế giới nhiều như vi trần. Hào quang báu cũng đồng thời phóng ra từ hai bàn tay, hai bàn chân và từ đỉnh đầu của ngài cùng một lúc, giống như các đạo hào quang mà Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã phóng ra. Hào quang đến và rót xuống **đỉnh Đức Phật và trên đỉnh các vị Bồ-tát và A-la-hán** trong hội chúng.

Kinh văn:

林木池沼皆演法音。交光相羅如寶
絲網。是諸大眾得未曾有。一切普獲金
剛三昧。

Lâm mộc trì chiếu giai diễn pháp âm. Giao quang tương la như bảo ty võng. Thị chư đại chúng đắc vị tăng hữu. Nhất thiết phổ hoạch kim cang tam-muội.

Việt dịch:

Rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp âm. Hào quang giao xen nhau như lưới tơ báu. Đại chúng được điều chưa từng có, tất cả đều chứng được Kim cang tam-muội.

Giải thích:

Rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp âm. Nước chảy, gió reo, và lá cây xào xạc đều là sự diễn bày pháp âm. Hào quang giao xen nhau như lưới tơ báu. Hào quang của chư Phật trong mười phương rót xuống đánh đầu Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, và hào quang từ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại phóng ra, rót xuống đánh đầu các Đức Như Lai trong mười phương nhiều như số vi trần, thể dạng của các đạo hào quang giao xen ấy tạo nên một tấm lưới rất lộng lẫy. Đại chúng được điều chưa từng có, tất cả đều chứng được Kim cang tam-muội. Họ đều chưa từng thấy được điều tốt lành ấy xảy ra bao giờ, khiến mọi người đều đạt được môn Kim cang tam-muội.

Kinh văn:

即時天雨百寶蓮華，青黃赤白間錯紛

糝。十方虛空成七寶色。

Tức thời thiên vũ bá bảo liên hoa, thanh hoàng xích bạch gián thố phân nhũ. Thập phương hư không thành thất bảo sắc.

Việt dịch:

Liên khi ấy, mưa trời rơi xuống loài hoa sen trăm báu, màu xanh vàng đỏ trắng xen lẫn nhau. Mười phương hư không hóa thành màu sắc bảy thứ châu báu.

Giảng giải:

Liên khi ấy, khi mọi người trong chúng hội chứng được Kim cang tam-muội, mưa trời rơi xuống loài hoa sen trăm báu, màu xanh vàng đỏ trắng xen lẫn nhau. Bốn màu sắc này hiện thành những hợp thể khác nhau trên những cánh hoa sen. Những đoá sen màu xanh thì nổi bật lên bên cạnh sắc vàng. Những đoá sen màu vàng lại có những chấm đỏ trong cánh. Những đoá sen màu trắng lấp lánh cùng sắc hồng. Mười phương hư không hóa thành màu sắc bảy thứ châu báu. Bảy thứ châu báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Cả thế giới đều chuyển thành các màu sắc này.

Kinh văn:

此娑婆界大地山河俱時不現。唯見十方微塵國土合成一界。梵唄詠歌自然數奏

Thử ta-bà giới đại địa sơn hà câu thời bất hiện.

Duy kiến thập phương vi trần quốc độ hợp thành nhất giới. Phạm bá vịnh ca tự nhiên số tâu.

Việt dịch:

Núi sông đất liền của cõi ta-bà này cùng lúc không hiện ra. Chỉ thấy các quốc độ như vi trần trong mười phương hợp thành một thế giới. Kệ tụng, tán ca tự nhiên vang lên.

Giải thích:

Núi sông đất liền của cõi ta-bà này cùng lúc không hiện ra. Chỉ thấy các quốc độ như vi trần trong mười phương hợp thành một thế giới.

Thế giới chúng ta đang ở gọi là ta-bà (saha). Tên gọi đó có nghĩa là kham nhẫn. Biểu tượng cho chúng sinh phải kham chịu khổ đau trong thế giới này. Thực vậy, rất khó chịu đựng, nhưng mọi người đều phải trực tiếp nhận chịu nó, chứ không phải chỉ thừa nhận cái khổ. Họ xem khổ là vui. Họ nghĩ rằng ở đây thật là tốt đẹp.

Tuy nhiên, lúc này, thì cõi ta-bà cùng một lúc biến mất. Đó là do năng lực thần thông của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tạo nên cho đại chúng thấy. Các Phật độ nhiều như vô số vi trần hợp lại thành một. **Kệ tụng, tán ca tự nhiên vang lên.**

Phạm âm, tán ca thanh tịnh vang lên khắp mọi nơi. Trước đó, rừng cây, sông hồ đã diễn ra pháp âm, nhưng ở nơi này, vạn pháp đều tuyên bày pháp âm bằng những bài kệ tụng và tán ca rất thanh tịnh vi diệu.

Nước chảy, gió reo đều tuyên thuyết Đại thừa,

Hoa sen thất bảo trong hồ, bốn màu rực rỡ, lấp lánh sắc vàng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi
TUYÊN CHỌN CĂN VIÊN THÔNG

Kinh văn:

於是如來告文殊師利法王子：汝今觀此二十五無學諸大菩薩及阿羅漢，各說最初成道方便，皆言修習真實圓通。彼等修行實無優劣前後差別。

Ư thị Như Lai cáo Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử: “Nhữ kim quán thử nhị thập ngũ vô học chư Đại Bồ-tát cập A-la-hán, các thuyết tối sơ thành đạo phương tiện, giai ngôn tu tập chơn thật viên thông. Bỉ đẳng tu hành thật vô ưu liệt tiền hậu sai biệt.

Việt dịch:

Lúc đó, Đức Như Lai bảo ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử rằng: “Nay ông hãy xem trong 25 vị Đại Bồ-tát và A-la-hán vô học, mỗi vị đều trình bày phương tiện ban đầu để thành đạo, họ đều nói về tu tập tính viên thông chân thật. Việc tu hành của các vị đó thật là chẳng có chỗ hơn kém, trước sau khác nhau.”

Giải thích:

Lúc đó, Đức Như Lai, là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, bảo ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử rằng: “Nay ông hãy xem trong 25 vị Đại Bồ-tát và A-la-hán vô học”

Nay ông hãy xem xét, các pháp môn phương tiện mà 25 bậc thánh này đã vận dụng tu tập. ‘Vô học’ là

chỉ cho những vị đã chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán hoặc cao hơn. **Mỗi vị đều trình bày phương tiện ban đầu để thành đạo, họ đều nói về tu tập tính viên thông chân thật.** Họ đã chân thực chứng được tính viên thông của các căn. **Việc tu hành của các vị đó thật là chẳng có chỗ hơn kém, trước sau khác nhau.** Thực vậy, không có cách nào để phân biệt sự hơn kém, trước sau, khác nhau giữa các vị ấy là như thế nào.

Kinh văn:

我今欲令阿難開悟，二十五行，誰當其根。兼我滅後，此界眾生入菩薩乘，求無上道。何方便門得易成就？

Ngã kim dục linh A-nan khai ngộ, nhị thập ngũ hạnh, thùy đương kỳ căn? Kiêm ngã diệt hậu, thử giới chúng sanh, nhập bồ tát thừa cầu vô thượng đạo. Hà phương tiện môn đắc dị thành tựu?

Việt dịch:

Nay Như Lai muốn khiến cho A-nan khai ngộ, thì trong 25 hạnh tu đó, hạnh nào hợp với căn cơ A-nan? Và sau khi Như Lai diệt độ, chúng sinh trong cõi này muốn thể nhập Bồ-tát thừa, cầu đạo vô thượng, do phương tiện gì mà dễ thành tựu?

Giải giảng:

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói: **Nay Như Lai muốn khiến cho A-nan khai ngộ.** A-nan vẫn còn trong sơ quả A-la-hán. Như Lai muốn ông ta được giác ngộ và chứng

được quả vị thứ hai, quả vị thứ ba và quả vị thứ tư của A-la-hán, thì trong 25 hạnh tu đó, hạnh nào hợp với căn cơ A-nan? Pháp môn nào thích hợp với căn cơ của A-nan? Trong 18 giới và bảy đại, pháp môn nào tương ứng với A-nan? Và sau khi Như Lai diệt độ, chúng sinh trong cõi này muốn thể nhập Bồ-tát thừa, cầu đạo vô thượng, do phương tiện gì mà dễ thành tựu?

Chúng sinh được đề cập ở đây chính là chúng ta. Chúng ta đang nghe pháp ở trong Phật giáo Giảng đường chính là đối tượng mà Đức Phật muốn nói đến. Quý vị nào đang đọc kinh này cũng được bao gồm trong giới này. Thế nên quý vị đừng tách mình ra và bảo rằng, “Mình chẳng có phần trong đó.” Cách ấy, quý vị chỉ làm cho mình rối thêm. Nếu quý vị đặt mình ra ngoài số người đó thì quý vị sẽ rơi vào đời sau, và nếu quý vị biến thành ngựa, heo, bò, chó, gà, thì chẳng dễ dàng gì được nghe Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Chỉ vì một điều, quý vị không thể nào nhảy một bước lên bốn bậc thang để đến giảng đường! Ở Hồng Kông, có những con vịt đến nghe tôi giảng kinh, nhưng đó là ở tầng trệt.

Đã từ lâu, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã sắp đặt chỗ ngồi cho chúng ta trong pháp hội này để bây giờ diễn ra như vậy. Quý vị đừng khinh thường chính mình. Dĩ nhiên, nếu bây giờ quý vị không đến đây nghe kinh, thì quý vị sẽ chẳng có phần.

“Trong các pháp môn này, pháp môn nào thích hợp nhất cho các chúng sinh trong đời sau có đại căn cơ, phát tâm tìm cầu Vô thượng đạo?” Đức Phật hỏi ngài Văn-

thù-sư-lợi. “Pháp môn nào dễ đưa đến sự thành tựu nhất? Văn-thù-sư-lợi hãy lưu tâm để chọn ra một pháp môn.”

Kinh văn:

文殊師利法王子奉佛慈旨，即從座起頂禮佛足。承佛威神說偈對佛。

Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử phụng Phật từ chỉ, tức tòng toà khởi đĩnh lễ Phật túc. Thừa phật oai thần, thuyết kệ đối Phật.

Việt dịch:

Ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử vâng lời dạy của Đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật. Nương vào oai thần của Đức Phật, đáp bằng kệ rằng:

Giảng giải:

Ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử vâng lời dạy của Đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy.

Bồ-tát Diệu Cát Tường được Đức Phật giao phó tuyển chọn từ trong 18 giới và bảy đại, một phương pháp tu tập để đạt được viên thông. Ngài sẽ tìm một pháp môn thích hợp với ngài A-nan nhất và cho cả chúng ta để tu hành. Sáu căn, sáu trần, sáu thức tạo thành 18 giới. Đất, nước, lửa, gió, cùng với không, thức, kiến, làm thành bảy đại như đã được giải thích tường tận trước đây.

Nghe lợi dạy từ bi của Đức Phật, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật. Nương vào oai thần của Đức Phật, đáp bằng kệ rằng:

Các vị Bồ-tát và A-la-hán đều có chỗ ngồi chung quanh Đức Phật, không như Hoà đầu Kim cang, là vị phải đứng trong pháp hội. Kệ tụng có thể gồm nhiều âm tiết và nhiều dòng, nhưng nó đều chứa đựng đạo lý trong kinh.

Kinh văn:

覺海性澄圓
圓澄覺元妙
元明照生所
所立照性亡。

*Giác hải tánh trừng viên
Viên trừng giác nguyên diệu
Nguyên minh chiếu sanh sở
Sở lập chiếu tánh vong.*

Việt dịch:

**Biển giác tánh lặng trong viên mãn
Vốn nhiệm màu viên mãn trong lặng
Tánh bản minh chiếu thành ra như “sở”
Trống “sở” lập, mất tánh bản minh.**

Giải thích:

Biển giác tánh lặng trong. Biển giác ngộ thì rộng lớn vô cùng, trong đó chứa trọn núi sông đất liền, cây cỏ và vô số vạn vật. Tánh của biển giác vừa trong lặng vừa viên mãn.

Vốn nhiệm màu viên mãn trong lặng. Tính trong lặng và viên mãn của biển giác vốn rất nhiệm màu. *Nhưng chính trong cái vi diệu này, chỉ một niệm chân*

vọng vi tế sinh khởi, và ánh sáng bản minh chiếu ra thành như có đối tượng (năng/sở).

Tánh bản minh chiếu thành ra như “sở”

Tương “sở” lập, mất tánh bản minh.

Căn bản là biển giác đều chứa đựng mọi thứ trong đó cả. Không có thứ gì chẳng phải là trong tánh Như Lai tạng. Nhưng ngay khi có một niệm vô minh, thì hư vọng liền sinh khởi. Khi đã có hư vọng, thì có đối tượng của nó—là trần cảnh—trần tướng vọng cảnh. Do vì cái vọng chiếu này, sự sáng suốt bản hữu trong tánh giác không còn chiếu diệu nữa, như khi bầu trời bị mây che phủ.

Khi cái vọng cảnh đã lập nên rồi, thì tánh chiếu soi chân thực cũng bị tiêu mất, tức đem tánh bản hữu trong Như Lai tạng chuyển thành vô minh tàng thức.

Kinh văn:

迷妄有虛空
依空立世界
想澄成國土
知覺乃眾生。

*Mê vọng hữu hư không
Y không lập thế giới
Tướng trù thành quốc độ
Tri giác nãi chúng sanh.*

Việt dịch:

**Do mê vọng thấy có hư không
Nương hư không, hình thành thế giới**

**Tướng lắng đọng, thành cõi nước
Tri giác phân biệt, thành chúng sinh.**

Do mê vọng thấy có hư không. Vì có hư vọng, nên năng sở (đối đãi, khách quan/chủ quan) hình thành. Vốn là, cả hai phương diện đều là hư vọng. Trong bản thể của biến tách giác ngộ thì chẳng có một chút nào biểu hiện hiện tượng. Vốn chẳng có một vật nào cả. Không có năng sở. Chỉ nương nơi chân mà khởi nên vọng, hồi mọi thành ra hư không, mê mờ tách không làm ngoan không, thành ra hoàn toàn có hư không, nương vào hư không lại vọng lập ra đủ các thứ thể giới hiện tượng.

‘Nhìn lâu thì hóa ra mỗi một.’ Sau khi kéo dài một thời gian, sự diên trì khiến cho mỗi một. Và rồi cái hư vọng và mê mờ sinh khởi thành ngoan không. Mà trong biến tách giác ngộ thì vốn chẳng có một thứ gì cả, kể cả hư không. Dòng kệ ở đoạn sau mô tả:

*Không sanh đại giác trung
N hư hải, nhất âu phát.*

Thật là tội nghĩa làm sao! Và thế nên, chúng ta nghĩ rằng hư không là cái gì đó mênh mông rộng lớn lắm. **Nương hư không, hình thành thể giới.** Mười phương ba đời trở nên hiện hữu.

Tướng lắng đọng, thành cõi nước

Khi thời gian và không gian đã sinh khởi từ hư không, thì vọng tướng trở nên cứng chắc, nó làm thành đất liền.

Tri giác phân biệt, thành chúng sinh.

Vọng tướng lắng đọng lại kết thành quốc độ. Vọng tướng tri giác tạo thành chúng sinh.

Kinh văn:

空生大覺中
如海一漚發
有漏微塵國
皆從空所生
漚滅空本無
況復諸三有。

*Không sanh đại giác trung
Như hải nhất âu phát
Hữu lậu vi trần quốc
Giai tông không sở sanh
Âu diệt không bản vô
Huống phục chư tam hữu.*

Viết dịch:

Hư không sanh trong Đại giác
Như một bọt nước nổi lên giữa biển
Cõi nước hữu lậu như vi trần
Đều nương hư không mà phát sanh.
Bọt nước tan, hư không vốn chẳng còn
Huống nữa là sự hiện hữu trong ba cõi.

Giảng giải:

Dòng đầu tiên trong bài kệ này là:

*Giác hải tánh trừng viên
Viên trừng giác nguyên diệu.*

Tính viên mãn của cội nguồn bồ-đề thanh tịnh là vô cùng vi diệu. Nay bài kệ nói đến **Hư không sanh trong Đại giác**. Chúng ta đều biết sự hiện hữu của hư không, nhưng có biết hư không từ đâu mà có chẳng? Tôi tin rằng chẳng có ai biết. Vì hư không quá rộng lớn. Không thể nào biết được giới hạn của hư không hay cội nguồn của nó. Ai là mẹ của hư không?. Chẳng có ai biết. Nhưng nay Kinh Thủ-lăng-nghiêm chỉ ra cội nguồn của nó. Hư không sinh ra từ tánh của đại giác ngộ. Và thế nên trong khoảng đó, nó cực kỳ vi tế. Nó lớn chẳng? Nó như **một bọt nước nổi lên giữa biển**—như những bọt bong bóng giữa đại dương.

**Cõi nước hữu lậu như vi trần
Đều nương hư không mà phát sanh.**

Có ba thứ lậu:

1. Dục lậu.
2. Hữu lậu.
3. Vô minh lậu.

Vô số cõi nước hữu lậu đều phát sinh từ hư không. Hư không phát sinh từ đại giác, và quốc độ phát sinh từ hư không,

Bọt nước tan, hư không vốn chẳng còn

Giống như bọt nước tan trong biển, hư không cũng biến mất trong đại giác. **Hướng nữa là sự hiện hữu trong ba cõi.**

Kinh văn:

歸元性無二
 方便有多門
 聖性無不通
 順逆皆方便
 初心入三昧
 遲速不同倫。

*Quy nguyên tánh vô nhị
 Phương tiện hữu đa môn
 Thánh tánh vô bất thông
 Thuận nghịch giai phương tiện
 Sơ tâm nhập tam muội
 Trì tốc bất đồng luân.*

Việt dịch:

**Về nguồn, tánh không hai
 Phương tiện có nhiều đường
 Tánh giác vốn dung thông
 Thuận nghịch là phương tiện
 Sơ tâm vào tam muội
 Mau chậm chẳng đồng nhau.**

Trong bài kệ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói rằng hư không giống như bọt nổi trong biển giác ngộ, và các cõi nước sinh ra trong hư không đó cũng cực kỳ vi tế. Nếu hư không biến mất, thì mọi cõi nước, núi sông đất liền và mọi chúng sinh và các loài hữu tình khí thể gian đều cũng biến mất.

Về nguồn, tánh không hai.

“Về nguồn” có nghĩa là thành tựu Phật quả. Chỉ có một nơi để trở về, đó là bản quán của quý vị. Thế gian mà chúng ta đang sinh sống đây không phải là ngôi nhà bản tánh của mình. Quý vị liền phản đối, “Tôi có nhà!” Nhưng ngôi nhà đó không phải là ngôi nhà chân thực của quý vị. Thành Phật là nhận ra ngôi nhà chân thực của mình. Trước khi thành Phật, quý vị là người đi lang thang từ khách sạn này sang khách sạn khác. Quý vị là người luôn luôn di chuyển.

Phương tiện có nhiều đường

Còn ‘phương tiện’ có nghĩa là là còn bị vướng mắc. Chẳng hạn, có lần đưa trẻ đang bò đến gần một miệng giếng trên mặt đất. Nếu đưa trẻ tiếp tục bò, nó sẽ rơi xuống giếng. Đức Phật thấy vậy, nhưng ngài biết rằng nếu gọi đứa trẻ hãy quay trở lại, nó chẳng nghe lời mà còn cố bò về phía trước. Thế nên ngài nắm bàn tay lại, đưa lên cao, rồi gọi, “Này con! Hãy trở lại! Ta sẽ cho con kẹo. Con thích kẹo không?” Khi đứa trẻ nghe có kẹo, nó liền quay trở lại. Vốn chẳng có kẹo trong tay Đức Phật. Nhưng Đức Phật nói dối chẳng? Không. Đó là một ví dụ của pháp phương tiện. Đức Phật đã dùng ‘bàn tay không để cứu đứa bé’ vì lúc đó chẳng còn cách gì khác. Pháp môn phương tiện rất nhiều. Nói chung, bất kỳ phương pháp nào mà quý vị dùng để cứu người thì đó gọi là pháp phương tiện.

**Tánh giác vốn dung thông
Thuận nghịch là phương tiện**

Khi quý vị đã chứng được pháp tánh của một bậc thánh, thì chẳng có điều gì mà quý vị không hiểu. Cái gì thuận cũng là phương tiện và cái gì nghịch cũng là phương tiện. Điều gì hợp với năng lực và hoàn cảnh, thì quý vị có thể vận dụng vào việc tu tập. Cái gì là ‘nghịch’—là điều không thích hợp với hoàn cảnh của mình mà vẫn được ứng dụng trong tu tập. Cả điều thuận và nghịch trong công phu tu tập của mình đều là pháp phương tiện.

Sơ tâm vào tam muội

Mau chậm chẳng đồng nhau.

Có người tu tập rất nhanh, có người chậm. Thế nên họ không thể xem như đồng một dạng được.

Kinh văn:

色想結成塵
精了不能徹
如何不明徹
於是獲圓通。

*Sắc tưởng kết thành trần
Tinh liễu bất năng triệt
Như hà bất minh triệt
Ư thị hoạch viên thông*

Việt dịch:

Sắc và vọng tưởng kết lại thành ‘trần.’
Thể tính của nó không thể thông suốt được

Làm sao từ chỗ không thông suốt ấy

Mà mong được tính viên thông?

Sắc được hình thành từ vọng tưởng. **Sắc và vọng tưởng kết hợp lại với nhau thành ‘trần.’** Chính là sắc trần. **Thể tính của nó không thể thông suốt được.** Không rõ ràng và có thể nhận biết được.

Làm sao từ chỗ không thông suốt ấy

Mà mong được tính viên thông?

Có thể nào quý vị mong chúng được viên thông với một phương pháp chẳng rõ ràng và toàn triệt? Điều ấy không thể. Bài kệ cho biết rằng dùng sắc trần để tu tập viên thông vốn chẳng phải là phương pháp hay nhất. Có người có thể chứng quả thông qua phương pháp này, nhưng chỉ vì họ có những nhân duyên đặc biệt với pháp môn đặc thù đó. Đó chẳng phải là điều mà mọi người có thể tu tập được.

Kinh văn:

音聲雜語言
但伊名句味
一非含一切
云何獲圓通。

Âm thanh tạp ngữ ngôn

Đãn y danh cú vị

Nhất phi hàm nhất thiết

Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch:

**Thanh âm kết hợp ngữ ngôn,
Chỉ nương theo câu chữ
Nếu cái một đã không bao hàm tất cả
Làm sao để tu chứng viên thông?**

Giải:

Có người chứng đạo nhờ phương tiện là thanh trần.
Tuy nhiên,

**Thanh âm kết hợp ngữ ngôn,
Chỉ nương theo câu chữ
Nếu cái một đã không bao hàm tất cả**

Không có một lời nào, một danh hiệu nào, một câu nói nào có thể nói hết về mọi điều. Thì

Làm sao để tu chứng viên thông?

Nên không thể nào chọn thanh trần như là phương pháp để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

香以合中知
離則元無有
不恒其所覺
云何獲圓通。

*Hương dĩ hợp trung tri
Ly tắc nguyên vô hữu
Bất hằng kỳ sở giác
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

Lúc hoà hợp, hương mới thành tác dụng;

Nếu rời ra, hương vốn chẳng có.

Sở giác đã không tương tục hiện hữu,

Khó mà tu chứng được viên thông?

Giải thích:

Hương Nghiêm Đồng tử chứng đạo nhờ vào hương trần. Nhưng **Lúc hoà hợp, hương mới thành tác dụng.** Mũi phải hít vào mùi hương thì nó mới biết được có mùi hương. **Nếu rời ra, hương vốn chẳng có.** Hương chẳng hiện hữu.

Sở giác (cái nhận biết về mùi hương) **đã không tương tục hiện hữu,**

Khó mà tu chứng được viên thông.

Vì bản chất của hương là chẳng thường hằng chẳng biến dị, nên ta không luôn luôn có được cái nhận biết về nó, và vì thế nên hương trần không được xem như là phương pháp hay nhất để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

味性非本然
要以味時有
其覺不恒一
云何獲圓通。

Vị tánh phi bản nhiên

Yếu dĩ vị thời hữu

*Kỳ giác bất hằng nhất
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Vị, không phải đương nhiên tự có,
Phải nếm mới biết có vị.**

**Với vị giác cũng không tương tục.
Làm sao tu chứng được viên thông?**

Giảng giải:

Dù có những người đã chứng ngộ nhờ vào vị trần, nhưng vị **không phải đương nhiên tự có**. Tánh của vị không phải là tự tánh viên mãn. Do **Phải nếm mới biết có vị**. Vị chỉ hiện hữu khi nào có thứ gì đó có hương vị thì vị trần mới hiện hữu.

Với vị giác cũng không tương tục.

Làm sao tu chứng được viên thông?

Tánh biết của vị không phải là lúc nào cũng hiện hữu. Do vậy, không cho phương pháp này như là pháp môn để tu tập viên thông.

Kinh văn:

觸以所觸明
無所不明觸
合離性非定
云何獲圓通。

*Xúc dĩ sở xúc minh
Vô sở bất minh xúc*

*Hợp ly tánh phi định
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Xúc, có vật chạm mới biết,
Nếu không vật chạm, xúc không thành.
Lúc hợp, lúc ly, tánh bất định.
Làm sao tu chứng được viên thông?**

Giải thích:

Xúc, có vật chạm mới biết,
Dù có người ngộ đạo nhờ vào tu tập xúc trần. Nhưng xúc chỉ có được khi có vật xúc chạm.

Nếu không vật chạm, xúc không thành.
Cách duy nhất để có thể cảm nhận được sự xúc chạm là có ai đó tạo sự xúc chạm với một vật nào đó.

**Lúc hợp, lúc ly, tánh bất định.
Làm sao tu chứng được viên thông?**
Do vậy, xúc trần cũng không được dùng như một phương pháp để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

法稱為內塵
憑塵必有所
能所非遍涉
云何獲圓通。
*Pháp xưng vi nội trần
Bằng trần tất hữu sở*

*Năng sở phi biến thiệp
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Pháp còn gọi là nội trần.
Nương theo trần, tất có ‘sở’.
Năng sở chẳng biến nhập thành một
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giảng giải:

Ngài Ma-ha Ca-diếp tu tập ý căn thông qua pháp trần, và ngài đã chứng được Diệt thọ tướng định.

Pháp còn gọi là nội trần.

Pháp trần là đối tượng của ý căn.

Nương theo trần, tất có ‘sở’. (giác quan)

Vì nó là trần cảnh, nên chúng phải có một nơi chốn. Vì nó có nơi chốn, nên nó không thể ở trong mức độ ‘*không nhưng chẳng không*.’

Năng sở chẳng biến nhập thành một. Tính giao thiệp, tương nhập của chủ thể và đối tượng (năng/sở) chưa được toàn triệt, chưa toàn diện.

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Kinh văn:

見性雖洞然
明前不明後
四維虧一半
云何獲圓通。

*Kiến tánh tuy đồng nhiên
 Minh tiền bất minh hậu
 Tứ duy khuy nhất bản
 Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Tánh thấy vốn rộng rang bao quát
 Nhưng chỉ thấy được phía trước chẳng thấy được
 phía sau;
 Bốn phía, thiếu đi một nửa,
 Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Tánh thấy vốn rộng rang bao quát. Mắt có thể thấy rõ ràng thông suốt. Nhưng **chỉ thấy được phía trước chẳng thấy được phía sau.** Nếu mắt nhìn phía trước, thì chẳng thấy được phía sau. Nếu nhìn bên phải, thì chẳng thấy được bên trái. **Bốn phía, thiếu đi một nửa.** Chỉ có thể cùng lúc nhìn thấy được hai trong bốn phía.

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Nên đó không phải là phương pháp chọn ra để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

鼻息出入通
 現前無交氣
 支離匪涉入
 云何獲圓通。

*Tỵ tức xuất nhập thông
Hiện tiền vô giao khí
Chi ly phi thiệp nhập
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Mũi thở ra thở vào,
Khoảng giữa, hiện không có thở;
Không dung thông, còn cách trở,
Làm sao tu chứng viên thông?**

Giảng giải:

Mũi thở ra thở vào,

Bài kệ này luận về tỵ căn. **Khoảng giữa, hiện không có thở.** Có khi nín thở. Hơi thở được dừng lại.

Không dung thông, còn cách trở. Tình trạng này là một sự khiếm khuyết và khiến cho tỵ căn cũng không thích hợp. Nó không hoàn toàn viên mãn. **Làm sao tu chứng viên thông?** Do vậy, nó không thể được chọn làm phương pháp để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

舌非入無端
因味生覺了
味亡了無有
云何獲圓通。

*Thiệt phi nhập vô đoan
Nhơn vị sanh giác liễu*

*Vị vong liễu vô hữu
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

Lưỡi không vị, tánh nếm không thành.

Nhân các vị, mới có hay biết.

Không có vị, rốt ráo chẳng có gì.

Làm sao mà tu chứng viên thông.

Giải thích:

Lưỡi không vị, tánh nếm không thành. Vị phải tiếp xúc với lưỡi (thiệt căn) thì mới có được vị giác đó. Nếu không có vị, thì chẳng biết được gì cả. **Nhân các vị, mới có hay biết.** Có trải nghiệm được cái hay biết là nhờ vị trần. **Không có vị, rốt ráo chẳng có gì.**

Làm sao mà tu chứng viên thông.

Quý vị không thể nào dùng phương pháp này mà tu chứng được viên thông.

Kinh văn:

身與所觸同

各非圓覺觀

涯量不冥會

云何獲圓通。

Thân dữ sở xúc đồng

Các phi viên giác quán

Nhai lượng bất minh hội

Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch:

**Thân biết xúc cùng với cảnh sở xúc (đối tượng)
giống nhau**

**Cả hai đều có giới hạn, không cùng khắp.
Nếu không xác định và nhận ra được tính không
hạn lượng.**

Thì làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng giải:

**Thân biết xúc cùng với cảnh sở xúc (đối tượng)
giống nhau**

Phương pháp dùng thân căn (để tu tập) cũng giống
như xúc trần. **Cả hai đều có giới hạn, không cùng khắp.**

Tánh biết của chúng chưa được hoàn toàn.

**Nếu không xác định và nhận ra được tính không
hạn lượng.**

Thì làm sao mà tu chứng viên thông?

Nó được đánh giá bằng sự hạn và số lượng, và đó là
mối quan hệ không thể thấy được giữa xúc trần, do vậy,
nó không được chọn là pháp tu viên thông hay nhất.

Kinh văn:

知根雜亂思
湛了終無見
想念不可脫
云何獲圓通。

*Tri căn tạp loạn tư
Trạm liễu chung vô kiến*

*Tưởng niệm bất khả thoát
Vân hà hoạch viên thông?*

Viết dịch:

Ý căn thường xen với loạn tưởng.

Khi dừng lặng thì chẳng thấy biết gì.

Nếu không thoát được các niệm tưởng.

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giải thích:

Ý căn thường xen với loạn tưởng. Cái mà tâm ý biết được chính là pháp trần, là một hỗn hợp gồm các loạn tưởng.

Khi dừng lặng thì chẳng thấy biết gì.

Nếu không thoát được các niệm tưởng.

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Nó chẳng bao giờ đạt đến được cái gọi là trạm tịch, cũng chẳng bao giờ đạt đến chỗ rốt ráo, vì con người không bao giờ có thể vượt qua được khi niệm tưởng-vọng tưởng và sóng thức-vấn còn tồn tại. Làm sao mà những yếu tố này có thể dẫn đến viên thông?

Kinh văn:

識見雜三和

詰本稱非相

自體先無定

云何獲圓通。

*Thức kiến tạp tam hoà
Cật bản xưng phi tướng*

*Tự thể tiên vô định
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần.
Gạn xét tột cùng nó không tự tướng
Tự thể vốn đã không nhất định
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giảng giải:

Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần.

Đoạn kệ tụng này đề cập đến các thức, vốn là sự kết hợp của sáu căn bên trong và sáu trần bên ngoài. Sáu căn có tính biết, trong khi sáu trần thì không. Do vậy, sáu thức có một nửa biết và một nửa không biết. Ba thành phần này kết hợp với nhau để thành ra thức. **Gạn xét tột cùng nó không tự tướng.** Thức không có tự tướng.

Tự thể vốn đã không nhất định

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Vì chính các thức đã là trong trạng thái biến chuyển liên tục. Làm sao có thể dùng nó để mà tu tập viên thông? Thế nên nhãn thức cũng không được chọn.

Kinh văn:

心聞洞十方
生于大因力
初心不能入
云何獲圓通。

*Tâm văn đồng thập phương
 Sanh vu đại nhân lực
 Sơ tâm bất năng nhập
 Vân hà hoạch viên thông?*

Viết dịch:

**Tâm nghe, thấu suốt cả mười phương
 Là do lực của đại nhân duyên
 Hàng sơ tâm không thể đến chỗ ấy
 Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Tâm nghe, thấu suốt cả mười phương. Pháp môn mà Bồ-tát Phổ Hiền tu tập đó là nhĩ thức. Nhưng tánh nghe chỉ rộng khắp khi **do lực của đại nhân duyên.**

Pháp môn này đòi hỏi phải có năng lực từ một nhân duyên rất thù thắng. Chỉ có như vậy mới tu tập được pháp môn này. **Hàng sơ tâm không thể đến chỗ ấy.** Chúng sinh vừa mới phát tâm tu tập Bồ-tát đạo sẽ không thích hợp với pháp môn này. Do hàng sơ phát tâm không thể tu tập pháp môn này, nên **Làm sao mà tu chứng viên thông.** Pháp môn này cũng không được chọn.

Kinh văn:

鼻想本權機
 祇令攝心住
 住成心所住
 云何獲圓通。

*Tỳ tướng bốn quyền cơ
 Kỳ linh nhiếp tâm trụ
 Trụ thành tâm sở trụ
 Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Quán chóp mũi đó chỉ là quyền phương tiện,
 Nhằm thu nhiếp, an trụ tâm.
 Nếu đối tượng quán sát trở thành “sở trụ”
 Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải đáp:

Quán chóp mũi đó chỉ là quyền phương tiện.
 Tôn-đà-la Nan-đà (Sundarananda) tu tập pháp quán tướng trắng trên chóp mũi. Tu pháp môn này liên quan đến tướng, thế nên đó là một phương tiện khéo léo. **Nhằm thu nhiếp, an trụ tâm.** Phương pháp đó là để giúp cho tâm được an trụ.

Nếu đối tượng quán sát trở thành “sở trụ”

Mục tiêu của phương pháp này là đem tâm về an trụ tại một nơi, nhưng vì tiếp tục có một nơi để tâm an trụ, thì **Làm sao mà tu chứng viên thông?** Nên pháp môn này cũng không được chọn.

Kinh văn:

說法弄音文
 開悟先成者
 名句非無漏
 云何獲圓通。

*Thuyết pháp lộng âm văn
Khai ngộ tiên thành giả
Danh cú phi vô lậu
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Thuyết pháp vận dụng¹ âm thanh văn tự
Chỉ khai ngộ cho người trước đã gieo trồng chủng
tử Phật.**

Danh cú, văn tự không phải là vô lậu.

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng giải:

Phú-lâu-na di-đa-la-ni Tử² giảng pháp và giác ngộ nhờ ở thiệt căn. **Thuyết pháp vận dụng âm thanh văn tự.** Khi thuyết pháp và giảng kinh, thanh âm nói ra phải hay và phải hoàn hảo khi biểu hiện qua văn tự. Nên đó là **Chỉ khai ngộ cho người trước đã gieo trồng chủng tử Phật. Danh cú, văn tự không phải là vô lậu. Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Vì đó là đối tượng của pháp hữu lậu, nên không thể chon pháp môn ấy làm phương tiện để tu chứng viên thông.

¹ Tiếng Hán dùng chữ Lộng 弄 chiết tự có nghĩa là dùng tay mà dò viên ngọc, Nghĩa bóng là đùa giỡn. Như Lộng ngôn 弄言 là lời nói đùa. Ở đây chúng tôi tạm dịch vận dụng cho dễ hiểu. Còn sâu xa, vẫn mang ý nghĩa rằng, nếu dùng âm thanh văn tự để đạt được viên thông thì đó chỉ là pháp phương tiện, chỉ là quyền pháp nhất thời mà thôi.

² Pūrṇamaitrāyaṇī-putra 富樓那彌多羅尼子.

Kinh văn:

持犯但束身
非身無所束
元非遍一切
云何獲圓通。

Trì phạm dẫn thúc thân

Phi thân vô sở thúc

Nguyên phi biến nhất thiết

Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch:

Giữ giới chỉ câu thúc cái thân,

Ngoài thân, lấy gì câu thúc ?

Giới và thân vốn không cùng khắp

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giải đáp:

Trưởng lão Ưu-ba-ly chuyên trì giới. **Giữ giới chỉ câu thúc cái thân.** Giữ giới hoặc phá giới cũng do ở thân. Đây là pháp thân liên hệ đến thân và tâm. **Ngoài thân, lấy gì câu thúc?**

Nếu quý vị không có thân, thì chẳng cần phải kèm giữ chế ngự chúng.

Giới và thân vốn không cùng khắp

Làm sao mà tu chứng viên thông?

Phương pháp này không được toàn vẹn. Nên không được chọn làm phương tiện để tu tập viên thông.

Kinh văn:

神通本宿因
何關法分別
念緣非離物
云何獲圓通。

*Thần thông bản túc nhân
Hà quan pháp phân biệt
Niệm duyên phi ly vật
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Thần thông là do tập nhân từ đời trước,
Không dính dáng với ý thức phân biệt.
Niệm lự, không tách rời sự vật
Làm sao mà tu chứng viên thông.**

Giải thích:

Mục-kiền-liên là người có thần thông đệ nhất, đó là nhờ vào ý thức mà ngài có được năng lực thần thông.

Thần thông là do tập nhân từ đời trước,

Có được thần thông là do nhân duyên đã được tích tập từ đời trước. Điều ấy **Không dính dáng với ý thức phân biệt**. Đó là vấn đề hoàn toàn khác hẳn với ý thức phân biệt.

Niệm lự, không tách rời sự vật.

Tuy nhiên, thần thông vẫn cần đến tiến trình của niệm tưởng. Do vậy, thần thông không tách rời với phạm trù vật lý nên tự nó chẳng toàn diện. **Làm sao mà tu chứng viên thông.**

Nên tu tập để có được thần thông cũng chẳng phải là cách hay nhất.

Kinh văn:

若以地性觀
 堅礙非通達
 有為非聖性
 云何獲圓通。

*Nhược dĩ địa tánh quán
 Kiên ngại phi thông đạt
 Hữu vi phi thánh tánh
 Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Khi quán tánh của đất,
 Vốn nó ngăn ngại, không thông suốt.
 Pháp hữu vi không là giác tánh
 Làm sao mà tu chứng viên thông.**

Giảng giải:

**Khi quán tánh của đất,
 Vốn nó ngăn ngại, không thông suốt.**

Trì Địa Bồ-tát dùng phương pháp quán sát tánh của địa đại. Đất có tính cứng chắc và ngăn ngại. Không được dung thông. Đó là một pháp hữu vi, không phải là pháp môn để thể nhập dòng thánh.

**Pháp hữu vi không là giác tánh
 Làm sao mà tu chứng viên thông.**

Nó không thể được xem như là phương pháp hay nhất để đạt đến viên thông.

Kinh văn:

若以水性觀
想念非真實
如如非覺觀
云何獲圓通

*Nhược dĩ thủy tánh quán
Tưởng niệm phi chơn thật
Như như phi giác quán
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Khi quán tánh của nước,
Đã là quán tưởng thì không phải chơn,
Vì như như thì chẳng phải là giác quán,
Nên làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Có hành giả muốn tu tập bằng phương pháp quán sát thủy đại và thể nhập vào Thủy quán Tam-muội như Nguyệt Quang Đồng tử đã tu tập.

**Khi quán tánh của nước,
Đã là quán tưởng thì không phải chơn,
Vì khi hành giả nhập vào định theo phương pháp này, thì tiến trình của niệm tưởng, trạng thái tâm tư vi tế, ban đầu vẫn còn liên quan. Nhưng vì cảnh giới như như**

thì chẳng phải là giác quán. Nên phương pháp quán thủy đại chẳng phải pháp quán sát bản nhiên.

Nên làm sao mà tu chứng viên thông?

Thế nên phương pháp quán sát Thủy đại không được chọn làm pháp tu viên thông.

Kinh văn:

若以火性觀
 厭有非真離
 非初心方便
 云何獲圓通。

*Nhược dĩ hoả tánh quán
 Yếm hữu phi chơn ly
 Phi sơ tâm phương tiện
 Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Quán hỏa đại để trừ lửa tham dục
 Là do chán cái khổ, chưa phải viễn ly chơn thật.
 Chẳng phải là phương tiện của hàng sơ tâm
 Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giảng giải:

Hoả đầu Kim cang Ô-sô-sắc-ma tu tập pháp quán Hoả đại, vì ngài có tâm dâm dục rất mạnh. Đức Phật dạy ngài hãy quán sát lửa dục trong thân.

**Quán hỏa đại để trừ lửa tham dục
 Là do chán cái khổ, chưa phải viễn ly chơn thật.
 Sự quyết tâm lìa bỏ tâm dâm dục này chẳng phải tự**

nó là sự viên ly chân thật. Đây **Chẳng phải là phương tiện của hàng sơ tâm**. Đối đãi chẳng phải là pháp vô thượng bồ-đề. **Làm sao mà tu chứng viên thông**. Không thể chọn phương pháp này là pháp môn để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

若以風性觀
動寂非無對
對非無上覺
云何獲圓通。

*Nhược dĩ phong tánh quán
Động tịch phi vô đối
Đối phi vô thượng giác
Vân hà hoạch viên thông?*

Viết dịch:

**Nếu quán tánh phong đại
Động tĩnh chẳng phải là không đối đãi
Đã đối đãi tức chẳng phải là vô thượng giác.
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Lưu Ly Quang Vương tử dùng Phong đại để tu tập viên thông. **Nếu quán tánh phong đại**

Động tĩnh chẳng phải là không đối đãi

Động và tĩnh là hai cái đối đãi, chẳng phải là tuyệt đối.

Đã đối đãi tức chẳng phải là vô thượng giác.

Đối đãi chẳng phải là pháp giác ngộ tối thượng.

Làm sao mà tu chứng viên thông.

Không thể cho phương pháp này để tu chứng viên thông.

Kinh văn:

若以空性觀
昏鈍先非覺
無覺異菩提
云何獲圓通。

*Nhược dĩ không tánh quán
Hôn độn tiên phi giác
Vô giác dị bồ đề
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Nếu quán tánh không đại
Hư không vô tri, chẳng hay biết.
Không hay biết tức trái với bồ-đề.
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải:

Nếu quán tánh không đại. Hư Không Tạng Bồ-tát tu tập bằng cách quán tưởng thân mình rộng lớn như hư không và được giác ngộ. Nhưng ở trong bài kệ này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: Con quán sát tánh của Không đại và thấy rằng: **Hư không vô tri, chẳng hay biết.** Yếu tố này thiếu sự sáng suốt khiến nó không thích hợp cho hàng sơ phát tâm.

**Không hay biết tức trái với bồ-đề.
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Phương pháp này không được chọn làm pháp môn để tu tập viên thông.

Kinh văn:

若以識性觀
觀識非常住
存心乃虛妄
云何獲圓通。

*Nhược dĩ thức tánh quán
Quán thức phi thường trụ
Tồn tâm nãi hư vọng
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Nếu quán tánh thức đại.
Thức sanh diệt chẳng thường trụ
Chỉ bận tâm trong phân biệt hư vọng
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Bồ-tát Di-lặc tu tập từ Thức đại. Ngài quán sát tánh của sáu thức. **Nếu quán tánh thức đại. Thức sanh diệt chẳng thường trụ.** Hãy thử nhìn vào thức tâm phân biệt, nó không dừng trụ lâu dài. **Chỉ bận tâm trong phân biệt hư vọng.** Nơi nào có đối tượng để quán, và có niệm quán tưởng, thì ở đó đều là hư vọng. **Làm sao mà tu chứng viên thông.** Thế nên phương pháp này không được xem là viên thông.

Kinh văn:

諸行是無常
念性無生滅
因果今殊感
云何獲圓通。

*Chư hành thị vô thường
Niệm tánh vô sanh diệt
Nhân quả kim thù cảm
Vân hà hoạch viên thông?*

Việt dịch:

**Tất cả các hành đều vô thường,
Tưởng niệm vốn trong vòng sanh diệt.
Nhân quả nay đã quá sai khác.
Làm sao mà tu chứng viên thông?**

Giải thích:

Bồ-tát Đại Thế Chí tu tập Kiến đại. Ngài thu nhiếp tất cả sáu căn mà không cần lựa chọn, tịnh niệm liên tục.¹

**Tất cả các hành đều vô thường,
Tưởng niệm² vốn trong vòng sanh diệt.**

¹ 佛問圓通我無選擇都攝六根淨念。相繼得三摩地，斯為第一。
*Phật vấn viên thông, ngã vô tuyền trạch đô nhiếp lục căn tịnh niệm.
Tương kế đắc tam-ma-địa, tư vi đệ nhất.*

Đức Phật hỏi về viên thông, con do thu nhiếp tất cả sáu căn mà không cần lựa chọn, tịnh niệm liên tục, chứng tam-ma-địa. Đó là phương pháp hay nhất. (Kinh Thủ-lăng-nghiêm, Q.5).

² Kiến là tánh thấy, kiến đại biểu hiện qua niệm tưởng.

Cả tánh của niệm tưởng và đối tượng được niệm tưởng cũng đều là thuộc về sinh diệt. Khi quý vị niệm, thì nó hiện ra; khi quý vị dừng niệm, thì nó biến mất.

Nhân quả nay đã quá sai khác.

Chúng ta mong được siêu việt ý niệm nhân quả

Làm sao mà tu chứng viên thông.

Thế nên pháp môn niệm Phật cũng không thích hợp cho việc tu chứng viên thông.

Kinh văn:

我今白世尊
佛出娑婆界
此方真教體
清淨在音聞
欲取三摩提
實以聞中入。

Ngã kim bạch Thế tôn

Phật xuất ta-bà giới

Thử phương chơn giáo thể

Thanh tịnh tại âm văn

Dục thủ tam ma đề

Thật dĩ văn trung nhập.

Việt dịch:

Con nay kính bạch Thế tôn

Phật ra đời ở cõi ta-bà

**Thế chân thật của pháp môn trong cõi này
Thanh tịnh do ở nói và nghe
Muốn tu chứng tam-ma-đề
Thật nên do tánh nghe mà vào.**

Giảng giải:

Đến thời điểm này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã trình bày xong về các pháp môn mà các bậc thánh đã chứng được. Ngài tiếp tục trình bày:

Con nay kính bạch Thế tôn

Phật ra đời ở cõi ta-bà

**Thế chân thật của pháp môn trong cõi này
Thanh tịnh do ở nói và nghe**

Trong thế giới này, nơi được gọi là “nhẫn chịu,”¹ nơi Đức Phật đã thị hiện vì lòng từ bi, phương pháp chân thực để giáo hóa chúng sinh là tính thanh tịnh của âm thanh. Điều ấy chỉ cho pháp môn phản văn văn tự tánh.

Muốn tu chứng tam-ma-đề

Thật nên do tánh nghe mà vào.

Công phu phản văn văn tự tánh thực sự là vi diệu nhất, hay nhất trong tất cả các pháp môn.

Kinh văn:

離苦得解脫

良哉觀世音

Ly khổ đắc giải thoát

Lương tai Quán Thế Âm

¹ Do chữ Saha (s); able to be borne (e); Hán: kham nhẫn.

Việt dịch:

**Rời khổ, được giải thoát.
Hay thay Quán Thế Âm!**

Giải thích:

Rời khổ, được giải thoát. Chúng ta có thể lìa xa cái khổ và được giải thoát. Lìa khỏi cái khổ tất là giải thoát. Giải thoát chính là sự lìa xa cái khổ.

Hay thay Quán Thế Âm!

Pháp môn của Bồ-tát Quán Thế Âm thật là vi diệu!

Kinh văn:

於恒沙劫中
入微塵佛國
得大自在力
無畏施眾生。

*Ư hằng sa kiếp trung
Nhập vi trần phật quốc
Đắc đại tự tại lực
Vô úy thí chúng sanh.*

Việt dịch:

**Trong kiếp số nhiều như cát sông Hằng
Vào cõi Phật như vi trần
Được lực tự tại rất to lớn.
Bố thí sự vô úy cho chúng sinh.**

Giải thích:

Vì sao Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khen ngợi Bồ-tát Quán Thế Âm? Trong kiếp số nhiều như cát sông Hằng

Vào cõi Phật như vi trần. Trong nhiều kiếp, Bồ-tát Quán Thế Âm đã thể nhập vào vô số quốc độ Phật nhiều như vi trần. **Được lực tự tại rất to lớn.**

Bồ thí sự vô úy cho chúng sinh. Với năng lực thần thông và đại tự tại, Bồ-tát Quán Thế Âm đã giúp cho mọi chúng sinh được sự không sợ hãi.

Kinh văn:

妙音觀世音
梵音海潮音
救世悉安寧
出世獲常住。

Diệu âm Quán Thế Âm

Phạm âm hải triều âm

Cứu thế tất an ninh

Xuất thế hoạch thường trụ.

Việt dịch:

Nhiệm mầu là âm thanh của Quán Thế Âm

Âm thanh thanh tịnh như tiếng hải triều

Cứu độ thế gian, khiến đều được an lành

Xuất thế gian, được quả thường trụ.

Giảng giải:

Nhiệm mầu là âm thanh của Quán Thế Âm

Quán Thế Âm Bồ-tát là vô cùng vi diệu.

Âm thanh thanh tịnh như tiếng hải triều

Âm thanh thanh tịnh và trong sáng của ngài giống như tiếng sóng của đại dương. **Cứu độ thế gian, khiến đều**

được an lành. Ngài cứu độ cho mọi loài chúng sinh ở thế gian này, mang lại sự an bình và mãn nguyện cho tất cả.

Xuất thế gian, được quả thường trụ.

Ngài siêu việt thế gian và chúng được tánh giác thường trú. Ngài đạt được năng lực thần thông tự tại bất hoại, và thường trụ.

Kinh văn:

我今啟如來
如觀音所說
譬如人靜居
十方俱擊鼓
十處一時聞
此則圓真實。

*Ngã kim khái Như Lai
Như Quán Âm sở thuyết
Thí như nhân tĩnh cư
Thập phương câu kích cổ
Thập xứ nhất thời văn
Thử tắc viên chơn thật.*

Việt dịch:

**Con nay kính bạch Như Lai
Như lời Bồ-tát Quán Thế Âm vừa trình bày
Ví như có người trong chỗ yên lặng
Khắp mười phương đều đánh trống
Mười xứ cùng lúc đều nghe
Đó gọi là hoàn toàn chân thật.**

Giảng giải:

Con nay kính bạch Như Lai

Như lời Bồ-tát Quán Thế Âm vừa trình bày về
việc ngài tu chứng viên thông.

Ví như có người trong chỗ yên lặng

Khắp mười phương đều đánh trống

Mười xứ cùng lúc đều nghe.

Trong mỗi nơi ở mười phương đều đánh trống cùng một lúc. Dù tiếng trống đến từ mười phương, nhưng một người ở trong căn phòng yên tĩnh có thể nghe được các tiếng trống ấy cùng một lúc.

Đó gọi là hoàn toàn chân thật.

Tánh (nghe) này mới chân thật là viên mãn.

Kinh văn:

目非觀障外
口鼻亦復然
身以合方知
心念紛無緒。

Mục phi quán chướng ngoại

Khẩu tỵ diệc phục nhiên

Thân dĩ hợp phương tri

Tâm niệm phân vô tợ.

Việt dịch:

Mắt không thể thấy khi có chướng ngại bên ngoài

Thiệt căn, tỷ căn cũng như vậy

**Thân, khi hợp mới biết xúc.
Ý căn, phân vân không manh mối.**

Giải thích:

Mắt không thể thấy khi có chướng ngại bên ngoài

‘Mắt’ ở đây không phải là Phật nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn, Thiên nhãn, hoặc nhục nhãn—chẳng phải là nhục nhãn. Điều đề cập đến ở đây là con mắt thông thường. Những con mắt này chỉ có thể thấy được trong giới hạn, không thể thấy xuyên suốt và ở trên nó. Nó không thể nhìn thấy được xuyên qua những vật chướng ngại. Chẳng hạn, nếu chúng ta đóng cửa sổ và buông màn xuống, thì chẳng thể nào nhìn thấy được cảnh vật bên ngoài. Ngay cả trong sự nhận biết những cái cận kề để sử dụng, chỉ một lớp da cũng ngăn che không cho ta thấy đường. Như chúng ta không thể nào thấy được cái gì bên trong thân với con mắt thông thường. Mắt của bậc thánh lại là một vấn đề khác, nhưng ở đây chúng ta đang bàn về khả năng của con mắt thường. Nó không thể thấy xuyên qua được một tờ giấy mỏng! Cũng vậy, khi nhìn bên phải thì không thể thấy được bên trái, và khi nhìn bên trái thì không thể thấy được bên phải.

Thiệt căn, tỷ căn cũng như vậy.

Giữa các hơi thở cũng có khoảng dừng khi không có không khí vào hoặc ra khỏi mũi. Và lưỡi phải có vị thì mới biết được tánh nếm. Không có gì để nếm, thì lưỡi chẳng có tác dụng. Nên hai căn này, đều ít nhiều giống như nhãn căn.

Thân, khi hợp mới biết xúc.

Thân phải tiếp xúc với đối tượng của xúc chạm thì xúc giác mới có được, và vì thế, nó cũng không được hoàn toàn.

Ý căn, phân vân không manh mối.

Niệm tưởng thì lăng xăng và hỗn loạn, không có một trật tự gì cho chúng cả, thế nên nó cũng chẳng hoàn toàn tốt cho việc tu chứng viên thông.

Kinh văn:

隔垣聽音響
遐邇俱可聞
五根所不齊
是則通真實。

*Cách viên thính âm hưởng
Hà nhĩ câu khả văn
Ngũ căn sở bất tề
Thị tắc thông chơn thật*

Việt dịch:

**Cách tường, tai vẫn nghe được tiếng
Xa gần đều nghe được
Năm căn so sánh thật không bằng
Thế mới chân thật thông.**

Giải giảng:

Với nhĩ căn, **Cách tường, tai vẫn nghe được tiếng.** Quý vị vẫn nghe được những gì bên kia bức tường. **Xa gần đều nghe được.**

Năm căn so sánh thật không bằng. Mắt, mũi, lưỡi

thân ý đều không có tác dụng như nhĩ căn—nó hoàn hảo hơn những căn này. Tác dụng của nó hoàn toàn dung thông và không bị ngăn ngại. Những căn khác không thể nào sánh bằng nhĩ căn được. **Thế mới chân thật thông.** Năm giác quan kia không có được sự dung thông chân thực này.

Kinh văn:

音聲性動靜
聞中為有無
無聲號無聞
非實聞無性。

*Âm thanh tánh động tĩnh
Văn trung vi hữu vô
Vô thanh hiệu vô văn
Phi thật văn vô tánh.*

Việt dịch:

**Tánh của âm thanh, có động có tĩnh.
Trong tánh nghe thành có, thành không.
Khi không tiếng, gọi là không nghe
Chẳng phải thật là không có tánh nghe.**

Giải thích:

Tánh của âm thanh, có động có tĩnh.

Khi thì có tiếng, khi thì không có tiếng. Khi không có tiếng, gọi là yên tĩnh. **Trong tánh nghe thành có, thành không.** Tánh nghe nhận biết sự di chuyển của thanh âm và sự yên lặng khi không có tiếng. **Khi không tiếng, gọi là không nghe.** Chúng ta gọi như vậy. Nhưng

Chẳng phải thật là không có tánh nghe. Tánh nghe dứt khéoat là không biến mất. Khi chúng ta nói rằng không nghe, thì tánh nghe thực ra chẳng hề biến mất.

Kinh văn:

聲無既無滅
 聲有亦非生
 生滅二圓離
 是則常真實。

Thinh vô ký vô diệt

Thinh hữu diệt phi sanh

Sanh diệt nhị viên ly

Thị tắc thường chơn thật.

Việt dịch:

Không tiếng, tánh nghe đã không diệt

Có tiếng, tánh nghe cũng chẳng sanh.

Lìa hẳn hai ý niệm sanh diệt

Thế mới thường chân thật.

Giảng giải:

Không tiếng, tánh nghe đã không diệt

Khi không có tiếng không có nghĩa là tánh nghe đã bị mất đi. Khi có tiếng, tánh nghe cũng chẳng sanh. Khi nghe có tiếng, thì cũng chẳng có gì biến đổi trong tánh nghe.

Lìa hẳn hai ý niệm sanh diệt

Thế mới thường chân thật.

Tánh nghe thường vốn tự đầy đủ trong chính nó và lia hẳn hai ý niệm sinh diệt. Sinh diệt đã hoàn toàn trở nên dung thông nhau. Tánh nghe là tánh thường trụ, bất biến, chẳng phải là đối tượng của sinh diệt.

Kinh văn:

縱令在夢想
不為不思無
覺觀出思惟
身心不能及。

Túng linh tại mộng tưởng

Bất vị bất tư vô

Giác quán xuất tư duy

Thân tâm bất năng cập

Việt dịch:

Dù đang lúc mộng tưởng

**Chẳng phải do không suy nghĩ mà (tánh nghe)
không có.**

Tính giác quán vượt ra ngoài suy nghĩ

Thân, ý không so kịp.

Giải thích:

Khi có tiếng, khi không có tiếng, khi tiếng vừa mới khởi, khi tiếng đã mất hẳn, thì tánh nghe không bao giờ bị biến mất. Mọi người có thể nhận ra điều này trong trạng thái tỉnh thức bình thường. Nhưng nó vẫn thường hiện hữu ngay **đang lúc mộng tưởng**.

Có người đang ngủ rất mê nhưng vẫn nghe được

tiếng chày vỡ do người giặt áo quần và tiếng chày giã gạo như tiếng chuông trống đang hoà nhau. Điều này chứng tỏ rằng tánh nghe vẫn hiện hữu ngay cả trong giấc mơ.

Chẳng phải do không suy nghĩ mà (tánh nghe) không có.

Chẳng như tâm ý, không hiện hữu khi chẳng suy nghĩ.

Tính giác quán vượt ra ngoài suy nghĩ. Tính hay biết về tánh nghe ấy vượt ra ngoài sự suy nghĩ.

Thân, ý không so kịp.

Thân và tâm đều không thể nào so sánh được với tánh nghe của nhĩ căn.

Kinh văn:

今此娑婆國
聲論得宣明
眾生迷本聞
循聲故流轉
阿難縱強記
不免落邪思
豈非隨所淪
旋流獲無妄。

Kim thử ta-bà quốc

Thanh luận đắc tuyên minh

Chúng sanh mê bản văn

Tuần thịnh cổ lưu chuyển

*A-nan túng cường ký
 Bất miễn lạc tà tư
 Khởi phi tùy sở luân
 Triền lưu hoạch vô vọng.*

Việt dịch:

**Hiện tại cõi ta-bà
 Thanh luận được biểu dương
 Chúng sinh bỏ mất tánh nghe
 Theo thanh trần nên bị lưu chuyển
 A-nan tuy nhớ giới
 Vẫn không khỏi mắc tà nạn.
 Há chẳng phải tùy chỗ chìm đắm
 Xoay ngược dòng, thoát khỏi hư vọng.**

Giải:

**Hiện tại cõi ta-bà
 Thanh luận được biểu dương
 Chúng sinh bỏ mất tánh nghe**

Họ không nhận ra được tánh nghe bản hữu. **Theo thanh trần nên bị lưu chuyển.**

Họ không biết quay tánh nghe trở lại để nhận ra tự tánh mình. Họ ham tìm cầu bên ngoài, họ lắng nghe bên ngoài. Họ đuổi theo thanh trần và hướng ra ngoài mà truy tìm. Nếu mình để cho nhĩ căn đuổi theo thanh trần thay vì xoay tánh nghe trở lại hướng vào bên trong, thì mình sẽ bị rơi trong dòng sanh tử. Đó cũng là một nút thắt. Có sanh tử, nên có nút buộc. Nó khởi đầu vì quý vị đuổi theo thanh trần. Quý vị không thể nào kéo nó lui được.

A-nan tuy nhớ giỏi. A-nan là người rất thông minh và nhớ giỏi. Ngài có thể nhớ nằm lòng các bộ kinh trong Tam tạng.

Vẫn không khỏi mắc tà nạn.

A-nan tuy thông minh, nhưng ngài vẫn không thể nào thoát khỏi nạn do con gái của Ma-đăng-già và thần chú của Tiên Phạm thiên. A-nan đã bị bắt bởi tà thuật của ngoại đạo.

Há chẳng phải tụy chỗ chìm đắm

Xoay ngược dòng, thoát khỏi hư vọng.

Nếu quý vị có thể phản văn văn tự tánh, thì tự nhiên sẽ không phải chống cự với một thứ hư vọng nào. Quý vị sẽ không còn sai lầm như vậy. Nguyên nhân mà A-nan dễ bị mắc phải tà thuật là do A-nan luôn luôn tìm cầu bên ngoài. A-nan nghiên cứu cái này rồi học cái kia và thông thạo kinh này rồi kinh khác, nhưng không bao giờ tự hồi quang phản chiếu. A-nan không bao giờ chịu dừng lại suy nghĩ xem tại sao mình suy nghĩ và hành xử như vậy. Tất cả mọi việc mà A-nan làm là học. Ông học quá nhiều đến nỗi quên mất mình là gì. Chuyện này khiến tôi nhớ đến câu trả lời của Không Tử khi có người hỏi:

“Có ai trên đời giống như...” người hỏi bắt đầu.

“Giống như cái gì?” Không Tử hỏi.

“Nó đi, đem mọi người theo mình—đem theo họ hàng thân quyến trong gia đình, ngoại trừ vợ mình. Nó quên mang theo vợ nó. Có hạng người như thế chẳng?”

Quý vị có nghĩ thử xem Khổng Tử trả lời như thế nào không? Khổng Tử có trả lời rằng quên mang theo vợ mình là điều không thể được? Hay ngài trả lời rằng quên mang vợ mình theo là điều có thể được đối với con người?

Khổng Tử đáp: “Thời nay, con người thậm chí còn quên cả chính mình!” Không những họ quên vợ mình, mà còn quên cả thân mình. Có nghĩa là họ không biết rằng trong tương lai, thân họ sẽ chết. Họ quên rằng mình sẽ phải trải qua tuổi già, rồi bệnh, và chết.

Vì A-nan tập trung vào việc nghiên cứu những điều bên ngoài mình và vào việc phát triển khả năng học thuật của mình, A-nan thờ ơ việc tu tập để phát huy định lực. Do A-nan xao nhãng định lực, nên ông không biết làm sao để công phu phản văn văn tự tánh, thế nên A-nan đui theo thanh trần. A-nan không làm cho thanh trần trở về theo tự tánh mình nên A-nan bị mắc vào nạn với con gái của Ma-đăng-già.

Kinh văn:

阿難汝諦聽
我承佛威力
宣說金剛王
如幻不思議
佛母真三昧。

A-nan như đế thính

Ngã thừa Phật oai lực

Tuyên thuyết Kim cang vương

*Như huyễn bất tư nghị
Phật mẫu chơn tam muội.*

Việt dịch:

**A-nan! Hãy nghe kỹ.
Tôi nương uy lực Phật
Trình bày tam-muội của Kim cang vương
Như huyễn bất khả tư nghị,
Thiền định là mẹ của chư Phật.**

Giải:

Khi Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát nói đến đây, ngài gọi A-nan. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là một vị Pháp vương tử có tuổi tác rất cao, trong khi A-nan còn rất trẻ. Ở đây, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đại diện cho Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang tuyên bày giáo pháp, thế nên ngài thu hút sự chú ý A-nan. **A-nan! Hãy nghe kỹ.**

Hãy chú ý! Lắng nghe từng lời, đừng xem thường chút nào. Đừng ngồi đó mà ngủ gục khi tôi nói dòng kệ này! Ông nên biết rằng bài kệ này mà tôi đang nói ra không phải là do ý riêng của tôi. Bài kệ được tuyên bày do uy lực của Đức Phật trao truyền cho tôi. Đức Phật chỉ định cho tôi phải nói và diễn bày nội dung này. Ngài bảo tôi phải chọn ra pháp môn cho ông tu. Ông không nên nghĩ rằng do tôi, Văn-thù-sư-lợi, là người đang nói với ông điều này; mà đó chính là Đức Phật đang nói cho ông. Nay ông đã hiểu chưa?

Trình bày tam-muội của Kim cang vương.
Nương vào Đức Phật, tôi sẽ trình bày pháp môn của Kim cang vương.

**Như huyễn bất khả tư nghì,
Thiền định là mẹ của chư Phật.**

Đây là pháp môn tu mà chẳng cần tu. Tu mà chẳng tu. Chẳng tu mà tu. Đúng hơn là giống như trò chơi, thế nên cùng một lúc đó là sự thực. Ví dụ là ở đó. Quý vị không thể tưởng tượng ra được pháp môn này vì điều đến như thế nào. Quý vị không thể tưởng tượng ra được hoặc diễn đạt sự vi diệu ấy bằng lời. Tam-muội ấy là mẹ của chư Phật. Tất cả các Đức Phật đều xuất sinh từ tam-muội này. Thế nên hãy chú ý. Ông có muốn thành Phật không? Nếu có, hãy chú tâm những gì tôi sẽ nói. Và rồi ông phải thực hành công phu. Đừng chỉ ưởng công sức trong những kỹ năng bên ngoài. Ông phải đạt cho bằng được công phu nội quán.

Kinh văn:

汝聞微塵佛
一切祕密門
欲漏不先除
畜聞成過誤。

*Nhữ văn vi trần Phật
Nhất thiết bí mật môn
Dục lậu bất tiên trừ
Súc văn thành quá ngộ*

Việt dịch:

**Ông nghe các pháp bí mật
Của chư Phật nhiều như số vi trần**

**Nếu trước tiên không trừ các dục lậu
Nghe nhiều, chất chứa thành làm lỗi.**

Giảng giải:

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tiếp tục:

**Ông nghe các pháp bí mật
Của chư Phật nhiều như số vi trần**

A-nan, ông đã nghe vô số chư Phật giảng nói về các pháp môn bí mật. ‘Bí mật’ có nghĩa là quý vị nói điều gì đó cho một người nghe mà người thứ hai không biết được điều ấy. Hoặc là quý vị nói về người thứ hai mà người thứ nhất không biết được. Mỗi người đều không biết được điều gì đã nói với người kia. Tại sao Đức Phật có những pháp môn bí mật? Là vì căn tánh của chúng sinh khác nhau. Mỗi chúng sinh thích những điều khác nhau. Hơn thế nữa, mỗi người lại tu tập những pháp môn riêng biệt trong đời quá khứ. Do vậy, Đức Phật quán sát căn cơ, ngài xem xét pháp môn quý vị đã tu tập trong đời trước, căn cứ vào đó, ngài dạy quý vị bây giờ nên tu tập như thế nào.

Quán cơ đầu giáo

Giảng pháp cho từng người.

Ngài không dạy cho quý vị pháp môn mà không thích hợp với quý vị.

**Nếu trước tiên không trừ các dục lậu
Nghe nhiều, chất chứa thành làm lỗi.**

Dù Đức Phật đã có nhiều pháp môn bí mật, quý vị cũng vẫn chưa trừ bỏ các dục lậu của mình. “Dục” thật là rất khó hàng phục. Ngay khi quý vị có tham dục, là quý vị

có lậu hoặc. Tham dục nghiêm trọng nhất mà mọi người đều khó tìm cách cắt bỏ đó là tham danh sắc. Nếu quý vị có thể trừ bỏ điều này thì quý vị là người phi thường. Khi quý vị nghiên cứu Phật pháp, quý vị phải nên trừ bỏ tham dục để mới có thể trừ sạch mọi lậu hoặc.

Quả vị thứ tư của A-la-hán thì không còn lậu hoặc. Sơ quả A-la-hán là Kiến đạo vị, là kết quả của sự dứt trừ được 88 phần kiến hoặc. Quả vị thứ nhì A-la-hán được gọi là Tu đạo vị. Quả vị thứ tư của A-la-hán gọi là Chứng đạo vị. Ở quả vị thứ nhất, thứ nhì và thứ ba của A-la-hán chưa được gọi là chứng quả vị vô lậu. Chỉ đến quả vị thứ tư mới chứng quả vô lậu. Đạt được quả vị vô lậu là điều rất quan trọng. Tại sao A-nan chưa đạt đến quả vị này? Vì A-nan chưa trừ bỏ tham dục. A-nan vẫn còn ham thích một số điều. A-nan chưa được thanh tịnh, vì thế nên Pháp vương tử Văn-thù-sur-lợi mới nói với A-nan, “Nếu ông không tu tập và diệt trừ tâm tham đắm danh sắc, thì ông sẽ không tương ưng với Phật pháp. Nếu ông chỉ một bề chuyên vào đa văn, thì ông sẽ mắc phải lỗi lầm. Đó là nguyên do khiến cho ông phải mắc nạn với con gái của Ma-đăng-già. Nếu ông từ bỏ tham dục và lậu hoặc, thì ông sẽ không còn gặp những nạn ấy nữa.”

Khi chúng ta thấy một người thông minh như A-nan mà vẫn còn mắc phải sai lầm này, chúng ta nên lưu ý rằng không những chúng ta chưa nghiêm khắc với tham dục, mà chúng ta còn có ý định truy tìm nó. Chưa bao giờ chúng ta nghĩ đến chuyện trừ bỏ nó. Quý vị có thấy đó là một sai lầm nữa không? Đến lúc này, mọi

người nên hồi quang phản chiếu. Chúng ta còn tham dục chẳng? Chúng ta đã trừ bỏ chúng được chưa? Nếu chưa, thì chẳng có gì để nói. Nếu quý vị muốn trừ bỏ chúng, thì hãy nhanh chóng bắt đầu tu tập công phu phản văn văn tự tánh. Hãy học pháp môn nhĩ căn viên thông của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Kinh văn:

將聞持佛佛
何不自聞聞。

*Tương văn trì phật pháp
Hà bất tự văn văn?*

Việt dịch:

**Dem cái nghe thọ trì Phật pháp
Sao không tự nghe tánh nghe của mình?**

Giải:

“**Dem cái nghe thọ trì Phật pháp.** Ông đã phí công để nghiên tâm Phật pháp.” Văn-thù-su-lợi nói với A-nan. “Với công phu đó, **Sao không tự nghe tánh nghe của mình?** Sao ông không quay cái nghe trở lại để nhận ra tánh nghe của mình. Sao ông không phát huy công phu tu tập này? Sao ông không quay lại nhìn vào chính mình?”

Kinh văn:

聞非自然生
因聲有名字

旋聞與聲脫
能脫欲誰名。

*Văn phi tự nhiên sanh
Nhơn thanh hữu danh tự
Triền văn dĩ thanh thoát
Năng thoát dục thùy danh.*

Việt dịch:

**Tánh nghe không phải tự nhiên sanh
Nhân thanh trần mà có tên gọi
Xoay lại cái nghe là thoát khỏi thanh trần
Cái đã lìa xa ấy, gọi là gì?**

Giải thích:

A-nan, đừng nên tiếp tục quá chú tâm việc học mà xao nhãng tu tập định lực. **Tánh nghe không phải tự nhiên sanh.** Vốn tự nó hoàn toàn không do tự nhiên mà có.

Nhân thanh trần mà có tên gọi. Vì có thanh trần, nên có cái nghe. Chúng ta gọi cái nhận ra thanh trần là ‘nghe ‘tiếng’ **Xoay lại cái nghe là thoát khỏi thanh trần. Cái đã lìa xa ấy, gọi là gì?** Chúng ta nói có cái nghe là do có tiếng, nhưng cái nghe có còn đó khi không có tiếng không? Cái nghe vẫn còn. Vì tánh nghe không phải là đối tượng của sinh diệt. Do vậy, xoay lại tánh nghe. Từ bây giờ, không đuổi theo sáu căn và sáu trần. Đưa sáu căn và sáu trần trở lại với tự tánh.

*Phản văn văn tự tánh
Tức thành Vô thượng đạo.*

Cái gì là tự tánh của quý vị? Khi quý vị lắng nghe,

quý vị sẽ nhận ra. Bây giờ, trước khi quý vị nhận ra, quý vị sẽ không hiểu được cho đến khi tôi nói cho quý vị biết. Chẳng hạn, khi tôi uống tách trà này, chính tôi biết tách trà lạnh hay nóng, nhưng quý vị vẫn không biết gì cả. Nếu quý vị muốn biết, quý vị phải tự mình uống trà. Nếu quý vị muốn nhận ra tự tánh của chính mình, trước tiên hết, quý vị phải xoay tách nghe trở lại. Nếu quý vị không làm như vậy, làm sao mong nhận ra tự tánh của mình được? Quý vị hỏi:

“Khi xoay tách nghe trở lại, làm sao để nghe?”

Dùng tai của mình, nhưng đừng lắng nghe âm thanh bên ngoài. Đừng cố gắng tìm hiểu xem những gì đang diễn ra ngoài phố, hoặc ai đang nói điều gì. Xoay cái nghe trở vào bên trong và lắng nghe bên trong của chính mình. Theo cách này tự tánh của quý vị sẽ hiển bày. Đó là cách thức quý vị thực hành. Nay quý vị đã hiểu rồi chứ?

Khi xoay tách nghe trở lại, mình được tự tại với âm thanh bên ngoài. “Cái đã lìa xa ấy, gọi là gì?” Nếu chính quý vị có thể lìa hẳn được với âm thanh bên ngoài, nghe nhưng chẳng nghe, đây chẳng phải thực sự là tánh nghe hay sao? Đúng vậy và chẳng phải vậy. Không phải mà phải. Nghe mà chẳng nghe. Đó có nghĩa là tự tại đối với âm thanh. Mình nghe, nhưng không giống như cách mình nghe trước đây. Dù biết rằng cái nghe thông thường có thể nghe được xa hoặc gần, nó vẫn có một giới hạn. Nếu quý vị chân thực đạt được công phu xoay tách nghe trở vào để nhận ra tự tánh của mình, thì quý vị có thể nghe được suốt cả pháp giới. Nhưng quý

vị cũng có thể chọn cách không nghe gì đến âm thanh của toàn thể pháp giới. Quý vị phải chế ngự. Giống như điện tín. Nếu tôi muốn gửi, tôi có thể gửi đi cho mọi người khắp mọi nơi vào bất kỳ lúc nào. Còn nếu tôi không muốn gửi điện tín, tôi sẽ không làm việc ấy. Nếu tôi muốn nghe những âm thanh nào trong pháp giới, tôi có thể bật nó lên. Quý vị hãy thử xem. Thế sự tự tại đối với âm thanh như vậy gọi là gì? Nó vốn không có danh xưng. Đó là cái vượt ra ngoài danh xưng nghe và tánh nghe chân thực.

Kinh văn:

一根既返源

六根成解脫

Nhất căn ký phản nguyên

Lục căn thành giải thoát

Việt dịch:

Khi một căn đã trở về nguồn

Sáu căn tức thành giải thoát.

Giải thích:

Ngay khi danh xưng đã không còn, người ta có thể nói rằng đó là ý căn đã được mở ra.

Khi một căn đã trở về nguồn

Sáu căn tức thành giải thoát.

‘Nguồn’ tức là tánh Như Lai tạng. Khi một căn (giác quan) quay trở về với tánh Như Lai tạng, thì cả sáu căn cùng kết hợp với nhau. Những người anh lớn

quy về và các em nhỏ cũng theo về. Nhưng nếu quý vị không đưa một căn trở về, thì chẳng có căn nào cùng về theo. Chúng có liên quan với nhau, vì vốn chúng là một, nhưng chúng bị chia thành sáu.

Kinh văn:

見聞如幻翳
三界若空花
聞復翳根除
塵銷覺圓淨。

*Kiến văn như huyễn ế
Tam giới nhược không hoa
Văn phục ế căn trừ
Trần tiêu giác viên tịnh.*

Việt dịch:

Thấy, nghe như mắt nhắm

Ba cõi như hoa đốm giữa hư không.

Tánh nghe xoay trở lại, gốc bệnh nhắm tiêu trừ.

Trần tướng tiêu, tánh giác thuần thanh tịnh.

Giải thích:

Tại sao chúng ta chưa thành Phật? Chúng ta bị trói buộc bởi sáu căn và sáu trần. Thế nên chúng ta phải tìm ra một phương pháp để đạt được giải thoát. Không chỉ chúng ta bị trói buộc bởi các căn và các trần; cùng một lúc, A-nan cũng mắc phải vấn đề này. Chúng ta đang gặp cùng tình huống khó xử. A-nan đã đi con đường ấy để đạt đến giải thoát, và chúng ta bây giờ rất may mắn được

học phương pháp đó. Chúng ta, cũng vậy, có thể đi trên con đường này và được giải thoát.

Thấy, nghe như mắt nhắm

Cái thấy, cái nghe là điều gì đó không thực. Nó như là huyền hóa, như màn sương mỏng phủ qua mắt, như mây trên bầu trời.

Ba cõi như hoa đóm giữa hư không.

Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới làm thành ba cõi. Chúng ta đang ở trong đó, nhìn chăm chăm vào hư không cho đến khi cái nhìn chăm chú ấy khiến ta mỏi mệt. Thế nên trông giống như có hoa đang nhảy múa trong hư không. Mở đầu cho bài kệ này, ngài Văn-thù-sư-lợi đã nói:

Không sanh đại giác trung

Như hải nhất âu phát

Hư không sanh trong Đại giác Như một bọt nước nổi lên giữa biển

Hư không sanh ra trong biển mênh mông của tánh giác ngộ và được ví như một hòn bọt nổi lên giữa biển hư không.

Tánh nghe xoay trở lại, gốc bệnh nhắm tiêu trừ.

Khi chúng ta xoay tánh nghe trở về để nhận ra tự tánh của mình, thì lớp màn mỏng che mắt ấy biến mất.

Trần tướng tiêu, tánh giác thuần thanh tịnh.

Khi cảm nhận của các giác quan không còn, thì các khách trần không còn phiền nhiễu quý vị nữa. Nên tánh giác của mình là hoàn toàn thanh tịnh.

Kinh văn:

淨極光通達
 寂照含虛空
 却來觀世間
 猶如夢中事
 摩登伽在夢
 誰能留汝形。

*Tịnh cực quang thông đạt
 Tịch chiếu hàm hư không
 Khước lai quán thế gian
 Du như mộng trung sự
 Ma-đăng-già tại mộng
 Thùy năng lưu nhữ hình?*

Việt dịch:

**Tột cùng thanh tịnh, trí quang thông suốt.
 Thể tịch chiếu trùm khắp hư không.
 Trở lại quán sát việc thế gian
 Giống như việc trong mộng.
 Ma-đăng-già chỉ là chiêm bao
 Thì ai bắt giữ được ông?**

Giảng giải:

A! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói rất mạnh mẽ. Ngài không cần một chút tao nhã nào. Ngài đang thẳng thừng quở trách A-nan:

“Tột cùng thanh tịnh, trí quang thông suốt. Một

khi tánh giác của ông viên mãn và thanh tịnh, thì đến chỗ cùng tột, trí sáng suốt bao trùm khắp. Quý vị trở nên giác ngộ. **Thể tịch chiếu trùm khắp hư không.** Khi quý vị đạt được công phu này rồi, thì hư không có ngay chính trong quý vị. Tự tánh của quý vị chính là tánh giác ngộ rộng khắp. Khi quý vị trở về với bản tánh vốn luôn luôn là của mình, thì mình bao trùm khắp cả hư không.

Trở lại quán sát việc thể gian

Giống như việc trong mộng.

Khi quý vị vẫn tiếp tục dùng công phu này, quý vị quán sát thể giới và sẽ thấy nó chẳng khác gì hơn một giấc mộng.

Ma-dăng-già chỉ là chiêm bao

Thì ai bắt giữ được ông?

Cô ta là một phần của giấc mộng. Ai là người có thể bắt ông? Ông đánh mất thể diện. Ông muốn có mặt ở đó. Ông thích cô ta. Nếu ông đạt được trình độ công phu như tôi vừa mô tả, thì ai cầm chế được ông?" Quý vị thấy chẳng có chút tao nhã nào. Phải không?

Kinh văn:

如世巧幻師
 幻作諸男女
 雖見諸根動
 要以一機抽
 息機歸寂然
 諸幻成無性。

*Như thế xảo huyền sư
 Huyền tác chư nam nữ
 Tuy kiến chư căn động
 Yếu dĩ nhất cơ trừu
 Tức cơ quy tịch nhiên
 Chư huyền thành vô tánh.*

Việt dịch:

**Như các huyền sư giỏi trong đời
 Tạo ra các hình người như thật
 Tuy thấy các căn đều cử động
 Chủ yếu đều do bộ máy giạt giảy
 Máy dừng, tất cả trở về yên lặng
 Các trò huyền thành vô tánh.**

Giảng giải:

Như các huyền sư giỏi trong đời.

Điều này giống như trò trình diễn múa rối thời xưa, khi các con rối nhảy múa và trình diễn đằng sau một tấm phong màu¹. Phía sau là những con rối được làm bằng da lừa, gắn với những sợi dây được điều khiển bởi người trình diễn rối, và khán giả nhìn thấy bóng của những con rối phản chiếu lên bức màn. Ngày nay chúng ta có xi-nê. Những con rối giống như người thật, nhưng thực ra chúng được điều khiển bởi những nghệ sĩ rối (puppet-master). Họ thường đánh nhau om sòm trên sân khấu bằng gươm và súng. Tôi nhớ là mình đã xem từ hồi nhỏ.

¹ E: screen of framed oil-paper.

Họ Tào ra các hình người như thật

Các con rối mặc áo quần như đàn ông và phụ nữ, rồi nhảy múa trên sân khấu.

Tuy thấy các căn đều cử động Chủ yếu đều do bộ máy giặt giũ

Dường như chúng có thể cử động tay chân và thậm chí cả nháy mắt và môi, nhưng thực ra đều là do máy. Chúng được nối liền với một bộ máy. Tuy nhiên, người xem vẫn bị làm cho sững sờ.

Máy dừng, tất cả trở về yên lặng Các trò huyền thành vô tánh.

Rốt ráo, chúng chẳng là gì cả. Trong chương này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giải thích vì sao các pháp đều như huyền mộng. Trong chương trước đã có nói rõ tại sao chúng ta đang ở trong huyền mộng.

Kinh văn:

六根亦如是
元依一精明
分成六和合
一處成休復
六用皆不成
塵垢應念銷
成圓明淨妙

*Lục căn diệc như thị
Nguyên y nhất tinh minh*

*Phân thành lục hoà hợp
Nhất xứ thành hư phục
Lục dụng giai bất thành
Trần cấu ứng niệm tiêu
Thành viên minh tịnh diệu.*

Việt dịch:

**Sáu căn đều như vậy
Nương một bản tánh sáng suốt
Và phân ra sáu thứ hoà hợp
Một thứ đã lìa ra, quay về.
Thì cả sáu đều không tồn tại.
Trong một niệm, trần cấu đều tiêu
Chuyển thành tánh viên minh tịnh diệu.**

Giải giảng:

Tại sao Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói về mộng và huyền? Vì sáu căn giống như trò huyền hóa.

Sáu căn đều như vậy

Sáu căn giống như trò múa rối được trình diễn bởi các nghệ sĩ rối. Đó như thể một bộ máy điều khiển chúng. Nhưng nếu một căn trở nên thanh tịnh, thì những căn khác cũng trở nên tự tại.

Nương một bản tánh sáng suốt

Vốn chỉ là một bản tánh sáng suốt trong Như Lai tạng. Nó **phân ra sáu thứ hoà hợp.**

Chia ra thành mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Khi nếu **Một thứ đã lìa ra, quay về**—nếu các nút buộc đã được mở. Thì **Thì cả sáu đều không tồn tại.**

Nếu một căn không còn tác dụng, thì những căn khác cũng sẽ dừng lại; chúng không còn có tác dụng nữa.

Trong một niệm, trần cấu đều tiêu

Mọi sự liên quan giữa sáu căn và sáu trần đều chấm dứt.

Chuyển thành tánh viên minh tịnh diệu.

Chúng trở thành chân tâm sáng suốt vi diệu, thể tánh thanh tịnh thường trú của Như Lai tạng.

Kinh văn:

餘塵尚諸學
明極即如來。

*Dư trần thượng chư học
Minh cực tức Như Lai.*

Việt dịch:

**Còn sót lại trần cấu là còn học vị
Sáng suốt cùng tột tức Như Lai.**

Giải thích:

Còn sót lại trần cấu là còn học vị

Khi ban đầu trừ bỏ được vô minh, thì vẫn còn lại vô minh vi tế gọi là sanh tướng vô minh. Đây có nghĩa là *dư trần*—phiền não còn sót lại như vi trần. Hàng Bồ-tát vẫn còn phải trừ sạch phiền não vi tế này.

Sáng suốt cùng tột tức Như Lai.

Đó là bản tánh của Như Lai tạng.

Kinh văn:

大眾及阿難

旋汝倒聞機
反聞聞自性
性成無上道
圓通實如是。

*Đại chúng cập A-nan
Triển như đảo văn cơ
Phản văn văn tự tánh
Tánh thành vô thượng đạo
Viên thông thật như thị.*

Việt dịch:

A-nan và đại chúng
Hãy xoay lại tánh điên đảo
Xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh của
mình
Nhận ra tự tánh, thành đạo vô thượng.
Thật tánh viên thông là như vậy.

Giảng giải:

A-nan và đại chúng
Hãy xoay lại tánh điên đảo
Các ông nên tu tập theo phương pháp này. Các ông đừng chạy tìm cầu bên ngoài. Hãy xoay trở lại. Hãy nhìn vào bên trong và tìm lại chính mình.

Xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh
của mình

Nhận ra tự tánh, thành đạo vô thượng.

Tánh của quý vị có thể thành tựu đạo Vô thượng.

Thật tánh viên thông là như vậy.

Tại sao Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chọn nhĩ căn? Vì đó là cách dễ nhất để tu tập thành công. Tôi tin rằng một số trong quý vị đã biết cách phát huy công phu tu tập này rồi, và một số thì chưa. Nghĩa của xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh của mình là như thế nào? Đó là công phu dùng trong việc tham thiền. Khi tham thiền, quý vị đừng ham dành hết năng lực vào việc tìm cầu bên ngoài. Quý vị phải nên hồi quang phản chiếu. Rồi hãy tự hỏi: “Ai là người niệm Phật?” “Ai?” Quý vị hãy đặt chữ “Ai?” trong tâm rồi lắng nghe bằng tai của mình. Theo đuổi chữ “Ai?”. Làm việc này liên tục, không dừng nghỉ. Đừng để cho công phu mình gián đoạn. Quan niệm tham đề tài này trong bất kỳ mình đang làm việc gì.

Đi đứng nằm ngồi, không lìa khỏi công phu này
 Nếu lìa bỏ công phu, tức là đã sai lầm.

“Đây” là cái gì? Đó là vấn đề. “Ai là người niệm Phật?” Quý vị không cần phải niệm lớn tiếng, mà hãy hỏi trong tâm mình và lắng nghe bằng tai của mình. Hãy lắng nghe bên trong, chứ không phải bên ngoài. Sau khi đã nghe bên trong, tâm và tánh nghe của quý vị cuối cùng sẽ hợp thành một. Và rồi trong một cách bất ngờ, vào một lúc không mong đợi, quý vị đột nhiên khai ngộ. Nhưng dứt khoát quý vị phải đem tâm và tánh của mình trở về lại thành một. Đừng để cho chúng tán loạn trong nhiều hướng. Đừng để chúng tiêu tán ra bên ngoài. Hãy gom chúng lại vào bên trong. Hãy xoay tánh nghe trở vào để

nhận ra tự tánh của mình. Rốt cuộc và tự nhiên công phu của quý vị sẽ phát triển. Tham thiền và công phu xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh của mình là giống nhau. Và bây giờ mọi người đã biết rằng dùng nhĩ căn để tu tập viên thông là phương pháp dễ nhất. Thế nên hãy đặt hết tâm lực vào mà tu tập phương pháp này.

Kinh văn:

此是微塵佛
 一路涅槃門
 過去諸如來
 斯門已成就
 現在諸菩薩
 今各入圓明
 未來修學人
 當依如是法
 我亦從中證
 非唯觀世音。

*Thử thị vi trần Phật
 Nhất lộ niết-bàn môn
 Quá khứ chư Như Lai
 Tư môn dĩ thành tựu
 Hiện tại chư bồ tát
 Kim các nhập viên minh
 Vị lai tu học nhơn*

*Đương y như thị pháp
Ngã diệc tông trung chứng
Phi duy Quán Thế Âm.*

Việt dịch:

**Đây là con đường thể nhập niết-bàn
Của chư Phật như vi trần
Các Đức Như Lai trong quá khứ
Đều thành tựu do pháp môn này
Các Bồ-tát trong hiện tại
Nay đều thể nhập sự sáng suốt viên mãn
Chúng sinh tu học trong đời sau
Đều nên nương theo pháp này.
Con cũng nhờ trong pháp ấy mà tu chứng
Chẳng riêng gì Quán Thế Âm.**

Giảng giải:

Bây giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chứng minh tính xác thực cho pháp môn mà ngài đã chọn.

**Đây là con đường thể nhập niết-bàn
Của chư Phật như vi trần**

Ngài nói: “Không chỉ Bồ-tát Quán Thế Âm đã chứng ngộ khi dùng pháp tu này, công phu tu tập sẽ dẫn đến viên thông mà tôi đã giải thích, chính tôi, Văn-thù-sư-lợi, cũng chứng minh cho pháp môn niết-bàn này. Không chỉ riêng tôi, mà chư Phật nhiều như vi trần trong quá khứ cũng đã tìm ra con đường thể nhập niết-bàn này.”

**Các Đức Như Lai trong quá khứ
Đều thành tựu do pháp môn này**

Các ngài thành tựu giác ngộ nhờ pháp tu viên thông xuất phát từ công phu xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tợ tánh của mình

Các Bồ-tát trong hiện tại

Nay đều thể nhập sự sáng suốt viên mãn

Các vị Bồ-tát đang tu tập trong đời đều cùng đi con đường này.

Chúng sinh tu học trong đời sau

Đều nên nương theo pháp này.

Những người trong đời tương lai chưa gặp được Phật pháp sẽ chọ pháp tu này. **Con cũng nhờ trong pháp ấy mà tu chứng.** Đã từ lâu con đã thành tựu pháp môn này và đã chứng được viên thông.

Chẳng riêng gì Quán Thế Âm.

Kinh văn:

誠如佛世尊
詢我諸方便
以救諸末劫
求出世間人
成就涅槃心
觀世音為最。

*Thành như Phật Thế tôn
Tuân ngã chư phương tiện
Dĩ cứu chư mạng kiếp
Cầu xuất thế gian nhơn*

*Thành tựu niết-bàn tâm
Quán Thế Âm vi tối.*

Việt dịch:

**Thật như lời Đức Thế tôn
Hỏi con về các phương tiện
Để cứu giúp trong đời mạt pháp
Cho những người cầu pháp xuất thế gian
Thành tựu được tâm niết-bàn
Thì Quán Thế Âm là hơn cả.**

Giải thích:

**Thật như lời Đức Thế tôn
Hỏi con về các phương tiện**

Kính bạch Đức Phật, con nói lời chân thật, con nói những điều vốn đúng thật như vậy. phương pháp **Để cứu giúp trong đời mạt pháp**

**Cho những người cầu pháp xuất thế gian
Thành tựu được tâm niết-bàn**

Trong mười tám giới và bảy đại, pháp môn nào là viên thông nhất? Vị nào thích hợp nhất đối với căn cơ chúng sinh trong thời mạt pháp? Những người muốn ra khỏi thế gian và tìm cầu sự siêu việt. Làm sao để họ có thể thành tựu tâm nguyện để tu đạo và thực chứng niết-bàn?

Quán Thế Âm là hơn cả.

Phương pháp hay nhất là quán sát âm thanh ở thế gian.

Quán Thế Âm Bồ-tát, nay đang thị hiện ở cõi ta-bà, tương ứng nhất với pháp môn này. Pháp môn

này là thích hợp nhất, phù hợp nhất với căn cơ mọi người.

Kinh văn:

自餘諸方便
皆是佛威神
即事捨塵勞
非是長修學
淺深同說法。

Tự dư chư phương tiện

Giai thị Phật oai thần

Tức sự, xả trần lao

Phi thị trường tu học

Thiển thâm đồng thuyết pháp.

Việt dịch:

Còn tất cả các phương tiện khác

Đều là nhờ uy lực của Đức Phật

Ngay nơi cảnh giới hiện tượng (sự) mà xả bỏ trần lao.

Chẳng phải là phương tiện tu học thông thường

Đồng giảng nói cho người căn tánh cạn và sâu.

Giảng giải:

Còn tất cả các phương tiện khác

Đều là nhờ uy lực của Đức Phật

Trong việc tu tập các pháp môn phương tiện nào khác ngoài nhĩ căn viên thông, chúng ta đều phải nương hờ vào sự gia hộ của Đức Phật mới được thành tựu.

Không có sự hộ trì của chư Phật, chúng ta không thể nào thành tựu điều gì cả.

Ngay nơi cảnh giới hiện tượng (sự) mà xả bỏ trần lao.

**Chẳng phải là phương tiện tu học thông thường
Đồng giảng nói cho người căn tánh cạn và sâu.**

Dù có người đã dùng những phương tiện này để xả bỏ trần lao phiền não và vọng tưởng, nhưng đó không phải là phương pháp duy nhất mà mọi người có thể vận dụng. Khi giảng pháp, mình phải quán sát nhân duyên. Mình phải quán sát căn tánh từng người. Đối với người có trí huệ, mình phải nói pháp sâu mầu. Với những người thiếu trí huệ, mình nên giải thích những đạo lý đơn giản. Pháp không thể nào luôn luôn được giảng nói cùng một kiểu. Chỉ có nhĩ căn là pháp môn viên thông nhất cho mọi căn cơ tu học. Tôi nghĩ pháp môn này là viên thông nhất.

Kinh văn:

頂禮如來藏
無漏不思議
願加被未來
於此門無惑
方便易成就
堪以教阿難
及末劫沈淪

但以此根修
圓通超餘者
真實心如是。

*Đánh lễ Như Lai tạng
Vô lậu bất tư nghị
Nguyên gia bị vị lai
Ư thử môn vô hoặc
Phương tiện dị thành tựu
Kham dĩ giáo A-nan
Cập mạng kiếp trầm luân
Đã dĩ thử căn tu
Viên thông siêu dư giả
Chơn thật tâm như thị.*

Việt dịch:

**Đánh lễ Như Lai Tạng
Và những bậc vô lậu, không thể nghĩ bàn
Nguyên xin gia hộ cho đời vị lai
Không lầm lẫn trong pháp môn này.
Đây là phương tiện để thành tựu
Nên đem dạy cho A-nan
Cùng chúng sinh trầm luân trong đời mạng pháp
Chỉ dùng nhĩ căn tu tập
Đạt viên thông nhanh hơn các pháp khác
Chân thật tâm đúng là như vậy.**

Giải thích:

Sau khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trình bày xong bài kệ này, ngài cung kính đánh lễ Tam bảo.

Đánh lễ Như Lai Tạng

Như Lai là Chư Phật, Tạng là Tam tạng (tripitaka), tức là Pháp (dharma).

Và những bậc vô lậu, không thể nghĩ bàn

“**Và những bậc vô lậu**” là Tăng-già. Các vị Bồ-tát và A-la-hán vô lậu đều đã chứng được những cảnh giới Bất khả tư nghì. Thần thông và diệu dụng của các ngài khó có thể nghĩ bàn. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đánh lễ các bậc thánh hiền trong tăng già.

Nguyện xin gia hộ cho đời vị lai

Không làm lẫn trong pháp môn này.

Con nguyện xin các ngài gia hộ cho mọi chúng sinh trong đời tương lai, để họ không có chút nghi ngờ nào về phiên âm môn phản văn văn tự tánh.

Đây là phương tiện để thành tựu

Nên đem dạy cho A-nan

Phương pháp này vừa dễ tu tập vừa dễ thành tựu. Đây là pháp môn hay nhất cho A-nan tu tập. Không còn pháp môn nào hay hơn.

Cùng chúng sinh trầm luân trong đời mạt pháp

Chỉ dùng nhĩ căn tu tập

Pháp môn này không chỉ thích ứng đối với A-nan, mà còn thích hợp cho mọi căn cơ chúng sinh trong đời mạt pháp. Chỉ dùng nhĩ căn làm phương tiện tu tập.

Đạt viên thông nhanh hơn các pháp khác

Chân thật tâm đúng là như vậy.

Pháp tu viên thông này vượt qua 25 pháp môn

phương tiện khác. Dễ hơn và mang đến những kết quả vượt bậc. Chân thật tâm đạt được thông qua pháp môn tu này là như con đã giải thích như trên.

Kinh văn:

於是阿難及諸大眾，身心了然得大開示。觀佛菩提及大涅槃猶如有人因事遠遊未得歸還。明了其家所歸道路。

Ư thị A-nan cập chư đại chúng, thân tâm liễu nhiên, đắc đại khai thị. Quán Phật bồ-đề cập đại niết-bàn du như hữu nhân nhân sự viễn du vị đắc quy hoàn. Minh liễu kỳ gia sở quy đạo lộ.

Việt dịch:

Lúc ấy A-nan và cả đại chúng, thân tâm rỗng rang, nhận được sự khai thị sâu mầu. Thấy bồ-đề và đại niết-bàn của chư Phật¹ giống như người nhân có việc phải đi xa chưa trở về được. Nay đã biết rõ con đường về nhà.

Giảng giải:

Lúc ấy A-nan và cả đại chúng, thân tâm rỗng rang. Họ đã đạt được sự hiểu biết thấu đáo. Nhận được sự khai thị sâu mầu. Thấy bồ-đề và đại niết-bàn của chư Phật.

¹ Tiếng Anh: *Buddha's bodhi and parinirvāṇa.*

Có thể hiểu là khái niệm về Phật, bồ-đề, niết-bàn. Xưa nay A-nan chỉ mới được tiếp xúc, được hiểu bằng khái niệm, chứ chưa được thực chứng và thể nhập.

Họ đã hoàn toàn nhận ra giáo lý sâu xa màu nhiệm của Đức Phật và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Họ xem giáo lý về bồ-đề niết-bàn như người nhân có việc phải đi xa chưa trở về được. Nay đã biết rõ con đường về nhà.

Những người này đã đi xa làm ăn và chưa được về nhà. Nhưng họ đã đi đủ xa để còn nhớ con đường quay về nhà. Ý nghĩa là dù A-nan và các thành viên trong hội chúng chưa chứng được sơ quả vị thứ nhất, thứ hai, thứ ba của A-la-hán, nhưng bây giờ ít nhất là họ đã nhận ra được đạo lý.

Kinh văn:

普會大眾天龍八部有學二乘，及諸一切新發心菩薩，其數凡有十恒河沙皆得本心，遠塵離垢獲法眼淨。

Phổ hội đại chúng thiên long bát bộ hữu học nhị thừa, cập chư nhất thiết tân phát tâm Bồ-tát, kỳ số phàm hữu thập hằng hà sa giai đắc bản tâm, viễn trần ly cấu hoạch pháp nhãn tịnh.

Việt dịch:

Toàn thể pháp hội, chúng thiên long bát bộ, hàng Nhị thừa hữu học, cùng hết thấy hàng Bồ-tát sơ phát tâm, số lượng có đến 10 số cát sông Hằng, đều nhận ra bản tâm, lìa xa trần tượng, được pháp nhãn thanh tịnh.

Giảng giải:

Toàn thể pháp hội, chúng thiên long bát bộ,

Quý thần; bát bộ gồm Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân, Rồng hàng Nhị thừa hữu học, chỉ cho các vị Thanh văn đã giác ngộ lý Duyên khởi. Cùng với hết thầy hàng Bồ-tát sơ phát tâm, số lượng có đến 10 số cát sông Hằng, họ đều đã nhận ra bản tâm. Không như trước đây, họ chưa nhận ra bản tâm. Họ đã lìa xa hẳn trần tượng, do vậy, họ được pháp nhãn thanh tịnh.

Kinh văn:

性比丘尼聞說偈已成阿羅漢。

Tánh tử-khuru-ni văn thuyết kệ dĩ thành A-la-hán.

Việt dịch:

Tánh tử-khuru-ni nghe nói bài kệ này xong liền chứng quả A-la-hán.

Giải:

Vị tử-khuru-ni có tên là Tánh¹ là con gái của Ma-dăng-già. Cô ta chứng quả A-la-hán ngay sau khi nghe ngài Văn-thù-sư-lợi nói bài kệ này. Đến lúc đó, cô ta đã vượt qua A-nan do cô đã chứng được quả vị thứ hai của hàng A-la-hán. Trong khi A-nan chỉ mới chứng được sơ quả.

Kinh văn:

無量眾生皆發無等等阿耨多羅三藐三菩提心

Vô lượng chúng sanh giai phát vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề tâm.

¹ S: Prakṛti. Hán âm: Bát-kiết-đế鉢結帝.

Việt dịch:

Vô lượng chúng sanh đều phát tâm vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề.

Giải thích:

Đến lúc này, có vô số vô lượng không thể tính đếm được chúng sinh trong pháp hội phát tâm **vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề.**

Không có gì có thể so sánh với mức độ phát tâm này. Việc ấy hoàn toàn chân thật. A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề có nghĩa là Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Anuttarā có nghĩa là vô thượng, không có gì sánh bằng.

Samyak có nghĩa là chánh (proper) và đẳng (equal). *Sambodhi* là chánh giác, giác ngộ chân chánh. Tâm nguyện của họ là muốn thành Phật.

(Hết quyển 5, đầu quyển 6 theo ấn bản của
Vạn Phật Thánh Thành.)

Kinh văn:

阿難整衣服。望大眾中，合掌頂禮。心迹圓明，悲欣交集。欲益未來諸眾生故，稽首白佛大悲世尊。我今已悟成佛法門。是中修行得無疑惑。常聞如來說如是言。自未得度先度人者菩薩發心。自覺已圓能覺他者如來應世。我雖未度願度末劫一切眾生。

A-nan chỉnh y phục. Vọng đại chúng trung, hợp chưởng đánh lễ. Tâm tích viên minh, bi hân giao tập. Dục ích vị lai chư chúng sanh cố, khể thủ bạch Phật: “Đại bi Thế tôn. Ngã kim dĩ ngộ thành Phật pháp môn. Thị trung tu hành đắc vô nghi hoặc. Thường văn Như Lai thuyết như thị ngôn: ‘Tự vị đắc độ, tiên độ nhân giả, Bồ-tát phát tâm. Tự giác dĩ viên, năng giác tha giả, Như Lai ứng thế. Ngã tuy vị độ, nguyện độ mạt kiếp nhất thiết chúng sinh’.”

Việt dịch:

A-nan chỉnh trang pháp phục. Hướng vào đại chúng, chắp tay đánh lễ. Tâm tính hoàn toàn sáng suốt, vừa mừng vừa tủi. Vì muốn lợi ích cho các chúng sinh đời vị lai, nên cúi đầu bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế tôn đại bi, con nay đã ngộ pháp môn thành Phật. Theo trong đó tu hành, được điều không nghi hoặc. Con thường nghe Như Lai dạy rằng: ‘Tự mình

chưa được độ, mà độ người trước, đó sự phát tâm của hàng Bồ-tát. Tự mình đã giác ngộ viên mãn, có thể giác ngộ cho người khác, đó là sự ứng thể của các đức Như Lai'." Con tuy chưa được độ, nhưng nguyện độ cho tất cả chúng sinh trong đời mạt pháp.

Giảng giải:

Sau khi A-nan nghe xong bài kệ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, ngài đứng dậy, **chỉnh trang pháp phục**. A-nan sửa lại cổ áo và kéo y ca-sa lại cho ngay ngắn. A-nan không bao giờ có một chút bất cẩn, sơ ý, không bao giờ để cho y phục luộm thuộm. **Hướng vào đại chúng, chấp tay đánh lễ. Tâm tính hoàn toàn sáng suốt.** A-nan không còn mê mờ như trước nữa. Ngài có tâm trạng **vừa mừng vừa tủi. Vì muốn lợi ích cho các chúng sinh đời vị lai, nên cúi đầu bạch Phật:**

A-nan không biết nên cười hay khóc. Quý vị có nhớ rằng A-nan rất dễ khóc không? A-nan đã khóc vài lần từ khi bắt đầu pháp hội giảng kinh, và bây giờ lại muốn khóc nữa. Nhưng A-nan cũng muốn cười. Nỗi lo của A-nan là gì? Là vì có câu:

Cực lạc sinh bi—Tột cùng niềm vui là nỗi buồn.

A-nan rất vui mừng, nghĩ rằng: "Nay mình đã có được Phật pháp, mình đã thâm nhập được giáo pháp chân thực." A-nan chưa bao giờ thấy vui như vậy. Nhưng hiểu cho riêng mình chưa đủ. A-nan muốn làm lợi ích cho các chúng sinh trong đời tương lai. Thế nên A-nan đánh lễ Đức Phật và thưa rằng:

“Kính bạch Đức Thế tôn đại bi, con nay đã ngộ pháp môn thành Phật. Theo trong đó tu hành, được điều không nghi hoặc.

Con sẽ nương vào Pháp để tu tập và sẽ không bao giờ còn một chút nghi ngờ gì nữa.

“Con thường nghe Như Lai dạy rằng...”

A-nan thường hay chứng minh những điều mình nói bằng sự dẫn chứng những lời dạy của chính Đức Phật. Ở đây A-nan nói, “Con nghe Đức Phật dạy rằng, ‘Tự mình chưa được độ, mà độ người trước, đó sự phát tâm của hàng Bồ-tát.’”

Khi mình chưa chứng ngộ, mà mình có thể mong giáo hóa cho người khác trước, thì đó là đạo của hàng Bồ-tát.

‘Tự mình đã giác ngộ viên mãn, có thể giác ngộ cho người khác, đó là sự ứng thế của các đức Như Lai.’”

Quý vị giúp cho mọi người giác ngộ bằng đạo lý mà mình đã chứng ngộ, đó là điều mà chư Phật đã làm.

Con tuy chưa được độ, nhưng nguyện độ cho tất cả chúng sinh trong đời mạt pháp.

Con tuy chưa được chứng đạo, nhưng con muốn giúp cho tất cả chúng sinh trong đời mạt pháp sẽ được độ thoát. Con muốn họ đều hưởng được lợi ích trong Phật pháp.

Kinh văn:

世尊，此諸眾生去佛漸遠。邪師說法如恒河沙。欲攝其心入三摩地。云何令

其安立道場遠諸魔事，於菩提心得無退屈？

Thế tôn, thử chư chúng sanh khứ Phật tiệm viễn. Tà sư thuyết pháp như hằng hà sa. Dục nhiếp kỳ tâm nhập tam-ma-địa, vân hà linh kỳ an lập đạo tràng, viễn chư ma sự, ư bồ-đề tâm đắc vô thối khuất?

Việt dịch:

Bạch Thế tôn, các chúng sinh này cách Phật ngày càng xa. Những tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng. Nếu muốn họ nhiếp tâm vào tam-ma-địa, làm sao khiến họ dựng lập đạo tràng để khỏi rơi vào ma sự, không lui sụt tâm bồ-đề?

Giải thích:

Bạch Thế tôn, các chúng sinh này cách Phật ngày càng xa.

Chúng sinh trong đời mạt pháp dần dần cách Phật và ngày càng xa.

Những tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng.

Đó là tình trạng như bây giờ. Các tà sư tuyên bố rằng họ đã hiểu biết những điều mà thực sự họ không hiểu. Chưa được giác ngộ, họ nói rằng mình đã giác ngộ. Chưa chứng được thánh quả, họ nói đã chứng. Tôi hỏi họ: “Ông đã chứng được quả vị thứ nhất, quả vị thứ hai, quả vị thứ ba, quả vị thứ tư của hàng A-la-hán chưa? Ông chứng được quả vị nào? Ông đã chứng ngộ chưa? Ông giác ngộ được điều gì?” Họ lặng thinh. Tôi

hỏi tiếp: “Ông là Phật, thế mà ông không nói được mình đã chứng được quả vị nào. Làm sao ông nhảy vào quả vị Phật được?” Rồi họ vẫn cố chấp, nói rằng không chỉ họ là Phật, mà “Mọi người đều là Phật.” Đó là luận điệu của họ. Đây là lời đại vọng ngữ. Khi quý vị chưa đạt đến cảnh giới đó, quý vị không thể nói năng tuý hứng.¹ Không có gì tệ hại hơn một tà sư. Hãy cẩn thận đừng trở thành người như vậy, dù quý vị có biết Phật pháp hay không. Đừng như có người trong bọn họ, khi có ai đến hỏi Pháp, liền đáp rằng, ‘Tôi già rồi; Tôi quên mất.’

Quên nghĩa là sao? Ông ta chẳng biết bắt đầu như thế nào. Cách nói chuyện đó là có chủ ý lừa gạt người. Nếu quý vị biết, thì nói biết. Nếu mình không biết, thì nói rằng không biết. Không thể nói rằng mình quên khi mình vốn chẳng hiểu người ta hỏi mình điều gì.

Khi những tà sư rao giảng phương pháp của họ, mong được lợi dưỡng, và giáo lý họ giảng nói là tà vạy. Chẳng hạn, tham dục là sai trái, nhưng họ bảo là tốt. “Đó là pháp môn hay nhất.” Họ khen ngợi điều ấy, khiến cho mọi người mê lầm và không thể nào phân biệt được giáo pháp chân thực. Điều sai trái, họ nói là phải; điều phải họ nói là sai trái. Họ đã có tà tri và tà kiến. Cái nhìn của họ là không đúng đắn.

A-nan nói, “Vào thời mạt pháp, loại tà sư này rất nhiều.”

Nếu muốn họ nhiếp tâm vào tam-ma-địa,

¹ E: go shooting off your mouth.

Dù thời đó sẽ có nhiều tà sư như cát sông Hằng, con vẫn nguyện rằng những chúng sinh sẽ phát khởi chánh tri và chánh kiến.

Làm sao khiến họ dựng lập đạo tràng để khỏi rơi vào ma sự, không lui sụt tâm bồ-đề?

Chẳng hạn, có vài tà sư và ngoại đạo chỉ biết lừa gạt mọi người với học thuyết của họ. Họ nói nhiều về việc quan hệ giữa nam nữ, cho rằng càng nhiều dâm dục, càng mau thành Phật. Điều này hoàn toàn sai lầm. Hoàn toàn tà vạy! Quý vị phải lưu ý điều này. Đừng để cho những người này lừa gạt. Trong chánh pháp, mọi sự đề cập đến dâm dục như là sự tán thành đều là sai trái. Những phương pháp dạy người như vậy đều là sự khai thác của ma. A-nan ước nguyện làm sao giúp cho những người trong đời mật pháp an trú trong sự phát tâm bồ-đề. Một số người học Phật pháp một thời gian rồi thôi tâm bồ-đề. “Tôi không học Phật pháp nữa. Khó quá! Tôi phải từ bỏ mọi lỗi lầm của mình. Nhưng tôi không bỏ được thì sao? Tốt hơn là tôi chẳng cần học.”

Họ bỏ mất sự hăng hái. Họ chấp nhận rút lui. Họ bị hàng phục bởi yêu ma.

A-nan muốn biết cách làm sao để giữ cho điều này không xảy ra.

Kinh văn:

爾時世尊於大眾中，稱讚阿難。善哉！善哉！如汝所問，安立道場救護眾生

末劫沈溺。汝今諦聽，當為汝說。阿難大眾唯然奉教

Nhĩ thời Thế tôn ư đại chúng trung, xưng tán A-nan Thiện tai! Thiện tai! Như nhữ sở vấn, an lập đạo tràng cứu hộ chúng sanh mạng kiếp trầm nịch. Nhữ kim đế thỉnh, đương vị nhữ thuyết. A-nan đại chúng duy nhiên phụng giáo.

Việt dịch:

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn ở trong đại chúng, khen ngợi A-nan, Hay thay! Hay thay! Như điều ông hỏi về dựng lập đạo tràng để cứu giúp chúng sinh chìm đắm trong đời mạng pháp. Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ nói cho ông biết. A-nan và đại chúng kính vâng lời dạy của Phật.

Giảng giải:

A-nan thưa rằng ông muốn cho các chúng sinh trong đời mạng pháp không lui sụt tâm bồ-đề. A-nan muốn cho họ có được niềm tin kiên định, nguyện sẽ hộ trì Phật pháp, tu học Phật pháp, và không bao giờ thối thất tâm bồ-đề. Nhưng làm sao để A-nan giúp cho họ làm được như vậy? Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nghe A-nan hỏi như vậy, ngài rất hoan hỷ. Đức Phật an trú trong cảnh giới như như bất động, nhưng khi có người phát tâm hộ trì Phật pháp và giúp mọi chúng sinh thành Phật, dù sao cũng làm cho ngài vui.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn ở trong đại chúng, khen ngợi A-nan, Hay thay! Hay thay!

Đức Phật hài lòng. “A-nan! Ông rất tốt!” Ngài khen ngợi A-nan hai lần.

Như điều ông hỏi về dụng lập đạo tràng để cứu giúp chúng sinh chìm đắm trong đời mạt pháp.

Ông muốn cứu giúp chúng sinh trong đời mạt pháp đang bị chìm đắm trong nước và lửa.

Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ nói cho ông biết. A-nan và đại chúng kính vâng lời dạy của Phật.

Khi họ nghe Đức Phật đồng ý sẽ giảng pháp, niềm vui của họ càng lớn hơn. Có lẽ Đức Phật nói rằng, “Các ông muốn nghe điều này chăng?” Mọi người đều trả lời không do dự. “Chúng con muốn nghe. Chúng con muốn nghe.”

Khi các tà sư giảng dạy giáo thuyết của họ, đề tài duy nhất là tham dục. Những điều họ trình bày là trái đạo lý. Điều này quý vị nên phân biệt một cách rõ ràng. Đôi khi các vị Bồ-tát cũng dùng lòng từ, ái ngữ và tâm bảo hộ để dạy chúng sinh, vì họ biết rằng chúng sinh đang chìm đắm trong ái dục. Mọi chúng sinh đều có vọng tưởng về ái dục. Thế nên các vị Bồ-tát không mong họ cắt đứt ngay tâm tham luyến ái dục tức thì. Mà các ngài dùng mọi phương tiện để đưa chúng sinh vượt qua và từ bỏ ái dục. Rồi mỗi chúng sinh tự đặt một điểm dừng cho chính họ. Đây là trường hợp của các vị Bồ-tát, hoàn toàn khác với cách làm của tà sư ngoại đạo. Có lần Bồ-tát Quán Thế Âm hóa thân thành người bán cá, ngài là người phụ nữ rất đẹp đi khắp làng với rổ cá. Trong làng không ai tin Phật. Nhưng khi những người trai trẻ trong làng nhìn thấy cô gái bán cá này, họ đều ham

muốn cô. Ngôi làng không rộng, nhưng có ít nhất 100 người đàn ông ở đó, và ai cũng muốn cưới được cô gái này làm vợ. Bồ-tát Quán Thế Âm với rô cá trên tay nói rằng, “Các ông quá nhiều người! Tôi không thể cưới hết 100 người được! Nhưng tôi nghĩ ra một cách để chọn ra một người trong các ông làm chồng. Tôi sẽ cưới người nào trong số các ông đầu tiên tụng thuộc lòng Phạm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa. Các ông hãy về nhà học. Hạn cho các ông ba ngày.”

Ba ngày sau, có đến bốn, năm chục người thuộc lòng kinh này. Người phụ nữ bán cá nói, “Vẫn còn quá nhiều người. Dù các ông đã đủ điều kiện, nhưng tôi không thể nào lấy cả 50 người làm chồng. Bây giờ các ông hãy trở về nhà và học thuộc lòng Kinh Kim Cang. Tôi sẽ kết hôn với người nào đầu tiên thuộc lòng kinh này trong vòng 5 ngày.” Thế là 50 người đồ đầu này trở về nhà và bắt đầu học Kinh Kim Cang. Năm ngày sau có được hai mươi người thuộc lòng kinh này. Người phụ nữ bán cá nói, “Vẫn còn quá nhiều người. Tôi không thể hết hôn với tất cả được. Tôi có một điều kiện khác. Ai có thể thuộc lòng kinh Pháp Hoa trong vòng bảy ngày thì sẽ xứng đáng làm chồng tôi.”

Hai mươi người đàn ông trở về bắt đầu học kinh Pháp Hoa, bảy ngày sau còn một người đàn ông thuộc được kinh này. Anh ta có tên là Mã, xuất thân từ một gia đình giàu sang. Thế là một đám cưới linh đình diễn ra và mọi người trong làng được mời đến dự. Đêm đó, sau khi tiệc xong, họ ra về, nhưng ai biết được rằng cô dâu lên cơn đau tim và qua đời một cách đột ngột.

Và chú rể đã uống phí bao công sức. Chú đã học

thuộc Phạm Phổ Môn, Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Hoa, mà chú vẫn chưa cưới được vợ. Ngay sau đó, đám tang được cử hành, một vị tăng xuất hiện trong đám với y ca-sa màu tím. Vị tăng hỏi: “Chuyện gì đã xảy ra?”

“Con dâu mới của tôi vừa qua đời đột ngột, chúng tôi làm lễ tang.”

Vị tăng đáp: “Trong quan tài chẳng có gì cả! Các ông làm đám cho ai? Hãy mở nắp quan tài ra mà xem!”

Thực vậy, trong quan tài trống trơn. Họ đều kinh ngạc. “Cô ta đi đâu? Hãy đuổi theo! Bắt cô ta lại!”

Vị tăng bảo họ: “Cô ta là Bồ-tát Quán Thế Âm. Các người trong làng này không tin Phật, nên Bồ-tát đã hiện thành cô gái xinh đẹp để giáo hóa các ông, vốn là những người vốn quá ham sắc, để hiểu được Phật pháp. Rồi cô ta ra đi.”

Khi chú kể tên *Mã* nghe vậy, anh ta từ bỏ mọi thứ trên đời rồi xuất gia. Sau đó, anh ta chứng quả vị thánh. Chuyện này có thực, đã xảy ra ở Trung Hoa.¹

Kinh văn:

佛告阿難，汝常聞我毘奈耶中，宣說修行三決定義。所謂攝心為戒，因戒生定，因定發慧。是則名為三無漏學。

Phật cáo A-nan, như thường văn ngã tỳ-nại-da trung, tuyên thuyết tu hành tam quyết định nghĩa. Sở vị nhiếp tâm vi giới, nhơn giới sanh định, nhơn định phát huệ.

¹ Vùng Thiểm Hữu, Trung Hoa.

Thị tắc danh vi tam vô lậu học.

Việt dịch:

Đức Phật bảo A-nan: “Ông thường nghe trong giới luật của Như Lai, giảng bày ba nghĩa quyết định của việc tu hành. Thu nhiếp tâm ý gọi là giới, nhân giới phát định lực, nhân định có trí huệ. Đó gọi là ba môn học vô lậu.

Giảng giải:

Khi mọi người trong pháp hội đều đồng lòng hộ trì giáo pháp, **Đức Phật bảo A-nan: “Ông thường nghe trong giới luật của Như Lai, giảng bày ba nghĩa quyết định của việc tu hành.**

*Tỳ-nại-da*¹ là những giới luật dành cho cả Đại thừa và Tiểu thừa. Trong đó nói về những giới điều. Ba phương diện chắc thực này là không thể thay đổi. Đó là, **thu nhiếp tâm ý gọi là giới, nhân giới phát định lực, nhân định có trí huệ. Đó gọi là ba môn học vô lậu.**

Đó là giới, định, huệ. Quý vị thu nhiếp tâm ý, như thổi nam châm thu hút mọi sắt vụn. Điều này đặc biệt nói đến tâm phan duyên của chúng ta—luôn luôn tìm kiếm sự thuận lợi. Khi bị tâm phan duyên điều khiển, mình luôn luôn để ý đến người khác. Mình luôn luôn suy nghĩ tìm mọi cách để gần gũi người giàu có hoặc người quyền quý. Tâm niệm như vậy cứ tiếp diễn ngày này sang ngày khác. Đó gọi là tâm phan duyên, có nghĩa là mình chưa thu nhiếp được tâm ý. Hãy gom nhiếp tâm lại, đừng để

¹ 毘奈耶 s: Vinaya. Còn phiên âm là Tì-ni.

chúng tìm kiếm cách thoả mãn những thuận lợi. Đừng để chúng tùy tiện chạy rong. Nhưng tâm ta là cái mà ta chạy đuổi theo, dù mình chẳng muốn như vậy. Chúng ta có thể cảm chúng không được có vọng tưởng, nhưng phút sau vọng tưởng khác lại nổi lên. Vọng tưởng này dừng thì vọng tưởng khác sinh khởi. Niệm đầu vừa biến mất, niệm sau liền tái diễn. Và trước khi niệm đầu hoàn toàn mất hẳn, thì niệm sau đã sinh khởi. Tâm bám víu vào thứ khác không bao giờ dừng. Điều quý vị cần phải làm là gom giữ tâm ý mình lại. Đưa tâm về lại một chỗ. Lý do lớn nhất mà chúng ta chưa thành Phật, không được giác ngộ, chưa được chứng đạo, đó là chúng ta không chế ngự được tâm mình. Nếu quý vị gom mọi tâm niệm mình lại, thì chẳng có việc gì mà quý vị chẳng làm được. Quý vị sẽ thành tựu mọi điều. Thế nên Giới là mục đích để thu nhiếp tâm ý. Giới luật tạo sự chãm dứt cho mọi việc ác và ngăn ngừa cho sự phạm lỗi (*phòng phi chỉ ác*)

Nhân giới phát định lực. Trì giới giống như làm cho ly nước đục lắng trong, cho đến khi bùn dơ lắng đọng xuống và nước trở nên trong sạch. Định có nghĩa là “chỉ–không dao động.” Và **nhân định có trí huệ.**

Như bài kệ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã nói:

Định cực viên minh.

Khi quý vị giác ngộ, Trong định, trí huệ chân chính sẽ phát sinh. Đó gọi là **ba môn học vô lậu.**

Nhân giữ giới, từ giới sẽ có định. Nhờ có định mà trí huệ phát sinh.

TỨ CHỨNG THANH TỊNH MINH HỒI

1. PHẢI ĐOẠN TRỪ TÂM DÂM

Kinh văn:

阿難，云何攝心我名為戒。若諸世界六道眾生其心不婬。則不隨其生死相續。

A-nan, vân hà nhiếp tâm, ngã danh vi giới? Nhược chư thế giới lục đạo chúng sanh kỳ tâm bất dâm, tắc bất tùy kỳ sanh tử tương tục.

Việt dịch:

A-nan vì sao thu nhiếp tâm niệm, Như Lai gọi là giới? Nếu các chúng sinh trong thế giới lục đạo tâm không dâm dục, thì sẽ không bị tương tục trong sinh tử.

Giảng giải:

A-nan vì sao thu nhiếp tâm niệm, Như Lai gọi là giới?

Bây giờ Như Lai sẽ nói cho ông. **Nếu các chúng sinh trong thế giới lục đạo tâm không dâm dục.** Lục đạo, tức sáu cõi giới: cõi trời, cõi người, a-tu-la, súc sinh, ngạ quỷ, và chúng sinh trong địa ngục. Nếu các chúng sinh ấy không có niệm tương dâm dục. **Thì họ sẽ không bị tương tục trong sinh tử.** Họ sẽ cắt đứt được sinh tử.

Kinh văn:

汝修三昧，本出塵勞。婬心不除，塵不可出。

Nhữ tu tam-muội, bản xuất trần lao. Dâm tâm bất trừ trần bất khả xuất.

Việt dịch:

Ông tu tam-muội, cốt là để thoát khỏi trần lao. Nếu không trừ lòng dâm, không thể ra khỏi trần lao được.

Giải thích:

Đức Phật nói với A-nan: **Ông tu tam-muội, cốt là để thoát khỏi trần lao.** Ông muốn thoát khỏi sinh tử. **Nếu không trừ lòng dâm, không thể ra khỏi trần lao được.** Nếu ông không cắt đứt lòng ham muốn ái dục, thì sẽ không thể nào ra khỏi trần lao phiền não thế gian. Vì chính niệm tưởng ái dục là nhiễm ô. Chính nó là trần lao phiền não. Không nói là dự phần vào hành vi dâm dục, chỉ một ý tưởng này hiện tiền là nhiễm ô rồi. Nếu quý vị không từ bỏ tâm dâm dục, thì hoàn toàn không có lý do gì để hy vọng giác ngộ và thành Phật. Một bên vẫn giữ tâm dâm dục và một đằng mong thành tựu giác ngộ là thứ suy nghĩ đần độn nhất. Có người nghĩ rằng phương pháp đó khó truyền dạy được. Thậm chí dù Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngay bây giờ thị hiện trên thế gian, ngài cũng không có cách nào đưa những người như vậy đến chỗ giác ngộ. Những người như vậy là thuộc hạng chậm lụt nhất.

Kinh văn:

縱有多智禪定現前，如不斷婬。必落魔道。上品魔王，中品魔民，下品魔女。

Túng hữu đa trí thiên định hiện tiền, như bất đoạn dâm, tất lạc ma đạo. Thượng phẩm ma vương, trung phẩm ma dân, hạ phẩm ma nữ.

Việt dịch:

Dù có nhiều trí và thiền định hiện tiền, nếu không đoạn trừ tâm dâm, chắc lạc vào ma đạo. Hạng trên thành ma vương, hạng giữa thành ma dân, hạng dưới thành ma nữ.

Giảng giải:

Dù có nhiều trí và thiền định hiện tiền, nếu không đoạn trừ tâm dâm, chắc lạc vào ma đạo.

Quý vị có thể có trí, và khi quý vị ngồi thiền, quý vị có thể cảm thấy thanh thản nhẹ nhàng và cảm thấy rất tự tại—có nghĩa là quý vị có thể nhập vào thiền định. Thế là quý vị cho rằng mình có trí huệ chăng? Nếu quý vị không dứt trừ tâm dâm, cuối cùng quý vị sẽ thành ma.

Hạng trên thành ma vương trong cõi trời Lục dục **hạng giữa thành ma dân**, thành loại ma bình thường. **hạng dưới thành ma nữ**. Chúng rất xinh đẹp, nhưng rất ác độc. Những người có trí huệ nên cẩn thận. Những người thông minh nên lưu ý đoạn kinh này. Đừng để cho thông minh rốt cuộc trở lại làm hại chính mình. Đừng có thái độ: “Anh không biết, nhưng tôi biết. Anh không rõ, nhưng tôi rõ.” Đó chỉ là thứ thông minh lật vạt, hiểu

biết tâm thường. Đừng để cho tương lai đầy hứa hẹn của mình phải bị tàn hoại.

Kinh văn:

彼等諸魔亦有徒眾。各各自謂成無上道。

Bỉ đẳng chư ma diệc hữu đồ chúng. Các các tự vị thành vô thượng đạo.

Việt dịch:

Các loài ma kia cũng có đồ chúng. Đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.

Giải thích:

Những người này với một ít tri thức, không cắt đứt đ tâm dâm dục, lại luôn luôn nói về ái dục. “Tôi yêu anh, và anh yêu tôi.” Và họ yêu qua yêu lại cho đến khi thành ma. Thế điều gì xảy ra?

Các loài ma kia cũng có đồ chúng. Đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.

Chúng nó cũng vậy, cũng có đệ tử và người ủng hộ. Chúng hoàn toàn chẳng xấu hổ, luôn luôn lớn tiếng tuyên bố rằng mình đã thành đạo tối thượng. “Ta là Phật! Chúng ta đều là vô thượng và chẳng có ai sánh bằng!”

Vốn những kẻ như vậy là ma, nhưng họ chẳng thừa nhận điều ấy; họ tuyên bố thay thế cho chư Phật. Quý vị thấy, vẫn có chư Phật giả. Nhưng chúng không thấy chính họ là giả. Chúng thấy mình là thật. Họ tin rằng: *Trên trời dưới đất, chỉ có mình ta là tôn quý.*

Kinh văn:

我滅度後末法之中，多此魔民熾盛世間。廣行貪婬為善知識，令諸眾生。落愛見坑失菩提路。

Ngã diệt độ hậu mạt pháp chi trung, đa thử ma dân xí thanh thế gian. Quảng hành tham dâm, vi thiện tri thức, linh chư chúng sanh lạc ái kiến khanh, thất bồ-đề lộ.

Việt dịch:

Sau khi Như Lai diệt độ, có nhiều loại ma dân này náo loạn trong thế gian. Chúng gây nhiều việc tham dâm, xưng là thiện tri thức, khiến cho chúng sinh rơi vào hầm sâu ái kiến, lạc mất đường đến giác ngộ.

Giảng giải:

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói: “Khi Như Lai còn đang tại thế, loài ma này không dám tự phô bày, nhưng sau khi Như Lai diệt độ, có nhiều loại ma dân này náo loạn trong thế gian.”

Đó chính là thời đại của chúng ta đang được đề cập trong kinh. Khi giáo pháp sắp tàn hoại, sẽ có rất nhiều loài ma này chung quanh, chúng đi khắp nơi rao giảng về tham dục. Và chính chúng say sưa trong dâm dục, hoặc là đàn ông hoặc là phụ nữ. Cùng lúc đó, chúng nghĩ rằng mình đã giác ngộ và đã thành Phật.

Làm thế nào để tôi có thể nhận ra những người như thế này, họ nói họ đã thành Phật—tôi không còn để ý đến tên của họ. Anh ta nói anh là Phật. Tôi nói anh là ma.

Anh ta hỏi lại: “Ai là ma?”

Tôi đáp: “Anh là ma.”

Tại sao tôi biết được? Vì anh ta giống như những điều tôi vừa mô tả trên. Anh ta luôn luôn nói về cảm xúc và tình yêu. “Tình yêu, tình yêu. Tôi yêu mọi người.”

Thật là xấu hổ. Ông có quyền gì khi yêu mọi người? Những loài ma này **Chúng gây nhiều việc tham dâm.**

Chúng rất dữ dội trong thế gian. Những người mê mờ sẽ bị dính mắc với chúng, họ cho rằng những gì chúng nói đều là có lý. Đặc biệt nó sẽ đồng ý với cách suy nghĩ của giới thanh niên. Nói như thế này, “Những người cùng có cảm giác tàn bạo (atrocious tastes) thường đến với nhau.” Chúng thường khen ngợi nhau khi đọa lạc vào con đường này. Nếu chúng không tán thành ý kiến của ai, thì chúng sẽ không làm như vậy.

Nếu đường lối của người kia không phù hợp, thì chúng sẽ không cộng tác với nhau. Nhưng nếu suy nghĩ của chúng giống nhau, thế là kẻ đui dẫn người mù. Thật là đáng thương. Ở đây tôi không quở mắng ai, nhưng :

*Nếu một người mê mờ
Truyền dạy sự mê lầm cho người khác
Khi mọi điều được nói và làm,
Thì chẳng có ai hiểu được.
Thầy đọa vào địa ngục
Trò cũng phải vào theo.*

Thầy cũng rơi vào địa ngục, và khi đệ tử cũng hiện ra trong đó, thầy ngạc nhiên hỏi, “Sao trò cũng đến đây?”

Đây là nơi rất khủng khiếp.”

Đệ tử trả lời: “Thầy đã đến đây trước, và thầy là thầy của chúng tôi, dĩ nhiên là chúng tôi phải theo thầy.”

Xung là thiện tri thức.

Chúng khoa trương, “Tôi giảng dạy nhiều nơi cho rất nhiều người.” Thật lộ bịch!

Khiến cho chúng sinh rơi vào hầm sâu ái kiến, lạc mất đường đến giác ngộ.

Chúng khiến cho những ai liên hệ với chúng đều rơi vào hầm hố ái dục, khiến họ bị mất tâm bồ-đề và kết thúc đời mình trong địa ngục.

Kinh văn:

汝教世人修三摩地先斷心婬。是名
如來先佛世尊第一決定清淨明誨。

Nhữ giáo thế nhân tu tam-ma-địa, tiên đoạn tâm dâm. Thị danh Như Lai tiên Phật Thế tôn đệ nhất quyết định thanh tịnh minh hối.

Việt dịch:

Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, trước hết phải đoạn trừ tâm dâm. Đó là lời dạy bảo thanh tịnh, quyết định thứ nhất của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

Giảng giải:

Ma vương cổ xúy yêu đương. Sự khác nhau giữa ma vương và giáo pháp của Bồ-tát thì rất mỏng manh-giống như úp ngựa bàn tay. Khác nhau như thế nào?

Bồ-tát cũng thương yêu mọi người, nhưng tình yêu của họ là lòng từ bi che chở, tránh xa tham dục. Nhưng có một luồng ái dục chạy qua mọi điều mà ma vương nói. Ma vương công khai tán thành tham dục, đến mức nó nói rằng, càng tham đắm tham dục càng cao, thì càng mau đạt đến chứng ngộ. Loại tà thuyết này hãm hại mọi người. Bồ-tát thì không còn tham dục; các ngài không có khác biệt gì giữa chúng sinh và các ngài. Ma vương có động cơ riêng của chúng; nó tham lam của cải. Bồ-tát không có động cơ nào đằng sau và không tham lam. Liên quan đến điều này, là giáo pháp nói về 12 nhân duyên của Đức Phật.

Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, trước hết phải đoạn trừ tâm dâm. Dạy họ trừ bỏ niệm tưởng dâm dục. Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ nhất của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước .

Đây là phương pháp giáo hóa mà các Đức Phật Như Lai đã vận dụng. Đây là sự quyết định của các Đức Phật trong đời quá khứ. Đây là lời giáo huấn rõ ràng chỉ dạy cho mọi người làm thế nào để đạt được tâm thanh tịnh. Mọi người phải trừ tâm dâm dục. Không có một chút du di nào cả. Không thể nói rằng vừa có thể dâm dục vừa có thể không. Mọi người phải trừ bỏ nó. Nếu quý vị muốn đạt đến giác ngộ mà vẫn còn giữ niệm tưởng dâm dục, thì chắc chắn quý vị là đồ đệ của ma.

Kinh văn:

是故阿難若不斷婬修禪定者。如蒸

沙石欲其成飯。經百千劫祇名熱沙。何以故此非飯本石沙¹成故。

Thị cố A-nan, nhược bất đoạn tâm dâm tu thiền định giả, như chưng sa thạch dục kỳ thành phạn. Kinh bá thiên kiếp kỳ danh nhiệt sa. Hà dĩ cố? Thử phi phạn bản, thạch sa thành cố.

Việt dịch:

Thế nên, A-nan, nếu không đoạn tâm dâm mà tu thiền định, cũng như nấu cát mà mong thành cơm. Trải qua trăm ngàn kiếp, cũng chỉ là cát nóng. Vì sao? Vì đó chẳng phải là bản nhân của cơm, đó chỉ là cát đá.

Giảng giải:

Quý vị thấy, bây giờ Đức Phật nêu lên một thí dụ. Ngài bảo A-nan, “Ông chưa tin điều này, nên Như Lai sẽ giải thích cho ông. **Thế nên, A-nan, nếu không đoạn tâm dâm mà tu thiền định, cũng như nấu cát mà mong thành cơm.**”

Nếu mình không nghiêm khắc với ái dục mà vẫn tu tập thiền định hằng ngày, thì một mặt tu tập, mặt kia vẫn bị rỉ chảy (lậu hoặc). Mọi thứ mình có được trong công phu tu tập sẽ bị thất thoát gấp 10 lần do lậu hoặc; nếu mình tu gấp 10 lần, thì sẽ thất thoát nhiều gấp trăm lần do lậu hoặc. Nếu không thể trừ bỏ ái dục, mà vẫn ngồi thiền với lòng mong mỏi được giác ngộ, với mục đích có

¹ Bản Taishō 石沙. Bản đời Tống, Nguyên, Minh chép 沙石

được một niềm vui điên đảo. Điều này cũng giống như nấu cát mà mong được thành cơm.

Trải qua trăm ngàn kiếp, cũng chỉ là cát nóng. Chỉ là vô ích, Vì sao? Vì đó chẳng phải là bản nhân của cơm, đó chỉ là cát đá.

Quý vị mong được giác ngộ mà không chịu từ bỏ tham dục. Điều ấy cũng giống như nấu cát mà mong thành cơm.

Chẳng có gì để nói thêm ở đây. Nếu quý vị nghiêm khắc với tham dục, thì dù quý vị có cùng với những đối tượng tình dục suốt ngày, cũng chẳng có vấn đề gì. Sẽ chẳng có gì dâm dục, chẳng có tướng nam, tướng nữ, tướng nhân, tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Có người không biết xấu hổ, còn nói, “Đó là cách sống của tôi.” Chỉ nói đó là lối sống của quý vị thôi chưa đủ. Chưa có bằng chứng. Làm sao quý vị biết đó là cách sống của mình? Nếu quý vị sống theo cách đó, thì cơ bản là quý vị sẽ không biết mình là ai. Không lẽ quý vị cho rằng mình không có ý tưởng dâm dục nào?

Nếu không, đơn giản là không. Khỏi cần đi quanh quảng cáo về chuyện đó. Chỉ cần thể hiện rằng quý vị thực không sống theo cách đó. Nếu quý vị thực sự không có tham dục thì:

Nhãn kiến sắc, nội vô hữu

Nhĩ văn trần, tâm bất tri.

Bất luận tai có nghe được âm thanh dễ chịu nào, tâm ý bạn cũng chẳng bận lòng. Thế là quý vị đã có

được chút ít hành trang với mình rồi. Và nếu quý vị có thể đạt đến mức độ đi đứng nằm ngồi cùng với người nào đó là đối tượng dâm dục mà không xảy ra một vấn đề nào cả—không khởi lên bất kỳ niệm tưởng tình dục nào—mới đáng kể. Không thể nói rằng tâm vẫn truy đuổi ái dục mà mình nghiêng rãng và nói cứng rắn, “Ta vẫn chịu đựng được.” Điều ấy chưa được. Phải chắc thật là trong tâm không có một niệm tưởng dâm dục sinh khởi, tâm phải bất động, đó mới thực là không còn một dấu tích dâm dục nào trong tâm mình. Đó mới là chân chính. Nếu thỉnh thoảng quý vị vẫn còn biết người phụ nữ ăn thứ gì, thì quý vị vẫn bị đánh trượt như thường.

Một hôm có người được giác ngộ và tìm đến một vị thầy để cầu xin ấn chứng.

Vị thầy hỏi: “Ông khai ngộ được điều gì?”

Người ấy đáp: “Ồ! Trước đây tôi không bao giờ nhận ra được, nhưng nay tôi biết rõ tử-khuru-ni là phụ nữ.”

Bằng Phật nhãn, vị thầy thấy quả thực người kia đã chứng ngộ. Thầy nói để ấn chứng:

“Ông nói đúng.”

Quý vị sẽ bảo: “Ai chẳng biết điều đó?”

Nếu quý vị chưa chứng ngộ, quý vị không thể nào nói được như vậy. Vì vị tăng đó là người đã chứng ngộ nên phát ra cái thấy như vậy. Đây là điều mà quý vị không thể nào dối gạt mọi người—đặc biệt là do thầy của anh ta đã có được Phật nhãn. Thầy nhìn vị tăng và thấy vị tăng đã chứng sơ quả A-la-hán.

Kinh văn:

汝以婬身求佛妙果，縱得妙悟皆是婬根。根本成婬，輪轉三途，必不能出。如來涅槃，何路修證？

Nhữ dĩ dâm thân cầu Phật diệu quả, túng đắc diệu ngộ giai thị dâm căn. Căn bản thành dâm, luân chuyển tam đồ, tất bất năng xuất. Như Lai niết-bàn, hà lộ tu chứng?

Việt dịch:

Ông đem thân dâm dục cầu diệu quả chư Phật, dù được diệu ngộ, cũng chỉ là gốc dâm. Cội gốc đã thành dâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ, chắc không ra khỏi được. Còn đường nào để tu chứng niết-bàn của Như Lai?

Giải thích:

Đức Phật nói với A-nan, “Việc ông ưa thích con gái của Ma-đăng-già không chỉ liên quan đến niệm tưởng dâm dục, mà còn do căn gốc dâm dục của ông.”

Ông đem thân dâm dục cầu diệu quả chư Phật, dù được diệu ngộ, cũng chỉ là gốc dâm.

Dù ông có chứng được phần tinh yếu của đạo lý vi diệu, thì ông vẫn chưa trừ bỏ được gốc dâm.

Cội gốc đã thành dâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ, chắc không ra khỏi được.

Trong tương lai, ông chắc sẽ rơi vào địa ngục. “Tam đồ” là những cõi giới của loài súc sanh, quỷ đói, và địa ngục. Ông chắc sẽ dính líu với ba cõi này và không thể nào thoát ra khỏi được.

Còn đường nào để tu chứng niết-bàn của Như Lai?

Trong những cõi giới này, đường nào dẫn ông đến các quả vị?

Kinh văn:

必使婬機，身心俱斷。斷性亦無。於佛菩提，斯可希冀。

Tất sử dâm cơ, thân tâm câu đoạn. Đoạn tánh diệt vô. Ư Phật bồ-đề, tư khả hy ký.

Việt dịch:

Ắt phải khiến cho thân tâm đều đoạn trừ hết căn dâm. Tánh đoạn cũng trừ. Mới mong chứng quả bồ-đề của chư Phật.

Giảng giải:

Ắt phải khiến cho thân tâm đều đoạn trừ hết căn dâm.

Ông nhất định phải trừ bỏ mọi niệm tưởng dâm dục dù nhỏ nhất và vi tế nhất. Điều ấy có nghĩa là chính vô minh phải được dứt sạch. Phải được thực hiện bằng cả thân và tâm.

Tánh đoạn cũng trừ.

Ngay cả ý niệm dứt trừ vô minh cũng phải dứt sạch.

Mới mong chứng quả bồ-đề của chư Phật.

Kinh văn:

如我此說名為佛說。不如此說即波旬說

Như ngã thử thuyết, danh vi Phật thuyết. Bất như thử thuyết tức ba-tuần thuyết.

Việt dịch:

Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.

Giảng giải:

Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Đây là cách thức chư Phật giảng nói Phật pháp.

Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói. Là cách nói của ma vương.

Ba-tuần,¹ tiếng Sanskrit là *Papiyan*, có nghĩa là ‘người ác’, chỉ cho Māra, tức ma vương.

Những ai đến nghe giảng kinh chắc chắn phải là người có thể thấy được. Người mù không thể đến nghe kinh, người bị điếc và người câm ngọng cũng vậy. Người càng đến nghe giảng kinh, sẽ càng trở nên thông minh lanh lợi hơn. Mọi người nên mở ra con mắt huệ chân thật và thực sự xoay nhĩ căn trở vào tự tánh của mình. Đừng mong tìm cầu bên ngoài.

¹ S: Pāpīyas hoặc Pāpmanp: Pāpiya hoặc Pāpimant. Còn gọi là Ba-ti-duyên 波俾掾, Ba-duyên 波椽, Pha-tuần 陂旬. Thường gọi là Ma Ba-tuần 魔波旬 s: Māra-pāpman). Dịch nghĩa là Sát giả 殺者, Ác vật 惡物, Ác trung ác 惡中惡. Ác ái 惡愛. Theo kinh *Thái tử Thụỵ ứng bản khởi*, Ba-tuần là vị chúa tể tầng trời thứ 6 cõi Dục. Theo *Luận Đại trí độ*, Ma này thường theo Đức Phật và đệ tử tìm cơ hội để nhiễu loạn.

2. PHẢI ĐOẠN TRỪ TÂM SÁT HẠI

Kinh văn:

阿難，又諸世界六道眾生，其心不殺，則不隨其生死相續。

A-nan, hựu chư thế giới lục đạo chúng sanh, kỳ tâm bất sát, tắc bất tùy kỳ sanh tử tương tục.

Việt dịch:

Lại nữa, A-nan, nếu các chúng sinh trong sáu cõi khắp các thế giới, nếu họ không có tâm sát hại, ắt sẽ không tương tục theo dòng sanh tử.

Giải giảng:

Nếu loài trời, loài người, a-tu-la, súc sanh, quý đỏi, loài chúng sinh ở địa ngục, không mang nặng niệm tương sát hại, thay vào đó lại dừng hẳn nghiệp sát và giải thoát cho mọi loài chúng sinh, thì họ có thể ra khỏi vòng luân hồi sinh tử. Ở đây chỉ đề cập đến niệm tương về sát hại (ý nghiệp), chứ chưa nói đến hành vi sát hại (hành nghiệp). Nếu mọi người dừng lại nghiệp sát, thì họ sẽ khỏi phải chịu trôi lăn luân hồi sinh tử trong sáu đường, và là chủ tử của nghiệp rồi phải theo đó mà trải qua sinh tử luân hồi.

Kinh văn:

汝修三昧本出塵勞。殺心不除塵不可出。

Nhữ tu tam-muội, bốn xuất trần lao. Sát tâm bất trừ trần bất khả xuất.

Việt dịch:

Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao. Tâm sát hại không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.

Giảng giải:

A-nan, ông muốn tu tập định lực. Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao.

Từ ban đầu, ông đã mong được thoát ra khỏi trần lao.

Tâm sát hại không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.

Làm thế nào để chúng ta có thể trừ bỏ niệm tưởng sát hại? Dừng hẳn việc giết hại và giải thoát cho mọi loài chúng sinh. Ở trên Kinh văn có nói, “Nếu không trừ bỏ niệm tưởng dâm dục, thì không thể nào ra khỏi trần lao.” Nên quý vị phải nghiêm khắc với niệm tưởng dâm dục để mong thoát ra khỏi trần lao. Đó là cách duy nhất để quý vị có thể thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Nhưng nếu quý vị vẫn tán tâm vào niệm tưởng dâm dục và vẫn ôm nặng tâm sát hại, thì quý vị không thể nào ra khỏi thế gian. Quý vị không thể nào siêu việt sanh tử.

Kinh văn:

縱有多智禪定現前，如不斷殺必落神道。上品之人為大力鬼。中品即為飛行夜叉諸鬼帥等。下品當¹為地行羅刹。

¹ Bản Taishō chép 尚, bản Long tạng, bản VPTT đều chép 當 當。

Túng hữu đa trí thiên định hiện tiền, như bắt đoạn sát, tắt lạc thần đạo. Thượng phẩm chi nhơn vi đại lực quý. Trung phẩm tức vi phi hành dạ-xoa, chư quý soái đấng. Hạ phẩm thượng vi địa hành la-sát.

Việt dịch:

Dù có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu như không đoạn trừ tâm sát hại, ắt rơi vào thần đạo. Bậc cao thì làm đại lực quý. Bậc trung thì làm quý phi hành dạ-xoa và các loài quý soái. Bậc thấp thì làm quý địa hành la-sát.

Giải:

Dù có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu như không đoạn trừ tâm sát hại, ắt rơi vào thần đạo.

“Trí” ở đây là chỉ cho trí thông minh thế gian và tài giỏi biện luận, chứ không phải là trí huệ siêu việt. Đó là một dạng trí thông thường khiến cho người ta có một khả năng nhất định để tranh luận. Và dù quý vị có tu đến mức độ có công phu trong thiên định—quý vị có được một vài sự cảm ứng—thì, nếu quý vị không trừ bỏ nghiệp sát, quý vị vẫn bị rơi vào cảnh giới của các thần. Có nghĩa là có thể quý vị sẽ trở thành một vị thần thống lãnh các cõi trời.

Bậc cao thì làm đại lực quý. Có nghĩa là binh tướng hùng mạnh của cõi trời

Bậc trung thì làm quý phi hành dạ-xoa và các loài quý soái.

Phi hành dạ xoa là loài quý bay đi trên không. Hoặc là trở thành kẻ chỉ huy của loài quý.

Bậc thấp thì làm quỷ địa hành la-sát.

Kinh văn:

彼諸鬼神亦有徒眾。各各自謂成無上道。

Bỉ chư quỷ thần diệc hữu đồ chúng. Các các tự vị thành vô thượng đạo.

Việt dịch:

Các loài quỷ thần ấy cũng có đồ chúng. Chúng đều tự cho rằng mình đã thành đạo vô thượng.

Giải thích:

Các vị thần thống lĩnh, loài đại lực quỷ ở cõi trời, loài quỷ da-xoa và quỷ la-sát ở cõi người, loài quỷ ở cõi địa ngục cũng có đồ chúng. Có khoảng chừng 10 ngàn loài quỷ khác nhau. Kuan Ti Kung¹ ở Trung Hoa là một ví dụ của thần tài. Nhưng sau khi ông ta quy y Phật, ông ta được gọi là Bồ-tát Ch'ieh Lan,² là một vị thần hộ pháp. Trong pháp hội của Phật, ông ta chỉ đứng, không được phép ngồi.

Tuy nhiên, các loài quỷ nói ở đây đều tự tuyên bố là chúng đã thành đạo vô thượng.

Kinh văn:

我滅度後末法之中，多此神鬼熾盛世

¹ Ấn bản 2003 của VPTT chép: Guan Di Gong—(Quản Trọng, Quản Di Ngô).

² Ấn bản 2003 của VPTT chép: Qie Lan. (?)

間。自言食肉得菩提路。

Ngã diệt độ hậu mạt pháp chi trung, đa thử thân quý xí thanh thế gian. Tự ngôn thực nhục đắc bồ đề lộ.

Việt dịch:

Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, nhiều loại quý thân này sôi nổi trong thế gian. Chúng tự tuyên bố rằng ăn thịt sẽ chứng được đạo bồ-đề.

Giảng giải:

Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, nhiều loại quý thân này sôi nổi trong thế gian.

Đó chính là Đức Phật nói đến thời đại ngày nay—thời kỳ mà quý vị và tôi đang sống. Có vô số quý thân trong thời mạt pháp này, tất cả là do trong đời trước chúng không từ bỏ nghiệp sát. Chúng có tu tập, nhưng không thể dừng bỏ việc sát hại, nên chúng đọa vào cõi giới của các thần. Trong thời mạt pháp, những loài này sẽ **tự tuyên bố rằng ăn thịt sẽ chứng được đạo bồ-đề.**

Chúng nói rằng, “Ăn thịt và thành Phật là như nhau. Ta chẳng cần từ bỏ việc sát hại hoặc phải ăn chay, mà ta vẫn giác ngộ và chứng được đạo bồ-đề, có nghĩa là ta là Phật.”

Điều này giống như có người tuyên bố mình đã thành Phật nhưng ăn thịt, uống rượu, hút thuốc, có một nhóm đồ đệ trẻ và dạy cho họ hút cần sa, chơi ma túy.¹

Có ai từng nghe người giác ngộ mà hành xử như

¹ marijuana, LSD.

vậy chăng? Khi Đức Phật thành đạo, ngài không dùng những chất ma túy như vậy. Nay quý vị dùng thuốc để đầu độc hệ thống thần kinh của mình, làm đảo lộn nội lực quân bình của mình, và đưa mình đến bờ vực cái chết, mà vẫn khăng khăng cho mình là đã giác ngộ. Tôi hỏi quý vị, vậy có điên đảo không?

Kinh văn:

阿難，我令比丘食五淨肉。此肉皆我神力化生本無命根。汝婆羅門地多蒸濕，加以沙石，草菜不生。我以大悲神力所加。因大慈悲假名為肉。汝得其味。奈何如來滅度之後，食眾生肉名為釋子。

A-nan, ngã linh tỳ-khuru thực ngũ tịnh nhục. Thử nhục giai ngã thần lực hóa sanh, bản vô mạng căn. Nhữ Bà-la-môn địa đa chưng thấp, gia dĩ sa thạch, thảo thái bất sanh. Ngã dĩ đại bi thần lực sở gia. Nhân đại từ bi giả danh vi nhục. Nhữ đắc kỳ vị. Nại hà Như Lai diệt độ chi hậu, thực chúng sanh nhục danh vi Thích tử?

Việt dịch:

A-nan, Như Lai cho phép hàng tỳ-khuru ăn năm loại tịnh nhục. Thịt ấy đều do thần lực của Như Lai hóa ra, vốn chúng không có mạng căn. Xứ Bà-la-môn của các ông, đất đai phần nhiều ẩm thấp và nóng, lại thêm cát đá, rau cỏ không sinh được. Như Lai dùng thần lực từ bi gia hộ. Do tâm đại từ bi giả gọi là thịt.

Các ông cũng nhận được vị như thịt. Có sao sau khi Như Lai diệt độ, những người ăn thịt chúng sinh lại xưng là Thích tử?

Giảng giải:

A-nan, Như Lai cho phép hàng tỳ-khưu ăn năm loại tịnh nhục.

Giáo pháp Đức Phật cho phép dùng năm thứ thịt như sau:

- 1) Thịt của súc vật mà mình không thấy chúng bị giết.
- 2) Thịt của súc vật mà mình không nghe chúng bị giết.
- 3) Thịt của súc vật mà mình biết chắc là chúng không bị giết để cho mình ăn.
- 4) Thịt của súc vật đã chết (không do người nào giết).
- 5) Thịt còn sót lại sau khi chim đã rĩa.

Thịt ấy đều do thần lực của Như Lai hóa ra, vốn chúng không có mạng căn.

Chính Đức Phật đã tạo nên các loài thịt này; nó vốn không xuất phát từ các sinh vật. Chúng không có mạng căn; có nghĩa là không có tâm thức, không có hơi ấm; không có hơi thở.

Xứ Bà-la-môn của các ông, đất đai phần nhiều ẩm thấp và nóng, lại thêm cát đá, rau cỏ không sinh được.

Các ông là những người tu hành hạnh thanh tịnh, lại sống trong vùng đất đầy đất đá và ẩm thấp.

Như Lai dùng thần lực từ bi gia hộ. Nhân tâm đại từ bi giả gọi là thịt. Các ông cũng nhận được vị như thịt.

Đó là thực chất những thứ các ông đang ăn. Nay Như Lai cho phép các ông ăn thứ thịt như vậy. Nhưng, **sau khi Như Lai diệt độ, sao những người ăn thịt chúng sinh lại xưng là Thích tử được?**

Chẳng phải là họ ăn năm thứ thịt thanh tịnh, mà chính họ hoàn toàn đã ăn thịt chúng sinh. Họ có được gọi là đệ tử Phật không? Họ không xứng đáng được xem là đệ tử của Thích-ca, có nghĩa là không xứng đáng là những người xuất gia.

Kinh văn:

汝等當知是食肉人，縱得心開似三摩地，皆大羅刹。報終必沈生死苦海。非佛弟子。如是之人相殺相吞，相食未已。云何是人得出三界？

Như đẳng đương tri thị thực nhục nhân, tưng đắc tâm khai, tợ tam-ma-đề, giai đại la-sát. Báo chung tất trầm sanh tử khổ hải. Phi Phật đệ tử. Như thị chi nhân tương sát tương thôn, tương thực vị dĩ. Vân hà thị nhân đắc xuất tam giới?

Việt dịch:

Các ông nên biết những người ăn thịt đó, dù tâm được khai ngộ, như tam-ma-đề, đều là loài đại la-sát. Khi quả báo hết, lại phải chìm đắm trong biển khổ sinh tử. Họ chẳng phải là đệ tử của Phật. Những người ấy giết hại, thôn tính lẫn nhau, ăn nuốt nhau không thôi. Những người như vậy làm sao ra khỏi ba cõi?

Giảng giải:

Các ông nên biết những người ăn thịt đó, dù tâm được khai ngộ, như tam-ma-đề, đều là loài đại la-sát.

Không không cần để ý đến mình đang ăn thứ thịt gì. Họ không bận tâm đó là một trong ba thứ thịt thanh tịnh hoặc trong năm thứ thịt thanh tịnh. Nếu đó là thịt, thì họ cứ ăn. A-nan, ông nên biết rằng sau khi Như Lai diệt độ, những người như vậy sẽ giả dạng làm đệ tử Phật và họ sẽ dùng cả rượu và thịt. Họ rất phóng túng, nói rằng mọi người đều tự do, tùy ý muốn làm gì thì làm. Dù họ có chút giác ngộ hay được chút ít trí huệ, họ chỉ tương tự như ở trong định.” Thực sự là chẳng phải như vậy. Họ giống như những người đã đến đây và tự xưng mình là Lục tổ.

Tôi hỏi: “Bằng chứng nào mà anh tự xưng mình là Lục tổ?”

Người ấy đáp: “Tôi chẳng có bằng chứng nào chứng tỏ là không giống.”

Anh ta tưởng rằng đó là câu đối đáp thông minh. Thực sự, anh ta thuộc cùng loại với những người đang mô tả trong đoạn kinh này. Những người như vậy như thể có chút định lực, nhưng thực tế họ là loài đại la-sát, đại ma vương, đại quỷ thần.

Khi quả báo hết, lại phải chìm đắm trong biển khổ sinh tử. Họ chẳng phải là đệ tử của Phật.

Dù những người như vậy đáp y ca-sa của Phật,

ăn thực phẩm của Phật, nhưng họ chẳng phải là đệ tử Phật.

Những người ấy giết hại, thôn tính lẫn nhau, ăn nuốt nhau không thôi.

Họ sống và ăn thịt, không ngại một điều nào cả. Họ cứ ăn nuốt lẫn nhau. Họ giết hại lẫn nhau; anh ăn tôi, tôi ăn lại anh; giết và ăn; rồi trở lại bị giết và bị ăn.

Những người như vậy làm sao ra khỏi ba cõi?

Sông như vậy là tạo nên một vòng luân hồi sinh tử bất tận. Đời này anh ăn thịt tôi; và đời sau tôi ăn thịt anh. Đời sau nữa, trở lại anh ăn thịt tôi, và cứ tiếp diễn như vậy. Những chúng sinh ấy làm sao ra khỏi đấng Dục giới, Sắc giới, và Vô sắc giới?

Kinh văn:

汝教世人修三摩地，次斷殺生。是名如來先佛世尊第二決定清淨明誨。

Nhữ giáo thế nhân tu tam-ma-địa, thứ đoạn sát sanh. Thị danh Như Lai Tiên Phật Thế Tôn đệ nhị quyết định thanh tịnh minh hối.

Việt dịch:

Ông dạy người đời tu pháp tam-ma-địa, phải đoạn trừ việc sát sanh. Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ hai của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

Giảng giải:

Ông dạy người đời tu pháp tam-ma-địa, phải

đoạn trừ việc sát sanh. Trước tiên, phải đoạn trừ dâm dục; rồi còn phải cấm chế niệm tương sát hại. **Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ hai của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.**

Đây là giáo lý đượ Đức Phật xiển dương. Cả chư Phật trong quá khứ và chư Phật đời này để chỉ dạy giáo pháp rõ ràng thanh tịnh và quyết định này. Quý vị phải chắc chắn tôn trọng giáo pháp này. Nếu không, quý vị không thể nào ra khỏi ba cõi đượ.

Kinh văn:

是故阿難，若不斷殺修禪定者，譬如有人自塞其耳，高聲大叫求人聞。此等名為欲隱彌露。

Thị cố A-nan, nhược bất đoạn sát tu thiền định giả, thí như hữu nhân tự tắc kỳ nhĩ, cao thanh đại khiếu, cầu nhân bất văn. Thử đẳng danh vi dục ẩn di lộ.

Việt dịch:

Thế nên A-nan, nếu không đoạn trừ việc sát hại mà tu thiền định, ví như có người tự bịt tai mình, rồi kêu lớn tiếng, mà mong mọi người chẳng nghe tiếng mình. Loại người này gọi là muốn dấu nhưng càng lộ bày.

Giảng giải:

Thế nên A-nan, nếu không đoạn trừ việc sát hại mà tu thiền định. Họ phải nghiêm khắc với hạt giống từ bi của mình. Khi đã bỏ mất tâm từ bi, ví như có người

tự bịt tai mình, rồi kêu lớn tiếng, mà mong mọi người chẳng nghe tiếng mình.

Điều này cũng như có người bịt tai mình mà ăn cắp chuông, họ cho rằng nếu mình không nghe tiếng chuông thì người khác cũng không nghe.

Loại người này gọi là muốn dấu nhưng càng lộ bày.

Họ càng muốn dấu điếm những hành vi của mình, thì nó càng lộ bày ra. Cũng như vậy, những người tu thiên định mà không chịu dừng lại việc sát hại thì khó đạt được điều mình mong đợi.

Kinh văn:

清淨比丘及諸菩薩，於岐路行不踏生
草，況以手拔。云何大悲取諸眾生血肉
充食？

*Thanh tịnh tỷ-khưu cập chư Bồ-tát, ư kỳ lộ hành
bất đạp sanh thảo, huống dĩ thủ bạt. Vân hà đại bi thủ
chư chúng sanh huyết nhục sung thực?*

Việt dịch:

**Tỷ-khưu thanh tịnh và các vị Bồ-tát khi đi trên
đường còn không đạp cỏ non, huống là dùng tay
nhổ. Tại sao thực hành tâm đại bi mà lại lấy máu thịt
chúng sinh làm thức ăn?**

Giải thích:

Tỷ-khưu thanh tịnh và các vị Bồ-tát tu tập công

hạnh cực kỳ thanh tịnh, **khi đi trên đường còn không đạp cỏ non.**

Ở nơi có vài lối đi, thường có cỏ mọc bên vệ đường. Tỷ-khuru thanh tịnh và các vị Bồ-tát sẽ không bao giờ dẫm lên cỏ non, vì sợ sẽ làm cho cỏ chết.

Huống là dùng tay nhỏ. Các ngài cũng không nhổ một cây cỏ nào.

Tại sao thực hành tâm đại bi mà lại lấy máu thịt chúng sinh làm thức ăn?

Điều ấy không thể được

Kinh văn:

若諸比丘不服東方絲綿絹帛，及是此土靴履裘毳乳酪醍醐。如是比丘於世真脫。酬還宿債不遊三界。

Nhược chư tỷ-khuru bất phục đông phương ty miên quyên bạch, cập thị thử độ ngoa phú cừu thuê, nhũ lạc đề hồ. Như thị tỷ-khuru u thể chơn thoát. Thù hoàn túc trái, bất du tam giới.

Việt dịch:

Nếu các tỷ-khuru không mặc tơ lụa, là lượt của phương đông, và không dùng giày dép, áo cừu, áo len, hay các thứ sữa, lạc, đề hồ. Những tỷ-khuru ấy, thật là giải thoát trong pháp thế gian. Trả hết nợ cũ xong, sẽ không vào trong ba cõi nữa.

Giải giảng:

Nếu các tỷ-khuru không mặc tơ lụa, là lượt của

phương đông, và không dùng giày dép, áo cừu, áo len, hay các thứ sữa, lạc, đề hồ. Những tử-khuu ấy, thật là giải thoát trong pháp thế gian.

Lụa, da, lông thú, lông tơ (chim) đều xuất phát từ sinh vật. Sinh mạng của chúng phải bị cướp đoạt để tạo ra những thứ này. Vải thường không bao hàm trong các loại này. Do vậy, các ngài không dùng giày da hay túi xách làm bằng da. Họ cũng không dùng các thực phẩm chế biến từ sữa.

Trả hết nợ cũ xong, sẽ không vào trong ba cõi nữa.

Ở đây nói rằng sữa và các thực phẩm chế biến từ sữa đều không nên dùng, nhưng trong giới luật của Đại thừa và Tiểu thừa đều không cho rằng điều này không hoàn toàn bị cấm dùng. Đoạn kinh này nói về những người giữ giới với mức độ thanh tịnh nhất. Họ hoàn toàn giữ giới không giết hại. Họ không dùng bất cứ thứ gì liên quan đến sinh mạng chúng sinh. Họ không mặc đồ tơ lụa vì một số sinh mạng của loài tằm phải chết trong quá trình dệt thành lụa. Họ không dùng mật ong vì mật là từ ong. Nhưng riêng trong giới luật vấn đề này vẫn còn được khai mở.

Giới có một ý nghĩa rất linh hoạt. Giới không chuyên biệt cấm đoán mọi thứ này. Đối với quý vị tránh dùng những thứ đó là người rất thanh tịnh. Điều ấy rất tốt.

Kinh văn:

何以故服其身分皆為彼緣。如人食其地中百穀。足不離地必使身心。於諸眾生若身，身分。身心二塗不服不食。我說是人真解脫者。

Hà dĩ cố phục kỳ thân phần giai vị bỉ duyên. Như nhơn thực kỳ địa trung bách cốc, túc bất ly địa. Tất sử thân tâm, ư chư chúng sanh nhược thân, thân phần. Thân tâm nhị đồ bất phục bất thực. Ngã thuyết thị nhơn chơn giải thoát giả.

Việt dịch:

Tại sao dùng những bộ phận thân thể chúng sinh, đều có ảnh hưởng đến chúng. Như con người ăn trăm giống cốc loại trong đất, thì chân không rời đất. Dứt khoát thân tâm mình, đối với thân thể hay chi phần của chúng sinh, quyết không dùng, không ăn không mặc. Những người như vậy, Như Lai mới thật xem là giải thoát.

Giảng giải:

Tại sao dùng những bộ phận thân thể chúng sinh, đều có ảnh hưởng đến chúng.

Chẳng hạn, khi quý vị mặc đồ tơ lụa, thì quý vị đã có liên quan với loài tằm đã nhả ra tơ. Nếu quý vị không muốn thành loài sinh vật ấy, thì đừng nên liên hệ với chúng. Đó là Như con người ăn trăm giống cốc loại trong đất, thì chân không rời đất. Đó chính là loài

người đầu tiên trên trái đất, họ vốn là chúng sinh từ cõi trời Đại phạm¹ xuống. Điều này xảy ra trong quá khứ khi kiếp hoả lan khắp trái đất cho đến khi thiêu huỷ mọi dấu hiệu của loài người. Sau đó bắt đầu một thời kỳ cần cõi khô khan, kéo dài không biết bao lâu. Và sau đó, một hôm có vài chúng sinh từ cõi trời Đại phạm đạu xuống thế gian.

Vào lúc này, thế gian được bao phủ bởi một chất liệu đặc biệt hoàn toàn tốt đẹp. Họ bốc lên một nắm và ngửi thấy rất thơm ngon. Nên họ ăn. Khi họ đã ăn thứ “màu mỡ của đất” này rồi thì họ không còn bay được nữa. Họ không thể cưỡi mây và lái sừng mù được nữa. Họ không còn di chuyển được. Họ ở lại trần gian và rủ những anh chị em của họ đang ở trên trời. Những người này xuống trần gian rồi lại ăn thứ “màu mỡ của đất”, thế là họ cũng bị trở thành bị chất ngại bởi đất. Họ không thể nào trở về cõi trời; và đó là lý do loài người đến ở trần gian. Có người cho rằng chúng ta xuất phát từ loài khí. Nhưng nếu điều đó là đúng, thì cái gì khiến cho chúng ta trở thành khí? Thực tế, tất cả bắt đầu từ khi loài trời hạ xuống trần gian. Khi dân số trên mặt đất gia tăng, chất “màu mỡ của đất” hoàn toàn bị cạn kiệt, các giống

¹ Nguyên bản Anh ngữ: *Great Brahma Heaven*, và các dòng tiếp theo là dùng *Brahma Heaven*. Theo Đại Tỳ-bà-sa Luận, quyển 136, Lạp thế A-tỳ-dàm Luận, quyển 11, Câu-xá luận Quang ký, Kinh Tăng nhất A-hàm quyển 33 đều nói là từ cõi trời Quang Âm Thiên (s: Ābhassara-deva; p: Ābhassara-deva).

thực vật bị chết. Thế là họ phải ăn bách cốc (100 giống cốc loại). Đó là:

1. Hai mươi loại lúa khác nhau.
2. Hai mươi loại kê.
3. Hai mươi loại đậu
4. Hai mươi loại rau.
5. Hai mươi loại dưa.

Mỗi thứ có hơn hay kém hai mươi loại, làm thành 100 thứ tất cả. Khi họ đã ăn *bách cốc*, thì “chân không lìa khỏi mặt đất.” Chúng ta quy cho điều này là lực hấp dẫn, trọng lực của trái đất (*gravity*), nhưng lý do sâu xa là do con người đã ăn thực phẩm này.

Dứt khoát thân tâm mình, đối với thân thể hay chi phần của chúng sinh, quyết không dùng, không ăn không mặc. Loài người chúng ta muốn giữ cho thân và tâm mình thoát khỏi sự tạo nghiệp do từ mối quan hệ với thân mạng của chúng sinh hoặc bất kỳ mọi thứ làm bằng thân thể chúng, thì chúng ta không nên chiếm đoạt thân mạng chúng, cũng chẳng xâm hại tinh thần chúng. Chúng ta chẳng nên mặc thứ gì làm từ sinh mạng của các loài vật và ăn thịt chúng. **Những người như vậy, Như Lai mới thật xem là giải thoát.** Như Lai bảo những người ấy là chân thật giải thoát.

Kinh văn:

如我此說名為佛說。不如此說即波旬說

Như ngã thử thuyết danh vi Phật thuyết. Bất như thử thuyết tức ba-tuần thuyết.

Việt dịch:

Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.

Giảng giải:

Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói.

Lời giảng giải của Như Lai là giáo pháp đã được chư Phật trong mười phương ba đời giảng nói.

Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.

Mọi giáo lý khế hợp với đạo lý do Như Lai nói tức là lời dạy của chư Phật. Mọi học thuyết mà không khế hợp với đạo lý Như Lai đã tuyên bày ở đây là lời nói của ma vương.

Bây giờ quý vị đã nghe Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Quý vị có thể dùng kính này như tấm kính chiếu yêu. Nếu có ai giả dạng làm người, khi quý vị chiếu tấm kính này vào nơi họ, họ sẽ hiện ra nguyên hình— là yêu quái. Có khi họ là ma heo, ma bò hoặc là ma ngựa, hoặc là thần núi, hoặc là thủy quái. Có khi đó là ma vương. Bất luận họ là gì, tấm kính đều chiếu soi rõ ràng. Bây giờ quý vị đã nghe Kinh Thủ-lăng-nghiêm, quý vị sẽ nhận ra được ai là người giảng pháp chân thực bằng cách đối chiếu những điều được giảng trong kinh. Thế nên kinh

giống như tấm kính chiếu yêu. Đó là lý do tại sao từ trước, tôi đã nói rằng người điếc, người mù, người câm không có cơ duyên nghe tôi giảng kinh. Người điếc vốn không nghe được rồi, nhưng ở đây tôi không có ý nói người bị tai điếc, mà nói đến người nghe pháp mà chẳng biết gì cả. Lặng thinh và quên mất những điểm tôi đã giảng. Tôi hy vọng rằng tất cả quý vị, ai đã nghe được kinh Kinh Thủ-lăng-nghiêm đều sẽ trở thành thiện tri thức trong tương lai; quý vị sẽ trở nên hiểu biết Phật pháp một cách chắc thật. Rồi quý vị sẽ dạy cho những người mù, đui, điếc, câm. Khi quý vị giảng kinh, dù quý vị có dùng đến hệ thống âm thanh, và thậm chí dù họ ở bên ngoài, họ vẫn nghe được và không còn bị điếc hay câm nữa. Người không hiểu Phật pháp là đáng thương nhất. Thế nên, khi quý vị đã thông đạt Phật pháp, quý vị nên đi giảng dạy cho họ nghe. Đó có nghĩa là ở mức độ đó, quý vị nên có sự chú tâm đặc biệt như mình đang tu học vậy.

3. DỨT TRỪ TÂM TRỘM CẤP

Kinh văn:

阿難又復世界六道眾生其心不偷。
則不隨其生死相續。

A-nan, hựu phục thế giới lục đạo chúng sanh kỳ tâm bất thâu. Tác bất tùy kỳ sanh tử tương tục.

Việt dịch:

Lại nữa A-nan, nếu như chúng sinh trong thế giới lục đạo, tâm không trộm cắp, thì họ sẽ không bị tương tục trong dòng luân hồi sinh tử.

Giải thích:

Đức Phật lại gọi A-nan.

Lại nữa A-nan, nếu như chúng sinh trong thế giới lục đạo, tâm không trộm cắp, thì họ sẽ không bị tương tục trong dòng luân hồi sinh tử.

Loài trời, loài a-tu-la, loài người, súc sinh, quý đồi, và loài ở địa ngục nếu không trộm cắp, dù chỉ có niệm tưởng trong tâm. Họ sẽ không lấy cắp bất cứ thứ gì của bất kỳ ai, vật hữu hình hoặc vô hình, giá trị hoặc không giá trị. Không những thực sự không lấy, mà còn không có niệm tưởng lấy cắp chúng. Đó có nghĩa là không trộm cắp. Nếu các chúng sinh ấy giữ tâm không trộm cắp cũng như tâm không sát hại, tâm không dâm dục, thì chúng sẽ không bị tương tục trong vòng luân

hồi sinh tử, và họ cũng sẽ không bị quả báo tương tục tr thế gian.

Kinh văn:

汝修三昧本出塵勞。偷心不除塵不可出。

Nhữ tu tam-muội bản xuất trần lao. Thâu tâm bất trừ trần bất khả xuất.

Việt dịch:

Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao. Tâm trộm cắp không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.

Giảng giải:

Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao.

Ông muốn phát huy định lực chân chính. Động cơ chính của ông trong việc tu tập là cốt để ra khỏi vòng luân hồi sinh tử trong thế gian. Nhưng, nếu ông vẫn có ý tưởng trộm cắp. Tâm trộm cắp không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.

“Trần lao” ở đây là chỉ cho nhà lửa trong ba cõi.

Kinh văn:

縱有多智禪定現前，如不斷偷，必落邪道。上品精靈，中品妖魅，下品邪人，諸魅所著。

Túng hữu đa trí thiền định hiện tiền, như bất đoạn thâu tất lạc tà đạo. Thượng phẩm tinh linh, trung phẩm yêu mị, hạ phẩm tà nhơn chư mị sở trước.

Việt dịch:

Dù có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu không đoạn trừ tâm trộm cắp, ắt phải rơi vào tà đạo. Hạng trên thành tinh linh, hạng trung thành yêu mị, lớp dưới thành người tà đạo, bị yêu mị gá vào.

Giải thích:

Dù có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu không đoạn trừ tâm trộm cắp, ắt phải rơi vào tà đạo.

Cơ bản là loại người này không có trí huệ chân chính, vì nếu họ có trí huệ, họ đã không trộm cắp, họ cũng không dâm dục, cũng không sát hại. Chỉ do vì thiếu trí huệ mà họ làm những việc như vậy. Nhưng nếu chúng ta cho hạng người này có một chút trí huệ và chỉ một chút thông minh vật hơn những người bình thường, và khi họ ngồi, họ lẩn vào sự lãng quên mà ít nhiều giống như thiên định. Thế nhưng, hạng người này lại nghĩ rằng mình đã chứng được vài cảnh giới kỳ đặc mà những người khác chưa từng đến được. Anh ta cảm thấy mình có công phu vượt qua mọi người khác. Cái nhìn của anh ta đầy ngã mạn, và nếu anh ta không chịu dừng lại việc trộm đạo, anh ta sẽ rơi vào đường tà. Dù với một chút trí huệ và một ít định lực, họ sẽ bị rơi vào cảnh giới không chân chính vì việc trộm cắp. Trong con đường tà vạy này, họ lại dạy chúng sinh trong các đường khác vốn đầy tăm tối và bất chính. Họ lại dạy người khác tri và tà kiến.

Hạng trên thành tinh linh,

Khi quý vị gặp loại này, chúng rất thông minh; nhưng thực ra, nó là tà quỷ. Trong cuốn *Tánh dược* (*The Nature of Medicine*) của Trung Hoa, có đề cập đến loại thảo mộc có tính chất này. Nhưng thực tế, yếu tính đó không thực.

Hạng trung thành yêu mị, một loại dị nhân, có được năng lực thần thông, thường hãm hại người.

Lớp dưới thành người tà đạo, bị yêu mị gá vào.

Quý vị nhớ rằng loài quý Cựu-bàn-trà là một loài quỷ mị (mei), thường gây ra tình trạng hôn mê, tê liệt cho người đang ngủ. Loài quỷ này chiếm đoạt thân xác của người đang tỉnh, rồi điều khiển thân, miệng, ý người này làm những việc riêng cho chúng. Nó nói qua trung gian người và dành hoàn toàn sự kiểm soát người ấy. Những người bị chiếm thân xác như vậy còn được gọi là xác đồng, hoặc có khi chúng trở thành phù thủy (sorcerers) hoặc thầy trừ tà (exorcists). Ở Mỹ, tôi đã gặp một người như vậy, một người Mỹ tự bảo rằng mình là Jesus. Một phút sau, anh ta nói rằng Thượng đế đã nhập vào trong anh ta bảo anh ta nói. Rồi một lát sau anh ta nói rằng Thượng đế đã đến và muốn nói chuyện với anh ta. Chừng 5 năm sau, anh ta trở lại gặp tôi. Tôi mắng anh ta: “Ông thậm chí chẳng nhận ra chính ông nữa. Ông là yêu ma hoàn toàn, và ông không được tốt.” Thế là anh ta bỏ đi. Anh ta đến để nói pháp với tôi, nhưng anh ta không bao giờ trở lại khi tôi mắng anh ta. Và tôi lại tự nghĩ rằng:

“Tôi không hiểu làm sao để nói với mọi người. Tại sao mình đuổi được gã Jesus–Thượng đế đó?”

Dù sao, đó cũng là một ví dụ của loại người tà mị. Tại sao họ bị mắc phải quả báo như vậy? Là vì trong những đời trước, họ trộm cắp. Thế nên họ buộc phải rơi vào một trong những phạm loại như thế này.

Đôi khi ở Trung Hoa, loại xác đồng này rất hấp dẫn. Họ có thể cắm cây dao trên đỉnh đầu mà không chết. Loài quỷ mị đang đoạt hồn họ sẽ gỡ lưỡi dao bằng cách dùng một thần chú, thế nên người ấy không đổ một giọt máu. Có người có thể đóng những cây đinh vào bên vai, từ những cây đinh, họ treo những thanh gươm mỗi cây nặng hơn 10 *pounds*.¹ Họ có thể treo bốn thanh gươm như vậy rồi quay tròn chúng. Xem rất là kinh khủng. Mọi người đều kinh hãi. Có khi chúng thực sự có khiêu. Tôi đã gặp nhiều loại quỷ mị này và quyển thuộc của ngoại đạo. Khi quý vị xem Kinh Thủ-lăng-nghiêm, quý vị sẽ thấy rằng từ lâu, Đức Phật đã mô tả mọi loài chúng sinh trong thế giới rất là rõ ràng. Do vậy, đã được nghe giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm rồi, quý vị sẽ nhận biết được bất luận điều gì mình phải đề phòng.

Chương này gọi là “*Từ chúng thanh tịnh minh hối.*” Là

¹ Đơn vị đo lường trọng lượng, bằng 0, 454 kg = 16 ounce theo hệ thống đo lường của Anh Mỹ. Viết tắt IP

Phần rất quan trọng trong bộ Kinh này. Nên hãy hết sức chú ý.

Nếu chúng ta không dừng lại việc trộm cắp, chúng ta sẽ thấy rằng mình rất khó thành Phật. Tuy nhiên, nhiều người vẫn hy vọng thành Phật. Nay chúng ta đã hiểu được giáo lý này rồi, người nào đã mắc phải tội trộm cắp thì nên thay đổi. Những người không mắc phải lỗi này thì không nên để cho niệm tưởng trộm cắp khởi dậy. Đó là cách hay nhất tương ứng với đạo.

Kinh văn:

彼等群邪亦有徒眾。各各自謂成無上道。

Bỉ đẳng quần tà diệc hữu đồ chúng. Các các tự vị thành vô thượng đạo.

Việt dịch:

Các nhóm tà đạo kia cũng có đồ chúng. Họ đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.

Giải thích:

Các nhóm tà đạo kia là yêu ma quỷ quái, ly mị võng lượng hại người. Họ cũng có đồ chúng.

Trên thế gian này, mọi loài đều có đồ đệ của nó. Nên có câu:

Người tốt tìm đến với nhau.

Người xấu lập bè đảng.

Người cùng hội cùng thuyền tìm đến với nhau.

Thế nên, ngay cả những loài tà ma yêu quái này cũng tụ họp lại với nhau và có quyền thuộc của chúng.

Họ đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.

Họ không nhận ra được cái gì là chân thật vô thượng, thay vào đó, họ cho rằng cách sinh hoạt của mình là hay nhất. Họ nói rằng họ đã đạt được đạo vô thượng, đến mức họ cho rằng niệm Phật là nhọc công vô ích, và nói rằng họ là như vậy. Họ biện luận: “Hãy xem năng lực thần thông của tôi.”

Thực ra, họ là yêu ma quỷ quái. Họ hoàn toàn đều theo tà hạnh.

Kinh văn:

我滅度後末法之中，多此妖邪熾盛世間，潛匿姦欺，稱善知識。各自謂已得上人法。該惑無識，恐令失心。所過之處其家耗散。

Ngã diệt độ hậu mạt pháp chi trung, đa thử yêu tà xí thanh thế gian, tiềm nặc gian khi, xưng thiện tri thức. Các tự vị dĩ đắc thượng nhơn pháp. Huyền hoặc vô thức, khùng linh thất tâm. Sở quá chi xứ kỳ gia hao tán.

Việt dịch:

Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, có nhiều loại yêu ma tà đạo ấy sôi nổi trong thế gian, lén lút gian dối xưng là thiện tri thức. Họ đều tự xưng đã được pháp thượng nhân. Dối gạt kẻ không biết, dọa

dẫn khiến họ mất lòng tin. Chúng đi đến đâu, gia đình người ta đều bị hao tán.

Giảng giải:

Tôi đã gặp rất nhiều loại tà ma này. Người Tây phương không quen lắm với loại yêu quái này, nhưng không phải như vậy vì người Trung Hoa tin vào quỷ thần. Đúng như vậy, càng lúc, các hiện tượng kỳ dị xảy ra trên thế gian ngày càng nhiều hơn.

Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, có nhiều loại yêu ma tà đạo ấy sôi nổi trong thế gian,

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong kinh này đã nói với chúng ta rằng thời đại ta đang sống sẽ bị hoành hành bởi loại tà mà này. Chúng ta không nên nhìn vào những việc mình thấy để tin rằng chúng tồn tại. Đơn giản vì còn nhiều việc trên đời mà mình chưa thấy được. Nếu chúng ta phải đợi cho đến khi mình thấy được mỗi thứ bằng chính con mắt của mình, thì không thể nào nhìn hết được trong đời này. Còn có một số điều mà quý vị phải nghe lời nói của người khác mới biết.

Chúng **sôi nổi trong thế gian**. Chúng giống như lửa đang thiêu cháy mọi người. Những người không nhận biết những loài tà ma này, sẽ dính mắc vào chúng và như thế bước vào đồng lửa hừng hực cháy. Những người này sẽ bị thiêu đốt. “Bí mật” là nghĩa mà chúng đi khắp nơi để dối gạt mọi người.

Chúng lén lút gian dối xưng là thiện tri thức. Họ đều tự xưng đã được pháp thượng nhân.

Chúng tự xưng mình là Thiện tri thức mắt sáng Thượng nhân là chỉ cho Bồ-tát. Nói cách khác, chúng tự xưng mình là Bồ-tát. Trong đạo Phật, dù quý vị là một vị Bồ-tát, thậm chí là một vị Phật thị hiện, quý vị cũng không nên nói mình là Phật hay là Bồ-tát. Quý vị phải giữ im lặng về điều ấy khi nào mình còn sống, cho đến hơi thở cuối cùng.

Quý vị không thể nói: “Tôi là Phật! Tôi là Bồ-tát! Tôi là A-la-hán!” Người nào nói như vậy thì đó là yêu ma, giống như người được mô tả trong kinh này. Khi nào quý vị mới để cho mọi người biết? Sau khi quý vị chết. Lúc ấy mọi người mới biết. Nhưng quý vị không được để cho họ biết khi quý vị chưa chết. Có ý nghĩa gì trong lời tuyên bố mình là Phật? Có ý nghĩa gì? Quý vị nói rằng mình là Bồ-tát? Sao vậy? Có ý nghĩa gì trong lời nói như vậy? Chẳng có lý do gì khác hơn là khiến cho người khác tin vào mình. Và tại sao quý vị muốn mọi người tin vào mình? Để họ cho quý vị tiền? Quý vị làm việc ấy vì muốn lợi dưỡng và tâm phan duyên. Nếu đó không phải là ý định của quý vị, thế tại sao quý vị nói với mọi người mình là Phật sống? Nếu quý vị là Bồ-tát. Được rồi! Quý vị là Bồ-tát; tại sao quý vị lại đi nói với mọi người như vậy?

Điều này nhắc tôi nhớ một số chuyện đã diễn ra ở Trung Hoa.

Một hôm có một vị quan đến chùa Quốc Thanh trên núi Thiên Thai để hỏi thăm thầy trú trì Phong Can. Hai người nói chuyện với nhau. Quý vị sẽ hỏi viên quan ấy tên gì? Đừng hỏi tôi, Tôi quên mất rồi. Có thể người đó là quý vị, có thể là tôi, không chắc chắn. Vị quan nói với thầy trú trì: “Trong quá khứ, thường có nhiều Bồ-tát thị hiện ở thế gian, nhưng thời đại này lại không có. Tôi muốn được diện kiến một vị Bồ-tát chân thực nhưng không thấy.”

Trú trì Phong Can nói, “Ồ! Ông muốn gặp Bồ-tát? Có hai vị đang ở đây. Tôi sẽ giới thiệu cho ông được gặp.”

Vị quan hoàn toàn ngạc nhiên. “Có hai vị Bồ-tát đang ở đây? Ý ngài muốn nói là một vị bằng đất sét, và một vị tạc bằng gỗ?”

Thầy trú trì trả lời: “Không phải vậy. Hai vị Bồ-tát này là người thật. Họ là những vị Bồ-tát sống.”

Vị quan hỏi, “Ngài không đùa chứ?”

Trú trì đáp: “Tôi là trú trì ở đây. Làm sao tôi nói đùa chuyện như vậy. ”

“Họ đâu rồi?”

“Một vị đang nấu cơm và một vị đang đun nước. Một vị là Hàn Sơn và một vị là Thập Đắc. Một vị là hóa thân của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, một vị là hóa thân của Bồ-tát Phổ Hiền. Họ thực hành pháp tu khổ hạnh trong chùa này, chuyên làm những việc phục dịch. Họ

làm những việc không ai muốn làm. Nếu ông muốn gặp họ, rất đơn giản, hãy vào nhà bếp và sẽ thấy họ đang ở đó. Ông thấy hai vị tăng lấm lem, rách rưới, râu tóc bù xù, mặt đầy bụi bẩn, với một dáng dấp rất xấu xí. Nhưng thầy Trú trì bảo đó là hai vị BỒ-tát, nên ông chẳng dám xem thường họ. Thay vì vậy, ông xá chào họ. Hai vị ấy hỏi: “Ông làm gì vậy? Tại sao ông xá chào tôi?”

“Trú trì Phong Can nói rằng các ông là hóa thân của BỒ-tát Văn-thù-su-lợi và BỒ-tát Phổ Hiền, thế nên tôi xá chào các ông.”

Hai vị nói: “Lão Phong Can ba hoa!”

Có ý muốn nói thầy trú trì là người hay dính vào chuyện kẻ khác.

Một vị nói:

“Lúc này ông ta nói quá nhiều!”

Thế nên khi viên quan đang cúi chào, họ liền rút lui và biến mất, không ai biết họ đã đi cách xa chừng nào— có lẽ cách xa đến cả trăm bước từ nhà bếp đến bờ đá dưới chân núi. Tiếng hai người vọng lại, “Lão Phong Can hay bép xép. Ông không chịu lạy Phật A-di-đà, lạy chúng tôi làm gì?”

Viên quan hỏi: “Ai là Đức Phật A-di-đà?”

“Trú trì Phong Can. Ông ta là Đức Phật A-di-đà tái thế. Hãy để mặc chúng tôi. Về lạy ông ta đi.”

Khi viên quan vẫn còn đứng đó trong kinh ngạc,

thì hai vị tăng lem luốc kia đã đi xa và biến mất sau rặng núi đá.

Nơi đó bây giờ gọi là Nguyệt Quang Nham trên núi Thiên Thai—nơi mà hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc đã biến mất.

Viên quan vội vã trở về chùa Quốc Thanh để đánh lễ Trú trì Phong Can—Đức Phật A-di-đà. Nhưng khi ông vào trong chùa, thấy thầy trú trì đã ngồi an nhiên thị tịch. Ngài đã nhập niết-bàn. Viên quan bây giờ biết rằng Trú trì chính là Đức Phật A-di-đà thị hiện, nhưng đã quá trễ rồi! Ông ta không thấy được những gì là chân thực ngay trước mắt của mình. Đức Phật A-di-đà đã đi rồi.

Tại sao chư Phật và Bồ-tát khi biến mất rồi mới cho mọi người biết các ngài là ai? Nếu mọi người biết, thì họ sẽ đến để đánh lễ các ngài suốt ngày đến mức sẽ quá phiền phức. Sẽ không còn thời gian nào để tu tập. Thế nên các ngài không muốn cho biết mình là ai.

Đó là cách thức trong đạo. Người ta không bao giờ nói: “Hãy nhìn xem! Tôi là người đã giác ngộ! Tôi là Phật!”

Người như vậy thì chẳng khác gì người được đề cập trong kinh này. Tôi chưa từng gặp người nào công nhận là mình đã giác ngộ. Hoà thượng Hư Vân cũng vậy, và các vị Hoà thượng khác đã giác ngộ ở Trung Hoa cũng không nói một lời nào là họ đã giác ngộ, dù hỏi họ trực tiếp. Không bao giờ có chuyện đó trong đạo Phật. Ngoài ra, có lẽ có trong đạo Phật tân thời.

Người được mô tả trong kinh tuyên bố rằng họ là thượng nhân. “Các ông có biết tôi là ai không? Tôi là Bồ-tát Di-lặc. Các ông có biết tôi là ai không? Tôi là Bồ-tát Quán Thế Âm. Nay các ông đã biết, đừng bỏ mất cơ hội. Hãy lạy tôi làm thầy. Nếu các ông không muốn lạy tôi, thì hãy lạy thầy tôi. Tôi sẽ cấp cho các ông cái giấy chứng nhận và 65 đô-la. Tôi sẽ truyền pháp cho ông.”

Họ đi khắp, **Đói gạt kẻ không biết.** Họ gạt gẫm người cả tin. Tôi đã gặp hạng người này rất nhiều. Họ nói rằng: “Tôi có pháp bảo, tôi sẽ bán cho các người, một người 300 đô-la. Đó là bởi vì tôi rất thích các người, nên tôi sẽ để dành cho quý vị. Nếu tôi không thích quý vị, tôi sẽ không trao cho quý vị đâu.”

Thế là đệ tử đưa cho thầy 300 đô-la để lấy pháp bảo. Có người đòi quý vị đến 1000 đô-la. Chẳng bao lâu, ví của vị thầy già nặng túi. Khi ông ta chuyển tài sản của mình từ chỗ an toàn này đến chỗ an toàn khác, ông ta phải dùng xe lửa! Nhiều người đã thất vọng vì việc này. Khi quý vị giảng nói pháp chân chính cho họ nghe, như bảo họ “Đừng sát sanh.” Họ không tin điều đó. “Đừng trộm cắp.” Họ cũng không tin điều đó. “Đừng dâm dục.” Họ cũng không tin điều đó. Nhưng nếu quý vị nói với họ rằng mình có một điều gì đó sẽ đem đến cho họ lợi ích thì họ sẽ trả tiền cho quý vị liền.

Chúng dọa dẫm khiến họ mất lòng tin.

Chúng khiến cho quý vị mất sạch trí huệ mà quý vị vốn có. Họ làm cho quý vị mê mờ.

Chúng đi đến đâu, gia đình người ta đều bị hao tán.

Họ thực sự là kẻ giàu có bản thủ, nhưng bất kỳ đi đâu, họ cũng đều tích lũy thêm nhiều của cải, lột sạch chủ nhà những thứ tài sản, chìa khóa, chứng khoán và ruột tượng.

Kinh văn:

我教比丘循方乞食，令其捨貪成菩提道。諸比丘等不自熟食，寄於殘生旅泊三界。示一往還去已無返。

Ngã giáo tỷ-khuru tuần phương khát thực, linh kỳ xả tham, thành bồ-đề đạo. Chư tỷ-khuru đẳng bất tự thực thực, ký u tàn sanh lý bạc tam giới. Thị nhất vãng hoàn khứ dĩ vô phản.

Việt dịch:

Như Lai dạy hàng tỷ-khuru theo thứ tự khát thực, là khiến họ xả trừ lòng tham, thành tựu đạo bồ-đề. Các hàng tỷ-khuru không tự nấu ăn, gửi cái thân sống nhờ như khách trọ trong ba cõi. Hiện thân một lần qua lại, đi rồi không trở lại nữa.

Giải giảng:

Như Lai dạy hàng tỷ-khuru theo thứ tự khát thực, là khiến họ xả trừ lòng tham.

Khi đến giờ khát thực, mỗi vị tỳ-khưu nhắm đến một phương nhất định và đi quanh một chỗ nhất định. Các vị mang bình bát đi khát thực. Tại sao Đức Phật dạy họ phải khát cầu thực phẩm? Trước hết, khi các vị cư sĩ Phật tử dâng tặng thức ăn cho người xuất gia, là họ có được quả báo phước đức và chấm dứt khổ đau. Thứ hai, khi tỳ-khưu đi khát thực, họ sẽ dùng bất cứ thức gì xin được. Nếu ngon, thì ăn ngon; nếu dở, thì ăn dở. Do vậy họ sẽ xả bỏ được lòng tham. Nếu mình tự nấu nướng, quý vị sẽ nghĩ, “Những thức ta nấu ngày hôm nay không được ngon; Tuy nhiên, ngày mai ta sẽ nấu thứ ngon hơn, và ngày kia ta sẽ làm thứ tuyệt diệu hơn nữa.” Sẽ không có chỗ tận cùng. Khi đi khát thực, sẽ không có cơ hội để chọn lựa. Ta không thể nào phân biệt thức ăn thức uống nào ngon hay dở. Ta không thể nói: “Thức ăn mình xin được ngày hôm nay rất ngon.” Rồi ăn với sự thích thú. Và ngày sau, nếu thức ăn không được ngon, ta ăn không nổi. Cách thức ấy không được phép. Mình ăn cả thứ ngon lẫn không ngon. Tinh thần chung là ăn để no và quên bẵng mọi thứ. Đó là để đối trị lòng tham.

Theo cách này, hành giả có thể **thành tựu đạo bồ-đề**.

Đó là vì có câu nói: *“Kẻ trí quan tâm đến đạo, chẳng bận tâm đến thức ăn.”*

Những người đến để tham cứu Phật pháp, không nên bận tâm đến thức ăn.

Các hàng tử-khuru không tự nấu ăn, gửi cái thân sống nhờ như khách trọ trong ba cõi. Hiện thân một lần qua lại, đi rồi không trở lại nữa.

Họ chỉ cần ăn đủ để duy trì thân mạng. Cuộc đời chúng ta, dù ở trên đất liền hay ở trên nước, cũng giống như đang ở trong một khách sạn—ngắn ngủi phù du trong chốc lát. Đứng để dính mắc với nó. Các vị tử-khuru đã chấm dứt tâm tham, thế nên khi sinh mạng trong ba cõi này chấm dứt, thì họ không còn trở lại nữa. “Nơi này là uế độ, tôi không trở lại nữa.” Đó là tâm niệm của các vị tử-khuru. Dù ở Mỹ, với những nhà vệ sinh rất đẹp đẽ và những ngôi nhà rất tráng lệ—cũng đủ để ở đó một lần. Đừng trở lại! Đừng tham muốn các nhà vệ sinh ấy. Trước tiên là nó rất hôi thối, tại sao quý vị lại thích nó? Thực ra cả thế gian này đều hôi thối. Quý vị chớ cho rằng đó là chỗ sạch sẽ. Thế gian này chính nó là một cái nhà vệ sinh.

Kinh văn:

云何賊人假我衣服。裨販如來造種種業，皆言佛法。却非出家，具戒比丘為小乘道。由是疑誤無量眾生墮無間獄。

Vân hà tặc nhơn giả ngã y phục, tì bản Như Lai tạo chủng chủng nghiệp, giai ngôn Phật pháp. Khước phi xuất gia cụ giới tử-khuru vi tiểu thừa đạo. Do thị nghi ngô vô lượng chúng sanh đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Tại sao loại giặc ấy lại mượn y của Phật, buôn bán Như Lai, tạo vô số nghiệp, nói rằng đó đều là Phật pháp. Lại chê hàng xuất gia thọ giới tỷ-khuru là đạo Tiểu thừa. Do chúng làm cho vô lượng chúng sinh mắc phải nghi lầm, nên sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng giải:

Tại sao loại giặc ấy lại mượn y của Phật.

Họ mặc y phục của hàng xuất gia và nói với mọi người rằng; “Tôi là Pháp sư giảng kinh. Quý vị nên hoàn toàn tin vào tôi.”

Chúng buôn bán Như Lai. Họ dùng Phật pháp để đổi chác. Họ buôn bán Phật pháp. Tất cả điều họ cần làm là nghĩ cách để kiếm tiền. Họ nói rằng; “**Đó đều là Phật pháp.**” Họ bảo rằng tất cả đều là Phật pháp. Khiêu vũ là Phật pháp, uống rượu là Phật pháp, chơi nhạc là Phật pháp. Đây là các thứ trong 84.000 pháp môn.”

Họ thật là những kẻ rất ba hoa. “Hút thuốc là Phật pháp, đánh bạc là Phật pháp, ai muốn làm gì tùy thích.” Họ rất tùy tiện, thậm chí đến mức độ ai muốn làm điều gì, họ đều cho là đúng.

Lại chê hàng xuất gia thọ giới tỷ-khuru là đạo Tiểu thừa.

Nếu có ai gọi họ và hỏi, “Anh đã thọ giới Cụ túc¹

¹ Tức giới Tỷ-khuru. Còn gọi là Cận viên. Đại giới.

chưa?” Thậm chí họ chẳng hiểu là quý vị đang nói điều gì. Thậm chí họ không hiểu về năm giới cấm, nói gì đến 8 giới,¹ hoặc 10, giới trọng và 48 giới khinh.² Chính họ không đáng được người đời tin cậy là hàng xuất gia. Tầm nhìn của họ rất hạn hẹp và đầy tự ngã.

Do chúng làm cho vô lượng chúng sinh mắc phải nghi lầm, nên sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián.

Họ khiến cho người khác mê lầm, và vốn chính họ cũng không hiểu. Ban đầu những người theo họ đều có ý định tốt, nhưng khi đã dính mắc với một vị thầy điên đảo như vậy rồi nên cuộc đời họ sẽ được kết thúc trong tình trạng đã nêu ra trước đây:

*Nếu một người mê mờ
Truyền dạy sự mê lầm cho người khác
Khi mọi điều được nói và làm,
Thì chẳng có ai hiểu được.
Thầy đọa vào địa ngục
Trò cũng phải vào theo.*

Trong địa ngục vô gián, không lúc nào cảnh khổ bị gián đoạn. Một người chón đầy cả địa ngục bằng những cảnh khổ, và nhiều người cũng chón đầy địa ngục theo cách như vậy. Chỉ một người trong địa ngục, đã không còn thừa chỗ. Và bất luận có bao nhiêu người trong đó, địa ngục vẫn chứa trọn. Chúng sinh ở địa ngục

¹ Bát quan trai giới.

² Bồ-tát giới.

ấy không bao giờ ra khỏi chỗ này. Thế nên rất nguy hiểm khi gieo nhân duyên với chỗ đó.

Kinh văn:

若我滅後，其有比丘發心決定修三摩提。能於如來形像之前。身然一燈燒一指節。及於身上薰一香炷。我說是人無始宿債一時酬畢。長挹世間，永脫諸漏。雖未即明無上覺路。是人於法已決定心。

Nhược ngã diệt hậu, kỳ hữu tử-khuru phát tâm quyết định tu tam-ma-đề. Năng ư Như Lai hình tượng chi tiền, thân nhiên nhất đặng, thiêu nhất chỉ tiết, cập ư thân thượng nhiệt nhất hương chú. Ngã thuyết thị nhân vô thủy tức trái nhất thời thù tất. Trường áp thế gian vĩnh thoát chư lậu. Tuy vị tức minh vô thượng giác lộ, thị nhơn ư pháp dĩ quyết định tâm.

Việt dịch:

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có tử-khuru phát tâm quyết định tu tam-ma-đề. Có thể trước hình tượng Như Lai, tự mình thắp một ngọn đèn, đốt một ngón tay; hay ở trên thân đốt một liễn hương. Như Lai nói người này, nợ nần từ kiếp lâu xa, nay được trả hết trong một đời, xa lìa thế gian, vĩnh viễn thoát khỏi các lậu hoặc. Người ấy tuy chưa hiểu rõ đạo vô thượng giác, nhưng đối với Phật pháp đã có tâm quyết định.

Giảng giải:

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có tử-khuru phát tâm quyết định tu tam-ma-đề. Có thể trước hình tượng Như Lai, tự mình thắp một ngọn đèn, đốt một ngón tay; hay ở trên thân đốt một liều hương. Như Lai nói người này, nợ nần từ kiếp lâu xa nay được trả hết trong một đời.

Những vị tử-khuru này, dưới sự hướng dẫn chân chính, vào đúng thời điểm, và với oai nghi nghiêm chỉnh, vị ấy dùng dao cắt thịt trên thân mình, rồi rót một ít dầu vào nơi thịt đã bị khoét ra, rồi từ đó thắp lên một ngọn đèn để cúng dường chư Phật. Hoặc có khi các vị ấy đốt một ngón tay theo đúng nghi thức, hoặc họ đốt một vài liều hương trên thân mình, chẳng hạn trên cánh tay. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni dạy rằng, những người như vậy, nghiệp chướng nợ nần họ đã tạo trong vô lượng kiếp trước đều có thể tiêu trừ qua việc làm đơn giản này.

Xa lìa thế gian, vĩnh viễn thoát khỏi các lậu hoặc. Người ấy tuy chưa hiểu rõ đạo vô thượng giác, nhưng đối với Phật pháp đã có tâm quyết định.

Họ đã có sự phát tâm dứt khoát và sẽ không bao giờ thối chuyển.

Kinh văn:

若不為此捨身微因。縱成無為必還生人，酬其宿債。如我馬麥正等無異。

Nhược bất vi thử xả thân vi nhân, túng thành vô vi tất hoàn sanh nhân, thù kỳ túc trái. Như ngã mã mạch chánh đặng vô dị.

Việt dịch:

Nếu không gieo được cái nhân xả thân nhỏ bé ấy, dù có thành đạo vô vi, cũng phải sanh lại làm người, hoàn trả các nợ cũ, như quả báo ăn lúa ngựa của Như Lai.

Giải thích:

Nếu không gieo được cái nhân xả thân nhỏ bé ấy, dù có thành đạo vô vi, cũng phải sanh lại làm người, hoàn trả các nợ cũ.

Nếu mình không làm những hạnh hy sinh thân mạng, như đốt đèn trên thân hay đốt một ngón tay, hoặc đốt hương trên cánh tay, như gieo trồng vài thiện pháp, thì dù có thành tựu đạo nghiệp, dù trở thành giác ngộ, thậm chí thành Phật, thì mình vẫn phải trả các món nợ cũ. Mình vẫn phải thọ thân người trở lại và trả các nghiệp đã vay trong quá khứ,

Như quả báo ăn lúa ngựa của Như Lai.

“Như Lai đã phải ăn lúa dành cho ngựa suốt 90 ngày trong đời này.” Đức Phật nói.

Tại sao Đức Phật Thích-ca Mâu-ni phải chịu quả báo như vậy? Chuyện xảy ra từ thời quá khứ, khi ngài là một vị Bà-la-môn nhận dạy 500 vị thanh niên cách thức tu đạo. Lúc đó, có một Đức Phật đang thị hiện trên

thế gian. Một hôm, Đức Phật kia cùng các vị tỳ-khuru đi khát thực, Đức Phật dạy các vị tỳ-khuru nhận được vật phẩm cúng dường thì nên trích bớt một phần ngon trong bát của mình dành cho vị tỳ-khuru đang bị bệnh không thể đi khát thực được. Khi họ đi khát thực về, họ đi qua vùng núi nơi mà vị Bà-la-môn tức tiền thân của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang tu nhân địa. Khi vị Bà-la-môn chỉ nhận được một chút ít thực phẩm từ bát rất đầy của họ, ông ta trở nên ghen tức, “Tại sao các *lão tăng*¹ kia được ăn nhiều thế? Các ông ấy chỉ đáng được ăn lúa ngựa.”

Năm trăm đệ tử của vị Bà-la-môn hoà theo ông ta: “Đúng vậy! Họ chỉ đáng được ăn lúa ngựa.”

Sau khi vị Bà-la-môn thành Phật, ngài phải đưa 500 vị đệ tử tỳ-khuru của mình sang một nước khác để an cư. Ngoài mặt, quốc vương nước ấy thân mật đón tiếp ngài, nhưng vua không cúng dường cho chư tăng an cư. Sau cùng, một người buôn ngựa trong nước biết được rằng Đức Phật và giáo đoàn tỳ-khuru không được cúng dường thực phẩm, thế nên ông ta chia cho chư tăng phần thực phẩm dùng để nuôi ngựa. Dù vị Bà-la-môn đã thành Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, và 500 vị đệ tử trẻ của ngài đã thành 500 vị A-la-hán, Đức Phật vẫn phải trả nghiệp cũ trong đời quá khứ qua việc 90 ngày phải ăn lúa ngựa.

¹ Nguyên văn Anh ngữ: *bald monks* (lão tăng trọc).

Thế nên, Đức Phật nói rằng nếu người nào không làm được những hạnh xả thân này, thì trong tương lai họ phải trả những nghiệp đã tạo trong đời trước, như họ đã gây ra.

Kinh văn:

汝教世人修三摩地，後斷偷盜。是名如來先佛世尊第三決定清淨明誨。

Nhữ giáo thế nhơn tu tam-ma-địa, hậu đoạn thâu đạo. Thị danh Như Lai tiên Phật Thế tôn đệ tam quyết định thanh tịnh minh hối.

Việt dịch:

Ông dạy người đời, tu pháp tam-ma-địa, sau nữa, dứt trừ tâm trộm cắp. Đó gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ ba của các Đức Phật Như Lai Thế tôn trong quá khứ.

Giải thích:

Ông dạy người đời, tu pháp tam-ma-địa, sau nữa, dứt trừ tâm trộm cắp.

Khi họ muốn tu đạo, họ phải trừ bỏ tâm trộm cắp.

“Đó gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ ba của các Đức Phật Như Lai Thế tôn trong đời trước.”

Kinh văn:

是故阿難若不斷偷修禪定者。譬如

有人水灌漏卮¹欲求其滿。縱經塵劫終無平復。

Thị có A-nan, nhược bát đoạn thâm tu thiền định giả, thí như hữu nhân thủy quán lậu chi, dục cầu kỳ mãn. Túng kinh trần kiếp chung vô bình phục.

Việt dịch:

Cho nên A-nan, nếu không dứt trừ tâm trộm cắp mà tu thiền định, cũng như rót nước vào bình thủng, mà mong cho đầy. Dù trải qua nhiều kiếp số như vi trần, rót cục vẫn không đầy được.

Giảng giải:

Cho nên A-nan, nếu không dứt trừ tâm trộm cắp mà tu thiền định, cũng như rót nước vào bình thủng, mà mong cho đầy. Dù quý vị cố gắng rót đầy nước vào một cái chén bị thủng dưới đáy, thì

Dù trải qua nhiều kiếp số như vi trần, rót cục vẫn không đầy được.

Kinh văn:

若諸比丘衣鉢之餘分寸不畜。乞食餘分施餓眾生。於大集會合掌禮眾。有人捶²罵同於稱讚。必使身心二俱捐捨。身肉骨血與眾生共。不將如來不了義

¹ Cái bình sành lùn. Thường dùng như chũ *chi* 卮.

² Âm khác: *Chuy*: Đánh ngã; Đập, giã.

說。迴為已解以誤初學。佛印是人得真三昧。

Nhược chư tử-khuru y bát chi dư, phân thốn bất súc. Khất thực dư phần thí nga chúng sanh. Ư đại tập hội, hợp chúng lễ chúng. Hữu nhơn chủy mạ, đồng ư xưng tán. Tất sử thân tâm nhị câu quyên xả. Thân nhục cốt huyết, dĩ chúng sanh cộng. Bất tương Như Lai bất liễu nghĩa thuyết, hời vi dĩ giải dĩ ngộ sơ học. Phật ấn thị nhơn đắc chơn tam-muội.

Việt dịch:

Nếu các tử-khuru, ngoài y bát ra, không tích trữ mảy may. Khất thực có thừa, bỏ thí cho chúng sinh đói. Nơi hội lớn đông người, chấp tay lễ bái đại chúng. Nếu có người đánh mắng, xem như khen ngợi mình. Xem thân thịt máu xương của mình giống như thân của chúng sinh. Nếu không đem lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ tỏ ngộ của mình, khiến cho kẻ sơ học khỏi bị lầm lạc, thì Như Lai ấn chứng người ấy chân thực được tam-muội.

Nếu các tử-khuru, ngoài y bát ra, không tích trữ mảy may.

Các vị tử-khuru chỉ có ba y, một bình bát, và toạ cụ. Họ không cần thêm thứ gì khác. Họ không tích lũy của cải.

Khất thực có thừa, bỏ thí cho chúng sinh đói.

Họ ban tặng những vật phẩm thừa khi khát thực cho những người không có gì để ăn.

Nơi hội lớn đông người, chấp tay lễ bái đại chúng.

Các vị tử-khuru chấp tay cung kính vái chào mọi người trong hội chúng. **Nếu có người đánh mắng, xem như khen ngợi mình.**

Xem lời chửi mắng cũng như là lời khen tặng. Họ không phản ứng với lời mắng nhiếc.

Xem thân thịt máu xương của mình giống như thân của chúng sinh.

Tâm của các vị không ôm ấp tâm niệm kiêu mạn và thân không phản ứng theo lối thể hiện sự kiêu ngạo và tự ái. Khi có người nào mắng nhiếc mình, quý vị nên xem như họ đang hát tặng mình. Nếu mình chẳng mắng ai mà họ mắng mình, thì hay nhất là quý vị đừng cần hiểu những gì họ đang nói. Những lời ấy đối với quý vị chẳng có nghĩa gì cả. Như thể họ nói một thứ tiếng gì đó mà mình chẳng hiểu, như tiếng Nhật, tiếng Anh, hay tiếng Hoa, nhờ đó mà quý vị chẳng hiểu gì cả.

Khi có người thực sự mắng mình, quý vị hãy nghĩ rằng: “Ồ! Ông ta đang nói với tôi những điều tốt đẹp biết bao!” Hãy nhìn ngược lại. Nếu có người đánh mình, chỉ giả vờ như mình đụng vào tường. Giả như mình bắt cần chạy va vào tường và để lại một cục u lớn trên đầu.

Nếu quý vị quay lại và đâm vào tường rồi nói, “Tại

sao lại va vào tôi?” Quý vị chỉ kết thúc bằng bàn tay đau. Khi có người đánh quý vị, nếu mình xem đó như là va vào tường, thì mọi chuyện xem như kết thúc ngay ở đó.

Hàng tỳ-khuru phát tâm bồ-đề chân chính, nên xả bỏ thân máu thịt của mình cho những chúng sinh khác nếu họ cần sự chia xẻ của mình. Có một lần Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang trong lúc tu hành nhân địa, ngài thấy một con cọp đói, ngài hiến thân mình cho cọp đói ăn. Cọp là loài thú dữ nhất trên đời, thế nên Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong lúc đang tu hành nhân địa, ngài đã từ bỏ thân mạng mình, thí cho cọp đói.

Nếu không đem lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ tỏ ngộ của mình, khiến cho kẻ sơ học khỏi bị lầm lạc,

Hàng tỳ-khuru không rao giảng giáo lý Tiểu thừa theo cách như thế hiểu theo ý mình. Nói cách khác, nếu không nói đúng như lời Phật dạy, thì chính mình đã hiểu sai và làm mê mờ người mới học. Nếu các vị tỳ-khuru không rơi vào lỗi ấy, **Như Lai ấn chứng người ấy chân thực được tam-muội.**

Đức Phật sẽ ấn chứng cho những người như vậy. Họ chân thực chứng được tam-muội.

Kinh văn:

如我所說名為佛說。不如此說即波旬說

Như ngã sở thuyết danh vi Phật thuyết. Bất như thử thuyết tức ba-tuần thuyết.

Việt dịch:

Như lời Như Lai nói đây, tức là lời của chư Phật. Nếu không đúng như lời nói đó, tức ma ba-tuần nói.

Giảng giải:

Đây là cách thức Đức Phật giảng pháp. Mọi lời giảng khác là của ma vương.

4. DỨT TRỪ VỌNG NGŨ

Kinh văn:

阿難如是世界六道眾生，雖則身心無殺盜婬，三行已圓若大妄語。即三摩提不得清淨。成愛見魔失如來種。

A-nan như thị thế giới lục đạo chúng sanh, tuy tác thân tâm vô sát đạo dâm, tam hạnh dĩ viên, nhược đại vọng ngữ, tức tam-ma-đề bất đắc thanh tịnh, thành ái kiến ma, thất Như Lai chủng.

Việt dịch:

A-nan, chúng sinh trong thế giới lục đạo như thế, tuy thân tâm không còn sát đạo dâm, ba hạnh đều đã viên mãn, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì tam-ma-đề không được thanh tịnh, sẽ thành giống ma ái kiến, và làm mất chủng tử Như Lai.

Giải thích:

A-nan, chúng sinh trong thế giới lục đạo như thế, tuy thân tâm không còn sát đạo dâm,

Thân không phạm vào việc sát hại, trộm cắp, dâm dục. Trong tâm cũng không có niệm tưởng sát hại, trộm cắp, dâm dục.

ba hạnh đều đã viên mãn, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì tam-ma-đề không được thanh tịnh,

Đây có nghĩa là một thói quen, tập khí của họ; luôn luôn nói lời đại vọng ngữ. Do vậy, họ không được thanh tịnh. Họ sẽ thành giống ma ái kiến, và làm mất chủng tử Như Lai.

Họ sẽ trở thành ma ái, hoặc ma tà kiến. Tại sao họ làm mất chủng tử Như Lai? Vì họ nói quá sai sự thật.

Kinh văn:

所謂未得謂得，未證言證。或求世間尊勝第一，謂前人言。我今已得須陀洹果。斯陀含果阿那含果。阿羅漢道辟支佛乘。十地地前諸位菩薩。求彼禮懺貪其供養。

Sở vị vị đắc vị đắc, vị chứng ngôn chứng. Hoặc cầu thế gian tôn thắng đệ nhất, vị tiền nhơn ngôn: Ngã kim dĩ đắc Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán đạo, Bích-chi Phật thừa, Thập địa địa tiền chư vị bồ-tát. Cầu bỉ lễ sám, tham kỳ cung dưỡng.

Việt dịch:

Chưa được gọi là đã được, chưa chứng nói rằng đã chứng. Hoặc để mong cầu thế gian tôn trọng tột bậc, bảo người khác rằng: Nay tôi đã đắc quả Tu-đà-hoàn quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, được đạo A-la-hán, Bích-chi Phật thừa, hay các quả vị bồ-tát trong Thập địa hay trước Thập địa. Mong được mọi người lễ bái, tham được cúng dường.

Giảng giải:

Họ nói nổi kiêu nào? Bỏ sang một bên những lời nói dối bình thường.

Chưa được gọi là đã được, chưa chúng nói rằng đã chúng.

Họ chưa chúng đạo. Căn bản là, họ chẳng hiểu chút nào về tu đạo. Họ không biết cách niệm Phật. Họ không biết cách giữ giới, họ không biết cách ngồi thiền.

Họ làm như họ đã hiểu, nhưng họ chẳng hiểu gì cả.

Họ nghe người khác giảng giải thích vài đạo lý, và họ liền ngắt lời: “Tôi hiểu rồi. Tôi đã biết điều ấy từ lâu.” Hoặc họ nói: “Này! Tôi đã chúng đạo. Tôi là người giác ngộ. Tôi là Phật.”

Chưa chúng nói rằng đã chúng.

Họ chưa đạt được quả vị thứ nhất của A-la-hán, ít nhiều gì họ phải hiểu các quả vị đó, nhưng họ bảo, “Các ông có biết tôi là ai không? Tôi là A-la-hán.” Hoặc nói, “Tôi là Phật.” Hoặc nói, “Tôi là Bồ-tát.” Tại sao họ nói những điều này?

Hoặc để mong cầu thế gian tôn trọng tột bậc,

Đó như là gần đây có người nói với một vị đệ tử của tôi rằng: “Ông theo tông phái nào? Chúng ta nên theo phẩm trật, tôi sẽ là thủ lĩnh. Tôi là người sáng lập Phật giáo Mỹ quốc. Tôi là sơ tổ của Phật giáo Mỹ quốc.” Đó là “mong cầu thế gian tôn trọng tột bậc.”

Họ Bảo người khác rằng: Nay tôi đã đắc quả Tu-

đà-hoàn quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, được đạo A-la-hán.

Họ bắt đầu nói quanh là họ đã chứng sơ quả A-la-hán. Nhưng rồi mức độ đó không đủ cao quý, nên họ nói, “Ồ!, tôi vừa chứng quý vị thứ hai của A-la-hán.” Và một giây sau, họ lại tuyên bố họ đã chứng đến quả vị thứ tư. Tuy vậy, quả vị thứ tư cũng chỉ là A-la-hán, không phải là quả vị cao nhất, thế nên họ chưa hài lòng. Họ tuyên bố mình đạt đến **Bích-chi Phật thừa, hay các quả vị bồ-tát trong Thập địa hay trước Thập địa.**

Họ bắt đầu nói với mọi người rằng họ là Bích chi Phật, hoặc họ tuyên bố rằng mình đã đến một giai vị của Bồ-tát hạnh, hoặc thậm chí cả đến Thập địa. Tại sao những người như vậy tuyên bố rằng mình là A-la-hán, Bích chi Phật, và Bồ-tát? Chung quy là họ đang dối gạt mọi người và họ nói lời đại vọng ngữ để khiến mọi người tin vào họ. Nếu không có ai tin họ, họ sẽ không có lợi dưỡng. Ngay khi mọi người đã tin, của cải liền chảy về. Thế nên ý định của họ là **Mong được mọi người lễ bái, tham được cúng dường.**

Họ không sợ bị đọa vào địa ngục rút lưỡi. Nếu là người nói dối, sau khi chết, họ liền bị rơi vào địa ngục này, nơi đó có những lưỡi câu bằng sắt móc vào trong lưỡi họ rồi kéo ra, rồi có một lưỡi gươm cắt đứt lưỡi. Đó là quả báo của tội nói dối. Thế mà vẫn có người dám làm chuyện đó. Thậm chí chúng ta không dám nhìn qua cảnh giới này. Hãy lấy chuyện bị câm làm ví dụ. Tại sao bị câm? Vì họ

phải chịu quả báo nói dối quá mức (cường điệu). Họ được làm người, nhưng không nói được “Hãy xem bây giờ anh nói dối được chừng nào.” Đó là thông điệp.

Tại sao họ không nói được? Do họ đã bị cắt lưỡi. Dù họ có lưỡi, nhưng bản tính của nó đã bị mất, nên lưỡi ấy không có thực tính. Tại sao người ta bị mù? Là vì họ xem thường người khác. Họ luôn luôn xem chính mình là tốt hơn mọi người khác. Họ xem mình là thông minh hơn và lanh lẹ hơn trong mọi cách, thế nên đời này họ không thấy được mọi người. Bây giờ họ phải tự hỏi chính mình có thực sự tốt hơn mọi người khác nữa không? Người điếc là do bị quả báo nghe lén các cuộc bàn luận. Họ thường đặt tai vào lỗ khóa để nghe điều gì đang bàn bạc. Những gián điệp đời nay với vô số cách thức để nghe trộm người khác, để đánh cắp những bàn luận riêng tư, có thể sẽ chịu cùng quả báo như vậy và sẽ bị điếc trong một lúc nào đó ở tương lai.

Tuy nhiên, khi quý vị đã biết được đạo lý, quý vị sẽ từ bỏ việc nói dối, mình sẽ không bị câm. Nếu quý vị không nghe lén người khác bàn luận, quý vị sẽ không bị điếc. Bị câm, bị gù lưng, và bị mù đều là quả báo do báng bổ Tam bảo.

Kinh văn:

是一顛迦銷滅佛種。如人以刀斷多羅木。佛記是人永殞善根，無復知見，沈三苦海，不成三昧。

Thị nhất-điên-ca tiêu diệt Phật chủng. Như nhơn dĩ đao đoạn đa-la-mộc. Phật ký thị nhơn vĩnh viễn thiện căn, vô phục tri kiến. Trầm tam khổ hải bất thành tam muội.

Việt dịch:

Những kẻ nhất-điên-ca ấy tự tiêu diệt chủng tử Phật. Như người dùng dao chặt cây đa-la. Phật ấn ký người ấy mất hẳn thiện căn, không còn chánh tri kiến, chìm đắm trong ba bể khổ, không thành tựu được pháp tam-muội.

Giảng giải:

Những kẻ nhất-điên-ca ấy tự tiêu diệt chủng tử Phật.

Những người nói lời đại vọng ngữ, chưa chứng nói mình đã chứng, chưa được nói mình đã được, và chưa hiểu nói mình đã hiểu—những người như vậy gọi là *nhất-xiển-đề*, có nghĩa là ‘người đoạn thiện căn.’ Nếu quý vị cắt đứt thiện căn mình, có nghĩa là các căn xấu ác sẽ chất chồng. Những người nói lời đại vọng ngữ và dối gạt người khác trên thế gian sẽ huỷ hoại chủng tử Phật trong chính họ

Như người dùng dao chặt cây đa-la.

Cây đa-la,¹ trồng ở Ấn Độ, mọc ở vùng đất cao, nhưng nếu chặt đứt ngọn thì nó không mọc được nữa.

¹ S: tāla: Hán dịch: Đa-la thọ 多羅樹。Còn gọi Ngạn thọ 岸樹, Cao tủng thọ 高疎樹。

Những người đoạn trừ chủng tử Phật tương tự như chặt đứt ngọn cây đa-la, sẽ không bao giờ chủng tử Phật có lại được nữa.

Phật ấn ký người ấy mất hẳn thiện căn, không còn chánh tri kiến.

Thọ ký của Đức Phật về hạng người này là họ huỷ hoại thiện căn và trở thành bị tước mất mọi điều hay biết hoặc tri kiến.

Chìm đắm trong ba bể khổ, không thành tựu được pháp tam-muội.

Ba biển khổ nói ở đây là:

1. Khổ đao kiếm (Kiếm đồ): Chỉ cho địa ngục đao sơn.
2. Khổ máu huyết (Huyết đồ): Chỉ cho địa ngục máu huyết, nơi toàn thân người bị hành cho chảy máu thường xuyên.
3. Khổ nạn lửa (Hoả đồ): Chỉ cho địa ngục hoả thiêu.

Những người này sẽ bị đọa vào ba địa ngục khủng khiếp này.

Kinh văn:

我滅度後勅諸菩薩及阿羅漢。應身
生彼末法之中。作種種形度諸輪轉。

Ngã diệt độ hậu, sắc chư Bồ-tát cập A-la-hán, ứng thân sanh bỉ mạt pháp chi trung. Tác chủng chủng hình độ chư luân chuyển.

Việt dịch:

Sau khi Như Lai diệt độ, dạy hàng A-la-hán và Bồ-tát hãy ứng thân sinh trong đời mạt pháp, hiện ra nhiều hình tướng khác nhau để độ những chúng sinh còn trong vòng luân hồi.

Giảng giải:

Sau khi Như Lai diệt độ, dạy hàng A-la-hán và Bồ-tát hãy ứng thân sinh trong đời mạt pháp.

Các vị nên dùng báo thân và hóa thân sinh ra nơi thế gian này, nơi có nhiều khổ nạn. Trong thời mạt pháp, các vị phải dùng nhiều thân tướng, hiện ra trong vô số cảnh giới—có thể là loài người, có thể là súc sinh, hoặc có thể là trong một cách thức nào đó. Họ sẽ tùy thuận chúng sinh để độ những chúng sinh còn trong vòng luân hồi.

Họ sẽ cứu độ rộng rãi các chúng sinh. Các vị Bồ-tát sẽ trở lại thọ thân súc sinh. Quý vị đừng nghĩ rằng nói như vậy là không cung kính, vì các ngài thực sự làm điều đó. Trong các hạnh Bồ-tát, các ngài sẽ đến để hóa độ hàng súc sinh, như khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong đời quá khứ đã làm thân Lộc vương để cứu độ đàn nai.

Kinh văn:

或作沙門白衣居士，人王宰官，童男童女。如是乃至婬女寡婦姦偷屠販。與其同事稱歎¹佛乘。令其身心入三摩地。

¹ Bản Taishō chép 歎. Bản đời Tống, Nguyên, Minh chép 讚.

Hoặc tác sa-môn bạch y cư sĩ, nhân vương tế quan đồng nam đồng nữ. Như thị nãi chí dâm nữ quả phụ, gian thâu đồ phán. Dĩ kỳ đồng sự xung tán Phật thừa. linh kỳ thân tâm nhập tam-ma-địa.

Việt dịch:

Hoặc làm sa-môn, cư sĩ bạch y, vua chúa, quan lại, đồng nam đồng nữ. Như vậy cho đến làm dâm nữ, làm người quả phụ, người gian dối, trộm cắp, người hàng thịt, kẻ buôn bán. Để cùng với họ đồng sự, xung tán Phật thừa, khiến cho thân tâm họ nhập vào tam-ma-địa,

Giải thích:

Các vị Bồ-tát và A-la-hán này dùng hóa thân mình để thành các vị sa-môn, là người đã xuất gia, hoặc đã thọ giới cụ túc, hoặc thọ giới sa-di. Hoặc các vị hóa thành cư sĩ bạch y. Cư sĩ không sống đời từ bỏ gia đình, và ở Ấn Độ họ được gọi là ‘hàng bạch y.’ Họ hộ trì tam bảo. Đây là do vì hàng xuất gia

Không cày cuốc, nhưng vẫn phải ăn

Không dệt vải, nhưng vẫn phải mặc.

Thế nên cần phải có hàng cư sĩ tại gia cúng dường,

Hoặc có vị Bồ-tát hóa thành vua chúa trong cõi người, hoặc là **quan lại**, Hoặc các ngài hóa thành **đồng nam đồng nữ**. Như vậy cho đến làm dâm nữ, làm người quả phụ. Thậm chí các ngài có thể hóa thành người gian dối, trộm cắp, người hàng thịt, kẻ buôn bán.

Ngay cả họ có thể hóa ra kẻ trộm đạo, kẻ đồ tể, hoặc giới buôn bán những thứ như ma túy. Các vị Bồ-tát và A-la-hán **cùng với họ đồng sự,**

Tại sao các ngài lại hóa thành các hạng người như vậy? Là vì các ngài muốn chuyển hóa những hạng người này. Để làm được việc đó, các ngài phải dùng Tứ nhiếp pháp.

1. Bố thí
2. Ái ngữ
3. Lợi hành
4. Đồng sự.

Trước hết các ngài nhiếp phục chúng sinh bằng bố thí. Có ba dạng bố thí:

1. Tài thí
2. Pháp thí
3. Vô úy thí.

Nếu mình có tiền, thì cho tiền. Nếu biết giáo pháp, thì giảng pháp cho họ nghe. Nếu có người sợ hãi, bối rối, thì mình an ủi và giúp đỡ cho họ, qua đó khiến cho họ hết sợ, đó là bố thí sự không sợ hãi. Nhưng để thực hiện những phương pháp này, mình phải không được tham cầu và mong được đáp trả. Quý vị không nên suy nghĩ, “A! Nay mình bố thí theo cách này, trong tương lai mình sẽ được nhiều điều tốt đẹp.” Hãy làm và quên đi. Hãy buông bỏ. Thế mới gọi là “Tam luân thể không.”¹

¹ Tam luân không tịch.

Ba phương diện đó là: người bố thí, vật phẩm đem bố thí và người nhận. Quý vị nên thực hành việc bố thí với phong thái đó là một việc mình nên làm, hơn là việc tích lũy các thứ công đức.

Bố thí pháp cũng như vậy. Khi quý vị giảng pháp cho người nghe, quý vị đừng nên nghĩ rằng, “Công đức giảng pháp của tôi lớn vô cùng, quý vị nên cúng dường cho tôi.”

Bố thí sự không sợ hãi cũng như vậy. Khi bố thí, quý vị không nên tính toán có bao nhiêu lợi lạc mà mình có được từ việc ấy. Cũng không nên có ý định bố thí khi thấy rằng sẽ có sự lợi lạc cho mình, trong khi đó, từ chối việc bố thí khi thấy mình chẳng được lợi lạc.

Thứ hai là nhiếp phục họ bằng ái ngữ. Chẳng hạn, Đức Phật nói với A-nan, “Thiện tai! Thiện tai!” Và bằng cách đó, các vị Bồ-tát khen ngợi các chúng sinh, nói rằng, “Con thực là một chú bé ngoan. Con thật là thông minh. Con rất có thiện căn.”

Thứ ba, các ngài nhiếp phục chúng sinh bằng lợi hành, có nghĩa là làm mọi việc để giúp ích cho người khác.

Thứ tư, các ngài nhiếp phục chúng sinh qua việc đồng sự. Có nghĩa là bất cứ họ làm việc gì, các ngài cũng làm với họ. Có khi Bồ-tát muốn cứu độ một cô gái điếm vốn có thiện căn đã đến lúc chín muồi, như con gái của Ma-đăng-già đề cập trong kinh này là một ví dụ.

Con gái của Ma-đăng-già là gái điếm, nhưng thời của cô đã đúng lúc, khi A-nan trở về Kỳ-viên tịnh xá, cô đi theo. Ngay sau khi nghe Đức Phật giảng pháp, cô ta chứng quả vị thứ ba của hàng A-la-hán. Sau cùng cô ta chứng quả thứ tư A-la-hán. Và cô ta là cô gái điếm đầu tiên chứng quả.

Thế nên để cứu độ các cô gái điếm, các vị Bồ-tát có thể hóa thân thành gái điếm, vì nếu họ tham dự vào cùng nghề nghiệp và thân thiện, những gì họ nói đều được tin tưởng bởi những người mà các ngài muốn cứu độ. Chẳng hạn, một sinh viên đại học có thể nói rằng, “Tôi tin Phật pháp, thật là vi diệu. Tôi sẽ tham cứu kinh này, kinh này ngay bây giờ.” Vị sinh viên kia sẽ nói: “Tôi cũng muốn đi. Tôi cũng muốn tìm hiểu kinh ấy.” Thế là họ cùng nhau đi nghiên cứu Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Đó cũng như vậy.

Do vậy quý vị sẽ không thể nào hiểu được ai là Bồ-tát, ai là A-la-hán. Nhưng nếu quý vị là một trong các vị đó, thì đừng nói cho ai biết. Quý vị đừng có đi quanh ròi rao lên rằng, “Tôi là Bồ-tát. Các ông nên lắng nghe những gì tôi nói.” Tại sao quý vị không được làm như vậy? Vì Đức Phật cấm không được làm điều đó. Thế nên các vị Bồ-tát và A-la-hán cùng làm những việc như mọi người đang làm, nhưng khi làm việc đó, thì các ngài **xung tán Phật thừa, khiến cho thân tâm họ nhập vào tam-ma-địa.**

Họ có thể đắm mình vào trong cùng một công việc

với người khác, nhưng để giảng nói Phật pháp vào mọi lúc thích hợp. “Phật pháp rất hay! Không có gì sánh bằng.” Và với cách này, họ sẽ khiến cho người nghe bị lôi cuốn, như thể họ đang ăn một cây kẹo.

Điều đó nhắc tôi nhớ một câu chuyện trong Ngũ lục. Thời xưa ở Trung Hoa, vào đời Đường có một vị tăng pháp danh là Đỗ Thuận.¹ Ngài thường giảng kinh và thuyết pháp, và ngài còn dạy tham thiền. Có khi ngài lại dạy mọi người niệm Phật. Ngài dùng mọi phương pháp để giáo hóa mọi người. Ngài có một đệ tử đã xuất gia theo học với ngài hơn 10 năm. Thường ngày, chú đệ tử rất để tâm đến công hạnh của thầy mình. Chú cố gắng hiểu xem thầy mình là ai, có nghĩa là, thầy là Bồ-tát, là A-la-hán, hay có khi là Phật? Cuối cùng, sau 10 năm, chú đi đến kết luận rằng thầy mình, Pháp sư Đỗ Thuận, là một người bình thường, chẳng có điều gì khác lạ nơi thầy mình cả. Thầy ăn cũng như mọi người khác ăn. Thầy mặc cũng như mọi người đều mặc. Thầy ngủ cũng như mọi người ngủ. Thầy không có điều gì khác

¹ 杜順; c: Tu Hsun (557-640): Sơ tổ Hoa Nghiêm tông Trung Hoa. Hiệu Pháp Thuận. Ngài trụ ở núi Chung Nam, tuyên dương giáo lý kinh Hoa Nghiêm. Đường thời vua Đường Thái Tông nghe danh tiếng đạo hạnh của ngài, có mời vào cung thuyết pháp. Ngài còn dạy mọi người niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Ngài còn soạn *Ngũ hồi văn* tán dương pháp tu Tịnh độ. Người đời tôn xưng ngài là Hoá thân Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Đôn Hoàng. Ngài thị tịch tại chùa Nghĩa Thiện, Nam Giao. Ngài Trí Nghiễm là đệ tử nổi pháp.

hơn mọi người. Thế nên chú đệ tử dứt khoát thầy mình không phải là Phật hay là Bồ-tát hay là A-la-hán. Do vậy, nên chú đến bên thầy vái tạ, xin rời khỏi thầy.

Ý định của chú là gì?

Chú định lên núi Ngũ Đài Sơn để đánh lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Chú có ý định tìm cầu trí huệ nơi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi với hy vọng được giác ngộ. Chú thưa:

“Bạch thầy, con đã ở với thầy hơn 10 năm, và con chẳng thấy mình học được điều gì. Con không hiểu điều gì cả, con thật là ngu đần, và con quyết định đi lễ bái Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi với hy vọng rằng con sẽ có được trí huệ.”

“Được rồi!” Thầy nói, “Con muốn triều bái Ngũ Đài Sơn, thì hãy đi. Thầy có hai phong thư, trên đường đi nhờ con trao giúp. Một cái trao cho cô Thanh Lương và một trao cho Trư Lão Mẫu.”

Khi chú đệ tử đến nơi địa chỉ được ghi trên phong bì là Cô Thanh Lương, cô ta đã trở thành một cô gái điếm. Chú đệ tử quá đỗi ngạc nhiên, “Cớ gì mà thầy mình viết thư cho một cô gái điếm?” Chú tự hỏi, “Hay cô ta là người yêu của thầy, và thầy nhờ mình làm người môi giới?”

Nhưng chú trao thư, rồi nói, “Thầy tôi, Đỗ Thuận, có gửi thư cho cô.”

Cô Thanh Lương nhận thư đọc rồi ngồi xuống, nói, “Tốt! Ông ấy đi. Ta cũng sẽ đi.”

Rồi cô chết ngay trên chỗ ngồi. Cô ta đã nhập niết-bàn. Chú đệ tử thấy toàn bộ sự kiện quá lạ, và chú cầm bức thư lên đọc. Chú mới biết Cô Thanh Lương thực ra là Bồ-tát Quán Thế Âm, vì lá thư viết rằng, “Quán Thế Âm, tôi đã xong việc ở đây và sẽ ra đi. Ngài nên đi với tôi.”

Chú đệ tử thở dài tiếc nuối, “Nếu mình biết đó là Bồ-tát Quán Thế Âm, mình sẽ quỳ xuống trước ngài, ta sẽ không đứng dậy cho đến khi ngài nhập niết-bàn, thế là ta có thể có được trí huệ giác ngộ. Sẽ hay biết bao. Nhưng nay ta đã bỏ mất cơ hội.”

Điều ấy thật đúng với ý nghĩa của câu:

Trước mặt ngài

Vẫn không nhận ra ngài là Quán Thế Âm

Chú ta cầm phong thư kia và nhắm hướng chỗ ở của Trư Lão Mẫu mà đến

Nhưng khi chú đến địa chỉ trong thư, không ai biết về người này. Nhưng khi chú đi ngang qua một chuồng heo, một con lợn nái già hỏi chú. “Chú tìm Trư Lão Mẫu có việc gì?”

Chú đệ tử ngạc nhiên và không biết mình đang gặp thứ quái vật nào. Chú vội vàng trả lời. “Thầy tôi bảo tôi trao một bức thư cho Trư Lão Mẫu.”

Con lợn nái già nói, “Ồ! Tốt. Ta là Trư Lão Mẫu đây. Chú có thể đưa thư cho ta.”

Con lợn nái già nhận thư và xem. Thật khó hiểu làm sao bà ta có thể biết được trong thư nói gì. Tuy nhiên, khi xem xong, bà ta ngồi xuống và nói, “Ồ!, Việc của ông ấy đã xong. Ta cũng sẽ đi.” Và bà ta chết.

Khi chú đệ tử xem thư, biết bà ta chính là hóa thân của Bồ-tát Phổ Hiền. “Có lẽ nào Bồ-tát Phổ Hiền đúng thực là con heo kia?” Chú vẫn còn vướng mắc những nỗi nghi ngờ. Chú chẳng quan tâm đến công việc gì mà thầy chú đã làm xong như lời trong thư.

Chú lên núi Ngũ Đài Sơn. Ở đó, chú gặp một lão tăng rất già, ông ta hỏi chú, “Chú đến đây làm gì?”

“Tôi đến để lễ bái Bồ-tát Đại trí Văn-thù-sư-lợi và mong được trí huệ giác ngộ.”

“Cái chú này!” Lão tăng nói, “Chú lên đây để lễ bái Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nhưng lễ bái thầy chú còn tốt hơn gấp ngàn lần.”

Chú đệ tử hỏi, “Tại sao?”

“Thầy chú, Hoà thượng Đỗ Thuận, chính là Đức Phật A-di-đà tái thế. Ngài thị hiện ở cõi nhân gian để giáo hóa chúng sinh. Chú đã là đệ tử của ngài hơn 10 năm. Sao chú không nhận ra được điều đó?”

“Ồ! Thầy tôi là Đức Phật A-di-đà!” Chú đệ tử nói, “Trông thầy chẳng giống Đức Phật tí nào!”

Khi chú nhìn lại, lão tăng đã biến mất.

Rồi chú thấy một bức thư ngắn bảo rằng: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo chú hãy quay trở về tức khắc với

thầy mình là Hoà thượng Đỗ Thuận, ngài chính là Đức Phật A-di-đà.”

Sau cùng, chú đệ tử tin vào điều đó. Chú đã gặp được Bồ-tát Văn-thù-sur-lợi bằng xương thịt, và ngài bảo chú hãy quay trở về với thầy mình.

Chú vội vã quay trở lại, Hoà thượng Đỗ Thuận đã viên tịch hôm qua. Một lần nữa, chú bỏ mất cơ hội. Chú đã là đệ tử của Đức Phật A-di-đà hằng 10 năm mà không nhận biết điều ấy.

Chú bỏ mất những điều trong tầm tay để tìm kiếm những gì quá xa xôi, chỉ tìm thấy được một điều là nên quay trở về với thầy mình. Bây giờ còn ai để gặp nữa?

Kinh văn:

終不自言我真菩薩真阿羅漢。泄¹佛密因輕言未學。

Chung bất tự ngôn ngã chơn bồ-tát, chơn A-la-hán. Tiết Phật mật nhân khinh ngôn vị học.

Việt dịch:

Rốt ráo không tự bảo mình thật là Bồ-tát, là A-la-hán. Khinh xuất nói với người chưa học, tiết lậu mật nhân của Phật.

Giải thích:

Họ có thể là Bồ-tát, là A-la-hán, là chư Phật đã thị hiện nơi thế gian này. Nhưng dù chính đó là Đức Phật

¹ Bản Taishō chép 泄 (tiết). Bản đời Tống, Nguyên, Minh chép 洩.

Thích-ca Mâu-ni hay Đức Phật A-di-đà, Đức Phật Dược sư Tiêu tai Diên thọ, hay Đức Phật Bảo Sanh, Đức Phật Thành Tựu, hoặc là các Đức Phật, Bồ-tát, A-la-hán nào khác, họ cũng không bao giờ nói “Ta thực sự là Bồ-tát. Đúng thực như vậy, các ông nên tin vào tôi. Tôi thực sự là một vị Bồ-tát.” Không thể nói như vậy. Nếu họ tự xưng **minh thật là Bồ-tát, là A-la-hán.** “Các ông có nhận ra tôi là ai không? Tôi là A-la-hán.” Thì quý vị sẽ biết ngay họ là thành viên quyến thuộc của ma vương. Nếu có người khen ngợi quý vị bằng cách nói rằng quý vị là Bồ-tát, là A-la-hán, thì quý vị đừng thừa nhận điều ấy cho dù quý vị đúng thực là như vậy. Quý vị đừng nên

Khinh xuất nói với người chưa học, tiết lộ mật nhân của Phật.

Quý vị không nên tiết lộ mật nhân của chư Phật. Quý vị không chỉ khinh suất tiết lộ gốc tích của mình. Thế khi nào là có thể thừa nhận được? Quý vị chỉ có thể tiết lộ khi mình sắp chết. Đừng tiết lộ trước khi mình ra đi.

Khi tiết lộ, thì đừng nên lưu lại.

Khi còn ở lại, đừng nên tiết lộ.

Ngay khi quý vị tiết lộ tông tích mình, chẳng hạn, mình là hóa thân của Bồ-tát đó, thì quý vị phải lìa bỏ sự hiện hữu đời này ngay tức thì. Miễn khi lời nói chưa phát ra, thì quý vị có thể lưu lại cõi đời, nhưng khi đã nói ra rồi, thì quý vị sẽ gặp rắc rối đầy mình nếu không chịu rời xa.

Kinh văn:

唯除命終，陰有遺付。云何是人惑亂
眾生成大妄語。

*Duy trừ mạng chung, âm hữu di phó. Vân hà thị
nhân hoặc loạn chúng sanh thành đại vọng ngữ?*

Việt dịch:

Chỉ trừ khi đến lúc lâm chung, âm thầm có lời
di chúc. Tại sao những người ấy lừa gạt chúng sinh,
thành tội đại vọng ngữ.

Giải thích:

Chỉ trừ khi đến lúc lâm chung, âm thầm có
lời di chúc. Tại sao những người ấy lừa gạt chúng
sinh, Nếu quý vị là một bậc thánh, thì lúc đến cuối
đời, quý vị có thể nói với mọi người điều ấy. Nhưng
từ đây đến lúc đó, quý vị không thể nói cho ai biết cả.
Đến lúc đó, quý vị có thể tiết lộ cho những người gần
gũi nhất của mình, có thể là một hai vị đệ tử nhập thất
của mình.

Những người làm những việc ngược lại, chỉ dối
gạt và làm mê mờ chúng sinh bằng cách tạo nên tội đại
vọng ngữ.

Nếu quý vị chưa đắc đạo, mà nói rằng mình đã
được, nếu quý vị chưa chứng quả, mà nói rằng mình đã
chứng, đó là quý vị đã nói lời đại vọng ngữ.

Vào đời Thanh ở Trung Hoa, có vị cao tăng là Pháp

sư Ân Quang¹. Ngài là người Giang Tây.

Sau khi xuất gia, ngài chiêm bái Phổ-đà Sơn, đạo tràng của Bồ-tát Quán Thế Âm. Ngài nhập thất ở núi đó. Ngài tự ẩn mình trong một căn phòng nhỏ và đọc Đại tạng kinh. Nếu ngày nào cũng đọc, phải cần đến ba năm mới đọc hết Tạng này. Ngài đã đọc đi đọc lại nhiều lần Tạng kinh này suốt 18 năm. Suốt những năm đó, ngài không xuống núi. Cuối cùng, một nhóm Phật tử ở Thượng Hải thỉnh ngài giảng kinh A-di-đà. Ngài đồng ý, nhưng chẳng có nhiều người đến nghe kinh, có lẽ do họ không hiểu được phương ngữ Thượng hải của ngài. Nhưng trong số đó có một cô học sinh trung học từ Thượng Hải có một giấc mơ bảo cô hãy đến nghe giảng kinh. Trong mộng báo rằng, “Cô nên đến đạo tràng cư sĩ đó..., để nghe kinh A-di-đà do Bồ-tát Đại Thế Chí giảng.”

Hôm sau, cô học sinh đọc báo thấy có đăng tin Pháp sư Ân Quang đang giảng Kinh A-di-đà tại đạo tràng đó. Cô tự hỏi:

¹ 印光 c: Yin Kuang (1861-1940): Tổ thứ 13 của Tịnh độ tông. Quê ở Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây. Họ Triệu, tên Thánh Lượng, biệt hiệu là Thường Tâm Quý tăng. Thuở nhỏ theo Nho học, từng bài bác Phật giáo, bị bệnh loà mắt. Nhân đó tỉnh ngộ, quy y Phật. Năm 21 tuổi, xuất gia với ngài Đạo Thuận ở Chung Nam Sơn. Suốt đời hoàng dương pháp môn Tịnh độ. Ngài luôn luôn giữ đúng 3 nguyên tắc: Không giữ chức trú trì, không thu nhận đồ cúng, không lên ngôi toà cao. Ngài thị tịch năm 1940 tại Linh Nham Sơn.

“Tại sao trong giấc mơ báo rằng Pháp sư Ấn Quang là Bồ-tát Đại Thế Chí?”

Đêm đó, cô tham dự pháp hội, sau khi mọi người ra về hết, cô kể lại giấc mơ của mình cho Pháp sư Ấn Quang nghe. Khi cô ta kết luận rằng ngài chính là Bồ-tát Đại Thế Chí, Pháp sư Ấn Quang không hài lòng, nhắc nhở cô, “Cô không được đem nói cho mọi người chuyện vô nghĩa này!” Thế nên cô không kể cho ai nghe chuyện giấc mơ. Nhưng cô xin quy y với Pháp sư Ấn Quang. Ba năm sau, Pháp sư Ấn Quang nhập diệt, chỉ đến lúc đó cô mới kể về giấc mơ của mình. Mọi người đều bực tức vì cô đã không nói chuyện này sớm hơn, để họ có thể thỉnh pháp được nhiều hơn ở Pháp sư. Nhưng cô cho họ biết rằng chính Pháp sư đã cấm không cho cô được tiết lộ. Từ sự kiện này, rõ ràng Pháp sư Ấn Quang là hóa thân của Bồ-tát Đại Thế Chí. Khi làm lễ trà tỳ, có rất nhiều xá-lợi (śarira)

Thế nên, khi sắp mạng chung, một số tung tích mới được tiết lộ. Tuy vậy, cũng không được nói một cách khoa trương về chuyện này. Như trong trường hợp trên, có thể là trong giấc mơ, có một ít chỉ dẫn được đưa ra. Nhưng quý vị không nên nói lộ liễu như, “Tôi là Bồ-tát Đại Thế Chí.” Đó là cách thức không nên làm.

Người thời nay thường đi quanh tự tuyên bố rằng mình là Phật. Điều này trái ngược hoàn toàn với giáo lý trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Tất nhiên mọi người đều là Phật, nhưng quý vị phải tu mới thành Phật. Nếu quý

vị không tu, quý vị chẳng khác gì hơn một con ngựa, con bò, con heo, con cừu, con gà. Quý vị hầu như sẽ trở thành quỷ đói, hay đọa trong địa ngục; chẳng có gì chắc chắn.

Kinh văn:

汝教世人修三摩地，後復斷除諸大妄語。是名如來先佛世尊。第四決定清淨明誨。

Nhữ giáo thế nhân tu tam-ma-địa, hậu phục đoạn trừ chư đại vọng ngữ. Thị danh Như Lai Tiên Phật Thế Tôn đệ tứ quyết định thanh tịnh minh hối.

Việt dịch:

Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, sau rốt phải đoạn trừ nói lời đại vọng ngữ. Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ tư của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

Giải thích:

“A-nan, ông có nghe điều này không? Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, sau rốt phải đoạn trừ nói lời đại vọng ngữ.

“Đây có nghĩa là mọi lời nói phóng đại khoa trương. Dù vì thiện ý, cũng đừng nói, “Tôi đã giác ngộ.” Hoặc là “Tôi đã chứng quả,” hoặc là “Tôi là Bồ-tát.” Hoặc là “Tôi là A-la-hán.” Điều đó quá rẻ tiền.

Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ tư của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

Đừng dạy mọi người nói dối và tuyên bố khoa trương. Lời dạy này là của chư Phật trong hiện đời và chư Phật trong quá khứ.

Kinh văn:

是故阿難若不斷其大妄語者。如刻人糞為栴檀形，欲求香氣。無有是處。

Thị cô A-nan, nhược bất đoạn kỳ đại vọng ngữ giả, như khắc nhơn phân vi chiên đàn hình, dục cầu hương khí, vô hữu thị xứ.

Việt dịch:

Thế nên A-nan, nếu không đoạn trừ lời đại vọng ngữ, như khắc phân người làm hình cây chiên đàn, mà muốn được hương thơm. Thật không có chuyện đó.

Giải thích:

Như Lai sẽ đưa ra ví dụ, Thế nên A-nan, nếu không đoạn trừ lời đại vọng ngữ, như khắc phân người làm hình cây chiên đàn, mà muốn được hương thơm.

Những người muốn được trở nên thanh tịnh mà không dứt trừ lời đại vọng ngữ thì cũng giống như người cố gắng tìm cách khắc hình cây chiên đàn hương từ phân người. **Thật không có chuyện đó.**

Anh ta sẽ không bao giờ khiến cho phân người có được mùi hương thơm như cây chiên đàn. Điều này có nghĩa là nếu quý vị nói lời đại vọng ngữ, giống như là quý vị có mùi rất thối. Nếu quý vị tu tập thiền định, nỗ lực thành Phật, mà vẫn tiếp tục nói dối, thì quý vị

cũng giống như một cục phân. Vì người nói dối mà mong thành Phật thì cũng giống như cố gắng làm cho cục phân trở nên có mùi thơm của tượng Phật. Điều ấy không hợp lý.

Kinh văn:

我教比丘直心道場。於四威儀一切行中尚無虛假。云何自稱得上人法。

Ngã giáo tỷ-khuru trực tâm đạo tràng. Ư tứ oai nghi nhất thiết hạnh trung, thượng vô hư giả. Vân hà tự xưng đắc thượng nhơn pháp?

Việt dịch:

Như Lai dạy hàng tỷ-khuru, lấy trực tâm làm đạo tràng. Trong các hành xử từ bốn uy nghi, còn không được hư dối. Làm sao có kẻ tự xưng là đã được pháp thượng nhân?

Giảng giải:

Như Lai dạy hàng tỷ-khuru, lấy trực tâm làm đạo tràng.

Tỷ-khuru đề cập ở đây gồm cả tứ chúng. Đến đây, quý vị không thể nói rằng, “Tôi là cư sĩ, thế nên Đức Phật không nói đến tôi.”

Quý vị phải ngay thẳng khi nói và nghĩ, Đừng có quanh co, đừng dối trá. Không có trực tâm cũng như cố gắng làm thành hương chiên đàn từ phần ứ.

Như Lai dạy họ phải nên **Trong các hành xử từ bốn uy nghi, còn không được hư dối.**

Những oai nghi này đã được trình bày chi tiết từ trước. Mỗi tư thế đi đứng, nằm, ngồi đều có 250 oai nghi. Quý vị nên luôn luôn thực hành thật chân chính, thực sự tu tập trong đó.

Làm sao có kẻ tự xưng là đã được pháp thượng nhân?

Tại sao mình lại tự tuyên bố đã chứng được quả vị Bồ-tát hay A-la-hán? Không nên nói như vậy. Trước quý vị nghe giảng kinh, quý vị có thể vô tình nói lên điều ấy. Nhưng nay đã nghe giảng kinh rồi, quý vị biết là mình không còn được nói rằng mình đã chứng được đến quả vị nào. Nói như vậy là nói lời đại vọng ngữ.

Quả báo của hành vi này là đọa vào địa ngục Bạt thiết. Trong đời sau, lưỡi quý vị sẽ bị móc bằng lưỡi câu sắt và kéo ra. Sau đó, quý vị sẽ không còn cơ hội để nói dối, vì trong tương lai, quý vị đã bị câm rồi.

Kinh văn:

譬如窮人妄號帝王自取誅滅。況復法王如何妄竊。因地不直¹果招紆曲。求佛菩提如噬臍人，欲誰成就？

Thí như cùng nhân vọng hiệu đế vương tự thủ tru diệt. Huống phục pháp vương, như hà vọng thiết. Nhân địa bất trực quả chiêu hu khúc. Cầu Phật bồ đề như phệ tễ nhân, dục thùy thành tựu?

¹ Bản Taishō chép 直; Bản đời Tống, Minh chép 真.

Việt dịch:

Ví như người bần cùng, tự xưng là đế vương, tự chuốc lấy sự tru diệt. Huống gì là ngôi vị pháp vương, sao dám xưng càn! Nhân đã không thật, quả ắt quanh co. Cầu đạo bồ-đề của Phật, như người muốn cắn rốn, làm sao thành tựu được?

Giảng giải:

‘Ông có biết không?’ Có người nói, ‘Tôi là vua của nước này?’

Nói như vậy, **Ví như người bần cùng, tự xưng là đế vương, tự chuốc lấy sự tru diệt.**

Vua sẽ bắt nhốt người ấy liền, và toàn bộ gia đình của người ấy cũng bị tội chết luôn. Toàn thể bạn bè và họ hàng cũng sẽ bị khép vào tội chết. Thế thì ‘vua’ đi về đâu? Tuyên bố rằng mình đã chứng quả thánh khi mình chưa chứng cũng giống như người bần cùng kia tự nói rằng mình là vua. Anh ta sẽ bị tru diệt vì tội ấy.

Và nếu mình không thể nào tùy tiện tự nói mình là vua trong phương diện thế gian,

Huống gì là ngôi vị pháp vương, sao dám xưng càn!

Sao lại dám xưng càn Phật vị?

Nhân đã không thật, quả ắt quanh co.

Trong nhân địa, khi quý vị đang tu đạo, nếu không tu hành chân chính, thì kết quả quý vị hưởng được trong tương lai sẽ cong vạy. Sẽ có rất nhiều khúc mắc. Quý vị

sẽ không thể nào thành tựu quả vị một cách thẳng tắt. Nếu quý vị tu kiêu này, phía trái qua vô số đại kiếp, mà vẫn không thành tựu được.

Câu đạo bồ-đề của Phật, như người muốn cắn rốn, làm sao thành tựu được?

Nếu quý vị tự thực hành theo kiêu này—tiếp tục đắm mình trong nói dối và khoa trương mà tìm đạo bồ-đề của chư Phật, thì quý vị giống như người tìm cách cắn cái rốn của mình.

Làm sao mà thành tựu được?

Quý vị sẽ không bao giờ cắn cái rốn mình được, vì miệng mình không thể nào đến đó được.

Kinh văn:

若諸比丘心如直絃¹, 一切真實入三摩提永無魔事。我印是人成就菩薩無上知覺。

Nhược chư tỷ-khuru tâm như trực huyền, nhất thiết chơn thật, nhập tam-ma-đề, vĩnh vô ma sự. Ngã ấn thị nhân thành tựu Bồ-tát vô thượng trí giác.

Việt dịch:

Nếu hàng tỷ-khuru, tâm thẳng như dây đàn, hành xử mọi việc chân thật, nhập vào tam-ma-đề, ắt hẳn không có ma sự. Như Lai ấn chứng cho người này, thành tựu được vô thượng trí giác của hàng Bồ-tát.

¹ Bản Taishō chép 絃; Bản đời Tống, Nguyên, Minh chép 弦.

Giảng giải:

Nếu hàng tử-khuru, và giới cư sĩ, tâm thẳng như dây đàn, hành xử mọi việc chân thật, nhập vào tam-ma-đề, ắt hẳn không có ma sự.

Tâm quý vị nên thẳng như dây đàn, đừng cong queo, như thân cây đàn. Quý vị nên chân thật trong mọi vấn đề và đừng bao giờ nói dối. Nói dối là trường hợp của:

Khởi đầu chỉ bằng một mảy lông

Sẽ kết thúc bằng ngàn dặm trong tương lai.

Nếu quý vị nói dối trong đời này, sẽ kéo sự thành tựu của quý vị lùi lại vài triệu đại kiếp trong đời sau. Hãy xem xét kỹ lưỡng và xem người nào đang bỏ mất điều đó. Nếu quý vị có thể trực tâm và chân thật, quý vị có thể nhập vào tam-ma-đề, và không có một ma sự chướng ngại nào sinh khởi.

Như Lai ấn chứng cho người này, thành tựu được vô thượng trí giác của hàng Bồ-tát.

Ai đã có tâm chân thật và ngay thẳng như dây đàn thì đều có thể trở thành Bồ-tát. Họ có thể thành tựu trí tuệ vô thượng và tuệ giác của một vị Bồ-tát.

Kinh văn:

如我是¹說名為佛說, 不如此說即波旬說

¹ Bản Taishō chép 是. Bản đời Tống, Nguyên, Minh chép 所.

Như ngã thị thuyết danh vi Phật thuyết, bất như thử thuyết tức ba-tuần thuyết.

Việt dịch:

Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.

Giảng giải:

Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói.

Nếu quý vị giải thích giống như Như Lai đã giảng giải trong kinh này, đó chính là giáo pháp của chư Phật đã giảng nói. **Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.**

Người nào không diễn bày giáo pháp này, mà còn tuyên bố những giáo lý nghịch với giáo pháp này, đó chính là lời của ma vương nói.”

Ba-tuần là chỉ cho Ma vương.



*Hết quyển 6
(Bản tiếng Hán)*

THUẬT NGŨ ĐỐI CHIẾU

Kinh Thủ-lăng-nghiêm

Quyển 6



A

ái sinh dục 愛生慾 e: Emotion flows into desire.

ái ma 愛魔 e: demons of love.

am-ma-la thức 庵磨羅識 e: amala consciousness

A-nhã Kiêu-trần-như 阿若憍陳如 s: Ājñāta-kaundinya

a-tăng-kỳ 阿僧祇 s: asaṃkhyā = 10⁴⁷

át-bồ-đàm 遏菩曇 s: arbuda

a-tì 阿鼻 s: Avīci.

B

Bảo Sanh Phật 寶生佛 e: Production of Jewels Buddha.

bạt thiết địa ngục 拔舌地獄 e: the hell of pulling out

tongues

Bạch Dương Phật 白暘佛 e: White-Yang Buddha

bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-di 白毫婉轉五須彌

e: white ray of light curls as high as five Mount

Sumerus.

bạch tịnh thức 白淨識 e: seed of purity

Bạch Phạn vương 白飯王 e: White Rice King

bán đầu thiên nhãn 半頭天眼 e: heavenly eye which

covered half my head

bản giác 本覺 e: fundamental enlightenment

bản lai diện mục 本來面目 e: original face

bảo giác chân tâm 寶覺真心 e: precious, enlightened
mind

bảo giác 寶覺 e: gem of enlightenment

bảo minh không hải 如來寶明空海 e: Thus Come
One's sea of magnificent, bright emptiness.

bảo vương sát 寶王刹 e: lands of the Jeweled Kings

Bất động Phật 不動佛 e: Buddha Unmoving

bất nhị 不二 e: non-dual

bất tịnh quán 不淨觀 e: contemplation of impurity

bát-la-tra-khur 鉢羅吒祛, thể-la-tra-khur 体羅吒祛
s: praśakhi; e: rudimentary embryo

bệnh nhặm mắt: e: eye-ailment; s: kamala

bí mật diệu nghiêm 祕密妙嚴 e: wonderful secret
teachings

biến nhất thiết tự tại 遍一切自在 e: pervading
everywhere with ease

bội giác hiệp trần 背覺合塵 e: turn our backs on
enlightenment and unite with the dust

bội trần hiệp giác 背塵合覺 e: turn their back on
defilement and unite with the enlightenment

bổn diệu giác minh 本妙覺明 e: basic miraculous

bổn sự 本事 e: former events

bổn sinh 本生 e: present lives

C

căn viên thông 𣎵: organ of entry

chứng đạo vị 證道位 𣎵: position of having been
certified to the Way

cám mục trùng thanh tứ đại hải 紺目澄清四大海 𣎵:
His violet eyes are as large as the four seas

cầm (đàn) 琴 𣎵: lutes

căn bản vô minh 根本無明 𣎵: fundamental ignorance

cần tức 勤息 𣎵: diligent and putting to rest.

cát tường 吉祥 𣎵: Lucky

cát tường ngoạ 吉祥臥 𣎵: auspicious lying-down

câu sanh ngã chấp 俱生我執 𣎵: inherent attachment to
self, innate attachment to self

câu sanh pháp chấp 俱生法執 𣎵: inherent attachment to
phenomena, Innate attachment to phenomena

chân lý cứu cánh 真理究竟 𣎵: ultimate dharmas

chân như pháp giới 真如法界 𣎵: dharma realm of true
suchness.

chân như 𣎵: 真如 true suchness

chân thật giác tánh 真寔覺性 𣎵: genuine enlightenment

chánh biên tri 正遍知 𣎵: proper and universal
knowledge

chánh định 正定 𣎵: proper concentration

chánh thọ 正受 𣎵: proper reception

- chấp thủ tướng 執取相 e: appearance of grasping
 Chí Công 誌公 c: Zhi Gong
 chiếu yêu kính 照妖鏡 e: freak-spotting mirror
 chính báo 正報 e: proper retribution
 chư ác mạc tác 諸惡莫作 e: don't do any evil.
 chú đại bi 大悲咒 e: great compassion dhāraṇi
 chúng sinh trược 眾生濁 e: turbidity of living beings
 chúng thiện phụng hành 眾善奉行 e: offer up all good
 conduct
 chuyển thức thành trí 轉識成智 e: turning the
 consciousnesses into wisdom
 chuyển tướng 轉相 e: appearance of turning
 cô khởi 孤起 e: interjected passages
 côn quý 昆季 e: brothers
 Cực lạc quốc 極樂國 e: Land of Ultimate Bliss
 cực ác 極惡 e: unwholesome mind; s: Ātyantika
 cửu tướng quán 九想觀 e: contemplating the nine
 aspects of impurity

D

- danh xưng 名稱 e: renowned
 Dạ-ma thiên 夜摩天 e: Suyāma Heaven
 Diễn-nhã-đạt-đa 演若達多 s: Yajñadatta
 Diêm La vương 閻羅王 e: King Yama
 diệt tận định 滅盡 e: samadhi of extinction
 diệt thọ tướng định 滅受想定 e: extinction of the

- skandhas of thought and feeling, samadhi
of the extinction of feeling and thought
- Diệu cao sơn 妙高山 e: Magic Mountain
- diêu động 遙動 e: perpetual rotation
- diệu dụng 妙用 e: wonderful functioning
- diệu giác minh không 妙覺明空 e: wonderful
enlightened bright emptiness
- diệu không minh giác 妙空明覺 e: wonderful empty
bright enlightenment
- diệu liên hoa 妙蓮華 e: Wonderful Lotus Flower
- diệu lực viên minh 妙力圓明 e: wonderful power and
perfect clarity
- diệu minh tâm nguyên 妙明心元 e: wonderful
brightness of the origin heart.
- diệu minh 妙明 e: wonderful light
- du tập 餘習 e: left-over habits
- Dược thượng 藥上 e: Superior Physician
- Dược tính bộ 藥性部 c: Yao Xing Pu; e: Treatise on
the Nature' of Medicines
- Dược vương 藥王 e: Physician King
- duy thức quán 唯識觀 e: consciousness-only
concentration

Đ

- Đại bi thần chú 大悲神咒 e: Great Compassion Mantra
- 42 Thủ nhãn ấn pháp 手眼印法 e: Forty-two Hands

and Eyes

đại lực quỷ 大力鬼 e: mighty ghosts

Đại Phạm thiên vương 大梵天王 e: Great Brahma
Heaven lord

đại tự tại 大自在 e: great ease

đao sơn địa ngục 刀山地獄 e: the hell of the sword

Đế-thích 帝釋 s: Śakradevānāmindra

địa hành dạ-xoa 地行夜叉 e: earth-traveling yakṣa

Đắc Đại Thế 得大勢 e: Attained Great Strength

Đại ẩm quang 大飲光 e: drinker of light

đại bi pháp 大悲法 e: dharmas of great compassion

đại do-tuần 大由巡 e: large yojana

đại nguyện vương 大願王 e: great, royal vows

Đại quy thị 大龜氏 e: great turtle clan

đại thiên thế giới 大千世界 e: a great thousands of
worlds/great world-system

đại viên cảnh trí 大圓境智 e: great, perfect mirror-
wisdom

đại y 大衣 e: great robe, perfect robe

đại bàng kim súy điều 大鵬金翅鳥 e: Garuḍa great
golden-winged Peng bird

đàn chỉ 彈指 e: finger-snap

đẳng giác 等覺 e: level of equal enlightenment

đẳng trì 等持 e: holding equally; s: samāpatti

đệ nhất nghĩa đế 第一義諦 e: primary truth

- đệ nhất nghĩa 第一義 e: primary meaning
 điên đảo 顛倒 e: upside -down
 Định Quang Phật 定光佛 e: Samadhi-Light Buddha
 định tánh Thanh văn 定性聲聞 e: fixed-nature sound-hearer
 đoan nghiêm 端嚴 e: decorous
 độc đầu ý thức 獨頭意識 e: solitary consciousness
 đời mạt pháp 末法世 e: dharma-ending age

G

- già nghiệp 遮業 e: contributing karma
 giác minh 覺明 e: light of enlightenment
 giác tràm minh tánh 覺湛明性 e: still bright nature of enlightenment
 giải bản tế 解本際 e: understanding the original limit

H

- Hoả đầu Kim cang Ô-sô-sắc-ma 火頭 金剛 烏芻 瑟摩 e:
 Fire-head Vajra Ucchushma
 hoả quang tam-muội 火光三昧 e: fire-light
 samadhi
 hương âm 香陰 e: incense skandha; s: gandharva
 huyết đồ địa ngục 血途地獄 e: the hell of bleeding
 hải ấn phát quang 海印發光 e: ocean-impression emits
 light
 hải ấn 海印 e: ocean-impression

- hằng sa giới 恒沙界 e: dust motes in the Ganges
- hành khổ 行苦 e: suffering of process
- hí luận 戲論 e: idle theories
- hiền đức 賢德 e: worthy protector; c: xiun de
- hiền kiếp 賢劫 e: worthy kalpa
- Hiền thủ 賢守 e: worthy guard; c: xian shou
- hiện tướng 現相 e: appearance of manifestation
- hộ pháp thiện thần 護法善神 e: dharma-protecting
good spirits
- hoà hiệp thô tướng 和合麤相 e: mixing and uniting of coarse
appearances
- hóa sanh 化生 e: transformation-born
- hoại khổ 壞苦 e: suffering of decay
- hoàn diệt 還滅 e: returning to extinction
- hồi muội vi không 晦昧為空 e: delusion and obscurity
make emptiness
- hồi quang phản chiếu 迴光返照 e: return their light
and illumine within
- Hồng Dương Phật 紅陽佛 e: Red-Yang Buddha
- hư không định 虛空定 e: concentration-power of emptiness
- Hư Không Tạng Bồ-tát 虛空藏菩薩 e: Treasury of
Emptiness Bodhisattva
- huệ nhãn 慧眼 e: wisdom eye
- Hương Nghiêm đồng tử 童子 e: Adorned with
Fragrance pure youth
- Hương Nghiêm: 香嚴 e: Adorned with Fragrance

huong quang trang nghiêm 香光莊嚴 e: adornment of
fragrant light

huong trần 香塵 e: sense-object of fragrance / defiling
object of smells

hữu dư niết-bàn 有餘涅槃 e: nirvana with residue

hữu lậu tập khí 有漏集氣 e: remaining habits

hữu vi tướng 有為相 e: conditioned phenomena

hoả kiếp 劫火 e: fire of the kalpa

K

kham nhẫn 堪忍 e: able to be endure; s: saha

không giác 空覺 e: emptiness of awareness

không hành dạ-xoa 空行夜叉 e: space-traveling yasha

kiến đại 見大 e: element of perception

kiến đạo vị 見道位 e: position of seeing the Way

kiến hoặc 見惑 e: eighty-eight kinds of delusion of
views

Kê viên 雞園 e: Pheasant Garden

kê danh tự tướng 繼名字相 e: appearance of assigning
names

khách trần phiền não 客塵煩惱 e: guest-dust affliction

khách trần 客塵 e: guest dust

khai sĩ 開士 e: awakened lords

khẩu đầu thiền 口頭禪 e: intellectual talk-Zen

khổ khổ 苦苦 e: suffering within suffering

khởi nghiệp tướng 起業相 e: appearance of the arisal

of karma; production of karma

không đại 空大 e: element emptiness

không Như Lai tạng 空如來藏 e: empty treasury of the

Thus Come One

Không sinh 空生 e: born into emptiness

không tịch 空寂 e: empty stillness

kiến đại 見大 e: element of perception

kiến phân 見分 e: aspect of seeing; division of seeing; seeing
division

kiến tinh 見精 e: capacity to see

kiến trược 見濁 e: turbidity of views

Kiều-phạm-bát-đề 驕梵鉢提 s: Gavāṃpati

Kiều-trần-na 驕陳那 s: Kaṇḍinya

Kim cang Lực sĩ 金剛力士 e: vajra-powerful lord

Kim cang Mật tích 密迹金剛 e: Vajra Secret Traces

Kim cang Phật 金剛佛 e: Vajra Buddha

Kim cang vương bảo giác 金剛王寶覺 e: Regal Vajra

Gem of Enlightenment

kim luân 金輪 e: pervasiveness of metal

kinh Pháp Hoa 經法華 e: Dharma Flower Sutra

Kỳ viên 祇園 e: Jeta Grove Garden

L

Lạc Dương, 洛陽 c: Loyang

lân hư trần 憐虛塵 e: mote of dust bordering on
emptiness

Lão Hoà thượng 老和尚 e: Superior-seated One; superior seated Sanghan

li mị 魑魅 c: li mei

loạn 亂 e: rebellious

Lộc dã uyển 鹿野畹 e: deer wilds park

luận nghị 論議 e: discussions

luật sư 律師 e: vinaya masters

lục căn hỗ dụng 六根互用 e: mutual functioning of the six organs

lục thân 六親 e: six kinds of close kin

lục thô 六粗 e: six coarse appearances

lục thông 六通 e: six penetrations

Lương Vũ Đế 梁武帝 e: Emperor Wu of Liang

lưu chuyển 流轉 e: arising in succession

linh vật 靈物 e: spiritual creatures

lưu chuyển môn 流轉門 e: the door of mutual arising

lưu ly 琉璃 e: lapis lazuli; s: vaidūrya

Lưu ly quang: 琉璃光 s: Vaidūrya Light

lý sự viên dung vô ngại 理事圓融無礙 e: unobstructedness

M

mạng căn 命根 e: life-force

mã não 瑪瑙 p: asama; s: aśmagarbha; e: cornelian.

Ma-kiệt-đà 磨竭陀 s: Magadha

Mãn Từ Tử 滿慈子 s: Pūrṇa-maitrāyaṇī-putra; p

Punṇa-mantāni-putta

mạng trước 命濁 e: turbidity of a lifespan.

mật hạnh đệ nhất 密行第一 e: foremost in secret practices

minh diệu 明妙 e: bright wonder

minh giác 明覺 e: brightening of the enlightenment

minh sư 明師 e: bright-eyed teacher; bright advisor

Mục-kiên-liên 目乾蓮 s: Mahamaudgalyayana

N

ngghi thần 疑神 e: questionable spirit; s: kimnara

Ngọc Hoàng 玉皇 e: Jade Emperor

Nguyệt Quang Nham 月光巖 e: Moonlight Cliff

nhập thất đệ tử 入室弟子 e: room-entering disciple

Như huyền văn huân văn tu kim cang tam-muội 如幻聞薰聞

修金剛三昧 e: vajra samadhi of all being like an illusion, as one becomes permeated with hearing and cultivates hearing

ngũ suy tướng 五衰相 e: five signs of decay

năng minh 能明 e: faculty of understanding

ngã chấp phân biệt 分別我執 e: differentiated attachment to self.

ngạnh nhục 硬肉 s: ghana, e: solid flesh

ngĩa vô ngại biện 義無礙辯 e: Unobstructed

eloquence in expressing meanings

ngiệp hệ khổ tướng 業繫苦相 e: appearance of

suffering, karmic-bound suffering

ngiệp tướng 業相 e: appearance of karma

- ngũ luân 五倫 e: five-fold method of kindness
- ngũ nhãn lục thông 五眼六通 e: five eyes and six spiritual
- ngũ trược 五濁 e: five turbidities
- ngưng hoạt 凝滑 e: slippery coagulation; s: kalala
- ngưu ti 牛司 e: cow-cud
- nguyên minh tâm diệu 元明心妙 e: fundamental brightness
- Nguyệt Quang đồng tử 月光童子 e: Pure youth
Moonlight
- nhân địa 因地 e: cause-ground
- nhân không 因空法空 e: emptiness of people
- nhạo kiến chiếu minh kim cang tam muội 樂見照明金剛三昧 e: vajra samadhi of the delightful seeing, which illumines and is bright/ vajra samadhi of delight in seeing the illuminating
- nhạo thuyết vô ngại biện 樂說無礙辯 e: unobstructed eloquence that delights in speaking
- nhập lưu 入流 e: entering the flow
- nhất chân 一真 e: one truth
- nhất chân nhất thiết chân 一真一切真 e: In one truth is all truth
- nhất chân pháp giới 一真法界 e: one true dharma realm
- Nhật Nguyệt Đăng 日月燈 e: Sun-Moon-Lamp
- Nhật Tạng 日藏 e: Sun Treasury
- nhất thừa 一乘 e: one vehicle
- nhất tinh minh 一精明 e: one pure brightness

nhất vị thanh tịnh tâm địa pháp môn 一味清淨心地法門 e:
mind-ground dharmaddoor of the purity of a single flavor
nhĩ căn viên thông 耳根圓通 e: perfect penetration of
the ear-organ

Nhiên Đăng Phật 燃燈佛 e: Burning Lamp Buddha

Như Lai 如來 e: Thus Come One

như ý châu thủ nhãn 如意珠手眼 e: hand and eye of the wish
fulfilling pearl

như ý châu 如意珠 e: wish fulfilling pearl

như ý 如意 e: according to your wish

niết-bàn tăng 涅槃僧 e: nirvana robes

niết-bàn tứ đức 涅槃四德 e: four wonderful virtues

noãn sanh 卵生 e: egg-born

Hùng Nhĩ sơn 雄耳山 e: Bear's Ear mountain

O

Oai âm vương Phật 威音王佛 e: King of Awesome
Sound Buddha

P

phan duyên 攀緣 e: climbing on conditions; s:
ālambana

pháp không 法空 e: emptiness of phenomena

Pháp Tạng tỷ-khuu 法藏比丘 e: Bhikshu Dharma Treasury

pháp thuật 法術 e: dharmic devices

pháp trần 法塵 e: mental constructs—defiling objects of

- mind / defiling objects of dharmas
- phi hành dạ-xoa 飛行夜叉 e: flying-traveling yaksha
- phù thủy e: sorcerers / exorcists
- pha lê 頗黎 e: crystal; s: sphaṭika; p: phalika
- Phạm thiên 梵天 e: Brahma gods
- phân biệt pháp chấp 分別法執 e: discriminating attachment to phenomena
- pháp chấp 法執 e: attachments to phenomena
- pháp giới 法界 e: dharma realm
- pháp hữu vi 法有為 e: conditioned dharma/ conditioned phenomena
- pháp sư 法師 e: Dharma master
- pháp vô ngại biện 法無礙辯 e: Unobstructed eloquence in speaking dharma
- pháp vương tử 法王子 e: dharma princes/disciple of the Dharma King
- phát bồ-đề tâm 發菩提心 e: brought forth the resolve for bodhi
- Phật danh thần chú 佛頂神咒 e: spiritual mantra of the Buddha
- Phật hoan hỷ nhật 佛歡喜日 e: buddha's happy day
- Phật lập tam-muội 佛立三昧 e: Standing Buddha session
- Phật nhãn 佛眼 e: buddha eye
- Phổ Quang Như Lai 普光如來 e: Universal Light Thus Come One

Phật tính 佛性 e: buddha-nature

Phật tử trụ: 佛子住 e: position of the Buddha's
disciple

phi huyền 非幻 e: non-illusion

phi sở phi tận 非所非盡 e: Nothingness and what
becomes nothingness both disappear

phi thời thực 非時食 e: eat at improper times

phiền não trước 煩惱濁 e: turbidity of afflictions

phong luân 風輪 e: pervasiveness of wind

phòng phi chỉ ác 非防止惡 e: stop evil and guard against
transgressions

phù căn 浮根 e: superficial sense-organs

Phù Tràng Vương 浮幢王刹 e: royal lands of floating
banners

Phục Hại quỷ 復害鬼 e: Repeatedly Cruel ghost

phương quảng 方廣 e: universalities

phương tiện thiện xảo 方便善巧 e: clever skill-in-
means/ wholesome clever

Q

quả địa 果地 e: ground of fruition

Quán thế âm 觀世音 e: Contemplator of the Worlds' Sounds;
s: Avalokiteśvara

quán chiếu Bát-nhã 觀照般若 e: contemplative prajñā

quán tượng niệm Phật 觀像念佛 e: Mindfulness of the
Buddha by contemplating an image

S

sắc 色 e: forms.

sắc tánh không 色性空 e: emptiness of the nature of
form

sắc trần 色塵 e: defiling objects of form/ sense-object
of form

sắc 瑟 e: flutes

sáu trần 六塵 e: six sense-objects

Siêu Nhật Nguyệt Quang 超日月光 e: Light

Surpassing the Sun and Moon

sinh tướng vô minh 生相無明 e: appearance-of-
production ignorance

sơ phát tâm 初發心 e: initial resolve

sở không cập vô 所空及無 e: that which is empty also
disappears

sở minh 所明 e: bright enlightenment/ falseness of an
object

Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai 山海自在通王
如來 e: King of Masterful

Penetrations of Mountains and Seas

sự sự viên dung vô ngại 事事圓融無礙

e: unobstructedness and perfect fusion of phenomena and
phenomena

sư tử toà 師子座 e: lion's throne

T

tam giới duy tâm 三界惟心 e: the three realms come
only from the mind

tam tế 三細 e: three subtle appearances of delusion/ three
subtle appearances

tam thiên đại thiên thế giới 三千大千世界 e: three-thousand-
great-thousand world-system

Tân Phật giáo 新佛教 e: Neo-Buddhists

giác tánh 覺性 e: enlightened nature

tập khí 集氣 e: patterns of habit

tha tâm thông 他心通 e: ability to know others'
thoughts

thai sanh 胎生 e: womb-born

tham thiền 參禪 e: investigating dhyāna

thần long 神龍 e: dragon-spirit

Thân Mục 申目 c: Shen Jih

Thần Nông 神農 Emperor Shen Neng

thần thông lực 神通力 e: spiritual penetrations

thân trung âm. 中陰身 e: intermediate *yin*-body,
intermediate existence body, intermediate-
kandha body

Thần Tú 大師神秀 e: Master Shen Xiu

thanh 聲 e: sound

thánh thừa 聖乘 e: sagely vehicle

thanh tịnh bảo vương 清淨寶王 e: Pure and precious
king

- thanh tịnh chủng tử 清淨種子 e: seed of purity
 thanh trần 聲塵 e: object of sound
 thập địa 十地 e: ten grounds
 thập hạnh 十行 e: ten practices
 thập hồi hướng 十回向 e: ten transferences
 thập nhị nhân duyên 十二因緣 e: twelve links of
 conditioned
 thập sanh 濕生 e: moisture-born
 thập tín 十信 e: ten faiths
 thập trụ 十住 e: ten dwellings
 thật tướng 寔相 e: actual appearance
 Thất-la-phiệt 室羅筏 e: City of Flourishing Virtue; s:
 Śrāvastī
 y báo thế giới 依報世界 e: world of dependent
 retribution
 Thế tôn 世尊 e: World Honored One
 thí dụ 譬諭 e: analogies
 Thiện Cát 善吉 e: good luck
 Thiện Hiện 善現 e: good appearance
 thiên nhãn thông 天眼通 e: spiritual penetration of the
 eye
 thiện phân 善分 e: well-divided time
 thiện tri thức 善知識 e: good knowing advisor/ good
 knowing one
 thiệt thức 舌識 e: tongue-consciousness
 thọ giả tướng 壽者相 e: characteristic of a lifespan

- thọ ký 受記 e: bestowal of predictions/ bestow
 thức tình 識情 e: defilement of emotion
 thực tướng Bát-nhã. 寔相般若 e: actual-appearance
 prajñā
 thực tướng niệm Phật 寔相念佛 e: Mindfulness of the
 Buddha in his actual appearance
 Thường Bất Khinh 常不輕 e: Never Slighting
 thường hành tam-muội 常行三昧 e: Continuous
 Walking Samādhi
 thượng thủ 上首 e: superior leader
 thường trú chân tâm tánh tịnh minh thể 常住真心性淨
 明體 e: pure nature and bright substance of the everlasting
 true mind
 thủy giác 始覺 e: initial enlightenment
 Tiên Phạm thiên' 仙梵天 e: former Brahma Heaven
 mantra
 tiểu do-tuần 小由巡 e: small yojana
 tiêu nha bại chủng 焦芽敗種 e: sterile seeds and
 withered
 Tiêu tai Diên thọ Dược sư Lưu ly Quang Vương Phật 消災延
 壽藥師琉璃光王佛
 e: Medicine Master Buddha Who Dispels Calamities and
 Lengthens Life
 tiểu thiên thế giới 小千世界 e: small-thousands of
 worlds
 Tịnh cư thiên 淨居天 e: Heaven of Pure Dwelling

tĩnh lự 靜慮 e: quiet consideration

tình sinh ái 情生愛 e: people's nature flows into
emotion;

tinh tú kiếp 星宿劫 s: Auspicious kalpa

Tinh tú quang 星宿光 e: Constellation Light

trần lao 塵勞 e: wearisome defilements, tiresome dust

tối hậu khai thị 最後開示 e: final instruction

tối sơ giải: 最初解 e: the very first to understand

tôn quý 尊貴 e: honored and noble

trầm thủy hương 沈水香 e: inking-in-the-water
incense; s: Agar

Tri Địa Bồ-tát 持地菩薩 e: Maintaining the Ground

trí tướng 智相 e: appearance of knowledge.

trung đạo 中道 e: middle way

trung do-tuần 中由巡 e: middle-sized yojana

trung thần 中臣 e: loyal ministers

trung thiên thế giới 中千世界 e: a middle-thousands of
world-systems

trùng tụng. 重誦 e: repetitive verses

trường hàng. 長行 e: prose

truyền tông thức 傳送識 e: transmitting consciousness

Tử Kim Quang tỷ-khuru ni 紫金光比丘尼 e: Purple-golden
Light Bhikshuni

tự nhiên 本然自然 e: spontaneity

tứ sanh 四生 e: four kinds of birth

tự tại 自在 e: comfortable

- Từ thị 慈氏 e: compassionate clan; s: Maitreya
 tự thuyết 自說 e: unrequested dharma;
 tứ trần 四塵 e: four defiling objects
 từ vô ngại biện 辭無礙辯 e: unobstructed eloquence in
 using phrasing
 túc mạng thông 足命通 e: ability to perceive past lives
 tức thiện thả cát 即善且吉 e: both good and lucky
 Tu-đà-hoàn 修陀桓 s: śrotāpaṇa
 Tu-di sơn 須彌山 e: Mount Sumeru
 tương hợp 相合 e: compatible
 tướng phần 相分 e: aspect of appearance/ division of
 appearances/appearance division
 tướng sư 相師 e: prognosticator
 tương tức tương nhập 相即相入 e: interpenetrating
 tương tục tướng 相俗相 e: appearance of continuation,
 mark
 tùy duyên 隨緣 e: according with conditions
 tỳ bà 琵琶 e: ballon guitars
 tà thuật 邪術 e: deviant device
 tam luân thể không 三輪體空 e: the substance of the three
 aspects is empty
 tầm tư 尋思 e: discursive thought/contemplative
 consideration
 tham thiên 參禪 e: investigating a Chan topic
 thanh trần 聲塵 e: defiling object of sounds
 Thành Tựu Phật 成就佛 e: Accomplishment Buddha

Thiên chủ 天主 e: Heavenly Lord

thiện tri thức 善知識 s: kalyāṇa-mitra; e: good

knowing advisors

thủ ấn 手印 e: seal-hand; s: mudrā

thừa cấp, giới hoãn 乘急戒緩 e: quick with the vehicle

but slow about the precepts

thủy quán tam-muội 水觀三昧 e: water-contemplation samādhi

Tôn-đà-la Nan-đà 孫陀羅難陀 s: Sundarananda

trần cảnh 塵境 e: defiling appearances

trí huệ siêu việt 智慧超越 e: transcendental wisdom

trung âm thân 中陰身 e: temporary state

Tu đạo vị 修道位 e: stage of the path of cultivation/ position
of cultivating the Way

tư huệ 思慧 e: wisdom attained through contemplation/
wisdom of consideration

Tứ nhiếp pháp 四攝法 e: four methods of winning people
over/ four dharmas of attraction

tự tại thân 自在身 e: physical self-mastery

U

Ưu-ba-ni-sa-đà 優波尼沙陀 s: Upaniṣad

V

vạn pháp duy thức 萬法惟識 e: myriad phenomena
arise only from consciousness

văn tự Bát-nhã 般若聞字 e: literary prajñā

- vị trần 味塵 e: sense-object of flavor
- Vi Hại quỷ 違害鬼 e: Unreasonably Cruel
- Vị tăng hữu 未曾有 e: Previously non-existent dharma;
- vị 味 e: tastes
- vi trần 微塵 e: mote of dust
- viên minh 圓明 e: perfect and bright
- viên thông 圓通 e: fused perfectly/ perfect penetration
- vô bản 無貪 e: never poor
- vô cấu thức 無垢識 e: consciousness devoid of filth
- vô công dụng đạo 無功用道 e: effortless way
- vô dư niết-bàn 無餘依涅槃 e: nirvana without residue
- vô gián địa ngục 無間地獄 e: Relentless Hells
- vô học 無學 e: no study, having nothing left to study
- vô lậu 無漏 e: no outflows
- Vô Lượng Thanh 無量聲 e: Limitless Sound
- Vô năng thắng 無能勝 e: invincible
- vô ngại 無礙 e: unobstructed
- vô sanh nhẫn 無生忍 e: patience with the non-existence of beings and phenomena/ patience with non-production
- vô sinh pháp nhẫn: 無生法忍 e: patience with the non-production of phenomena
- vô thượng giác đạo 無上覺道 e: unsurpassed enlightened
- vô tranh tam-muội 無爭三昧 e: non-contention samādhi
- võng lượng 魍魎 c: wang liang

vọng năng 妄能 e: false ability
 vọng trần 妄塵 e: dust of false thought
 văn huân 聞薰 e: permeated with hearing
 văn huệ 聞慧 e: Wisdom [attained by] hearing/ wisdom of hearing
 vô gián địa ngục 無間地獄 e: Unintermittent Hell
 vi tế vô minh 微細無明 e: subtle ignorance
 vô tác diệu lực 無作妙力 e: miraculous strength of effortlessness
 Vô thượng chánh đẳng chánh giác 無上正等正覺 e: unsurpassed proper and equal right enlightenment
 vô trụ xứ niết-bàn 無住處涅槃 e: no outflows nirvana without residue; s: apratiṣṭhita-nirvāṇa
 vô vi 無為 s: asaṃskṛta; e: unconditioned
 vô úy công đức 無畏功德 e: virtue in bestowing fearlessness
 vô tác diệu đức 無作妙德 e: effortless, wonderfttl virtue

X

xa cừ 磳磳 e: mother-of-pearl
 xí thịnh 熾盛 e: dazzling
 xích châu 赤珠 e: red pearls/ ruby
 xuất huyền nhập tẫn 出玄入牝 e: go out esoterically
 xúc 觸 e: objects of touch.
 xúc trần 觸塵 e: defiling object of touch

Y

y báo 依報 e: dependent retribution

ý thức 意識 e: mind-consciousness

yết-la-lam 羯羅藍 s: kalala

Dịch Việt:

Thích Nhuận Châu



Tịnh thất TỪ NGHIÊM

Pl. 2551

Đình Hợi-2007.

MỤC LỤC

KHAI KINH KỆ	5
TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN.....	7
NHĨ CĂN - <i>Quán Thế Âm Bồ-tát</i>	11
<i>Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi</i>	
TUYỂN CHỌN CĂN VIÊN THÔNG.....	105
TỨ CHUNG THANH TỊNH MINH HỒI.....	199
1. <i>Phải Đoạn Trừ Tâm Dâm</i>	199
2. <i>Phải Đoạn Trừ Tâm Sát Hại</i>	213
3. <i>Dứt Trừ Tâm Trộm Cấp</i>	232
4. <i>Dứt Trừ Vọng Ngã</i>	260
THUẬT NGỮ ĐỐI CHIẾU	289